

Nguyễn Văn Lý

BA CHỊ EM HỌ TÔNG



VNTHUQUAN.NET, 2009.

Thay Lời Tựa

Trong lịch sử cận đại, không có một gia đình nào có thể khuynh đảo lịch sử quốc gia và đời sống của hàng trăm triệu người như gia đình họ Tống của Trung Hoa. Trên một nửa thế kỷ, những người của gia đình này đã dùng mọi thủ đoạn để độc chiếm quyền lực chính trị và tài chánh của Trung Hoa, và đã thu thập được những tài sản khổng lồ, lớn nhất thời đại.

Dòng họ Tống gồm những ai?

Họ là con cháu của một gã thiếu niên đi hoang. Gã thiếu niên đó gặp cơ duyên may mắn qua được Hoa Kỳ, sống dưới sự che chở của giáo hội Methodist vào khoảng cuối thế kỷ 19. Gã thiếu niên may mắn đó vốn người họ Hàn tại đảo Hải Nam, nhưng khi sang Hoa Kỳ, hắn đổi tên là Tống Charlie. Khi trưởng thành và trở về Trung Hoa, Tống Charlie lấy tên là Tống Giáo Nhân, và tạo được một sản nghiệp đồ sộ bằng nghề in và bán sách Thánh Kinh. Tống Giáo Nhân cũng bí mật tham gia phong trào cách mạng của Tôn Dật Tiên, chống lại triều đình Mãn Thanh.

Nếu Tống Giáo Nhân không có ba cô con gái thì cuối cùng gia đình nhà họ Tống sẽ không giàu sang quyền thế đến thế, và cũng sẽ chỉ là một gia đình trọc phú tầm thường trong cái đám đông đảo những người Trung Hoa giàu có. Nhưng Tống Giáo Nhân sinh được ba cô con gái rất quý tướng. Đúng ra Tống Giáo Nhân có sáu người con, ba trai và ba gái. Nhưng chính ba cô con gái này đã trở thành những nhân vật xuất chúng trên chính trường Trung Hoa, vì kết hôn với những lãnh tụ lớn của Trung Hoa. Ba chị em nhà họ Tống đã tạo

được một sự nghiệp chính trị hiển hách và những sản nghiệp vĩ đại cho nhà họ Tống.

Trong số ba người con gái của Tống Giáo Nhân, chỉ có bà Tống Khánh Linh tạo được một địa vị cao quý trong lịch sử và tâm hồn người Trung Hoa. Bà được cả hai phe cộng sản và Quốc dân đảng kính trọng. Tống Khánh Linh kết hôn với Tôn Dật Tiên, nhà đại cách mạng Trung hoa của đầu thế kỷ 20. Trong lịch sử Trung hoa có hai cuộc cách mạng quan trọng nhất, đã thay đổi hoàn toàn cơ cấu của xã hội và nhà nước. Cuộc cách mạng thứ nhất là của Tần Thủy Hoàng năm 221 trước tây lịch, đã chấm dứt kỷ nguyên phong kiến, và thiết lập chế độ quân chủ tập quyền chuyên chế. Cuộc cách mạng thứ hai là của Tôn Dật Tiên năm 1911, còn được gọi là cuộc Cách Mạng Tân Hợi. Cuộc Cách Mạng Tân Hợi đã lật đổ sự thống trị của vua chúa, và dẫn tới việc thành lập chế độ dân chủ.

Khi Tôn Dật Tiên chết năm 1925, bà Tống Khánh Linh trở thành biểu tượng sống của cuộc Cách Mạng Tân Hợi. Bà quyết định ở lại với những người cộng sản chiến thắng năm 1949, từ chối không rời bỏ nước Trung Hoa yêu quý của bà. Bà không bao giờ theo chủ nghĩa cộng sản, nhưng bà được những người cộng sản, từ Mao Trạch Đông trở xuống, hết sức kính trọng và biệt đãi. Chu Ân Lai đã từng gọi bà là "một người cao quý nhất của quốc gia". Không những chỉ riêng người Trung Hoa kính trọng bà Tống Khánh Linh, mà cả người ngoại quốc cũng ngưỡng mộ bà. Nhiều chánh khách quốc tế đã tỏ lòng quý trọng bà. Đại học Victoria của Gia Nã Đại đã trao tặng bà văn bằng Tiến sĩ Luật Khoa danh dự ngày 8-5-1981.

Tất cả những người con khác của Tống Giáo Nhân đều đi theo Tưởng Giới Thạch, vì có lợi cho họ. Cô con gái út nhà họ Tống là

Tổng Mỹ Linh kết hôn với Tưởng Giới Thạch, và là một vị đệ nhất phu nhân đầy quyền thế. Cô con gái lớn của nhà họ Tổng là Tổng Ái Linh thì kết hôn với Khổng Tường Hy, nhà tài phiệt số một của Trung Hoa, cháu 75 đời của Khổng Tử. Tổng Ái Linh đã trở thành người đàn bà nhiều tiền nhất Trung Hoa.

Ba người con trai của Tổng Giáo Nhân là Tổng Tử Văn, Tổng Tử Lương và Tổng Tử An. Tổng Tử Văn trở thành cánh tay đắc lực cho Tưởng Giới Thạch, nhờ công ơn của hai bà chị và cô em gái là vợ của Tưởng Giới Thạch. Tổng Tử Văn đã giữ những chức vụ quan trọng trong chính phủ Quốc dân đảng, như bộ trưởng tài chính, bộ trưởng ngoại giao và thủ tướng. Trong chính thể Quốc dân đảng thoái nát tham nhũng thì quyền để ra tiền, vì thế các người con trai nhà họ Tổng cũng tạo được những sản nghiệp khổng lồ. Trừ bà Tổng Khánh Linh, mỗi người trong gia đình nhà họ Tổng có tài sản lên tới cả tỷ mỹ kim, trong khi đó hàng triệu người Trung Hoa chết đói hàng năm. Một điều ngạc nhiên là ba chị em nhà họ Tổng có những sự nghiệp khác hẳn nhau. Mặc dầu tình chị em giữa ba người bao giờ cũng thân thiết, nhưng con đường đi của họ hoàn toàn xa cách nhau. Người ta có thể nói ba chị em nhà họ Tổng tiêu biểu cho ba khuynh hướng chính trị tại Trung Hoa trong đầu thế kỷ 20, với Tổng Ái Linh đứng về phía cực hữu, Tổng Khánh Linh phía cực tả trong khi Tổng Mỹ Linh thì đứng giữa.

Ba chị em nhà họ Tổng đã là đề tài sôi nổi nhất cho các nhà tướng số Trung Hoa, mặc dầu cả ba chị em nhà họ Tổng đều không tin bói toán, và chưa bao giờ đi xem bói toán, vì họ là những tín đồ Thiên Chúa Giáo. Các nhà tướng số Trung Hoa đã căn cứ vào các tám hình của ba chị em nhà họ Tổng trên báo chí để đưa ra những nhận

xét về tương lai và sự nghiệp của ba bà. Một điều các nhà tướng số đều đồng ý là cả ba chị em nhà họ Tống đều có tướng "vượng phu", có nghĩa là có tướng giúp chồng thành công. Các ông chồng của ba chị em nhà họ Tống đều "làm nên" là nhờ tướng tốt của vợ.

Đối với các nhà tướng số Trung Hoa thì hơi khó đoán cho Tống Ái Linh, vì Tống Ái Linh không thích chụp hình, và hình của bà cũng ít xuất hiện trên báo chí. Theo các nhà tướng số thì Tống Ái Linh có khuôn mặt "hạt dưa", có nghĩa là mặt trái soan. Người Trung hoa rất ưa thích đàn bà con gái có khuôn mặt trái soan. Một người đàn bà được coi là có tướng tốt nếu người ta không nhìn thấy hàm từ phía sau. Khuôn mặt trái soan của Tống Ái Linh không những được coi là đẹp, mà còn chứng tỏ bà là một người rất khôn ngoan kín đáo, và tính tình rất thực tế nữa. Quả thực các nhà tướng số đoán đúng con người của Tống Ái Linh, một người luôn luôn đứng sau hậu trường để chỉ huy, không xuất đầu lộ diện trước công chúng, nhưng tiền bạc lúc nào cũng đổ vào các trương mục ngân hàng của bà. Không những kín đáo mà Tống Ái Linh còn có một tâm địa độc ác, không ngần ngại dùng những biện pháp mạnh nếu gặp trở ngại, nhưng bao giờ cũng ở trong bóng tối.

Tống Khánh Linh có khuôn mặt tròn và hơi nhỏ, với những nét đẹp cực kỳ thanh tú. Bà có một vẻ mặt cao quý và trang nghiêm của một người thiên về lý tưởng. Khuôn mặt Tống Khánh Linh là khuôn mặt của một công chúa. Ngay khi đã lớn tuổi, Tống Khánh Linh vẫn giữ được vẻ đẹp quý phái và nhân hậu này. Bà là người được rất nhiều chính khách ái mộ, cả về nhan sắc và nhân cách. Bề ngoài bà có vẻ yếu đuối, nhưng tinh thần bà rất mạnh mẽ, lúc nào cũng sáng chói không lay chuyển hoặc nhượng bộ, ngay cả trong những nghịch

cảnh.

Tổng Mỹ Linh thường được coi là người đẹp nhất trong ba chị em, nhưng Tổng Mỹ Linh chụp hình không ăn ảnh lắm. Gò má Tổng Mỹ Linh hơi cao, và đó là tướng của một người có uy quyền. Các nhà tướng số thường chỉ vào lưỡng quyền cao của Tổng Mỹ Linh và đoán bà sẽ có được quyền lực chính trị. Trong cái địa vị của một đệ nhất phu nhân trong một nước Trung Hoa hãy còn phong kiến thì Tổng Mỹ Linh có cái uy quyền của một Dương Quý Phi đang được sự sủng ái của Tưởng Giới Thạch, một thứ Đường Minh Hoàng hiện đại. Khi kết hôn với Tổng Mỹ Linh, Tưởng Giới Thạch thừa hưởng cái sự nghiệp chính trị hiển hách cũng như uy tín của Tôn Dật Tiên, vì Tôn Dật Tiên cũng là rể nhà họ Tống như Tưởng Giới Thạch. Chính vì thế Tưởng Giới Thạch cũng cảm thấy chịu ơn Tổng Mỹ Linh một phần nào. Thực ra khi Tôn Dật Tiên chết, Tưởng Giới Thạch ước ao được kết hôn với bà Tống Khánh Linh, góa phụ của Tôn Dật Tiên, bởi vì nếu lấy được bà Tống Khánh Linh thì Tưởng Giới Thạch sẽ có uy thế chính trị lớn lao gấp bội. Nhưng bà Tống Khánh Linh vốn khinh tởm Tưởng Giới Thạch, và bà cũng quyết tâm thủ tiết với chồng, mặc dù bà có nhiều chính khách tên tuổi theo đuổi, nên họ Tưởng đành lấy cô em vậy. Gia đình nhà họ Tống ảnh hưởng tới chánh sách của tổng thống Mỹ Roosevelt về Á Châu trong một thời gian khá lâu dài. Những người nhà họ Tống rất giỏi khoa giao tế, và biết cách mua chuộc các chính khách Hoa Kỳ. Ngoài ra sự thành công của họ còn nhờ một phần lớn vào sự ủng hộ của Henry Luce, một nhà truyền giáo Mỹ rất có thế lực tại Trung Hoa. Các tạp chí Time và Life của Henry Luce đã tạo huyền thoại quanh gia đình nhà họ Tống, mô tả họ là những người yêu chuộng dân chủ, và là những anh hùng dân tộc của Trung Hoa.

Chúng ta hãy theo dõi cuộc đời của ba chị em nhà họ Tống, để xem họ đã đem lại vinh quang cho dòng họ nhà chồng và dòng họ Tống như thế nào, và ảnh hưởng của họ đối với chính trường Trung Hoa đầu thế kỷ 20 ra sao.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 1

Vận May Của Một Chú Bé Triều Châu

Tống Charlie vốn họ Hàn và sinh tại đảo Hải Nam thuộc mồm cực nam của Trung Hoa. Tổ tiên nhà họ Hàn lánh nạn Mãn Thanh và di cư từ vùng Sơn Tây tới đảo Hải Nam từ lâu đời rồi. Lúc đầu họ bị dân bản xứ gọi là Hakka, có nghĩa là "Khách Trú", nhưng dần dần họ kết hợp với người địa phương tại đảo qua những cuộc hôn nhân giữa hai nhóm dân, và cuối cùng trở thành người Triều Châu. Thân phụ Tống Charlie là Hàn Hùng Kỳ, một thương gia khá giả, sống bằng nghề thương thuyền, buôn lậu và buôn thuốc phiện. Người Triều Châu có khuynh hướng liên kết với nhau chặt chẽ trong lối sống và công việc kinh doanh. Họ tổ chức thành những bang hội. Hàn Hùng Kỳ cũng là một bang trưởng Triều Châu.

Hàng năm cứ về mùa hè, những người Triều Châu tại Hải Nam chất đầy hàng hóa lên những thương thuyền của họ, và chở tới bán tại các vùng duyên hải miền bắc Trung Hoa. Khi mùa đông đến, để tránh cái lạnh của miền bắc, họ chở hàng hóa xuôi về miền nam, đem đến bán tại Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai và Nam Dương. Thương thuyền của họ rất lớn, hai đầu cong lên, hai bên mạn thuyền vẽ hai con mắt, giống như mắt gà. Những tay lái buôn này bình thường làm ăn lương thiện, nhưng gặp lúc thuận lợi, bắt gặp một thương thuyền nhỏ bé yếu thế hơn, họ trở thành những tay hải tặc, tấn công thuyền lạ, cướp của, giết người, quăng xác nạn nhân xuống biển, và đánh đắm thuyền của nạn nhân cho mất tang tích. Đôi khi trên đường viễn thương, nếu gặp một làng mạc duyên hải nào trù phú mà không có sự phòng thủ, họ cũng xông vào, tấn công đoạt của và giết người. Theo tục lệ của người Triều Châu, các con của bang trưởng phải đi tập sự làm việc buôn bán tại các chi nhánh khắp nơi. Khi Tống Charlie lên 9 tuổi thì được ông bố gửi đi theo người anh lớn đang tập

sự hành nghề tại đảo Java của Nam Dương. Năm 12 tuổi, Tống Charlie gặp được một người bà con xa vào hàng cha chú. Người chú hờ này đi Nam Dương mua hàng về bán tại Hoa Kỳ. Người chú hờ gặp Tống Charlie liền có ý định dụ hắn đi theo sang lập nghiệp tại Hoa Kỳ. Thực tâm người chú hờ chỉ có ý lợi dụng, đem Tống Charlie sang làm việc không công cho mình. Nhưng đó cũng là vận may hãn hữu cho Tống Charlie, và hắn lập tức đi theo người chú hờ.

Năm 1862, chính phủ liên bang Hoa Kỳ quyết định phát triển hệ thống xe lửa xuyên lục địa, nối hệ thống xe lửa từ bờ biển phía đông sang bờ biển phía tây Hoa Kỳ, từ Philadelphia trên bờ Đại Tây Dương sang San Francisco trên bờ Thái Bình Dương. Đây là một đại công trình dài tới 4500 cây số đường sắt, chạy xuyên qua những cánh đồng mênh mông của miền đông và những vùng hoang vu sa mạc, những đỉnh cao của rừng núi Sierra Nevada của miền tây. Hai công ty được giao phó xây dựng công trình này là Union Pacific bắt đầu từ miền đông, và Central Pacific bắt đầu từ miền tây. Hai công ty dự định đường xe lửa từ hai đầu sẽ gặp nhau tại trung tâm Hoa Kỳ. Công ty Union Pacific gặp thuận lợi hơn, vì miền đông là đồng bằng nên không gặp trở ngại, và cũng dễ tuyển nhân công vì dân cư vùng này đông đúc và có nhiều di dân từ Âu Châu sang. Trái lại công ty Central Pacific gặp rất nhiều khó khăn, phải xây đường xe lửa vượt qua các rừng núi tuyết và sa mạc thuộc tiểu bang Nevada. Hơn nữa công nhân tại miền tây rất khan hiếm; công ty chỉ tìm được một số người da đen mới được giải phóng, và một số người Mê Tây Cơ di cư bất hợp pháp. Những người này lại lười biếng và hay bỏ bê công việc. Công nhân người Mỹ da trắng thì ít ai chịu làm một công việc vừa nguy hiểm gian khổ vừa ít lương như thế. Cuối cùng công ty tuyển thử một số người Trung Hoa, và kết quả là người Trung Hoa làm việc rất chăm chỉ, hiệu quả gấp đôi những toán nhân công khác. Hơn nữa, công nhân Trung Hoa bằng lòng một số lương rẻ bằng phân nửa của công nhân Mỹ.

Thế là hàng chục ngàn người Trung Hoa tham gia xây cất đại công trình này, và người Trung Hoa chiếm tới 80% công nhân của công ty Central Pacific. Đến năm 1865, các công nhân Trung Hoa bắt đầu đụng phải những khối đá hoa cương đầu tiên trong rừng núi Sierra Nevada. Họ phải chịu đựng những trận bão tuyết, làm việc trong cái lạnh dưới không độ, phải làm việc tại những nơi nguy hiểm, leo trèo trên những vách đá thẳng đứng. Tuy thế, công việc vẫn tiến triển đều đặn. Gần hai năm sau, đường xe lửa vượt qua được sang bên kia rừng núi Sierra Nevada. Trên một ngàn công nhân Trung Hoa đã thiệt

mạng trong các tai nạn, như đá lở, cốt mìn nổ trúng, bị tuyết vùi hoặc chết cồng. Nhưng người này chết thì lại được bổ xung bằng người khác. Số công nhân Trung Hoa du nhập vào Hoa Kỳ lên đến trên một trăm ngàn người.

Ngày 10-5-1869, hai toán công nhân miền đông và miền tây đã gặp nhau tại một địa điểm trong tiểu bang Utah. Thế là đại công trình đã hoàn tất, và công nhân Trung Hoa đã góp một phần lớn vào sự hoàn thành đường xe lửa này. Hai công nhân Trung Hoa đại diện cho miền tây, và hai công nhân Ái Nhĩ Lan đại diện cho miền đông, khiêng khúc đường rầy cuối cùng đặt xuống, trước tiếng reo hò của đông đảo quan khách trong ngày lễ khánh thành. Toàn thể nước Mỹ hân hoan chào mừng ngày vui lớn đó. Trong khi người Mỹ ăn mừng thành quả lớn lao ấy thì các công nhân xây cất đường xe lửa bị sa thải, vì hết công việc.

Với sự cần cù làm việc và tinh thần tiết kiệm, sau một thời gian làm công nhân xây cất đường xe lửa, nhiều người Trung Hoa đã có đủ tiền để mở những tiệm buôn nhỏ. Người chú hờ của Tống Charlie cũng ở trong trường hợp này. Ông ta mở được một tiệm bán trà và đồ khô của người Trung Hoa tại thành phố Boston. Khi Tống Charlie tới Boston, hẳn phải làm việc trong cửa tiệm của ông chú suốt ngày, và cả bảy ngày trong tuần. Lúc đó tại thành phố Boston cũng có một số sinh viên người Trung Hoa sang du học do các nhà truyền giáo gửi tới. Các sinh viên Trung Hoa du học thường lui tới tiệm của Tống Charlie để mua đồ. Trong số những sinh viên đến tiệm có Văn Bình Chung và Mai Sơn Châu. Hai người trở nên thân thiết với Tống Charlie.

Hai sinh viên này thấy rằng nếu Tống Charlie cứ tiếp tục làm việc tại tiệm trà như thế thì sẽ không có tương lai gì. Họ nghĩ Tống Charlie cần phải đi học thêm để có một tương lai sáng sủa hơn. Cả hai người tới gặp người chú của Tống Charlie, và yêu cầu ông ta cho phép Tống Charlie đi học, ít nhất là bán thời gian. Ông chú hờ tỏ ra rất tức giận trước đề nghị này, vì thực tâm ông ta chỉ muốn lợi dụng sự làm việc của Tống Charlie mà không phải trả lương. Ông ta từ chối đề nghị của Văn Bình Chung và Mai Sơn Châu. Ông quyết liệt nói với Tống Charlie rằng muốn khám phá thì nên đi theo con đường làm ăn của ông ta, cần gì phải đi học cho tốn kém. Hãy theo gương của ông ta Ông ta có cần học hành gì đâu mà cũng làm chủ được một cửa tiệm rất phát đạt.

Tống Charlie dĩ nhiên rất bất mãn không được đi học như ý muốn, nên đã rắp tâm muốn thoát ly khỏi cửa tiệm của ông chú hờ. Một

hôm hán ra bến tàu, thơ thần đứng chơi. Chợt hán trông thấy một chiếc tàu buôn sắp sửa nhổ neo rời bến. Không kịp suy nghĩ, Tống Charlie chạy vội xuống chiếc tàu đang sửa soạn ra khơi và tìm một chỗ thật kín đáo để nấp. Mỗi khi con tàu ra khơi rồi người trên tàu mới bắt được Tống Charlie Viên thuyền trưởng chiếc tàu này vốn là một người rất mộ đạo, thuộc giáo hội Methodist. Tống Charlie kể nông nổi phải trốn khỏi cửa tiệm của ông chú hờ để tìm cách được đi học. Viên thuyền trưởng thương tình cảnh của một đứa trẻ 15 tuổi, và định tâm giúp đỡ Tống Charlie.

Viên thuyền trưởng tìm cách đưa Tống Charlie vào dòng truyền giáo Methodist tại North Carolina Tống Charlie liền được hội truyền giáo chú ý ngay vì Tống Charlie là người Trung Hoa. Các nhà truyền giáo Methodist vẫn thèm khát cái "thị trường tôn giáo" đông đảo của Trung Hoa, nơi họ ước ao sẽ gặt hái được hàng triệu linh hồn đi theo họ. Họ quyết định cho Tống Charlie theo học trường truyền giáo để được huấn luyện thành một nhà truyền giáo, và sau đó sẽ được đưa về hoạt động tại Trung Hoa.

Tống Charlie cũng tỏ ra có nhiều tiến bộ trong việc học, mặc dù hán không có căn bản giáo dục. Tuy vậy Tống Charlie thường chú ý đến con gái nhiều hơn là việc đọc sách Thánh Kinh. Có lần Tống Charlie đã bị tống cổ ra khỏi nhà một giáo sĩ truyền giáo mà hán đang ở trọ, vì hán lân la tán tỉnh cô con gái cưng của chủ nhà. Đến năm 1885, Tống Charlie tốt nghiệp trường truyền giáo, và được hội truyền giáo quyết định gửi về phục vụ giáo hội Methodist tại Thượng Hải. Tháng 12 năm đó, Tống Charlie lên đường hồi hương bằng xe lửa xuyên qua Hoa Kỳ để tới California. Tống Charlie đi trên con đường xe lửa do chính đồng bào của hán đã đóng góp nhiều công lao để thiết lập nên.

Trên chuyến xe lửa xuyên Hoa Kỳ đi về miền tây, Tống Charlie không hề hay biết rằng với vẻ mặt người Trung Hoa, hán có thể gặp nguy hiểm bất cứ lúc nào, một sự nguy hiểm có thể đưa tới cái chết mất xác. Lúc đó người Trung Hoa sống tại Hoa Kỳ đang trải qua một thời kỳ bị khủng bố khủng khiếp. Trên những cánh đồng đầy hoa trái và những rừng núi màu tím hồng vĩ của miền tây Hoa Kỳ, người Trung Hoa đang bị người Mỹ trắng săn đuổi và lột da đầu. Vào những năm của thập niên 1880, miền tây Hoa Kỳ trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng, việc làm rất khan hiếm khiến, và con số người thất nghiệp gia tăng rất nhanh chóng. Giới chủ nhân người Mỹ gạt dìm người khôn của khó, người thất nghiệp thì nhiều, và nhu cầu thì lại ít, lợi dụng thời cơ của chủ nhân ông, xa thải người da trắng và mướn

người Trung Hoa thay thế. Người Trung Hoa làm việc chăm chỉ hơn người Mỹ trắng, chấp nhận đồng lương bằng nửa người Mỹ trắng, và không dám đưa ra các yêu sách đòi hỏi chủ nhân như những công nhân da trắng có nghiệp đoàn.

Để trả đũa lại, các công nhân da trắng thất nghiệp khuấy động phong trào diệt trừ "mối hiểm họa da vàng" trên báo chí, và được sự ủng hộ của các chính trị gia thời cơ muốn lấy phiếu của cử tri. Các khu vực của người Trung Hoa bị tấn công và đốt cháy. Những người da trắng quá khích tổ chức những buổi party "cắt đuôi heo", đề người Trung Hoa xuống rồi cắt mớ tóc đuôi sam của họ. Không những người Mỹ da trắng chỉ cắt cái đuôi sam của các nạn nhân người Trung Hoa mà thôi, họ còn tàn nhẫn lột luôn cả da đầu nạn nhân nữa.

Tại một vài nơi thuộc tiểu bang Montana, một số người Trung Hoa bị chặt đầu. Một đám đông tại Rock Spring, tiểu bang Wyoming, chặt đầu 28 người Trung Hoa trong thành phố và đốt sống những người khác trong lúc các mệnh phụ da trắng đứng vỗ tay và cười một cách hả hê. Một cảnh thù hận độc nhất vô nhị đã xảy ra khi một đám người da trắng đề một người Trung Hoa xuống, lột quần áo và cắt đứt bộ phận sinh dục của nạn nhân. Những người da trắng say men chiến thắng đem cái bộ phận sinh dục ấy vào một tiệm rượu, nướng lên và chia nhau nhậu với rượu, ngon lành như ăn barbecue vậy.

Hàng ngàn người Trung Hoa tìm cách bỏ chạy về Trung Hoa để tránh cái "hiểm họa da trắng". Những người Trung Hoa có học hoặc giàu có đã rời Hoa Kỳ trở về nước. Nhưng những người Trung Hoa nghèo thì phải cố mà ở lại, vì họ biết rằng trở về Trung Hoa thì cũng lại lâm vào cảnh đói khổ. Con số người Trung Hoa tại Hoa Kỳ từ 110 ngàn người chỉ còn lại khoảng 60 ngàn. Những người Trung Hoa liêu ở lại phải đoàn kết với nhau thành từng cộng đồng sống tách biệt hẳn, tránh không hòa nhập vào xã hội Mỹ để sinh tồn. Đúng lúc cuộc tắm máu của người Trung Hoa lên cao độ nhất thì Tổng Charlie đang trên đường trở về Trung Hoa.

Tinh thần chống người Trung Hoa lên cao độ đến nỗi Quốc hội Mỹ phải ra một đạo luật giới hạn số người Trung Hoa được di cư sang Hoa Kỳ. Đây là lần đầu tiên chính phủ Mỹ ra một đạo luật như vậy. Thực ra trước kia chính quyền nhà Mãn Thanh ngăn cấm không cho người Trung Hoa xuất ngoại. Nhưng các cường quốc Âu Mỹ cần công nhân rẻ tiền, dùng áp lực buộc nhà Mãn Thanh phải cho người Trung Hoa xuất ngoại. Nước cổ võ và đòi hỏi cho người Trung Hoa xuất ngoại ồn ào nhất là Hoa Kỳ, vì nhu cầu công nhân xây cất đường xe lửa. Nhưng khi đường xe lửa hoàn thành rồi thì đám nhân

công Trung Hoa kia bỗng trở nên một gánh nặng, chứ không còn cần thiết và ích lợi như trước nữa. Do đó Quốc hội Mỹ sửa lại điều luật cũ, chỉ cho phép các giáo chức, sinh viên, thương gia và du khách Trung Hoa được nhập cảnh Hoa Kỳ. Những người Trung Hoa đã có mặt tại Mỹ bị cấm vào quốc tịch Mỹ. Năm 1881 có 40 ngàn người Trung Hoa đến Hoa Kỳ, nhưng đến năm 1887 chỉ có 10 người.

Phản ứng tại Trung Hoa về việc tàn sát người Trung Hoa tại Hoa Kỳ rất là ác liệt. Từng đám đông xông vào tàn phá các cơ sở truyền giáo của Mỹ và Âu châu. Tại nhiều nơi, việc đi lại của người Âu Mỹ rất nguy hiểm. Các báo chí Âu Mỹ không hề nhắc nhở tới sự khùng bố dã man mà người Trung Hoa phải chịu đựng tại Hoa Kỳ, trong khi đó thối phồng và tỏ thái độ phẫn nộ trước những trả đũa của người Trung Hoa. Sự bóp méo sự thực của báo chí tây phương là cơ giúp các cường quốc tây phương áp lực một triều đình Mãn Thanh yếu đuối phải nhượng bộ. Triều đình nhà Mãn Thanh phải phái quân đội đi dẹp những vụ chống đối người tây phương tại Trung Hoa. Triều đình ra tuyên cáo, yêu cầu người Trung Hoa phải "sống hòa bình với các nhà truyền giáo Thiên chúa giáo". Trong khi đó chính phủ Hoa Kỳ không có những nỗ lực tương tự để chấm dứt phong trào triệt hạ người Trung Hoa tại Hoa Kỳ.

Trong cơn nguy hiểm cho người Trung Hoa tại Hoa Kỳ như thế, Tống Charlie may mắn tới được San Francisco một cách an toàn. Tống Charlie dùng đường thủy, đi tàu Pacific Mail Lines về Thượng Hải qua ngã Yokohama. Sau mười năm xa cách quê hương, Tống Charlie về đến Thượng Hải vào tháng giêng năm 1886. Con tàu chở Tống Charlie đi vào sông Hoàng Phố, và cập bến tại Hồng Khẩu.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 2

Nhà Truyền Giáo Họ Tống

Khi Tống Charlie về đến Thượng Hải thì cái thành phố này đang bắt đầu trở thành một thành phố kỹ nghệ và thương mại lớn nhất Trung Hoa. Trên danh nghĩa thì lúc đó nước Trung Hoa đang được vua Quang Tự cai trị, nhưng thực ra thì ông vua trẻ có tinh thần cải cách của nhà Mãn Thanh này đang bị giam giữ trên một hòn đảo nhỏ bên trong Cung Điện Mùa Hạ. Người thực sự nắm giữ vận mạng của mấy trăm triệu người Trung Hoa là Từ Hy, một bà thái hậu đã già và đã nắm quyền từ nhiều năm trước.

Từ Hy là một người đàn bà thông minh, nhưng không hiểu biết gì bên ngoài nước Trung Hoa, và do đó đã trở nên lạc hậu trong cái thế kỷ có nhiều tiến bộ tại Tây phương. Từ Hy đã phải nhượng nhiều đất đai cho các cường quốc tây phương, nhưng bà tin rằng một ngày nào đó các nhượng địa sẽ trở về với Trung Hoa. Từ Hy được trời cho hưởng tuổi thọ, nhưng bà càng sống lâu càng thấy vương quốc của bà ngày một thu hẹp lại. Nhiều tỉnh trù phú miền duyên hải phải nhượng cho các nước tây phương. Miền Điện bị Anh quốc chiếm; Bồ Đào Nha chiếm Ma Cao; Nga Sô thì chiếm một dải đất mênh mông ở miền bắc, còn Việt Nam rơi vào vòng bảo hộ của Pháp. Từ Hy đã tiếm quyền của vua Quang Tự, nhưng vương quyền ấy đã ung thối vô giá trị từ bên trong, và có thể tan vỡ bất cứ lúc nào. Triều đình nhà Thanh vẫn còn huy hoàng và không thay đổi bên trong Cẩm Thành, trong khi thế giới bên ngoài tiến bộ không ngừng. Nhà Thanh còn giữ được sự huy hoàng là nhờ vào tiền thuế hải quan, mô phỏng theo hệ thống thuế hải quan của người Anh.

Thượng Hải thì hoàn toàn nằm trong tay ngoại bang, như những tô giới của người Anh người Pháp. Dần dần cùng với nền khoa học mới, tinh thần văn hóa tây phương xâm nhập vào Thượng Hải và lan ra các vùng kế cận. Các tu sĩ công giáo người Pháp và tu sĩ Thiên chúa giáo của người Anh và Mỹ đã đem theo những tiến bộ y học và tôn giáo của họ đến Thượng Hải. Những phái bộ truyền giáo bành trướng khắp nơi, trên cái đất nước đã cho phép ba tôn giáo khác nhau đồng lưu là Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo. Trong cái không khí phát triển tôn giáo rất nhộn nhịp của cuối thế kỷ 19, giáo hội nào cũng cần có những người như Tống Charlie.

So sánh với khu vực nội địa thì Thượng Hải quả là một thành phố sang trọng. Ngay từ 1843, Thượng Hải đã là một hải cảng dành cho các nước tây phương được quyền khai thác. Sau Hiệp ước Nam Kinh, người Anh phát triển thành phố, biến Thượng Hải thành một thành phố tây phương, và cho phép người Trung Hoa được làm những công việc đầy tớ hoặc mở những cửa tiệm nhỏ. Rồi mỗi khi có nội chiến, Thượng Hải trở thành một trung tâm cho những di dân trốn tránh chiến tranh trong nội địa, và đến sống dưới sự che chở của người ngoại quốc tại đây. Vào lúc Tổng Charlie về đến Thượng Hải năm 1886 thì Thượng Hải đã trở thành một thành phố quốc tế, một nơi tiền rừng bạc bể cho những người biết mách khéo làm giàu, như giới mại bản.

Khi về đến Thượng Hải, Tổng Charlie được Dr. Allen, người đứng đầu giáo hội Methodist tại Thượng Hải, phái tới dạy học tại một trường trung học Methodist. Một trong những học sinh đầu tiên của Tổng Charlie là Hồ Thích, sau này là đại sứ Trung hoa và là một nhà văn hóa danh tiếng. Hồ Thích không bao giờ quên buổi dạy học đầu tiên của Tổng Charlie. Khi Tổng Charlie bước lên bục giảng của giáo sư, tất cả học sinh đều khúc khích cười với nhau, vì thân hình lùn béo và nét mặt xấu trai của Tổng Charlie. Học sinh Trung hoa quen gặp những ông thầy trang nghiêm, mảnh khảnh và dáng điệu phong nhã. Hồ Thích tưởng Tổng Charlie sẽ bỏ lớp vì xấu hổ khi bị học sinh cười chế nhạo. Nhưng Tổng Charlie bình tĩnh lên tiếng, và tất cả học sinh đều im lặng lắng tai nghe cho tới hết giờ. Tổng Charlie đã chinh phục lớp học đầu tiên bằng khả năng và lòng tự tin của mình. Các học sinh cũng công nhận Tổng Charlie là một nhà giáo xuất sắc, tuy bề ngoài không được hấp dẫn.

Nỗi khổ tâm của Tổng Charlie không phải đến từ phía học sinh, vì Tổng Charlie rất thành công trong nghề dạy học và được học sinh ưa thích. Sự khổ tâm đến từ Dr. Allen. Mỗi tháng Tổng Charlie được trả lương 15 đô la và phải chịu sự khắc nghiệt của Dr. Allen. Dr. Allen không ưa Tổng Charlie vì họ Tổng được giáo dục tại Hoa Kỳ nên không có sự phục tùng hoàn toàn như những giáo sĩ thuần túy Trung Hoa, chưa từng được xuất ngoại. Dr. Allen cũng không thích sự thành công của Tổng Charlie trong việc dạy học.

Đối với cấp lãnh đạo thì đã buồn phiền như thế. Ngay dân chúng ngoài đường phố cũng không ưa Tổng Charlie. Mỗi khi đi ra đường, Tổng Charlie trở thành đề tài chế giễu cho người dân ngoài phố, vì cái bề ngoài không giống ai của Tổng Charlie. Hầu hết thanh niên Trung hoa thời đó đều để tóc dài kết thành đuôi sam, và mặc một

chiếc áo choàng dài bó lấy người. Riêng Tống Charlie thì cắt tóc ngắn và mặc âu phục. Tống Charlie không đẹp trai theo tiêu chuẩn người Trung hoa: người thì lùn lại khá mập, bộ điệu rất tự nhiên vì do lối sống lâu năm tại Hoa Kỳ, nên không biết che dấu xúc cảm như phần đông người Trung hoa khác. Ngoài ra, người Thượng Hải rất khó hiểu được thổ âm Hải Nam của họ Tống. Bởi vậy mỗi khi Tống Charlie đi dạo phố thì người lớn gọi chàng là "thằng lùn", và con nít thì đuổi theo réo gọi "con quỷ lai căng". Do đó những cảm tưởng đầu tiên của Tống Charlie về cuộc đời tại Thượng Hải không hào hứng lắm.

Mấy tháng sau, Tống Charlie được phép về Hải Nam thăm gia đình sau hơn mười năm xa cách. Cuộc đoàn tụ đem lại cho Tống Charlie nhiều niềm vui. Thân phụ của chàng bây giờ đã là người lãnh đạo của người Triều Châu tại Hải Nam, và người anh cả của chàng đã thay thế thân phụ quán xuyến công việc làm ăn của gia đình. Không những thế, Tống Charlie còn được gia đình giới thiệu gửi gắm với những tổ chức làm ăn bí mật của người Triều Châu tại Thượng Hải. Sáu tháng sau, Tống Charlie được cử tới một nhiệm sở mới tại một thị trấn cổ hủ có trên ba trăm ngàn dân, nằm bên ngoài Thượng Hải, trên đường đi Tô Châu. Tại đây nhà truyền giáo trẻ tuổi bất đắc dĩ này bị cả người bản xứ và người ngoại quốc xa lánh. Người bản xứ thì không chấp nhận lối ăn mặc và bề ngoài của Tống Charlie, mà họ cho là quá ngoại lai. Còn người tây phương, phần đông là giáo sĩ truyền giáo, thì không ưa Tống Charlie vì vấn đề cạnh tranh nghề nghiệp. Tống Charlie thuê một căn nhà tranh ở khuất xa mọi người. Đây là giai đoạn Tống Charlie cảm thấy chán nản nghề truyền giáo nhất. Cuối cùng, Tống Charlie phải tự thay đổi cho vừa lòng dân chúng. Chàng bắt đầu mặc áo choàng dài, và chụp lên đầu một cái nón tròn nhỏ để hoà mình với quần chúng.

Cuộc đời vô vị của Tống Charlie cứ thế trôi qua, cho đến một ngày kia vận may của chàng cũng tới. Một hôm Tống Charlie về thăm Thượng Hải. Trong lúc đang lang thang ngoài phố thì tình cờ Tống Charlie gặp Văn Bình Chung, người bạn cũ của những ngày còn ở Boston. Sau khi nghe những lời than thở của Tống Charlie về cảnh sống hiện tại, Văn Bình Chung kết luận Tống Charlie cần phải có vợ, và đó là giải pháp giản dị nhất để giúp Tống Charlie qua được sự buồn phiền. Văn Bình Chung còn tình nguyện làm mai cho Tống Charlie nữa. Thực ra Văn Bình Chung cũng vừa mới lấy vợ, được làm rể Nhiếp gia, một gia đình rất giàu sang, dòng dõi quan tể tướng Văn Định Công đời nhà Minh. Gia đình này đã theo đạo Thiên Chúa

từ lâu đời. Chính Văn Bình Chung cũng đã giới thiệu Mai Sơn Châu vào làm rể nhà họ Nhiếp, lấy cô con gái thứ hai của nhà này. Nhà họ Nhiếp còn một cô gái út chưa chồng, và Văn Bình Chung tính làm mai cho Tống Charlie.

Nhiếp phu nhân sinh được ba con gái. Theo tục lệ cổ truyền, bà bó chân cho con gái để giữ được những bàn chân nhỏ xinh đẹp. Việc bó chân cho hai cô con gái đầu lòng thì không có gì trục trặc. Nhưng đến cô gái út thì có phản ứng bất lợi. Mỗi khi bị bó chân thì cô bé đau đớn đến phát sốt lên. Cuối cùng Nhiếp phu nhân phải bỏ ý định ấy. Nhiếp Quế Sương, tên cô gái út, lớn lên với hai bàn chân to bình thường. Nhiếp Quế Sương được gia đình cho đi học theo lối tây phương và biết chơi đàn dương cầm. Chính ba cái khuyết điểm: hai bàn chân to, học cao và chơi đàn là ba yếu tố bất lợi cho đường chồng con của Nhiếp Quế Sương. Thời đó không ai chịu rước về nhà một nàng dâu có tới những ba điều cấm kỵ như thế.

Nếu Nhiếp Quế Sương khó lấy chồng thì Tống Charlie cũng là một thanh niên khó lấy được một người vợ đáng hoàng, vì dáng người thô xấu, mập và lùn, vì thổ ngữ Hải Nam, và vì lợi tức thấp kém trong một xã hội chỉ trọng kim tiền. Bởi vậy hai người gặp nhau thật là tương xứng. Nhiếp phu nhân cũng nhận biết điều này, và bà mau lẹ chấp nhận lời cầu hôn của Tống Charlie do Văn Bình Chung đại diện. Hôn lễ được cử hành vào mùa hè năm 1887. Sau đám cưới, Tống Charlie đưa vợ về nhiệm sở của mình. Với đồng lương 15 đô la một tháng cho hai miệng ăn thì phải giật gấu vá vai mới đủ. Tuy nhiên Nhiếp Quế Sương cũng đem về cho chồng một món hồi môn đáng kể, và gia đình họ Nhiếp có thể đưa Tống Charlie vào các lãnh vực kiếm tiền dễ dàng tại tô giới Anh ở Thượng Hải.

Thực ra Tống Charlie không thiết tha gì với công cuộc truyền giáo. Chàng có một cá tính đặc biệt, một người ưa thích vi phạm luật lệ hơn là tuân giữ luật lệ. Lúc đó xã hội Trung Hoa rất cần những người biết phá bỏ những luật lệ cổ truyền. Những tập tục cổ truyền trở nên một gánh nặng cần phải được cởi bỏ, và đó là thời của giặc cướp trở thành vua chúa. Tống Charlie đang lăm le từ bỏ giáo hội Methodist để tìm một con đường thích hợp với bản chất của mình hơn.

Năm 1888, Tống Charlie được giới thiệu vào các tổ chức bí mật tại Thượng Hải và bắt đầu giai đoạn hoạt động cách mạng. Tống Charlie gia nhập Hồng Hội, một tổ chức chống lại triều đình Mãn Thanh.

Chính Văn Bình Chung đã đưa Tống Charlie vào Hồng Hội, và sau này chính Tống Charlie là người đã in những tài liệu bí mật của hội. Hồng Hội giúp đỡ hội viên về tinh thần và vật chất, và nhằm mục đích

lật đổ nhà Mãn Thanh. Hồng Hội đã theo đuổi mục tiêu này từ ba thế kỷ trước, kể từ ngày nhà Minh bị nhà Mãn Thanh thay thế.

Tuy nhiên cơ hội giúp Tống Charlie làm giàu chưa đến ngay. Chàng rất thành công trong nghề truyền giáo. Năm 1888, Tống Charlie được lên chức mục sư, năm sau được đổi về Thượng Hải, và năm 1890 thì chính thức được bổ nhiệm trông coi một nhà thờ tại Thượng Hải, không còn phải đi thuyết giảng lưu động như trước kia nữa. Chính lúc này Tống Charlie đã thành lập được một nhà in. Bây giờ chàng không còn cần giáo hội Methodist nữa, và từ chức.

Ngay từ cuối năm 1889 Tống Charlie đã bắt đầu in Thánh Kinh, và được giáo hội Methodist trợ cấp. Sau đó Tống Charlie in Thánh Kinh cho nhiều giáo hội khác nhau và nhận trợ cấp của các giáo hội ấy. Đến khi nhà in của Tống Charlie bắt đầu in các loại sách khoa học, lịch sử và kỹ thuật của tây phương thì lợi tức của họ Tống đã khá lắm rồi.

Đầu năm 1890 Quế Sương sinh con gái đầu lòng và đặt tên là Tống Ái Linh. Đến ngày 27-1-1892, Tống Khánh Linh ra chào đời. Vào lúc sinh Khánh Linh thì Tống Charlie đã giàu có rồi. Dùng của hồi môn của vợ và tiền đầu tư của Văn Bình Chung, và sự trợ giúp của Hồng Hội, Tống Charlie mua thêm máy in, và một căn nhà trong khu tô giới Pháp để thành lập nhà in Hoa-Mỹ Ấn Quán.

Phú quý sinh lễ nghĩa. Tống Charlie biết mình không phải họ Tống và đã lỡ nhận họ Tống rồi thì muốn cho họ Tống có danh tiếng. Tống Charlie bèn cho in bộ sách "Bách Gia" đầu tiên về các dòng họ Trung Hoa mà chàng cho là danh giá cao quý nhất. Dĩ nhiên trong cuốn Bách Gia này có ghi cả họ Tống để được thừa nhận là người quý phái. Trên các tấm danh thiếp, Tống Charlie bỏ hẳn cái tên lai căng Tống Charlie, và thay thế vào đó là cái tên Tống Giáo Nhân thuần túy Trung Hoa. Cùng với cái tên mới Tống Giáo Nhân, tiền vào tay họ Tống mỗi ngày một nhiều hơn, và Tống Giáo Nhân nghiêm nghiêm trở thành một phú thương có máu mặt tại Thượng Hải. Các hoạt động bí mật chống triều đình Mãn Thanh của Tống Giáo Nhân không hề bị phát giác, nhờ đức tính rất kín miệng của Tống.

Thời thế tại Trung Hoa đã đến lúc phải thay đổi. Giới sĩ phu cho rằng Trung Hoa bị tây phương làm nhục chỉ vì tây phương có vũ khí mạnh hơn. Họ liền tìm cách chế tạo vũ khí mới và đào tạo quân đội Trung Hoa theo kiểu mẫu tây phương. Một số sĩ phu khác có khuynh hướng cải cách, quan niệm rằng sức mạnh của tây phương không phải là ở vũ khí, mà là ở sức mạnh kỹ nghệ. Lập tức kỹ thuật tây

phương được khai thác, và các ngành kỹ nghệ mới như tơ sợi, thuốc lá, thực phẩm, ngân hàng, đóng tàu, và các cơ sở buôn bán bành trướng mau lẹ. Chính trong giai đoạn này giai cấp trung lưu của Trung Hoa bắt đầu xuất hiện. Trong hoàn cảnh đó, Tống Giáo Nhân, một người giỏi thổ ngữ Hải Nam, thổ ngữ Thượng Hải, thông thạo Anh ngữ, và trong lúc đàm đạo lại hay trích dẫn những tư tưởng đạo đức trong Thánh Kinh, đã mau lẹ trở thành một người mại bản có thể lực, và rất thành công đại diện cho tây phương. Một chú bé Triều Châu nghèo khó đi hoang, nay nhiên trở thành một triệu phú tại Thượng Hải.

Các Bang Hội Và Công Cuộc Phản Thanh Phục Minh

Người Trung Hoa bất mãn và thù ghét triều đình Mãn Thanh, và lấy các nhân vật Lương Sơn Bạc trong truyện Thủy Hử làm kiểu mẫu chống lại nhà Thanh. Rất nhiều tổ chức bí mật, bang hội hoạt động cho mục đích lật đổ nhà Mãn Thanh. Biểu tượng cho các tổ chức Phản Thanh Phục Minh là một hình tam giác, còn gọi là Tam Điểm, tượng trưng cho quan niệm nhân sinh của người Trung Hoa, gồm có: Trời, Đất và Người.

Bang hội là một nét đặc biệt trong xã hội Trung Hoa, biểu thị phản ứng của nông dân, thợ thuyền, dân nghèo tại các thành thị, chống lại sự đàn áp của giai cấp thống trị. Lịch sử Trung Hoa là hàng loạt những cuộc nổi dậy của nông dân chống lại những triều đình hà khắc hoặc những triều đại ngoại xâm. Trong những cuộc nổi dậy ấy, các bang hội đóng vai trò lãnh đạo quần chúng. Hoạt động của các bang hội không phải chỉ là những cuộc đấu tranh chính trị hay vũ trang, mà còn bao gồm nhiều hoạt động khác: có thể là một cuộc tấn công vào nha môn để giết tham quan hoặc giải thoát tù nhân - có thể là phục kích cướp đoạt hàng hóa, tiền thuế, lương thực, hoặc bắt cóc người đòi tiền chuộc - có thể là tấn công các nhà giàu, thương gia hoặc địa chủ...

Thành phần chủ yếu của bang hội là các nông dân không có ruộng phải đi lang thang kiếm miếng ăn, hoặc những thợ thuyền đi vào bước đường cùng, và đặc biệt là những binh lính bị giải ngũ. Khi có chiến tranh thì nhà nước bắt nông dân đi lính ồ ạt, nhưng khi hết chiến tranh, nhà nước sa thải lính hàng loạt tại chỗ. Những người này không có phương tiện trở về quê, đành phải sống lang thang, và dễ gia nhập các bang hội để tìm chỗ nương thân. Vả lại sau một thời gian làm lính, những nông dân hiền lành trở thành những tay côn đồ, quen cướp bóc hà hiếp dân chúng, và do đó họ không còn muốn trở

lại với nghề nông nữa.

Một bang hội lâu đời nhất tại Trung Hoa là Bạch Liên Giáo, bắt đầu ra đời từ thế kỷ 12, và có một vai trò quan trọng trong công cuộc chống lại sự thống trị của người Mông Cổ. Khi nhà Mãn Thanh chiếm được Trung Hoa, Bạch Liên Giáo cũng phát động vài cuộc nổi dậy, nhưng thất bại. Mặc dù không đạt được thắng lợi, nhưng các bang hội cứ tiếp tục tồn tại trong nhiều thế kỷ. Mỗi lần bị đàn áp, bang hội bị tan rã, nhưng những người còn sống sót lại tiếp tục tập hợp và tổ chức lại. Số hội viên của các tổ chức bí mật này gia tăng rất nhanh, và về sau có đủ thành phần trong xã hội tham gia. Có những tổ chức hoàn toàn vì lòng ái quốc, nhưng cũng có nhóm dùng tinh thần ái quốc che dấu những hoạt động tội ác của họ. Vào cuối thế kỷ 19 có ba tổ chức nổi bật nhất là Thiên Địa Hội, Tam Điểm Hội và Tam Hòa Hội.

Tam Hòa Hội ra đời từ thế kỷ 17, khi người Mãn Châu lật đổ nhà Minh và lập nên nhà Mãn Thanh. Người Trung Hoa không phục người Mãn Châu, và nhiều tổ chức bí mật được thành lập với chủ trương Phấn Thanh Phục Minh. Các nhà sư chùa Thiếu Lâm cũng tham gia công cuộc này. Bề ngoài chùa Thiếu Lâm giả vờ thần phục nhà Thanh để chờ thời cơ Năm 1678, nhà Thanh mở một cuộc chinh phạt một bộ tộc tại Tân Cương. Các nhà sư Thiếu Lâm xin đi theo tham chiến với quân nhà Thanh, nhưng thực tâm muốn tìm cơ hội liên kết với bộ tộc Tân Cương chống lại nhà Thanh. Nhưng âm mưu của các nhà sư Thiếu Lâm bị bại lộ, và tất cả các nhà sư Thiếu Lâm đều bị quan quân nhà Thanh hành quyết, và ngôi chùa bị hỏa thiêu. Nhưng có năm nhà sư Thiếu Lâm may mắn trốn thoát, và thành lập Tam Hòa Hội, với mục đích diệt nhà Thanh để phục thù. Tam Hòa Hội đã gây khốn đốn cho triều đình, vì thế những người thuộc Tam Hòa Hội mà bị triều đình bắt được thì thường bị những hình phạt tàn khốc hơn các người thuộc bang hội khác. Thực ra Tam Hòa Hội, Tam Điểm Hội và Thiên Địa Hội đều giống nhau trong mục đích là khôi phục nhà Minh, nên mọi người trong ba hội này đều tự nhận là con cháu nhà Minh, tức là Hồng Nhị Chử Hồng thoát thai từ chử Hồng Võ, niên hiệu của Chu Nguyên Chương, ông vua khai sáng nhà Minh.

Về tổ chức, lúc đầu Tam Hòa Hội không có cơ quan trung ương, và mỗi hội viên chỉ trực thuộc vào phân đàn của mình. Tam Hòa Hội có năm phân đàn ở năm tỉnh lớn, tượng trưng cho năm vị sư sáng lập, thuộc các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Vân Nam, Hồ Nam và Chiết Giang. Như vậy sức mạnh của Tam Hòa Hội đều tập trung tại miền nam Trung Hoa, và nhà Mãn Thanh cũng bị chống đối mạnh nhất tại

miền nam Trung Hoa. Từ giữa thế kỷ 19, Tam Hòa Hội chuyển hoạt động về các thành phố duyên hải, đặc biệt là Thượng Hải, Quảng Châu...

Một trong những lãnh tụ quan trọng nhất trong phong trào Phản Thanh Phục Minh là Tôn Văn, tự là Dật Tiên. Tôn Dật Tiên sinh ngày 12-11-1866 tại một làng ven biển thuộc tỉnh Quảng Đông. Thuở nhỏ Tôn Dật Tiên học trường làng cho đến năm 13 tuổi thì theo mẹ đến đảo Hawaii, vì có người anh di cư lập nghiệp tại đó. Tại Hawaii, Tôn Dật Tiên theo học trường trung học Iolani, một trường nội trú dành cho con trai được sự bảo trợ của Hội truyền giáo Anh quốc. Sau ba năm, gia đình nghe biết Tôn Dật Tiên đã theo đạo Thiên Chúa, nên không cho học nữa và bắt Tôn Dật Tiên phải xuống tàu về nước. Khi về đến Trung Hoa, Tôn Dật Tiên biểu thị tín ngưỡng mới của mình bằng cách đập phá các pho tượng trong một ngôi đền trong làng, và do đó Tôn Dật Tiên bị người làng tức giận, trục xuất ra khỏi làng. Tôn Dật Tiên quen biết một bác sĩ người Mỹ, và ông ra Hương Cảng theo học ngành y khoa. Tôn Dật Tiên tốt nghiệp bác sĩ năm 1892. Ông hành nghề y sĩ tại Ma Cao một thời gian rất ngắn, khoảng hai năm. Tôn Dật Tiên không quan tâm nhiều đến nghề thầy thuốc, và ông bỏ nghề thuốc khi Trung Hoa bị Nhật bản đánh bại năm 1895. Cuộc đời của ông sau đó là những ngày gian lao của một nhà cách mạng lúc nào cũng ở trong tình trạng trốn tránh lưu đày. Ông có hoài bão nâng Trung Hoa lên ngang hàng với các quốc gia khác. Tôn Dật Tiên quyết liệt chủ trương phải lật đổ nhà Mãn Thanh. Ông có tài diễn thuyết lôi cuốn quần chúng nên được nhiều thanh niên đi theo. Năm 1894, Tổng Giáo Nhân gặp Tôn Dật Tiên lần đầu tiên. Cả hai đều thuộc Tam Hòa Hội. Hai người có nhiều điểm tương đồng: cùng nói thổ ngữ miền nam Trung Hoa, cùng theo đạo Thiên Chúa, cùng được giáo dục tại Hoa Kỳ, và cùng có nhiều tham vọng. Do đó hai người trở thành bằng hữu chí thân một cách mau lẹ. Bất cứ khi nào đến Thượng Hải, Tôn Dật Tiên cũng tới cư ngụ tại nhà Tổng Giáo Nhân. Con cái nhà họ Tổng coi Tôn Dật Tiên như một người trong gia đình, một thứ cha chú. Đối với Tổng Giáo Nhân thì Tôn Dật Tiên tượng trưng cho một ngọn lửa tinh khiết của những lý tưởng đã đem lại cho Tổng Giáo Nhân một ý nghĩa cao đẹp cho cuộc đời, ngoài những lúc tính toán làm giàu.

Công cuộc Phản Thanh Phục Minh của Tôn Dật Tiên cần phải được quảng bá cho quần chúng, và phương tiện hữu hiệu nhất lúc đó là truyền đơn. Không một nhà in nào dám in truyền đơn cho Tôn Dật Tiên, vì triều đình nhà Thanh lúc nào cũng rình tìm và sẵn sàng dùng

những biện pháp trừng phạt đẫm máu cho cái tội bị gọi là "phản nghịch" này. Chỉ có nhà in của Tổng Giáo Nhân phải cáng đáng cái việc làm nguy hiểm ấy. Đó là một sự hy sinh lớn lao của Tổng Giáo Nhân cho công cuộc cách mạng, vì bất cứ lúc nào gia đình Tổng Giáo Nhân cũng có thể bị chính quyền nhà Thanh bắt và hành quyết. Theo đúng truyền thống gia đình Trung hoa, bà Tống ít khi quan tâm tới hành động của Tôn Dật Tiên, người bạn thân của chồng bà. Bà cũng không thắc mắc khi thấy chồng và Tôn Dật Tiên thức rất khuya bàn luận trong phòng riêng. Bà không hề ngờ rằng cái đầu của Tôn Dật Tiên, một người có bề ngoài hiền lành phúc hậu như thế, đã bị triều đình Mãn Thanh treo một giá rất cao. Chồng bà may mắn thoát tên trong danh sách những tên "phản nghịch" đầu tiên. Tuy vậy khi được chồng cho biết lúc nào gia đình nhà họ Tống cũng phải sẵn sàng chạy trốn thì bà không hề phản đối hoạt động nguy hiểm của chồng, và hết mình ủng hộ và đi theo chính nghĩa của chồng. Tôn Dật Tiên đòi hỏi những cải cách xã hội cho Trung hoa. Tam Hòa Hội cử Tôn Dật Tiên đi gặp thừa tướng Lý Hồng Chương để đạo đạt những yêu sách. Lúc đó Lý Hồng Chương đang mải lo đối phó với việc quân Nhật đánh chiếm Cao Ly, một thuộc quốc của Trung hoa, nên không tiếp Tôn Dật Tiên. Sau chuyến đi thất bại, Tôn Dật Tiên trở lại Honolulu đảo Hawaii và thành lập Hưng Trung Hội. Ông奔走 nhiều nơi để tìm sự trợ giúp cho công cuộc Phản Thanh Phục Minh của ông. Mỗi khi ông trở về Thượng Hải, ông thường cư ngụ ngay tại nhà Tổng Giáo Nhân. Tôn Dật Tiên được gia đình nhà họ Tống rất quý trọng, và coi ông như người cha đỡ đầu cho các con của Tổng Giáo Nhân. Các tổ chức Phản Thanh Phục Minh luôn luôn tìm cách gây khó khăn cho triều đình Mãn Thanh. Một lãnh tụ Cao Ly thân Nhật đến thăm Thượng Hải, và bị các tổ chức Phản Thanh ám sát chết. Một nhóm của Hồng Hội đem xác của nạn nhân chặt ra làm nhiều mảnh, và gửi trả về Cao Ly bằng một chiến thuyền của hải quân Trung hoa. Người Nhật vô cùng phẫn nộ, và chiến tranh giữa Nhật và triều đình Mãn Thanh có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Vì thế triều đình Mãn Thanh phải dồn hết nỗ lực về miền bắc, và lơ là miền nam; nhờ thế các tổ chức Phản Thanh Phục Minh được tự do hoạt động hơn tại miền nam. Ngày 1-8-1894, cuộc xung đột giữa Nhật và quân Mãn Thanh xảy ra, và quân nhà Thanh thảm bại nhục nhã. Sự kiện này càng làm dân chúng Trung Hoa căm phẫn sự bất lực của triều đình Mãn Thanh. Tôn Dật Tiên lập tức khởi sự một cuộc nổi dậy tại miền nam trong vùng Quảng Châu. Tổng Giáo Nhân được ủy thác ở lại Thượng Hải

lo về vấn đề tài chánh cho Tôn Dật Tiên, và làm tai mắt cho Tôn Dật Tiên tại lưu vực sông Dương Tử.

Tôn Dật Tiên chọn ngày Song Cửu (9-9-1895) làm ngày khởi nghĩa, vì ngày đó dân chúng Trung Hoa đi tảo mộ đông đảo, nên việc tập trung và vận chuyển nhân sự của Hồng Hội sẽ không bị quan quân nhà Thanh nghi ngờ. Tại Quảng Châu, Tôn Dật Tiên tuyển được 153 lính đánh thuê. Những người này được lệnh bố trí tại tư gia của viên tổng đốc và các sĩ quan, và sẽ ra tay bắt giữ những người này khi cuộc khởi nghĩa bắt đầu. Sức mạnh chính của cuộc khởi nghĩa là ba ngàn tay anh chị của tổ chức Hồng Hội, và lực lượng này được trang bị bằng một ngàn khẩu súng lục.

Theo kế hoạch dự liệu, tất cả vũ khí và người sẽ tập trung tại Hương Cảng và di chuyển tới Quảng Châu bằng đường biển. Khi nào nhóm anh chị Hồng Hội tới Quảng Châu thì cuộc khởi nghĩa bắt đầu. Một sự trục trặc xảy ra ngay tại bến tàu Hương Cảng. Trong khi vũ khí được chuyển xuống tàu thì các tay anh chị chia làm hai phe, phe nào cũng đòi hỏi phe mình phải được dùng súng, vì số người nhiều hơn súng. Trong khi hai phe còn mãi tranh luận trên bờ thì con tàu nhỏ neo theo đúng giờ đã ấn định trước. Vũ khí được chở đi Quảng Châu mà không có người đi theo.

Tôn Dật Tiên ở Quảng Châu lâm vào cảnh tiến thoái lưỡng nan: có vũ khí mà không có quân xử dụng vũ khí. Nếu cứ tiếp tục cuộc khởi nghĩa thì nhất định sẽ thất bại, vì không đủ quân số cần thiết. Tôn Dật Tiên đành phải hoãn cuộc khởi nghĩa, và đánh điện cho Hương Cảng và Thượng Hải biết quyết định mới nhất của mình. Nhưng trước khi điện tín của Tôn Dật Tiên tới được Hương Cảng thì cuộc tranh luận của hai phe anh chị tại bến tàu chấm dứt, và tất cả kéo nhau xuống tàu đi Quảng Châu, trễ hơn một ngày theo kế hoạch dự liệu từ trước.

Đến lúc đó thì cảnh sát Anh tại Hương Cảng nghe biết được tin tức của cuộc khởi nghĩa, liền báo cho nhà chức trách Mãn Thanh tại Quảng Châu biết. Khi con tàu chở ba ngàn tay anh chị cập bến Quảng Châu thì đã có quan quân nhà Thanh chờ họ trên bến. Các tay anh chị thấy thế nguy liền nhảy cả xuống biển, và hầu hết trốn thoát. Tuy nhiên nhà chức trách cũng bắt được một số cấp lãnh đạo và 50 đoàn viên khởi nghĩa. Ngay tại thành phố Quảng Châu, quan quân nhà Thanh mở cuộc ruồng bố, bắt thêm được nhiều người trong tổ chức, tịch thu được một số vũ khí, quân phục và lá cờ hiệu của quân khởi nghĩa. Tôn Dật Tiên kịp thời trốn sang Ma Cao, và dùng thuyền chạy sang Hương Cảng.

Số phận những người bị bắt thật là thê thảm. Họ bị trừng phạt theo luật lệ khắt khe của nhà Thanh. Nhiều người bị chém đầu; một số khác phải chịu những cái chết đau đớn hơn: bị đánh 600 roi cho đến chết hoặc bị xẻo từng mảnh thịt cho đến chết.

Tuy thế, cuộc khởi nghĩa thất bại cũng đem lại danh tiếng lớn lao cho Tôn Dật Tiên, một người được coi là tượng trưng cho công cuộc lật đổ nhà Mãn Thanh. Trong suốt 16 năm sau đó, Tôn Dật Tiên phải lần trốn từ nước này sang nước khác, tìm mọi cách trốn tránh sự truy nã của các tay ám sát bắt cóc cừu khôi của nhà Thanh. Tống Giáo Nhân đã đóng góp rất nhiều cho công cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên bằng cách cung cấp tiền bạc cho Tôn Dật Tiên và các tổ chức bí mật của Tôn Dật Tiên.

Trong thời gian này, Tôn Dật Tiên tổ chức thêm vài cuộc khởi nghĩa nữa, nhưng đều thất bại. Năm 1900 cuộc nổi loạn của Nghĩa Hòa Đoàn chống lại tây phương thất bại. Liên quân tây phương tiến vào Bắc Kinh, và Từ Hy thái hậu và vua Quang Tự phải bỏ chạy khỏi kinh thành. Sự nhục nhã của Trung Hoa trước sức mạnh của tây phương đã đến chỗ cùng cực. Nhiều sinh viên trốn qua Nhật, tìm học thuật quân sự và khoa học của Nhật Bản để rửa nhục. Tất cả đều quy tụ quanh Tôn Dật Tiên, coi ông như một nhà cách mạng duy nhất có thể quang phục được nước Trung Hoa. Tôn Dật Tiên nắm lấy thời cơ, thuyết phục các phe nhóm chống lại nhà Thanh đoàn kết với ông, và lập thành một tổ chức duy nhất, gọi là Đồng Minh Hội do ông lãnh đạo.

Cuộc đại hội của Đồng Minh Hội tổ chức ngày 30-7-1905 tại Đông Kinh. Tống Giáo Nhân cũng từ Thượng Hải tới tham dự, và được đại hội cử giữ nhiệm vụ lo tài chánh cho hội, vì mọi người biết Tống Giáo Nhân có nhiều liên hệ với giới tài phiệt Hoa Kỳ. Tống Giáo Nhân có bổn phận tìm ra tiền cho hội có phương tiện hoạt động. Đồng Minh Hội đã chọn đúng người. Thành quả của cuộc cách mạng Trung Hoa phần lớn do công lao tài chánh của Tống Giáo Nhân.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 3

Ngày Song Thập Và Quốc Dân Đảng Trung Hoa

Trong khoảng mười lăm năm, kể từ khi từ chức khỏi giáo hội Methodist, Tống Giáo Nhân có thêm bốn người con nữa. Năm 1894, bà Nhiếp Quế Sương sinh con trai đầu lòng là Tống Tử Văn, và đến năm 1897 thì sinh cô con gái út Tống Mỹ Linh. Sau đó là hai người con trai cuối cùng là Tống Tử Lương và Tống Tử An. Tống Giáo Nhân gửi cả ba cô con gái và Tống Tử Văn sang du học tại Hoa Kỳ. Tống Giáo Nhân có vẻ yêu thích Tống Ái Linh hơn cả, có lẽ vì Tống Ái Linh và ông bố rất giống nhau ở hai điểm là rất thực tế và yêu tiền. Ái Linh rất thông minh nhanh nhẹn, và đã trở thành người phụ tá đắc lực cho Tống Giáo Nhân. Các hoạt động tài phiệt của Tống Giáo Nhân bành trướng rất nhanh chóng, và cần phải có người thân tín tin cậy được để giao phó cho một phần công việc. Tống Ái Linh chính là người Tống Giáo Nhân rất cần. Và cũng chính trong thời gian làm việc với bố mà Tống Ái Linh học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu để sau này trở thành một người đàn bà có ảnh hưởng rất lớn, lũng đoạn thị trường Trung Hoa vào đầu thế kỷ 20.

Trong lúc tài sản nhà họ Tống ngày một thịnh vượng thì vương khí nhà Mãn Thanh ngày một tàn lụi. Người Trung Hoa tin rằng một triều đại tồn tại được là nhờ có Thiên Mệnh, hay Lòng Trời còn tựa. Khi Thiên Mệnh không còn nữa, tức là khi Lòng Trời đã bỏ, thì triều đại đó sẽ sụp đổ. Đến đầu thế kỷ 20 thì Thiên Mệnh của nhà Mãn Thanh đã mất, và triều đại này đang đi vào mạt vận. Thực ra thì các triều đại vua chúa của Trung Hoa chỉ kéo dài được vài trăm năm rồi lại có một triều đại mới thay thế. Đến đầu thế kỷ 20 thì nhà Mãn Thanh đã cai trị Trung Hoa được gần ba thế kỷ, một thời gian khá dài cho một triều đại quân chủ.

Tháng 11-1908 Từ Hy Thái Hậu từ trần sau một nửa thế kỷ thao túng chính trường Trung Hoa. Từ Hy thay mặt con trai là vua Đồng Trị và cháu là vua Quang Tự cai trị nước Trung Hoa. Vua Quang Tự là một nhà vua sáng suốt, dự định cải tiến đất nước theo đường lối tây phương và loại bỏ Từ Hy Thái Hậu. Nhưng Viên Thế Khải được vua Quang Tự giao cho thi hành kế hoạch thì phản lại nhà vua, tố cáo tất

cả âm mưu của vua Quang Tự cho Từ Hy Thái Hậu, do đó Từ Hy Thái Hậu kịp thời bắt vua Quang Tự giam vào một hòn đảo nhỏ bên trong Cung Điện Mùa Hạ, và chiếm quyền của vua Quang Tự. Trước khi chết, Từ Hy Thái Hậu vẫn còn đủ thời giờ sai người đầu độc vua Quang Tự trước. Từ Hy sợ rằng sau khi mình chết rồi, Quang Tự sẽ được trở lại vương quyền và làm những gì Từ Hy không ưa thích. Quyền lực nhà Mãn Thanh bây giờ rơi vào tay một ấu chúa do Từ Hy Thái Hậu lựa chọn: đó là vua Phổ Nghi, một đứa trẻ mới lên ba tuổi. Phổ Nghi trở thành vị hoàng đế cuối cùng của nhà Mãn Thanh và Trung Hoa. Thân phụ Phổ Nghi là Thuần Thân Vương được bổ làm nhiếp chính, thay mặt vua Phổ Nghi cai trị việc nước. Nhưng Thuần Thân Vương là một người hiền lành chất phác, không có khả năng lãnh đạo Trung Hoa trong một hoàn cảnh rất bất lợi: bên trong thì bị người dân Trung Hoa phản đối, bên ngoài thì bị liệt cường bắt nạt xâu xé đất nước Trung Hoa thành nhiều mảnh nhượng địa. Thuần Thân Vương cũng không thể là đối thủ của con cáo già Viên Thế Khải được. Trước khi chết, vua Quang Tự muốn em là Thuần Thân Vương phải giết Viên Thế Khải để báo thù cho nhà vua, nhưng Thuần Thân Vương không dám giết Viên Thế Khải, chỉ tước bỏ mọi quyền lực của họ Viên và bắt họ Viên phải về hưu.

Gặp lúc nhà Mãn Thanh đang bối rối và yếu thế, Tôn Dật Tiên tổ chức nhiều cuộc nổi dậy, và đi du thuyết nhiều nước tây phương tìm sự ủng hộ của quốc tế và sự đóng góp tài chánh cho công cuộc quang phục nước Trung Hoa của ông. Các nước tây phương có vẻ lạnh nhạt với Tôn Dật Tiên vì họ chỉ muốn nước Trung Hoa cứ tiếp tục ở vào thế yếu cho họ khai thác và làm chủ. Trong nước thì tuy Tôn Dật Tiên được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng, kể cả một số người Trung Hoa đang phục vụ cho nhà Thanh, nhưng ông vẫn thất bại không tạo được một thành công nào trong công cuộc lật đổ nhà Thanh.

Nhưng cuối cùng công cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên thành công nhờ một yếu tố bất ngờ, không phải do công lao của ông. Tại thành Vũ Hán, một nhóm sĩ quan trong quân đội Mãn Thanh bất mãn và âm mưu nổi dậy chống lại triều đình. Các sĩ quan đấu bom và vũ khí tại nhiều nơi khác nhau, nhưng ngày 9-10-1911, một trái bom đấu trong khu vực nhượng địa của người Nga bất ngờ nổ tung. Lập tức cảnh sát bao vây cả khu vực, lục soát và tìm được nhiều tài liệu và danh sách những người tham dự cuộc khởi loạn. Viên tổng đốc ra lệnh đóng chặt các cổng thành, và trại quân bị bao vây. Các sĩ quan phản loạn bây giờ chỉ còn hai lựa chọn: hoặc đầu hàng để bị bắt và bị

hành hạ dã man, có thể là bị xử tử, hoặc liều lĩnh khởi sự cuộc phản loạn như kế hoạch từ trước, mặc dầu sớm hơn dự liệu. Đây là con đường sống suy nhất của họ, và thế là bốn tiểu đoàn quân nhà Thanh bắt buộc phải quyết định liều chết thi hành cuộc nổi loạn. Vì ở thế cùng đường nên toán quân phản loạn chiến đấu liều mạng và kiểm soát được thành phố. Viên tổng đốc phải dùng thuyền chạy trốn ra sông Dương Tử. Cuộc nổi dậy hoàn toàn bất ngờ, và đã thành công trong ngày Song Thập, tức là ngày 10-10-1911. Kể từ đó, ngày 10-10 được người Trung Hoa quốc gia coi là ngày Quốc khánh. Nhóm khởi loạn không có tổ chức. Họ không có liên lạc hoặc hậu thuẫn của các nhóm Hồng Hội hoặc Đồng Minh Hội của Tôn Dật Tiên. Tuy nhiên họ đã hoàn thành được một điều mà trong nhiều năm trời các nhóm Phản Thanh Phục Minh, kể cả Tôn Dật Tiên, đã không thực hiện được. Họ đã chiếm được một thành phố lớn của nhà Mãn Thanh. Nhóm phản loạn không có thủ lĩnh nên quyết định mời một đại tá trong quân đội Mãn Thanh là Lê Nguyên Hồng lên lãnh đạo họ, vì Lê Nguyên Hồng có cấp bậc cao nhất trong thành. Một phái đoàn phản loạn được cử đi đến nhà họ Lê Lê Nguyên Hồng thấy quân phản loạn tới, lại tưởng họ tìm giết mình, nên bỏ chạy trốn, hết phòng này sang phòng khác. Quân phản loạn vẫn nhần nại đuổi theo. Cuối cùng Lê Nguyên Hồng chui vào trốn dưới gầm giường của vợ, nhưng vì cái giường của vợ nhỏ quá nên chân của Lê Nguyên Hồng thò ra ngoài. Toán quân phản loạn nắm chân Lê Nguyên Hồng kéo ra. Khi Lê Nguyên Hồng định năn nỉ xin tha mạng thì tên thủ lĩnh loạn quân lịch sự hỏi thăm sức khỏe của họ Lê Hán tăng bốc gọi Lê Nguyên Hồng là "Tướng quân", và yêu cầu Lê Nguyên Hồng gia nhập quân phản loạn. Lê Nguyên Hồng mừng rỡ và nhận lời. Ngày 12-10, nhóm phản loạn thành lập một chính phủ cộng hòa lâm thời và bầu Lê Nguyên Hồng lên điều khiển chính phủ. Nhóm phản loạn tại Vũ Hán tạo được một hậu quả dây chuyền. Các tuần lễ kế tiếp đó, hết thành phố này đến thành phố khác đứng lên, noi gương thành phố Vũ Hán, tuyên bố độc lập với nhà Mãn Thanh. Các tỉnh Hồ Nam và Sơn Tây chống lại mệnh lệnh của triều đình. Tại Thiểm Tây, quần chúng vùng lên chiếm và giết viên tổng đốc và đốt dinh tổng đốc tại thủ phủ Thái Nguyên. Những đám đông gây hỗn loạn tại Thiên Tân và Tế Nam. Tại trường trung Học Trường Sa, Mao Trạch Đông quảng sách vở đi và gia nhập quân cách mạng. Trong một cố gắng văn hồi tình thế, nhà Mãn Thanh phải phục hồi chức vị cho Viên Thế Khải lúc đó ở trong tình trạng phải về hưu. Nhà Mãn Thanh thấy không còn ai ngoài Viên Thế Khải có đủ khả năng

cứu vãn tình thế. Viên Thế Khải là một viên tướng tài, có công cải tiến quân đội Trung Hoa theo kiểu mẫu tây phương. Viên Thế Khải cũng là người có tham vọng làm hoàng đế nên không bỏ lỡ cơ hội nắm lại quyền bính. Lập tức Viên Thế Khải tung ra những cuộc tấn công, đánh bại các thành phố phản loạn. Viên Thế Khải chiếm lại được thành phố Vũ Hán, nhưng được tin thành phố Nam Kinh đã lọt vào tay quân cách mạng. Tuy nhiên, Viên Thế Khải không quan tâm đến Nam Kinh, và chỉ đánh cầm chừng, không để cho nhà Mãn Thanh mạnh như trước nữa. Mục đích của Viên Thế Khải là chờ đợi cho cả hai phe Mãn Thanh và Phản Thanh mệt mỏi, và cùng phải cầu cứu sự trợ giúp của Viên Thế Khải. Như thế Viên Thế Khải sẽ ở vào địa vị thượng phong và sẽ thực hiện được giấc mộng làm hoàng đế của mình.

Trong lúc Viên Thế Khải nắm vững tình hình trong nước thì Tôn Dật Tiên lại xuất ngoại vận động sự ủng hộ của Âu Mỹ. Nhưng Tôn Dật Tiên vẫn chỉ gặp được thất bại như trước. Tuy Tôn Dật Tiên thất bại đối với quốc tế, nhưng quần chúng vẫn coi ông là người khai sáng ra công cuộc Phản Thanh Phục Minh, tuy chính bản thân ông chưa bao giờ thành công chiếm được một tấc đất của nhà Mãn Thanh, trong tất cả những cuộc nổi dậy khởi nghĩa của ông. Ngày 25-12-1911, Tôn Dật Tiên trở về Thượng Hải, và được dân chúng đón tiếp như một vị anh hùng. Tôn Dật Tiên đến cư ngụ tại nhà Tổng Giáo Nhân, và thương nghị cùng các cộng sự.

Phe phản loạn chống nhà Thanh đang ở trong tình trạng chia rẽ, không lãnh tụ nào chịu lãnh tụ nào, mặc dù họ chiếm được miền nam Trung Hoa và đặt thủ đô tại Nam Kinh. Các phe phái muốn bầu một vị minh chủ làm tổng thống để lãnh đạo công cuộc Phản Thanh, nhưng các cuộc họp bầu của họ đều đưa đến thất bại. Cuối cùng họ đồng ý tìm một người có thể dung hòa được mọi phe phái khác nhau. Chính vì thế, mọi phe phái đều quay về Tôn Dật Tiên, và bầu ông vào chức tổng thống lâm thời của nước Cộng hòa Trung hoa.

Ngày 1-1-1912, Tôn Dật Tiên tuyên thệ nhậm chức tổng thống lâm thời đầu tiên của nước Cộng hòa Trung hoa tại Nam Kinh. Đó là một ngày trọng đại cho phe cách mạng Trung hoa. Tất cả gia đình Tổng Giáo Nhân đều có mặt tại Nam Kinh trong ngày lịch sử ấy. Tổng Giáo Nhân cực kỳ hoan hỷ; ông và cô con gái lớn Ái Linh có mặt thường xuyên tại Nam Kinh trong thời gian Tôn Dật Tiên giữ chức tổng thống lâm thời.

Tôn Dật Tiên thành lập nội các, nhưng chính phủ của ông không có ngân sách. Ông định vay tiền các nước tây phương, nhưng với cái

danh nghĩa chính phủ "lâm thời" nên không nước nào chịu cho ông vay tiền. Cuối cùng ông phải vay một số tiền lớn của Nhật Bản, và dùng các mỏ sắt tại Hán Khẩu làm bảo đảm. Nhưng Tôn Dật Tiên không có kinh nghiệm về hành chánh, vì từ trước ông chưa hề giữ một chức vụ nào trong chánh quyền. Ông chỉ có kinh nghiệm thuyết giảng cho quần chúng về công cuộc cách mạng. Không những thế, ông gặp phải sự chống đối của những người thuộc tỉnh khác. Ông vốn là người Quảng Đông, và nhiều người than phiền ông bổ nhiệm quá nhiều người Quảng Đông vào chính phủ. Trong tình thế đó, nhiều người nghĩ rằng giải pháp hay nhất là ông từ chức, nhường chỗ cho một người có khả năng hơn điều khiển chính phủ.

Tuy Tôn Dật Tiên trở thành tổng thống đầu tiên của Trung Hoa, nhưng thực quyền vẫn nằm trong tay Viên Thế Khải tại Bắc Kinh. Chính tại Bắc Kinh, Viên Thế Khải được các quốc gia tây phương công nhận. Thực ra lúc đó Đồng Minh Hội của Tôn Dật Tiên chưa sẵn sàng đối phó với thực tế của cuộc cách mạng. Phe cách mạng chia làm hai phe chống đối nhau: phe thứ nhất tại Vũ Hán ủng hộ Lê Nguyên Hồng và phe thứ hai tại Nam Kinh và Thượng Hải thì ủng hộ Tôn Dật Tiên. Trong một cố gắng đoàn kết, hai phe đồng ý lập một đảng quốc gia mới, được gọi là Quốc Dân Đảng. Tuy nhiên Quốc dân đảng mới thành hình, chưa thành công nắm được tình thế khi mà các phe nhóm vẫn còn hăng say chống đối nhau.

Viên Thế Khải là một con cáo già, cả về chính trị và quân sự, nên đã lợi dụng được sự chia rẽ của hai phe Vũ Hán và Nam Kinh. Viên Thế Khải tìm cách thương thuyết ngầm với từng lãnh tụ Quốc dân đảng, và cố chứng minh rằng chỉ có mình mới có khả năng chấm dứt sự hỗn loạn tại Trung Hoa, và Tôn Dật Tiên chỉ là một người bất lực. Dần dần các lãnh tụ Quốc dân đảng có vẻ tin tưởng những điều Viên Thế Khải nói. Chính Tôn Dật Tiên cũng đã làm một quyết định bất ngờ: sau một tháng giữ chức tổng thống lâm thời, ông đã sẵn sàng từ chức, nhường chức vụ đó cho Viên Thế Khải, với điều kiện Viên Thế Khải phải áp lực ông vua cuối cùng nhà Mãn Thanh phải thoái vị để tránh đổ máu, và Viên Thế Khải phải thành lập chính thể cộng hòa. Viên Thế Khải đã thành công lật đổ nhà Mãn Thanh bằng cách bắt Phổ Nghi phải thoái vị, mặc dầu Viên Thế Khải nhượng bộ triều đình Mãn Thanh rất nhiều điều khoản ưu đãi.

Những điều khoản Viên Thế Khải phải nhượng bộ nhà Thanh gồm có: hoàng gia Mãn Thanh được làm chủ vĩnh viễn khu vực Cẩm Thành và tất cả những đặc quyền đặc lợi đã được hưởng trong quá khứ, kể cả việc giữ lại bốn ngàn cung phi và thái giám, và hàng năm

được hưởng một ngân khoản bốn triệu quan. Sau đó hoàng gia đã công bố bằng lòng cho phép Viên Thế Khải thành lập một chính phủ cộng hòa.

Tuy được lên làm tổng thống thay Tôn Dật Tiên, nhưng Viên Thế Khải không chịu di chuyển xuống thủ đô Nam Kinh, mặc dù Quốc dân đảng quyết tâm duy trì thủ đô tại Nam Kinh. Viên Thế Khải thì không muốn rời bỏ Bắc Kinh vì sức mạnh và phe nhóm của Viên Thế Khải ở miền bắc. Hơn nữa Viên Thế Khải cần phải ở lại Bắc Kinh để thực hiện giấc mộng hoàng đế. Nhiều người biết rõ cái mộng muốn làm hoàng đế của Viên Thế Khải. Tại Bắc Kinh người ta vẫn thường kể cho nhau nghe một giai thoại sau đây để chế riễu cái mộng làm hoàng đế của Viên Thế Khải:

"Viên Thế Khải có một thói quen phải ngủ một lát sau bữa ăn trưa. Và ngay sau giấc ngủ trưa, một tên hầu phải dâng cho Viên một tách trà cho tỉnh ngủ. Một hôm tên người hầu bước vào phòng ngủ của Viên như mọi ngày, hai tay bưng một tách trà rất quý làm bằng ngọc; tên hầu không thấy Viên Thế Khải đâu, mà chỉ trông thấy một con cóc khổng lồ đang ngồi trên giường của Viên. Tên hầu giật mình hoảng sợ, đánh rơi cả chiếc tách quý. May tiếng động không đánh thức giấc ngủ của họ Viên. Tên hầu rón rén chạy đi tìm người quản gia, và méo mào kể sự tình và xin tên quản gia tìm cách nào cho Viên Thế Khải không trừng phạt hẳn vì tội đánh vỡ mất cái tách bằng ngọc quý. Người quản gia suy nghĩ một hồi rồi dặn tên hầu phải nói gì khi Viên Thế Khải hỏi đến cái tách quý."

"Một lát sau, khi Viên Thế Khải thức dậy, thấy trà của mình được đựng trong một chiếc tách tầm thường bằng sứ, liền hỏi cái tách bằng ngọc đâu thì tên hầu trả lời đã làm vỡ chiếc tách đó rồi. Viên Thế Khải bưng bưng nổi giận, nhưng tên hầu bình tĩnh giải thích tại sao chiếc tách bằng ngọc bị vỡ: "Thưa tướng công, khi con bước vào phòng này con trông thấy một vật rất lạ nằm trên giường của tướng công nên con hoảng hốt đánh rơi và làm vỡ chiếc tách bằng ngọc." Họ Viên nổi giận hơn và hỏi tên hầu trông thấy gì. Tên hầu vội thưa: "Con trông thấy một con rồng năm móng màu vàng nằm trên giường của tướng công." Lập tức họ Viên hết giận, và còn có vẻ rất mừng rỡ. Viên Thế Khải dị đoan tưởng đó là điềm lành, tướng tinh của mình là rồng thì mình sẽ trở thành hoàng đế, vì rồng tượng trưng cho vương quyền. Họ Viên liền mở tủ lấy mấy quan tiền thưởng cho tên hầu và căn dặn tên hầu không được kể cho ai nghe những gì hắn đã

trông thấy."

Viên Thế Khải phong cho Tôn Dật Tiên chức Giám đốc hệ thống hỏa xa của Trung hoa, hy vọng cái chức vụ có số lương rất cao ấy sẽ làm hài lòng Tôn Dật Tiên. Nhưng Tôn Dật Tiên thực sự vui lòng với chức Giám đốc hỏa xa, và dự định sang Nhật vay thêm tiền để cải tiến hệ thống hỏa xa của Trung Hoa và không hỏi ý kiến Viên Thế Khải. Đó là mối bất hòa đầu tiên giữa Viên Thế Khải và Tôn Dật Tiên. Sau đó Tôn Dật Tiên quyết định làm một chuyến đi kinh lý bằng xe lửa khắp Trung Hoa, từ Mãn châu tới Quảng Đông. Tôn Dật Tiên phong cho Tổng Giáo Nhân chức vụ Tổng Thủ Quỹ của ngành Hỏa xa Lúc đó Tổng Ái Linh là thư ký riêng của Tôn Dật Tiên. Trong chuyến đi kinh lý này, Tôn Dật Tiên đem theo cả Tổng Ái Linh. Điều này chứng tỏ cho mọi người biết gia đình nhà họ Tổng là người của Tôn Dật Tiên. Như vậy gia đình nhà họ Tổng lâm vào tình trạng nguy hiểm, vì công khai liên kết với Tôn Dật Tiên, và Tôn Dật Tiên thì đang trở thành kẻ đối đầu của Viên Thế Khải.

Tôn Dật Tiên đã lấy vợ từ năm 19 tuổi và có ba người con, một trai và hai gái. Người con trai của Tôn Dật Tiên là Tôn Khoa, đã trưởng thành và đang du học tại Hoa Kỳ. Cuộc hôn nhân đầu tiên của Tôn Dật Tiên hoàn toàn do gia đình sắp đặt, như phần đông các cuộc hôn nhân khác tại Trung hoa. Hai người lấy nhau nhưng chưa bao giờ gặp mặt nhau trước khi cưới, và cũng không có quyền có ý kiến. Ba tháng sau khi lấy vợ, Tôn Dật Tiên trở lại Hương Cảng tiếp tục việc học, và rất ít khi về thăm vợ. Khi ông phải sống cuộc đời nguy hiểm của một người bị triều đình tầm nã, thì ông giao vợ con cho người anh ở Hawaii trông nom. Cuộc hôn nhân đầu tiên của ông hoàn toàn không có tình yêu, mà chỉ vì bổn phận. Bà vợ Ông là một người vợ và người mẹ tận tụy, an phận theo một nếp sống cổ truyền đã tồn tại hàng ngàn năm tại Trung hoa.

Bây giờ người vợ của Tôn Dật Tiên già rồi. Trong thời gian làm việc chung với Tổng Ái Linh, nhà đại cách mạng của Trung hoa đem lòng yêu cô gái đáng tuổi con ông và là con gái bạn thân của ông. Có thể Tôn Dật Tiên so sánh Ái Linh, một cô gái trẻ đẹp, tân tiến mạnh khỏe với người vợ già và quê mùa cổ hủ của ông. Ông rất thích sự thông minh thực tế, tài ăn nói khéo léo và thân thể chắc nịch của Ái Linh. Một hôm đang ngồi nói chuyện với một người bạn, và Ái Linh có việc bước vào phòng trong, Tôn Dật Tiên ngoái nhìn theo đôi mông nảy nở của Ái Linh và nói với người bạn:

"Tôi muốn kết hôn với Ái Linh."

Người bạn ngạc nhiên hỏi, "Bác sĩ đã có vợ rồi mà?"

Tôn Dật Tiên thần nhiên trả lời, "Tôi sẽ ly dị vợ tôi trước rồi xin cưới Ái Linh sau."

Người bạn phản đối, "Nhưng Ái Linh là con của Tổng Giáo Nhân, một người bạn thân của Bác sĩ. Bác sĩ nên nhớ Tổng Giáo Nhân có ơn lớn với Bác sĩ, và đã giúp đỡ Bác sĩ rất nhiều để Bác sĩ có được như ngày hôm nay. Đối với Ái Linh và các người con khác của Tổng Giáo Nhân, Bác sĩ vẫn được coi như một người chú. Họ có khác gì con của Bác sĩ đâu?"

Nhà đại cách mạng vẫn cương quyết, "Tuy vậy tôi vẫn muốn lấy Ái Linh."

Một buổi tối Tôn Dật Tiên đến thăm Tổng Giáo Nhân và đề nghị xin cưới Ái Linh. Tổng Giáo Nhân vô cùng kinh ngạc, mặt tái mét nhìn trừng trừng vào mặt Tôn Dật Tiên, một người bạn chí thân của ông trong suốt hai mươi năm vừa qua. Khi lấy lại được bình tĩnh, Tổng Giáo Nhân buồn bã nói với Tôn Dật Tiên, "Tôn Dật Tiên, tôi là người Thiên chúa giáo. Từ trước tới nay, tôi vẫn tưởng ông cũng là một người Thiên chúa giáo như tôi. Tôi không bao giờ nuôi dưỡng con cái tôi một cách buông thả để chúng có thể chấp nhận một đề nghị quái gở như của ông. Chúng tôi là một gia đình Thiên chúa giáo, và mãi mãi sẽ như thế."

Tôn Dật Tiên rất ngỡ ngàng trước sự từ chối quyết liệt của Tổng Giáo Nhân. Mặt ông bối rối và cực kỳ bẽ mặt.

Tổng Giáo Nhân nói tiếp, "Tôn Dật Tiên. Xin mời ông về đi. Tôi muốn ông đừng bao giờ trở lại nhà tôi nữa."

Tuy nhiên sau đó hai người vẫn tiếp tục cộng tác với nhau một thời gian nữa, tuy tình thân không còn được như trước. Tôn Dật Tiên và Tổng Ái Linh không thể là một cặp vợ chồng tương xứng hòa hợp với nhau được, không những vì sự cách biệt về tuổi tác, mà còn vì bản chất rất khác nhau nữa. Tôn Dật Tiên là một người lý tưởng, mơ mộng xa thực tế trong khi Tổng Ái Linh là một người rất thực tế và rất say mê tiền bạc.

Đầu năm 1913, Viên Thế Khải có vẻ thắng thế trong âm mưu đoạt quyền lãnh đạo Trung Hoa, và muốn tái lập chế độ quân chủ để trở thành một hoàng đế. Trong cuộc bầu cử năm đó, Quốc dân đảng thắng lớn, nhưng Viên Thế Khải đâu có dễ dàng chịu thua như vậy. Từ Cẩm Thành tại Bắc Kinh, Viên Thế Khải phái những tay thích khách đi khắp nơi ám sát các lãnh tụ Quốc dân đảng. Nạn nhân đầu tiên là Cung Châu Gia, một chính trị gia trẻ tuổi, có tài tổ chức, và tạo được một hậu thuẫn mạnh mẽ tại nông thôn. Danh tiếng Cung Châu

Gia ngày một gia tăng, và có thể là một đe dọa cho Viên Thế Khải. Ngày 20-3-1913, trong lúc Cung Châu Gia đi xe lửa tại Thượng Hải, một thích khách nhắm vào bụng ông bắn hai phát súng. Hai phát đạn này có mục đích tạo sự đau đớn vô cùng trong lúc nạn nhân hấp hối. Cung Châu Gia lăn lộn đau đớn trong hai ngày mới chết được. Sau đó là hàng loạt các vụ ám sát khác, phần lớn là đầu độc vì người Trung hoa hay ăn tiệc. Ngày 11-7-1913, tổng đốc Quảng Tây được sự khuyến khích của Tôn Dật Tiên nên tuyên bố ly khai với Bắc Kinh, và trở thành một tỉnh độc lập. Tôn Dật Tiên cũng công khai lên án âm mưu muốn làm hoàng đế của Viên Thế Khải. Lập tức Viên Thế Khải cách chức Giám đốc Hỏa xa của Tôn Dật Tiên và ra lệnh tróc nã. Tôn Dật Tiên phải vội vã trốn sang Đông Kinh.

Viên Thế Khải ra tuyên cáo Quốc dân đảng chỉ là một tổ chức nổi loạn và ra lệnh giải tán Quốc dân đảng. Sau đó họ Viên bổ nhiệm một Hội đồng Chính trị để làm cố vấn cho Viên, và thành lập một Hội Đồng Hiến Pháp với thành phần là những đại biểu được dân bầu lên. Họ Viên cố chứng minh những lợi điểm của một nền quân chủ so với chính thể cộng hòa. Một số ít người cũng đồng ý với họ Viên. Tại Nhật Bản, phe cách mạng nhìn thấy Viên Thế Khải đang phá hoại công trình của họ đã tạo được sau bao nhiêu năm cố gắng, và cảm thấy rằng họ sẽ phải bắt đầu lại từ đầu.

Khi Tôn Dật Tiên trốn sang Nhật thì Tổng Giáo Nhân cũng lâm vào tình cảnh nguy hiểm, vì mọi người biết rõ Tổng Giáo Nhân là đồng chí của Tôn Dật Tiên, và đã hoạt động sát cánh với Tôn Dật Tiên. Nếu Tổng Giáo Nhân tiếp tục ở lại Thượng Hải thì chắc chắn sẽ không tránh thoát được bàn tay của những thích khách do Viên Thế Khải phái tới. Tổng Giáo Nhân đành phải quyết định đem cả gia đình trốn sang Nhật, gồm có Ái Linh, Khánh Linh và hai cậu con trai nhỏ. Lúc đó Tổng Tử Văn và Tổng Mỹ Linh vẫn còn du học tại Hoa Kỳ. Khi tới Nhật Bản, gia đình Tổng Giáo Nhân được Quốc dân đảng tại Nhật đón tiếp nồng hậu. Tổng Ái Linh vẫn trở lại công việc làm thư ký cho Tôn Dật Tiên như trước. Tôn Dật Tiên cũng đem theo cả vợ con sang lánh nạn tại Nhật. Vì bản phận của một lãnh tụ cách mạng, Tôn Dật Tiên đã phải sống xa gia đình gần như suốt cả cuộc đời, vì thế hai vợ chồng bây giờ có vẻ xa cách nhau. Sự ràng buộc giữa Tôn Dật Tiên và vợ con dường như rất lỏng lẻo. Nhưng tại Nhật Bản, vợ của Tôn Dật Tiên tìm thấy sự an ủi ở một tình bạn thân cận với bà Tổng Giáo Nhân. Hai bà trở thành hai người bạn thân thiết với nhau, và cùng nhau đi thăm nhiều thắng cảnh tại Nhật Bản.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 4

Cuộc Tình Duyên Của Tống Ái Linh Và Khổng Tường Hy

Tại Nhật Bản, Tống Giáo Nhân được giới thiệu với Khổng Tường Hy, một nhà tài phiệt Trung Hoa còn rất trẻ, mới 33 tuổi. Khổng Tường Hy người tỉnh Sơn Tây và là dòng dõi đức Khổng Tử. Gia đình Khổng Tường Hy cực kỳ giàu có. Dinh cơ nhà họ Khổng tại Sơn Tây có tới ba trăm phòng ốc, chiếm một diện tích trên tám mươi mẫu đất, và trong nhà có trên năm trăm nô bộc phục dịch. Những đồ đạc trong nhà cực kỳ sang trọng quý giá. Bàn ghế tử giường được mua và chở từ Quảng Đông lên tận miền bắc. Tài sản nhà họ Khổng là do một hệ thống các tiệm cầm đồ, các dịch vụ buôn bán bất động sản và ngân hàng. Thân phụ Khổng Tường Hy hiện đang điều khiển việc làm ăn của gia đình tại Bắc Kinh. Khổng Tường Hy mồ côi mẹ rất sớm, và được thân phụ gửi theo học tại một trường truyền giáo, tại đây Khổng Tường Hy bí mật theo đạo Thiên Chúa.

Khi loạn Quyền Phỉ của Nghĩa Hòa Đoàn bùng nổ năm 1900, các nhà truyền giáo ngoại quốc tại Trung hoa, và ngay cả những người Trung hoa theo đạo Thiên Chúa, đã bị loạn quân và triều đình tàn sát rất dã man. Việc lợi dụng Nghĩa Hòa Đoàn để chống lại người tây phương là một sai lầm nghiêm trọng của Từ Hy Thái Hậu, khiến cho nhiều thành phố lớn của Trung hoa bị liên quân tây phương tàn phá để trả thù, và số thường dân vô tội bị chết oan cũng rất nhiều.

Trong những năm cuối thế kỷ 19, miền bắc Trung hoa hay bị hạn hán, mất mùa khiến các nông dân nghèo phải phiêu bạt kiếm miếng ăn, và rất công phẫn bất mãn triều đình. Lúc bấy giờ có hai người là Trương Đạt Thanh và Cao Phúc Điền đứng ra chiêu mộ thanh thiếu niên từ 15 tuổi trở lên để dạy quyền thuật. Hai người này còn đưa ra những nghi lễ cúng bái cho thêm phần kỳ bí, và ban phát những bùa chú có thể chống được gươm đao, và khiến đối phương phải hoảng loạn tinh thần khi giao chiến. Hai người tổ chức môn đệ như tuần đinh trong làng, và đo đó được gọi là Nghĩa Hòa Đoàn, và môn võ của họ được gọi là Nghĩa Hòa Quyền. Về mặt tôn giáo, Nghĩa Hòa Đoàn rất giống với Bạch Liên Giáo.

Mục tiêu của Nghĩa Hòa Đoàn là tấn công các cơ sở truyền giáo của người tây phương, vì họ cho đó là nguyên nhân của mọi tai họa mà người dân Trung Hoa đang phải chịu đựng. Trong năm 1899, các nhà thờ Thiên Chúa giáo tại vùng Sơn Đông bị Nghĩa Hòa Đoàn tấn công phá hủy, giáo sĩ bị giết hoặc phải bỏ trốn về những thành phố an toàn. Bị các quốc gia tây phương phản đối và hăm dọa, triều đình nhà Thanh phải sai Viên Thế Khải ra trấn thủ Sơn Đông để diệt Nghĩa Hòa Đoàn. Nhưng một số quan nhà Thanh thấy Nghĩa Hòa Đoàn có thể dùng được để áp lực lại tây phương, nên liên kết với Nghĩa Hòa Đoàn. Do vậy, Nghĩa Hòa Đoàn đưa ra khẩu hiệu "Phù Thanh Diệt Dương". Vì lẽ này, các bang hội "Phản Thanh Phục Minh" chống lại Nghĩa Hòa Đoàn, và đã có những sự xung đột giữa Nghĩa Hòa Đoàn và các bang hội khác.

Năm 1900, Từ Hy Thái Hậu tin tưởng pháp thuật của Nghĩa Hòa Đoàn có thể chống lại được sức mạnh của tây phương, nên cho Nghĩa Hòa Đoàn vào Bắc Kinh. Khu vực của người tây phương tại Bắc Kinh bị quân Nghĩa Hòa Đoàn bao vây, và gây nhiều thiệt hại cho người tây phương. Nhiều giáo sĩ tây phương và người Trung hoa theo đạo Thiên Chúa bị tàn sát. Khi liên quân các nước tây phương tiến vào tấn công, quân của Nghĩa Hòa Đoàn tay không xông vào quân địch, bắt kẻ súng đạn, vì họ tin rằng bùa chú của họ sẽ thắng. Nhưng Nghĩa Hòa Quyền và bùa chú của họ không chống lại được súng đạn của tây phương. Do đó, Nghĩa Hòa Đoàn bị đánh tan tành, thầy chất thành đống, và Từ Hy Thái Hậu cùng vua Quang Tự phải bỏ kinh thành chạy trốn về Tây An, để mặc Lý Hồng Chương ở lại thương thuyết cầu hòa.

Khi Nghĩa Hòa Đoàn tàn sát giáo sĩ tây phương và người Trung hoa theo đạo Thiên Chúa thì Khổng Tường Hy may mắn thoát được cuộc tàn sát là nhờ về thăm nhà. Khổng Tường Hy thú thật với thân phụ đã theo đạo Thiên Chúa, và được thân phụ và người chú dẫu thật kỹ trong nhà. Mãi tới khi loạn Quyền Phỉ bị dẹp rồi Khổng Tường Hy mới được tự do ra ngoài.

Ngay chính tại Sơn Tây, sinh quán của Khổng Tường Hy, một cuộc hành quyết các giáo sĩ ngoại quốc đã xảy ra. Cuộc hành quyết bắt đầu với các mục sư giòng Baptist. Mục sư Farthing bị lính dẫn lên trước. Bà vợ nắm chặt lấy tay mục sư, nhưng Farthing nhẹ nhàng đẩy tay vợ ra, đi thẳng tới trước người đao phủ và quỳ xuống. Một nhát dao vung lên, và đầu mục sư Farthing rụng xuống. Kế đó là các vị mục sư khác, tất cả đều bị chặt đầu.

Viên tổng đốc thấy cuộc hành quyết quá chậm chạp mà số nạn nhân

thì còn nhiều, nên ra lệnh cho các binh sĩ khác dùng kiếm tiếp tay với các đao phủ, để giải quyết cho xong số nạn nhân còn đông đảo. Bà mục sư Farthing hai tay nắm chặt hai đứa con, nhưng binh sĩ giằng hai đứa bé ra, và đao phủ vung đao. Chỉ một nhát, đầu bà Farthing đã văng đi. Sau người lớn, các đao phủ tiếp tục hạ sát đến trẻ con. Nghệ thuật chém đầu của họ thật điêu luyện, vì đã có nhiều kinh nghiệm. Chỉ một nhát dao vung lên là xong đời một nạn nhân. Tuy nhiên cũng có vài đao phủ hơi vụng về, chưa quen với công việc chặt đầu người, nên đôi khi phải chém tới vài nhát mới làm xong nhiệm vụ, khiến nạn nhân phải vô cùng đau đớn.

Bà mục sư Lovitt đeo kính, nắm chặt tay con và nói với viên tổng đốc, "Chúng tôi tới Trung Hoa để đem tin lành cho các ông về Chúa Cứu Thế. Chúng tôi không làm điều gì hại, mà chỉ làm điều tốt. Tại sao các ông đối xử với chúng tôi như vậy?" Một tên lính bước tới lột kính của bà Lovitt ra, và hấn phải chém hai nhát mới chặt đứt được cổ bà Lovitt. Lúc chết rồi, tay bà Lovitt vẫn nắm chặt tay đứa con bà. Khi các mục sư Tin Lành tử đạo xong thì đến lượt các linh mục công giáo người Pháp. Vị giám mục được dẫn ra trước. Vị giám mục đã già quá rồi, râu tóc bạc phơ. Ông hỏi viên tổng đốc tại sao ông ta hành động tàn ác như thế. Viên tổng đốc trả lời vị giám mục già bằng một nhát kiếm treo ngang mặt. Máu phun ra nhuộm đỏ bộ râu bạc của vị giám mục già, và ông gục xuống chết ngay. Sau đó là các linh mục và các vị nữ tu, tất cả đều chịu chung một hình phạt chặt đầu. Ngày hôm đó tất cả 45 giáo sĩ tây phương và gia đình bị hành quyết, cùng với một số đông người Trung Hoa theo đạo Thiên Chúa. Xác của các nạn nhân để mặc nằm tại bãi hành quyết suốt đêm hôm đó, vì mãi đến chiều tối cuộc hành quyết mới chấm dứt. Trong đêm hôm đó, tất cả các xác đều bị lột hết quần áo và những gì có giá trị đeo trên mình. Ngày hôm sau, tất cả xác đều được chôn tập thể, trừ một vài cái đầu được đem đóng đinh ngay vào cổng thành, để làm gương cho công chúng.

Quan quân nhà Thanh cũng như loạn quân Quyển Phi không khỏi kinh ngạc cảm phục và e sợ trước sự can đảm của gia đình các nhà truyền giáo tây phương. Trừ một vài sự run rẩy ở phía các bà, và các bàn tay trẻ con nắm chặt váy mẹ ra, không một ai khóc lóc, kêu than hoặc van xin tha chết. Tất cả các nạn nhân bình thản chấp nhận cái chết thảm khốc dưới đao kiếm của quan quân nhà Thanh.

Sự hành quyết dã man các giáo sĩ truyền giáo và gia đình họ đã gây phẫn nộ tại tây phương. Sáu quốc gia phái quân đội đến trả thù, một cuộc trả thù vô cùng đắt giá cho người Trung Hoa. Nếu chờ quân đội

từ chính quốc tới thì lâu quá, người Anh phải tung vào cuộc trả thù ba ngàn lính Ấn Độ, trong khi người Pháp đem một số lính thuộc địa người Việt nam sang tham chiến. Huân tước Alfred von Waldersee, chỉ huy quân đội Đức, ra lệnh cho binh sĩ dưới quyền:

"Khi các người gặp quân Trung Hoa, các người phải đánh bại chúng. Không được tha một tên nào, không được bắt chúng làm tù binh, mà phải giết hết. Tất cả những kẻ nào rơi vào tay các người, các người mặc sức chém giết. Cũng như người Mông Cổ cách đây gần một ngàn năm dưới quyền của Hốt Tất Liệt đã tạo được danh tiếng khủng khiếp còn lưu truyền đến ngày nay, thì bây giờ các người có nhiệm vụ làm cho Đức quốc cũng được kính sợ như vậy tại Trung Hoa, và từ nay người Trung Hoa sẽ không dám nhìn thẳng vào mặt người Đức."

Sau đó là một cuộc tàn sát trả thù vô cùng khủng khiếp của liên quân tây phương. Các thành phố và cung điện bị tàn phá thành những đồng gạch vụn vĩ đại. Quân Nga chặt đầu tất cả đàn ông đàn bà và trẻ con trong suốt cả một vùng rộng lớn, rồi liệng xác nạn nhân xuống dòng sông Hắc Long Giang. Trong lúc đó thì Khổng Tường Hy có mặt tại Bắc Kinh. Khi được tin tỉnh Sơn Tây sẽ bị liên quân tây phương chiếu cố đặc biệt, vì chính tại Sơn Tây số giáo sĩ bị chặt đầu nhiều hơn hết. Khổng Tường Hy liền đứng ra thương thuyết, và dùng rất nhiều vàng bạc đút lót cho tây phương, gọi là tiền bồi thường. Gia đình nhà họ Khổng còn nhường lại rất nhiều quyền lợi kinh tế cho tây phương tại Sơn Tây, và nhờ đó cuộc trả thù của tây phương tại Sơn Tây đã tránh được.

Triều đình nhà Thanh rất cảm kích công lao của Khổng Tường Hy, và cấp thông hành đặc biệt cho Khổng Tường Hy được sang du học tại Hoa Kỳ. Khổng Tường Hy học tại đại học Yale, và đậu bằng tiến sĩ về môn kinh tế tài chánh. Khi trở về Trung Hoa, Khổng Tường Hy làm cố vấn cho sứ quân Diêm Tích Sơn một thời gian. Về sau Khổng Tường Hy mở trường giáo dục quần chúng, quảng bá lý tưởng dân chủ. Khi cuộc cách mạng xảy ra tại những tỉnh khác thì dân chúng Sơn Tây yêu cầu Khổng Tường Hy đứng ra chỉ huy quân đội tình nguyện của Sơn Tây, bao gồm những cảnh sát và vệ sĩ của các nhà giàu. Dân chúng muốn Khổng Tường Hy làm tổng đốc Sơn Tây, nhưng họ Khổng từ chối, và chỉ quan tâm tới vấn đề giáo dục. Theo Khổng Tường Hy thì việc giáo dục rất quan trọng cho công

cuộc cách mạng, cải tiến đất nước. Họ Khổng tuyên bố, "Chúng ta không thể hoàn thành cuộc cách mạng một sớm một chiều được. Người ta có thể tiến hành thành công một cuộc đảo chánh, thay đổi thể chế chính trị trong một đêm. Nhưng sau đó làm sao chúng ta có người để điều hành chính phủ? Chúng ta cần phải học tập cách cai trị đất nước, và giáo dục là bước đầu và quan trọng nhất trong một cuộc cách mạng."

Năm 1910, Khổng Tường Hy kết duyên với một thiếu nữ mồ côi nhưng rất đẹp, và được học tại một trường truyền giáo. Cả hai người sống rất hạnh phúc bên nhau được mấy năm tại Sơn Tây. Đến năm 1913, năm mà Viên Thế Khải trở thành một nhà độc tài tại Bắc Kinh, thì vợ Khổng Tường Hy mắc bệnh chết. Khổng Tường Hy rất đau lòng và nản chí trước cái chết của người vợ yêu quý, nên bỏ nước sang Nhật Bản một năm để tìm quên. Chính tại đây Khổng Tường Hy gặp được Tống Giáo Nhân và Tống Ái Linh.

Trong thời gian còn du học tại Hoa Kỳ, Khổng Tường Hy và Tống Ái Linh đã gặp nhau một lần trong một buổi tiệc liên hoan năm 1906. Bây giờ gặp lại nhau, Khổng Tường Hy bỗng say mê Ái Linh. Đối với Tống Ái Linh thì Khổng Tường Hy chính là một người chồng lý tưởng, một người không đẹp trai hấp dẫn, mặt mũi tròn như một trái bí, nhưng lại có rất nhiều tiền. Đối với Ái Linh thì chỉ có tiền là đẹp, càng nhiều tiền thì càng đẹp.

Khi Khổng Tường Hy ngỏ lời cầu hôn lấy Tống Ái Linh, thì ngay tối hôm ấy, Tống Giáo Nhân dùng hai đồng tiền gõ vào nhau để xem điềm tốt hay điềm xấu. Hai đồng tiền gõ vào nhau, vang lên những âm thanh rất trong trẻo ngọt ngào. Đó là những âm thanh của lợi lộc và phát tài. Tống Giáo Nhân vui vẻ chấp nhận lời cầu hôn của "cây tiền" Khổng Tường Hy. Hôn lễ của Tống Ái Linh và Khổng Tường Hy được cử hành tại Nhật Bản vào mùa xuân năm đó.

Mối Tình Tống Khánh Linh Và Tôn Dật Tiên

Trong lúc còn du học tại Hoa Kỳ, Tống Khánh Linh vẫn theo dõi hoạt động cách mạng của Tôn Dật Tiên. Nàng vô cùng sung sướng khi Tôn Dật Tiên trở thành tổng thống năm 1912. Trong dịp đó, Tống Khánh Linh viết một bài báo chào mừng ngày trọng đại của Trung Hoa, và coi Tôn Dật Tiên là một vị anh hùng và cứu tinh cho dân tộc Trung Hoa. Năm 1913 Tống Khánh Linh hồi hương và gặp người anh hùng của nàng. Nếu Tôn Dật Tiên thành công trong chức tổng thống thì có lẽ rồi Khánh Linh cũng quên dần Tôn Dật Tiên, và sẽ đi theo

con đường riêng của nàng. Nhưng Tôn Dật Tiên là một mẫu anh hùng cách mạng thất bại. Hết thất bại này đến thất bại khác theo đuổi ông trong suốt cuộc đời hy sinh tận tụy tranh đấu cho đất nước của ông. Chính những thất bại của Tôn Dật Tiên đã khiến hai cuộc đời của ông và Tống Khánh Linh gặp nhau. Phải chăng đó là định mệnh? Tống Khánh Linh trở về nước để thấy Tôn Dật Tiên đang thất thế, phải trốn tránh và đang ở trong một tình trạng cô đơn gần như tuyệt vọng. Viên Thế Khải đã trở thành người của thời cuộc, và đang ra lệnh tầm nã Tôn Dật Tiên. Chính cuộc đời lưu vong tại Nhật Bản của hai nhà họ Tôn và họ Tống đã tạo môi trường cho Khánh Linh và Tôn Dật Tiên lại gần nhau.

Tương lai chính trị của Tôn Dật Tiên trong thời gian lưu vong tại Nhật Bản không được sáng sủa lắm. Trong một cố gắng đạt được sự ủng hộ của Nhật Bản để có thể đương đầu với Viên Thế Khải, Tôn Dật Tiên đã hứa hẹn dành cho người Nhật rất nhiều đặc quyền đặc lợi tại Trung Hoa nếu người Nhật giúp ông đánh bại được Viên Thế Khải. Tôn Dật Tiên không biết được rằng người Nhật cũng đang đi đêm với cả Viên Thế Khải. Tôn Dật Tiên vẫn nhất quyết đạt được sự trợ giúp của người Nhật nên ông nhượng bộ thêm nữa, hứa cho người Nhật được hưởng những đặc quyền như người Anh tại Trung Hoa. Các đề nghị của Tôn Dật Tiên làm các giới chức Nhật rất thèm muốn, nhưng đúng lúc đó đệ nhất thế chiến bùng nổ tại Âu châu. Người Nhật muốn chờ đợi, vì họ biết quyền lợi của người Anh tại Á Châu sẽ thay đổi rất nhiều, tùy theo kết quả của cuộc đại chiến. Do đó mọi nỗ lực của Tôn Dật Tiên đều không đưa đến một kết quả nào.

Những thất bại liên tiếp làm Tôn Dật Tiên ngã lòng, và ảnh hưởng đến tinh thần ông. Lúc đó là giai đoạn đen tối nhất cho những người Trung Hoa đang hoài bão một tương lai tươi sáng cho xứ sở họ. Cuộc Cách Mạng Tân Hợi 1911 là một hứa hẹn bình minh đầu tiên sau hàng ngàn năm tăm tối. Nhưng cuộc cách mạng này đã bị phản bội, và cuối cùng đưa Trung Hoa vào sự đen tối của chế độ độc tài Viên Thế Khải. Thật là một nghịch cảnh lớn lao đối với các nhà cách mạng Trung Hoa, vì đã có lúc họ tưởng như đã đạt được mục đích. Nhiều người Trung Hoa ái quốc đã phải tự tử vì không chịu đựng nổi sự thất vọng sâu xa này.

Trong hoàn cảnh tuyệt vọng đó, Tôn Dật Tiên rất cần một người, một điểm tựa để bầu vút vào cho khỏi ngã quỵ, ít nhất là về mặt tinh thần. Tình bạn thân mật giữa Tôn Dật Tiên và Tống Giáo Nhân trước kia không còn nữa, sau vụ Ông đòi lấy Ái Linh làm vợ. Sau khi Ái Linh kết hôn với Khổng Tường Hy, và tìm thấy hạnh phúc của nàng thì

nàng từ giả công việc làm thư ký buồn tẻ và không công cho Tôn Dật Tiên. Chưa bao giờ Tôn Dật Tiên cảm thấy cô đơn và chán đời như thế, vừa mất Ái Linh, vừa không nhìn thấy tia hy vọng của công cuộc quang phục nước Trung Hoa. Đúng giây phút tuyệt vọng ấy, Tống Khánh Linh đến với Tôn Dật Tiên, như một nàng tiên đưa một ông già đang mang một tâm hồn cần cỗi mệt mỏi, vào một vùng của hồi sinh và hạnh phúc. Tống Khánh Linh đang ở trong tình trạng rảnh rỗi nên tình nguyện thay thế chị, đến làm việc giúp đỡ Tôn Dật Tiên mỗi ngày.

Tống Ái Linh và Tống Khánh Linh là hai thái cực, khác nhau rất nhiều phương diện. Ái Linh buồn tẻ bao nhiêu thì Khánh Linh xinh đẹp bấy nhiêu. Ái Linh thực tế, tính toán và yêu tiền bạc bao nhiêu thì Khánh Linh hồn nhiên, lý tưởng, thiên về tinh thần và những giá trị cao quý bấy nhiêu. Khi đến với Tôn Dật Tiên, Khánh Linh chỉ là một bông hoa mới chớm nở, một thiếu nữ xinh đẹp, trí thức, say mê lý tưởng và hết lòng yêu mến nước Trung Hoa.

Đối với Khánh Linh thì làm việc với Tôn Dật Tiên là một hạnh phúc. Niềm hạnh phúc sâu xa của nàng là do nàng cảm nhận rằng nàng đang thỏa mãn niềm khao khát của nàng ngay từ khi nàng còn nhỏ. Cuộc đời mới của nàng là phục vụ cho cách mạng. Nàng nghĩ những gì nàng làm cho Tôn Dật Tiên sẽ đem lại tự do và hạnh phúc cho hàng triệu công nhân và nông dân Trung Hoa. Những gì nàng ghi chép cho Tôn Dật Tiên đã giúp nàng hiểu rõ ý nghĩa đích thực của cách mạng. Nhiều lúc Khánh Linh cảm động vì những gì nàng viết đến nỗi phải ngừng lại để lấy lại bình tĩnh mới có thể viết tiếp được. Nàng giống như một dòng suối nhỏ uốn khúc quanh co để tìm lối ra đại dương, và bây giờ bất chợt cảm thấy mình trở thành một phần của một dòng thác lũ, cuồn cuộn xô tới một vùng nước mênh mông. Đây chính là điều nàng muốn thực hiện, cái nhu cầu của chính bản thân nàng, một nhu cầu mà nàng không kiềm chế nổi.

Khi làm việc với Tôn Dật Tiên, Khánh Linh học hỏi được căn bản của cách mạng, từ khởi đầu cho tới hiện tại, những khó khăn cũng như những hứa hẹn của tương lai. Nàng nhận thấy cách mạng là một cái gì lớn lao cao cả, và nhận thức Tôn Dật Tiên đã quá lý tưởng không nhìn thấy được những thực tế khó khăn. Nàng hiểu Tôn Dật Tiên vì chính nàng cũng là một con người lý tưởng, và hiểu được những ước vọng tha thiết thầm kín của Tôn Dật Tiên. Nhưng vì còn trẻ, nên Khánh Linh không coi những khó khăn là quá to lớn, trái lại những khó khăn ấy còn như gây hứng khởi cho nàng. Sự công bình và chính đáng của các nguyên tắc cách mạng khích lệ nàng, và nàng tin

tưởng rằng công cuộc cách mạng sẽ thắng và Trung Hoa sẽ trở thành một quốc gia trong đó người dân được làm chủ vận mạng của mình.

Khánh Linh chỉ là một cô gái trẻ bên cạnh một Tôn Dật Tiên đã già, tuy vậy những bản năng che chở bảo vệ của một người mẹ trong người nàng tuôn tràn ra để trợ giúp Tôn Dật Tiên. Đối với người khác, Khánh Linh có vẻ xa cách, dè dặt, tránh né, nhưng nàng hết sức cởi mở, bộc lộ hết tâm tư với Tôn Dật Tiên, vì nàng nghĩ ông hiểu nàng. Khánh Linh ít khi nào tâm sự với bất cứ ai trong gia đình nàng, trừ một đôi lần với thân phụ và Mỹ Linh. Từ trước tới nay, Khánh Linh dường như sống một cuộc đời cô đơn thầm kín. Mãi cho tới nay, khi gặp Tôn Dật Tiên, cuộc đời mới thực sự mở ra cho nàng, và rất sống động.

Khánh Linh thường làm việc rất khuya, đến quá nửa đêm, cùng với Tôn Dật Tiên. Nàng bàn luận với Tôn Dật Tiên những gì cần phải viết, và viết cách nào cho có hiệu quả. Ban đêm trên giường ngủ, nàng thường nằm nghĩ lại những đoạn văn nàng viết, về những gì nàng và Tôn Dật Tiên bàn thảo với nhau. Những lúc ấy, một ý nghĩ mới và mạnh mẽ bắt đầu xâm chiếm tâm hồn nàng, nhưng nàng vẫn cố gắng kiềm chế để chờ biết rõ tâm hồn nàng hơn nữa.

Nhiều khi Khánh Linh thấy Tôn Dật Tiên lo lắng, tinh thần và thể xác mệt mỏi. Ông cần phải có một sức mạnh mới, vĩnh viễn bên cạnh trợ giúp ông. Khánh Linh tự nhủ, "Ta có thể giúp Trung Hoa và ta có thể giúp bác sĩ Tôn Dật Tiên. Bác sĩ cần ta" Nàng chưa nói điều đó ra với ai, nhưng đó là một niềm tin không thể lay chuyển nổi của nàng. Tinh thần chính trực của nàng bảo cho nàng rằng nếu nàng dâng hiến đời nàng cho công cuộc cách mạng thì đây là hành động cuối cùng, không thể lùi được. Thân phụ nàng tin rằng Trung Hoa cần phải thay đổi, nhưng không phải là sự thay đổi mà nàng biết Tôn Dật Tiên đang toan tính. Quyết định của nàng có phản lại cái gia đình yêu quý của nàng không, nàng tự hỏi? Hằng đêm nàng nằm yên lặng, không ngủ, cố đi sâu vào nội tâm của mình.

Nhưng cái tinh thần tận tụy và khả năng hy sinh của Khánh Linh đã giúp nàng quyết định khi cái ý nghĩ đầu tiên đến với nàng. Tuy nhiều đêm nàng nằm suy nghĩ, tự hỏi lòng mình, và cố gắng chắc rằng sau này sẽ không có sự thay đổi nữa, nhưng lòng nàng đã thực sự quyết định rồi. Khánh Linh không còn là một người con gái như mọi người trong gia đình vẫn nghĩ về nàng: dè dặt ít nói, nhát sợ, hay mắc cỡ và khiêm tốn. Nàng biết rằng từ trước nàng vẫn che dấu nhân cách của nàng. Nhưng bây giờ nàng sống với tâm hồn thực của nàng, một

con người đầy nghị lực, sẵn sàng và bạo dạn dâng hiến đời nàng cho cách mạng.

Hàng ngày Tôn Dật Tiên và Khánh Linh làm việc bên nhau, gần gũi nhau và càng lúc càng ý hợp tâm đầu, vì hai người có cá tính giống nhau. Khánh Linh thấy ở Tôn Dật Tiên một lý tưởng cao đẹp quang phục nước Trung Hoa, như nàng vẫn thường ấp ủ. Nàng nhìn thấy ở Tôn Dật Tiên không phải là một ông già ở tuổi ngũ tuần, mệt mỏi sau quá nhiều thất bại. Trái lại nàng chỉ thấy ở ông một sự vô cùng đẹp đẽ, những hào quang của một kiểu mẫu anh hùng mà nàng hằng mơ tưởng, một người đàn ông đẹp trọn vẹn với đầy đủ sức quyến rũ hùng tráng của một bậc trượng phu. Còn Tôn Dật Tiên càng ngày càng say đắm cái nhan sắc tuyệt trần của Khánh Linh, sự thông minh duyên dáng đáng mê của nàng, trong khi đó bà vợ già quê mùa mà cha mẹ Ông cưới cho ông trên ba mươi năm trước, bây giờ mỗi ngày một thấy vô duyên hơn.

Trước kia Tôn Dật Tiên muốn lấy Ái Linh làm vợ chỉ vì lòng ưa thích sự mới lạ trẻ trung bên ngoài của một cô gái tân tiến. Nếu ông và Ái Linh thành vợ chồng thì chắc chắn hai người đều không có hạnh phúc, vì bản chất khác hẳn nhau. Nhưng bây giờ ông say mê Khánh Linh không những Khánh Linh đẹp và trẻ hơn Ái Linh, mà ông còn cảm phục yêu mến cái tâm hồn cao thượng của nàng nữa. Thế là việc phải đến đã đến. Hai con tim hòa hợp nhau, yêu nhau say đắm. Đây là một sự kết hợp giữa mùa đông và mùa xuân, chàng đã 50 tuổi, có vợ và ba con đã trưởng thành, và nàng mới chỉ 20 tuổi, một bông hoa hầy còn phong nhụy. Tuy nhiên hai người vẫn cố gắng giữ kín mối tình lãng mạn của họ đến tối đa, không một ai biết được.

Một điều bất ngờ xảy đến là Tổng Giáo Nhân tử ý muốn trở về Thượng Hải. Họ Tổng đã mua một căn nhà lớn trong khu tô giới Pháp tại Thượng Hải. Dĩ nhiên Khánh Linh kịch liệt phản đối quyết định trở về Thượng Hải của thân phụ. Nàng đang ngụp lặn trong hạnh phúc đầu tiên và không muốn rời xa Tôn Dật Tiên. Gia đình họ Tổng phải kèm giữ Khánh Linh và đưa nàng về Thượng Hải cấp tốc như một trường hợp bắt cóc. Hai vợ chồng Ái Linh và Khổng Tường Hy cũng về theo. Có thể Tổng Giáo Nhân tinh ý nghi ngờ có sự lén lút giữa Tôn Dật Tiên và Khánh Linh, nên quyết định trở về Thượng Hải để kịp thời lôi con gái ra khỏi cơn mê. Tổng Giáo Nhân cũng không còn tin tưởng ở ông bạn cách mạng già của mình nữa. Kể từ sau vụ từ chối không gả Ái Linh cho Tôn Dật Tiên, Tổng Giáo Nhân không còn quý trọng thân mật với người bạn chí thân nữa. Tổng

Giáo Nhân cũng muốn tránh một trường hợp tương tự, phải từ chối lời cầu hôn của Tôn Dật Tiên một lần nữa.

Ba Chị Em Nhà Họ Tổng

Chương 5

Cuộc Hôn Nhân Của Tổng Khánh Linh Và Tôn Dật Tiên

Ngay khi về đến Thượng Hải, gia đình họ Tổng loan báo lễ hứa hôn của Khánh Linh với một thanh niên con một gia đình danh giá quyền quý. Khánh Linh chống đối quyết định của gia đình một cách quyết liệt, và tuyên bố không bao giờ chấp nhận cuộc hôn nhân ấy. Tâm hồn nàng đã gửi cả cho Tôn Dật Tiên tại Đông Kinh rồi. Tổng Giáo Nhân nhốt nàng trong một phòng ngủ trên lầu. Khánh Linh bí mật viết thư cho Tôn Dật Tiên, hỏi ý kiến ông nàng trốn sang Nhật với ông ta được không. Lá thư này Khánh Linh giao cho một đầy tớ gái thân tín đem ra bỏ tận nhà bưu điện, để không bị thân phụ nàng biết. Nhận được thư Khánh Linh, Tôn Dật Tiên vội vàng phúc đáp ngay. Nhà đại cách mạng thúc giục nàng phải trốn sang Nhật với ông ta ngay tức khắc, vì ông ta rất cần nàng.

Khánh Linh trình bày cho thân phụ biết tất cả sự thực về mối tình của nàng với Tôn Dật Tiên, và xin thân phụ chấp thuận cho nàng được toại nguyện, được kết hôn với Tôn Dật Tiên. Tổng Giáo Nhân khẳng không chấp nhận một cuộc hôn nhân mà ông cho là tội lỗi đó. Đối với bà Tổng Giáo Nhân thì không chuyện gì có thể gây kinh hoàng cho bà hơn thế. Bà biết vợ chồng Tôn Dật Tiên đều theo đạo Thiên Chúa, bà Tôn Dật Tiên cùng thể hệ với chồng và là một người vợ chính đáng, xét theo mọi tiêu chuẩn đạo đức của Trung Hoa. Bà không thể chấp nhận hành động của Tôn Dật Tiên bỏ người vợ cũ để chạy theo một người con gái đáng tuổi con mình. Điều tàn nhẫn nhất đối với bà là người con gái trẻ đó lại là con gái bà.

Nhưng Khánh Linh tỏ ra rất quyết tâm, không nhượng bộ sự ngăn cấm của cha mẹ. Không những Khánh Linh có hành động chống đối với chính mẹ nàng, mà còn đi ngược lại tất cả mọi tục lệ của xã hội Trung Hoa. Theo tục lệ cổ của Trung Hoa thì một người con gái có thể làm một người vợ bé, nhưng phải do các bậc trưởng thượng của

hai bên gia đình sắp đặt, và người con gái phải tỏ vẻ vâng chịu quyết định của những người trưởng thượng. Người con gái Trung Hoa, theo tục lệ cổ truyền, không thể tự ý đề nghị việc hôn nhân của mình, hoặc không được phép chống đối lại ý chí của gia đình.

Vợ chồng Tổng Giáo Nhân cho rằng gia đình họ gặp một điều đại bất hạnh, và một hành động điểm nhục gia phong do chính đứa con gái cứng của ông bà gây ra. Tổng Giáo Nhân ra lệnh cho Khánh Linh phải trở lên phòng trên lầu. Khánh Linh thành thực cho thân phụ biết nàng sẽ trốn sang Nhật với Tôn Dật Tiên. Vì thế Tổng Giáo Nhân cẩn thận khóa trái cửa phòng ngủ của con gái lại. Nhưng ngay đêm đó, trong lúc người hầu gái đứng bên dưới giữ chân thang, Khánh Linh trèo qua cửa sổ đi theo tiếng gọi của tình yêu. Ngay đêm đó Khánh Linh xuống tàu thủy sang Kobe, Nhật Bản. Đó là một hành động vô cùng táo bạo đối với một người con gái Trung Hoa vào thời đó.

Không những nàng bị coi là bất hiếu với cha mẹ, mà còn phản lại nghĩa vụ gia đình nữa.

Khi Khánh Linh tới nơi, Tôn Dật Tiên cấp tốc tổ chức hôn lễ ngay, để tạo ra một sự việc đã rồi, nếu gia đình nhà họ Tổng đến tận nơi để phản đối. Ngoài ra Tôn Dật Tiên cũng không muốn Khánh Linh mang tiếng chỉ là một người vợ bé của ông, và cũng không muốn mối tình duyên này có thể gây tai hại cho công cuộc cách mạng. Đám cưới được cử hành một ngày sau khi Khánh Linh tới Kobe. Tôn Dật Tiên chưa kịp ly dị người vợ cả già nua của ông, nhưng ông tự nhận ông ở vào tình trạng đã ly dị. Nếu Tôn Dật Tiên là một người theo đạo Khổng thì ông có thể lấy thêm vợ bé, miễn là được vợ cả và các người trưởng thượng trong gia tộc đồng ý. Nhưng ông là người theo đạo Thiên Chúa, và ông bị coi như mắc tội đa thê.

Khi Tổng Giáo Nhân khám phá Khánh Linh đã trốn khỏi nhà, ông liền tra hỏi người hầu gái, và được biết Khánh Linh đã trốn sang Nhật Bản. Tổng Giáo Nhân liền vội vã xuống tàu Pacific Mail để đuổi theo con gái. Khi tới Kobe ông dùng xe lửa đi Yokohama, nhưng quá trễ. Hôn lễ đã cử hành xong trước khi ông tới. Tổng Giáo Nhân đã thua Tôn Dật Tiên một bước, và đây có lẽ là sự thành công duy nhất đáng kể trong cuộc đời cách mạng của Tôn Dật Tiên. Tổng Giáo Nhân đến gặp cô dâu và chú rể. Trong một trận cãi nhau kịch liệt, Tổng Giáo Nhân buộc tội Tôn Dật Tiên là người phản bội, dụ dỗ con nít, và hành động một cách bệnh hoạn. Ông nhắc cho Tôn Dật Tiên biết trong hai chục năm vừa qua, hai người đã sát cánh chiến đấu bên nhau, và bây giờ chiến thắng đã gần kề thì Tôn Dật Tiên phản lại lòng tin của ông.

Tôn Dật Tiên hoàn toàn im lặng trước cơn thịnh nộ của Tổng Giáo Nhân, vì ông là kẻ chiến thắng. Ông đã được Khánh Linh là đủ rồi; ông thản nhiên nhìn Tổng Giáo Nhân mắt tóe lửa, nói sùì cả bọt mép. Khi thất bại không kêu gọi được lòng trung thành bằng hữu ở Tôn Dật Tiên, Tổng Giáo Nhân thề sẽ phá cuộc hôn nhân này, vì Khánh Linh chưa đủ tuổi thành niên, không được kết hôn nếu không có sự ưng thuận của cha mẹ. Càng nói Tổng Giáo Nhân càng thêm giận dữ. Tôn Dật Tiên đã đi quá xa đối với ông. Ông tuyên bố từ nay sẽ cắt đứt mọi liên lạc với Tôn Dật Tiên, và công cuộc cách mạng. Rồi với bộ mặt tái mét vì giận, Tổng Giáo Nhân quay lại, chỉ vào mặt Khánh Linh và nói ông từ nàng, không chấp nhận nàng là con nhà họ Tống nữa. Ngay sau đó Tổng Giáo Nhân xuống tàu trở về Thượng Hải. Về sau này Tổng Giáo Nhân tâm sự với một người bạn, "Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi đau đớn như thế. Con gái tôi và người bạn thân nhất của tôi."

Như vậy Tống Khánh Linh chính thức trở thành bà Tôn Dật Tiên, nhà đại cách mạng của Trung hoa. Bà vợ già của Tôn Dật Tiên lẳng lặng lùi vào bóng tối. Hai người tạm thời ở lại Nhật Bản chờ thời cơ. Thỉnh thoảng Tôn Dật Tiên cũng lén lút trở về Trung Hoa để gặp và bàn luận với Trần Kỳ Mỹ và Tưởng Giới Thạch.

Đế Chế Của Viên Thế Khải Thất Bại

Trong lúc Tôn Dật Tiên còn mãi hưởng hạnh phúc mới với Khánh Linh thì tại Bắc Kinh, Viên Thế Khải quyết tâm phục hồi nền đế chế. Vào cuối năm 1915, Viên Thế Khải bắt đầu sửa soạn cho việc lên ngôi hoàng đế. Lúc đó các nước tây phương còn mãi mê với trận đại chiến thứ nhất, để mặc Nhật Bản một mình một chợ tại Á Châu. Nhật bản muốn nhân cơ hội này thay thế các nước tây phương để chiếm địa vị minh chủ ở Á Châu, và phá cuộc diện cơ hội đẳng quân của tây phương tại Trung Hoa. Nhật Bản biết Viên Thế Khải đang vận động để tái lập nền quân chủ, và Nhật có thể lợi dụng Viên Thế Khải cho mục tiêu của Nhật.

Trước hết Nhật Bản tuyên chiến với Đức, với tư cách là đồng minh của Anh quốc. Nhật yêu cầu quân hạm của Đức phải rút ra khỏi biển Nhật Bản và biển Trung Hoa, và phải giao nhượng địa Giao Áo của Đức cho Nhật. Đức không trả lời. Quân Nhật liền tấn công Giao Áo, nhưng lại cố ý đổ bộ lên Long Khẩu là đất của Trung Hoa, rồi tiến chiếm Tế Nam, thủ phủ tỉnh Sơn Đông. Viên Thế Khải phản đối Nhật Bản, thì người Nhật gửi cho họ Viên một bản 21 điều khoản yêu

sách, đòi thừa kế tất cả chủ quyền của người Đức tại Sơn Đông và các đặc quyền tại vùng Mông Cổ, Mãn Châu và vùng Hoa Bắc. Sau hơn bốn tháng thương thuyết đàm phán, Viên Thế Khải phải thừa nhận cả 21 điều khoản yêu sách của Nhật. Từ đó Nhật thay thế Anh và Nga làm chủ tình hình Đông Á, và Trung Hoa trở thành một chư hầu của Nhật. Hoa Kỳ là nước duy nhất phản đối sự bành trướng của Nhật, nhưng không có kết quả gì. Sự nghiệp chính trị của Viên Thế Khải là một chuỗi những sự phản bội. Trước hết Viên phản bội vua Quang Tự, rồi phản bội nhà Mãn Thanh, phản bội chính thể cộng hòa, và bây giờ đi với Nhật để phản bội ngay chính nước Trung Hoa để mưu cầu quyền lợi riêng của mình.

Nhưng mộng đế chế của Viên Thế Khải gặp một sự chống đối mạnh mẽ từ mọi phía. Bây giờ không còn ai tin được Viên Thế Khải nữa, vì họ Viên phản bội mọi người. Ngay khi Viên Thế Khải làm lễ đăng quang lên ngôi hoàng đế thì Thái Ngạc, nguyên là đô đốc Vân Nam, bỏ trốn về Vân Nam và cùng Đường Kế Nghiêu đánh điện xin Viên thủ tiêu đế chế, và tuyên bố Vân Nam độc lập. Thái Ngạc đem quân đánh lấy Tứ Xuyên, Lý Liệt Quân chiếm Quảng Đông. Viên Thế Khải sai Tào Côn và Ngô Bội Phu tiến quân đánh Thái Ngạc, và Long Tế Quang tấn công Lý Liệt Quân. Nhưng các tỉnh Quảng Tây, Chiết Giang, Hồ Nam, Thiểm Tây, Quý Châu lần lượt theo nhau tuyên bố độc lập và chống lại Viên Thế Khải.

Đến đây các bộ hạ thân tín nhất của Viên Thế Khải là Đoàn Kỳ Thụy và Phùng Ngọc Tường thấy Viên Thế Khải bị cô thế, cũng theo các tỉnh miền nam phản đối đế chế. Sự chống đối Viên Thế Khải bây giờ cũng lan nhanh và rộng như cuộc cách mạng chống nhà Thanh năm 1911. Thực vậy, vào mùa xuân năm 1916, khắp Trung Hoa đều chống lại Viên, và Viên trở thành một lãnh tụ cô đơn tại Bắc Kinh. Khi bị ngay quân đội miền bắc chống lại thì Viên biết rằng giấc mộng làm vua không thể thành tựu được. Viên liền ra sắc lệnh hủy bỏ ý định làm hoàng đế, và chỉ giữ chức tổng thống thôi. Nhưng các tỉnh chống đối không chịu, đòi Viên phải từ bỏ mọi quyền hành chính trị.

Đang uy quyền nhất nước, chỉ một bước nữa là lên ngôi vị hoàng đế, nay bỗng nhiên mất tất cả. Viên Thế Khải vô cùng uất hận. Trong một cơn giận không kiềm chế được, Viên cầm kiếm đập cửa phòng của một người hầu thiếp yêu quý nhất trong số hai mươi người vợ của Viên, đặc biệt là người hầu thiếp xinh đẹp này mới sinh hạ được một đứa con trai cho Viên. Khi bước vào phòng, Viên trông thấy người hầu thiếp đang nằm ôm đứa con trai vừa mới sinh. Trong một cơn giận mất trí, Viên vung kiếm đâm chết cả hai mẹ con. Một tuần sau

đó, Viên quá ưu uất một sớm một chiều mất hết quyền lực, và cũng đau lòng hối tiếc đã giết vợ và con trai, nên Viên bị đứt gân máu và từ trần ngày 6-6-1916.

Cái Chết Của Tổng Giáo Nhân

Người con gái út của Tổng Giáo Nhân là Tống Mỹ Linh được du học tại Wellesley College thuộc tiểu bang Massachusetts từ 1913 đến 1917, trong khi đó Tống Tử Văn học về kinh tế tại đại học Harvard. Thời gian du học tại Hoa Kỳ đã biến đổi Tống Mỹ Linh từ một cô gái mập tròn thành một thiếu nữ đẹp duyên dáng và khỏe mạnh. Rất đông sinh viên Trung hoa tại đại học Harvard tập tễnh muốn được lọt vào mắt xanh của nàng. Khi Mỹ Linh nghe tin về mối tình của chị Khánh Linh với Tôn Dật Tiên, nàng lo sợ khi trở về Trung hoa, nàng có thể sẽ phải chấp nhận một cuộc hôn nhân đã sắp đặt trước theo tục lệ cổ truyền của người Trung hoa. Chính vì thế, nàng công bố việc hứa hôn của nàng với một sinh viên họ Lý. Nhưng cuộc hứa hôn này cũng chỉ kéo dài được vài tuần, cho đến khi sự lo sợ viễn vông của nàng tan dần.

Vào lúc Mỹ Linh trở về Thượng Hải năm 1917 thì vụ ái tình tai tiếng của Khánh Linh cũng đã nguôi rồi, và ít ai nhắc nhở đến nữa. Mỹ Linh trở thành một người đẹp nổi tiếng, một cái đình trong các buổi tiếp tân. Ai cũng bàn tán về cô con gái út của nhà triệu phú họ Tống, vừa học cao vừa đẹp sắc xảo. Mỹ Linh không hài lòng căn nhà của ông bố mua tại đường Joffre Nàng cần nhà đòi thân phụ phải mua một căn nhà thật lớn, có nhiều tiện nghi tân tiến hơn. Tống Giáo Nhân có vẻ hối tiếc đã gửi các con gái du học ngoại quốc để trở thành những người mà ông không còn kiểm chế nổi nữa, nhất là sau vụ Khánh Linh cưỡng lại ông để kết hôn với Tôn Dật Tiên. Có lần Tống Giáo Nhân nói với bạn bè, "Đừng bao giờ cho con cái du học. Chúng chẳng đem về cái gì tốt đẹp cả. Chúng chỉ muốn đảo ngược tất cả mọi việc theo ý chúng."

Mặc dù Tống Giáo Nhân thể từ bỏ mọi liên lạc với công cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên, nhưng trong dịp một nhà tài phiệt Hoa Kỳ có công giúp cách mạng Trung Hoa đến thăm Thượng Hải, Tống Giáo Nhân cũng cố quên sự thù nghịch với Tôn Dật Tiên, và cả hai người đều tiếp đón nhà tài phiệt Hoa Kỳ một cách thật long trọng chu đáo. Nhà tài phiệt viết thư về nước cho bạn bè biết ông ta được đón tiếp tại Thượng Hải như một vị hoàng đế.

Việc Tống Giáo Nhân lựa chọn về sống tại Thượng Hải trong tô giới Pháp cũng là vì lý do an ninh. Phần lớn các nhà cách mạng Trung hoa đều sống trong tô giới Pháp để hưởng sự bảo vệ của người

Pháp. Một điều quan trọng hơn đối với Tổng Giáo Nhân là người chỉ huy ngành an ninh của Pháp tại Thượng Hải là Hoàng Mặt Rỗ, chúa trùm nhóm anh chị Hồng Hội, một tổ chức tội ác có ảnh hưởng bao trùm tất cả một khu vực rộng hàng ngàn dặm dọc theo sông Dương Tử. Trước kia Tổng Giáo Nhân đã giúp đỡ tổ chức của Hoàng Mặt Rỗ rất nhiều, nay ông nhận thấy gia đình ông gặp nguy hiểm, và cần đến sự bảo vệ của Hoàng Mặt Rỗ.

Sau khi về Thượng Hải được ba năm thì Tổng Giáo Nhân bất thần chết vì bệnh ung thư bao tử, một cơn hấp hối đau đớn kéo dài trong vài ngày. Có nhiều dấu hiệu mờ ám trong cái chết của Tổng Giáo Nhân. Gia đình và bạn bè thân của Tổng Giáo Nhân không một ai nhận thấy một dấu hiệu suy yếu đau ốm nào ở họ Tổng. Rồi bỗng nhiên ông đau đớn kịch liệt vài ngày rồi chết, và được ghi nhận là chết vì ung thư bao tử năm 1918, lúc đó Tổng Giáo Nhân mới được 52 tuổi. Người ta nghi rằng Tổng Giáo Nhân chết vì bị đầu độc. Nếu ông không bị đầu độc bởi kẻ thù thì cũng bị đầu độc bởi chính phe bạn. Ông là người có công rất nhiều với công cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên, nhưng ngay khi ông phản đối cuộc hôn nhân của Khánh Linh và Tôn Dật Tiên thì lập tức ông trở thành một cái bóng mờ trong tổ chức. Các đệ tử của Tôn Dật Tiên phải cố gắng bảo vệ danh tiếng của Tôn Dật Tiên trước sự chống đối khinh bỉ của Tổng Giáo Nhân. Không những thế, họ còn cho rằng cần phải xóa bỏ Tổng Giáo Nhân vì đại cuộc của Tôn Dật Tiên. Tôn Dật Tiên phải là một thần tượng hoàn toàn. Chính vì thế Tổng Giáo Nhân đau và chết một cách âm thầm. Ngay cả đám tang của họ Tổng cũng được cử hành một cách lặng lẽ mau lẹ, không được báo chí nhắc nhở, không được truy điệu đúng mức với công lao đóng góp của Tổng Giáo Nhân vào công cuộc cách mạng.

Các con của Tổng Giáo Nhân đều có mặt bên giường chết của ông, kể cả Tổng Khánh Linh. Nhưng sau đám tang, khi các chị trở về nhà chồng hết, thì chỉ còn lại một mình Mỹ Linh sống với bà mẹ. Mỹ Linh bây giờ được tự do hành động theo đúng ý thích. Nàng mua một căn nhà lớn sang trọng hơn, và trở thành một nhân vật nổi tiếng tại Thượng Hải.

Phong Trào Ngũ Tứ

Sau Đệ nhất thế chiến, Thượng Hải trở thành một thành phố cực kỳ phồn thịnh. Giới mại bản Trung hoa ngày một giàu có thêm và mở rộng ảnh hưởng sang các lãnh vực khác. Nhưng bên cạnh sự phồn thịnh của giai cấp tư bản thượng lưu, thì đại đa số người dân

Thượng Hải sống rất cực khổ vì bị giới chủ nhân bóc lột đến tối đa. Trong những xưởng thợ, nhiều trẻ em khoảng mười tuổi phải làm việc 13 giờ một ngày, và khi mệt quá thì nằm gục xuống ngủ bên cạnh máy móc. Những đứa trẻ này đã bị cha mẹ bán cho xưởng máy và chúng không có cách nào trốn khỏi những nhà máy được canh gác cẩn mật cả ngày lẫn đêm. Ngoài đường phố tại khu vực nhà nghèo, ngày nào cũng có xác người chết đói nằm ngoài đường. Trong khoảng từ 1920 đến 1940, sở hốt rác nhất được ít nhất ba chục ngàn xác chết đói ngoài đường phố Thượng Hải.

Đối với người Trung Hoa, việc lật đổ nhà Mãn Thanh cũng không làm cho đời sống họ khá hơn, mà trái lại tình trạng sinh sống của họ còn tồi tệ hơn trước. Thay vì có một chánh quyền mạnh ở trung ương, thì quyền lực chính trị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ. Mỗi sứ quân xưng hùng tại một khu vực, tha hồ đánh thuế, vơ vét của cải và sang đoạt tài sản. Có sứ quân bắt dân chúng dưới quyền phải nộp thuế trước 32 năm. Các sứ quân lại thường hay giao chiến với nhau để tranh dành ảnh hưởng, nên miền quê bị tàn phá, ruộng đất hoa màu không trồng trọt được. Gạo phải nhập cảng, và nông dân phải bồng bế nhau bỏ ruộng vườn ra thành phố để rồi cũng chẳng khá gì hơn. Cuối cùng những nông dân này phải đem bán con cái và chính họ cũng chết dần vì đói. Thời đó người ta tin rằng thịt người được bán đầy ngoài chợ. Trẻ con được đem bán từng đàn: con trai thì vào làm nô lệ trong xưởng máy, con gái thì theo một con đường duy nhất là vào các động mãi dâm, làm đồ chơi cho giới thương gia có nhiều tiền.

Ngay trong Đồng Minh Hội của Tôn Dật Tiên cũng có sự phân hóa. Nòng cốt của Đồng Minh Hội là thương gia và sinh viên. Sau đệ nhất thế chiến, hai giới này coi nhau như thù địch. Sinh viên thì muốn một cuộc cách mạng toàn diện: đuổi người ngoại quốc ra khỏi Trung Hoa, phân chia ruộng đất cho nông dân và bãi bỏ các đặc quyền kinh tế. Trong khi đó quyền lợi của giới thương gia lại gắn liền với người ngoại quốc. Đến khi Nhật Bản can thiệp vào Trung Hoa thì hai phe sinh viên và thương gia tách hẳn nhau thành tả phái và hữu phái. Sau đệ nhất thế chiến, Đức bại trận và mất tất cả các lãnh thổ hải ngoại. Tại Trung Hoa, Nhật Bản nhảy vào thay thế Đức, và được Anh Pháp hứa hẹn cho chiếm giữ ảnh hưởng lâu dài tại tỉnh Sơn Đông. Nhật Bản đưa ra 21 điều khoản yêu sách cho Viên Thế Khải, đòi hỏi quyền kiểm soát Sơn Đông vĩnh viễn và các nhượng bộ lớn tại Mãn Châu và nhiều nơi khác. Lúc đó Viên Thế Khải phải chấp nhận các yêu sách quá đáng này vì Nhật hăm dọa sẽ ủng hộ đối thủ của Viên. Họ Viên yêu cầu người Nhật giữ kín những nhượng bộ này. Tại hội

ng nghị Ba Lê, đại biểu Trung Hoa yêu cầu bãi bỏ phạm vi thế lực của ngoại quốc, thu hồi các tô giới và Hoa Kỳ hết sức hỗ trợ cho đại biểu Trung Hoa. Nhưng khi phái đoàn Nhật Bản đưa ra hiệp định Sơn Đông, cho phép người Nhật được thừa kế quyền lợi của người Đức tại Trung Hoa, do chính Công sứ Trung Hoa tại Nhật Bản là Chương Tông Tường ký thì Hoa Kỳ không thể bênh vực Trung Hoa được nữa. Như vậy phái đoàn Trung Hoa tại hội nghị Versailles thất bại, ra về tay không.

Đại biểu Trung Hoa đánh điện về cho chính phủ biết nguyên nhân sự thất bại là mật ước đã ký từ trước, có sự đồng ý của đại diện Trung Hoa. Khi bức điện tín ấy được truyền ra thì quần chúng vô cùng phẫn nộ. Viên Thế Khải đã chết rồi, nên mọi tội đều quy về Chương Tông Tường và bộ trưởng ngoại giao Tào Nhữ Lâm và Lục Tông Du, người tự ý vay tiền của Nhật Bản. Quần chúng gọi ba người này là giặc bán nước.

Ngày 4-5-1919, mấy ngàn học sinh các trường học tại Bắc Kinh họp nhau rồi diễu hành qua các đường phố, yêu cầu chính phủ phải trừng trị ba tên bán nước. Khi bị cảnh sát cản đường, đoàn học sinh quay trở lại nhà Tào Nhữ Lâm, lúc bấy giờ Chương Tông Tường cũng mới về nước, và đang trú ngụ tại nhà Tào Nhữ Lâm. Tào Nhữ Lâm kịp thời bỏ trốn. Chương Tông Tường không trốn kịp, bị học sinh bắt được và bị đánh gần chết. Chính quyền ra lệnh bắt một số học sinh. Học sinh liền tổ chức thành những đoàn "giảng diễn", kêu gọi người Trung Hoa tẩy chay hàng hóa Nhật. Rồi cuộc xuống đường của học sinh sinh viên lan tràn khắp nước và được giới trí thức và công nhân hậu thuẫn. Nhật Bản vội phái quân đội tới giữ an ninh tại các lãnh địa của Nhật, kể cả Thượng Hải. Một số sinh viên bị bắt tại Bắc Kinh.

Lập tức 64 ngàn công nhân đình công tại Thượng Hải, bắt chính phủ Bắc Kinh phải trả tự do cho học sinh và cách chức các viên chức thân Nhật. Phong trào sinh viên không chỉ nhắm vào người ngoại quốc, mà còn chống đối cả những người Trung Hoa cộng tác và phục vụ người ngoại quốc. Điều này làm cho giới mại bản và những bang hội bí mật lo ngại. Chính phủ phải bãi chức Tào Nhữ Lâm, Chương Tông Tường và Lục Tông Du, nhờ đó sự phẫn nộ của quần chúng mới dịu xuống.

Cuộc vận động ái quốc này xảy ra ngày 4 tháng 5, nên được người ta gọi là Phong trào Ngũ Tứ. Cuộc biểu tình của học sinh trong Phong Trào Ngũ Tứ năm 1919 chấm dứt ngay khi đạt được mục tiêu. Nhưng cuộc đứng dậy vì lòng ái quốc của học sinh và sinh viên trong Phong Trào Ngũ Tứ đã như một chất men say, gây nguồn cảm hứng,

khuấy tạo ra một làn sóng hưởng ứng rộng rãi, ảnh hưởng tới toàn thể quần chúng, và mở đường cho những làn sóng cách mạng Trung hoa sau này.

Đảng Cộng Sản Thành Hình

Tháng 5-1921, Trần Độc Tú và Lý Đại Chiêu đến Thượng Hải dự một cuộc họp quan trọng. Chính trong cuộc họp này Đảng Cộng sản Trung hoa được đề nghị thành lập. Các người cộng sản thấy cần phải có một tổ chức trung ương của đảng, và Thượng Hải được coi là địa điểm hợp lý nhất để đặt tổ chức. Đảng cộng sản Trung hoa được chính thức thành lập ngày 21-7-1921. Ngày hôm đó có mười hai đại biểu, đại diện cho bảy chi bộ, và hai đại diện cho tổ chức cộng sản quốc tế tham dự Đại hội lần thứ nhất của đảng.

Mười hai đảng viên Trung hoa và hai đại diện quốc tế gặp nhau trong một trường nữ trung học bên trong khu tô giới Pháp. Lúc đó là mùa hè và trường nữ trung học đóng cửa. Tuy nhiên một số đông đàn ông ra vào một trường nữ trung học đã khiến cảnh sát phải nghi ngờ, và chặn một vài người lại để xét hỏi. Chính vì thế, tất cả đại biểu đồng ý di chuyển địa điểm hội họp. Tất cả tập hợp lại trên bờ một cái hồ thuộc tỉnh Chiết Giang gần Thượng Hải, làm như là một nhóm người đi cắm trại. Các buổi họp lênh đênh, vừa câu cá, vừa ăn nhậu, vừa thảo luận đã đưa đến nền móng thành lập đảng cộng sản Trung hoa, và sau này, ngày 21-7 mỗi năm được coi là ngày kỷ niệm thành lập đảng.

Trong các buổi họp kéo dài liên tục này, các cố vấn Nga Sô trở nên bức bối trước những lý luận mơ hồ và lưỡng lự của các lãnh tụ Trung Hoa. Đây là giai đoạn chập chững của cộng đảng Trung Hoa, và Mạc tư khoa coi các lãnh tụ Trung Hoa chỉ là những tay mơ, những người đang tập sự trò chơi chính trị. Tuy nhiên các buổi họp của cộng đảng Trung Hoa cũng là một báo động, đe dọa quyền lợi của giới thương gia và dân anh chị băng đảng tại Thượng Hải. Lịch sử Thượng Hải sau đó là một cuộc chiến ác liệt, một bên là đám anh chị làm ăn trong bóng tối dựa vào giới thương gia, và một bên là phe cộng sản.

Trương Quốc Đào, đại diện phân bộ Bắc Kinh và là học trò của Trần Độc Tú tại đại học Bắc Kinh, là người chủ tọa các buổi họp đầu tiên này. Trần Độc Tú và Lý Đại Chiêu không có mặt trong ngày thành lập đảng. Mãi gần nửa năm sau, Trần Độc Tú rút lui khỏi chức bộ trưởng giáo dục cho Tôn Dật Tiên tại Quảng Đông, và trở về Thượng Hải đảm nhận chức Bí thư đảng, một chức vụ quan trọng nhất. Mao

Trạch Đông lúc đó chỉ là một trong hai đại diện của tỉnh Hồ Nam, và chưa phải là một nhân vật quan trọng trong đảng cộng sản. Thua kém hầu hết các đại biểu khác cả về học thức lẫn kinh nghiệm, Mao Trạch Đông không được cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa thứ nhất, gồm ba ủy viên chính thức và ba ủy viên dự khuyết. Năm 1922, đảng cộng sản Trung Hoa họp lại một lần nữa, và Mao Trạch Đông cũng không có mặt trong kỳ họp này. Trong thời kỳ đầu của đảng cộng sản Trung Hoa, Mao Trạch Đông không được giữ một chức vụ nào cao hơn chức bí thư đảng bộ Hồ Nam. Tuy nhiên phạm vi hoạt động của Mao Trạch Đông không chỉ giới hạn trong tỉnh Hồ Nam. Mao Trạch Đông và hai người em ruột là Mao Trạch Đàm và Mao Trạch Dân đã hoạt động đắc lực tại Giang Tây. Tháng 4-1923, Mao Trạch Đông bị viên tỉnh trưởng Hồ Nam ra lệnh truy nã, Mao liền bỏ trốn tới Thượng Hải. Mao đến Thượng Hải đúng lúc đảng cộng sản sắp sửa liên kết với tổ chức Quốc dân đảng của Tôn Dật Tiên.

Ba Chị Em Nhà Họ Tổng

Chương 6

Thế Giới Anh Chị Tại Thượng Hải

Các nhà lãnh đạo cộng sản đầu tiên của Trung Hoa bắt chước kiểu mẫu cách mạng của cộng sản Nga xô, lấy công nhân thành thị làm thành phần căn bản. Họ chọn Thượng Hải, một thành phố kỹ nghệ nhiều công nhân nhất của Trung Hoa, làm địa điểm đầu tiên thành lập đảng cộng sản. Hoạt động của cộng đảng Trung Hoa tuy rất kín đáo, nhưng cũng lọt vào tai mắt của giới anh chị chuyên kiếm sống trên đầu dao mũi súng, bằng cách đòi tiền bảo vệ của giới thương gia giàu có, hoặc bằng cách buôn thuốc phiện lậu độc quyền. Chủ nghĩa cộng sản rất bất lợi cho giới thương gia, và quyền lợi của giới thương gia gắn liền với quyền lợi của các tay anh chị sống ngoài vòng pháp luật. Chính vì thế giới giang hồ chuyên đâm thuê chém mướn tại Thượng Hải rất thù ghét cộng sản, và chính họ đã đánh bại cộng sản ngay tại Thượng Hải, một thành trì của giới thợ thuyền. Người đứng đầu các tổ chức tội ác tại Thượng Hải là Bố già Hoàng Ứng Vĩnh, có biệt danh là Hoàng Mặt Rỗ. Hoàng Mặt Rỗ thuộc tổ chức Hồng Hội, và hoạt động trong khu tô giới Pháp. Vào thời kỳ đảng cộng sản Trung Hoa thành lập tại Thượng Hải thì Bố già Hoàng Mặt Rỗ cũng đã già rồi, và một nhân vật khác, một thứ Bố già hàng

nhì bắt đầu nổi bật, đó là Đỗ Nguyệt Thăng, có biệt hiệu là Đỗ Đại Nhĩ. Đỗ Đại Nhĩ nắm trong tay một tổ chức chống cộng mãnh liệt nhất Lục Hội. Lục Hội dùng màu xanh lá cây làm biểu tượng, và vì thế được gọi là Lục Hội.

Đỗ Đại Nhĩ là một nhân vật rất đặc biệt, một người của tội ác, sinh ra để tác yêu tác quái. Đỗ Đại Nhĩ sinh năm 1888 tại Thượng Hải trong một gia đình bần cùng nhất của thành phố, và có một tuổi thơ ấu vô cùng khốn nạn. Thân phụ Đỗ Đại Nhĩ là một cu li trong một tiệm gạo. Khi hần được vài tuổi thì cha mẹ chết, và hần thuộc về người cậu ruột. Người cậu của Đỗ Đại Nhĩ rất thính đánh đập hần, và coi đó là một thú tiêu khiển. Vì bị đánh đập khá nhiều ngay từ lúc còn nhỏ, nên Đỗ Đại Nhĩ có một khuôn mặt méo mó, và thân hình gầy gò. Khi Đỗ Đại Nhĩ được 15, 16 tuổi thì đã tỏ ra một thiếu niên rất quen thuộc với việc giết người, và không từ một tội ác nào mà không làm. Điểm đặc biệt nhất của Đỗ Đại Nhĩ là hai cái tai rất to, như hai cây nấm vươn lên từ một cái đầu lúc nào cũng cạo trọc. Chính cái nét đặc biệt có hai tai to mà Đỗ Nguyệt Thăng có biệt danh là Đỗ Đại Nhĩ. Hai cánh tay của Đỗ Đại Nhĩ rất dài, như tay của loài vượn, một hàm răng rất dài, lúc nào cũng vàng khè và cặp mắt nhỏ nhưng sắc như mắt chuột. Đỗ Đại Nhĩ gia nhập Lục Hội từ lúc chưa đầy 15 tuổi, và tỏ ra một tay anh chị đáng sợ.

Đỗ Đại Nhĩ tìm cách ra mắt với Bố già Hoàng Mặt Rỗ, chúa trùm giới giang hồ lúc đó. Hần lân la chầu chực trong bếp của nhà Hoàng Mặt Rỗ, và dần dà làm quen được với người tình nhân cứng nhất của Hoàng Mặt Rỗ. Hoàng Mặt Rỗ nhận thức được khả năng đặc biệt của Đỗ Đại Nhĩ và thu nhận hần làm đàn em. Đỗ Đại Nhĩ thi hành mệnh lệnh của Bố già rất ngon lành sắc gọn. Đỗ Đại Nhĩ có tài làm quen với mọi người một cách dễ dàng vì bản chất của hần rất rộng rãi về tiền bạc, và lúc nào cũng sẵn sàng "giúp đỡ người anh em một tay" khi cần. Đỗ Đại Nhĩ rất thích bày tỏ quyền lực bằng cách bênh vực các người bán hàng rong bị chủ nợ là các tiệm cầm đồ làm khó dễ. Đỗ Đại Nhĩ đã từng gây kinh hoàng cho giới cầm đồ tại Thượng Hải.

Nhưng khả năng xuất sắc nhất của Đỗ Đại Nhĩ là giải quyết việc buôn bán thuốc phiện. Hần muốn các nhóm buôn thuốc phiện đối lập nhau nên tập hợp thành một tổ chức chung, và do đó có thể bảo nhau tăng giá thuốc phiện và thu lợi được nhiều hơn. Hoàng Mặt Rỗ giao cho Đỗ Đại Nhĩ thi hành kế hoạch này -- có nghĩa là hần sẽ thương thuyết với một vài thủ lãnh bang hội này, và ám sát một số lãnh tụ bang hội khác. Thủ lãnh của Lục Hội không đồng ý liền bị hần

giết chết và hấn trở thành Bố già của Lục Hội. Người thủ lĩnh của Thanh Hội là Trương Hiếu Liêm khôn ngoan cộng tác với Đỗ Đại Nhĩ, và từ đó ba người, Hoàng Mặt Rỗ, Đỗ Đại Nhĩ và Trương Hiếu Liêm ngự trị thế giới anh chị của Thượng Hải và Chiết Giang, và toàn cõi lưu vực sông Dương Tử.

Trong các tổ giới ngoại quốc, việc buôn bán thuốc phiện vẫn thuộc Tam Hòa Hội của người Triều Châu do Vương Sung lãnh đạo. Đỗ Đại Nhĩ thành công "nói phải quấy" với họ Vương, bắt họ Vương phải gia nhập tổ chức buôn thuốc phiện chung của hấn. Cuối cùng Đỗ Đại Nhĩ thu tóm luôn Tam Hòa Hội. Tài sản của Đỗ Đại Nhĩ lúc đó lên tới 40 triệu mỹ kim. Đỗ Đại Nhĩ là người rất hào phóng về tiền bạc, sẵn sàng chia xẻ cho bạn bè. Nếu ai có lý do chính đáng cần tiền, hấn không ngần ngại ra tay giúp đỡ ngay. Nhiều lần hấn đã ra tay giúp đỡ các cô nhi và quả phụ nghèo khó, nhưng lúc nào hấn cũng có khả năng làm cho người khác phải khiếp sợ. Một khi hấn ra lệnh thì ai cũng phải thi hành cho đến nơi đến chốn.

Đỗ Đại Nhĩ không muốn thay thế Bố già Hoàng Mặt Rỗ, mặc dù hấn đủ sức hạ Bố già họ Hoàng dễ dàng. Hoàng Mặt Rỗ vẫn là thủ lĩnh của nhóm ba người, nhưng Đỗ Đại Nhĩ là người trực tiếp chỉ huy mọi hoạt động của tổ chức. Mỗi khi Đỗ Đại Nhĩ ra lệnh thì cả thành phố phải nhảy theo lệnh của hấn. Dưới quyền của hấn là một số đông đảo thợ thuyền, từ những phu khuân vác bến tàu đến những cu li ngoài đường, nhân viên phát thư của bưu điện và nhân viên các ngân hàng. Các nhân viên phát thư cho phép người của Đỗ Đại Nhĩ đọc thư từ của người khác để nắm được mọi bí mật của giới chính trị và thương gia. Khi cần, Đỗ Đại Nhĩ có thể dùng những bí mật này để gây áp lực cho giới chủ nhân, bắt họ phải thần phục và nộp tiền bảo vệ. Người của Đỗ Đại Nhĩ cũng ra lệnh cho thợ thuyền của các hãng xưởng phải gia nhập một nghiệp đoàn riêng do người của Đỗ Đại Nhĩ lãnh đạo. Bề ngoài thì các nghiệp đoàn này có vẻ độc lập, nhưng khi cần Đỗ Đại Nhĩ giật dây là tất cả phải hành động theo đúng mệnh lệnh của hấn, như khi nào thì phải đình công chẳng hạn. Đỗ Đại Nhĩ cũng cần sự hợp tác làm ăn chung với giới tài phiệt. Người hợp tác đắc lực nhất với Đỗ Đại Nhĩ là Tống Ái Linh, mà nhiều người thường gọi là Bà Không.

Đỗ Đại Nhĩ thường đến tư gia của Tống Ái Linh vào sáng chủ nhật, sau khi Ái Linh đi lễ nhà thờ về, để bàn luận công việc làm ăn. Trong khoảng từ 1916 đến 1940, Đỗ Đại Nhĩ và Tống Ái Linh đã thành công đầu tư và đoạt được khá nhiều cơ sở thương mại kỹ nghệ tại Thượng Hải. Hai bên hợp tác với nhau đều có lợi. Ái Linh có tiền và

thể lực trong khi Đỗ Đại Nhĩ có khả năng thi hành được mọi kế hoạch, dù khó khăn mờ ám thế nào cũng thành công. Đôi khi Đỗ Đại Nhĩ cũng gặp phải những người cứng đầu không sợ sự hăm dọa. Khi thấy sự hăm dọa ngấm của mình không được đối phương hiểu rõ, Đỗ Đại Nhĩ chỉ cần làm một cảnh cáo rất nhẹ nhàng: sai đàn em khiêng đến tận nhà đối thủ một cỗ quan tài chạm trổ rất đẹp đẽ. Lập tức mọi điều kiện của Đỗ Đại Nhĩ được chấp thuận ngay. Một thú tiêu khiển của Đỗ Đại Nhĩ là hay lai vãng các xóm yên hoa. Chính tại các khu vực thanh lâu này mà Đỗ Đại Nhĩ gặp gỡ và kết thân với một thanh niên sống rất buông thả, tính tình hay cáu kỉnh. Người thanh niên đó là Tường Giới Thạch.

Tường Giới Thạch

Tường Giới Thạch lớn hơn Đỗ Đại Nhĩ một tuổi. Họ Tường sinh ngày 31-10-1887 tại Khê Khẩu, một thị trấn nhỏ về phía tây Thượng Hải, nằm dưới chân núi Vũ Lĩnh thuộc tỉnh Chiết Giang. Năm đó thân mẫu Tường 23 tuổi, và là vợ thứ ba của một thương gia buôn muối, và già gấp đôi tuổi bà. Năm 1895, khi Tường lên tám tuổi thì thân phụ qua đời. Tường rất quyến luyến và thương mẹ, một người đàn bà buồn nhiều hơn vui. Có lần Tường nhận xét bà mẹ là người "phải nuốt rất nhiều tủi nhục chua chát".

Hồi nhỏ Tường rất hay đau yếu và khó nuôi, do đó tính tình của Tường rất khó chịu. Chú bé họ Tường trở thành mục tiêu chế giễu trong làng, vì cái đầu của Tường méo mó giống như một hạt đậu phộng. Một thầy tướng số trông thấy Tường cũng rất kinh ngạc khi thấy cái đầu bất thường của Tường. Ông thầy tướng nói cái đầu rất lạ lùng của Tường là một quý tướng, làm nên nhưng tàn ác. Tường lớn lên mang trong người những chứng bệnh rất lạ lùng, khi thì khóc suốt mướt, khi thì giận dữ điên cuồng.

Trong nhà không có đàn ông nên gia đình nhà họ Tường thường bị nhà chức trách của triều đình nhà Thanh bắt nạt. Một hôm có người trong làng họ Vương, hàng xóm của nhà họ Tường, bỏ làng trốn vì không đủ tiền đóng thuế nông nghiệp. Nhà chức trách đến nhà họ Tường, lôi cổ Tường Giới Thạch lên cửa quan, và bắt Tường Giới Thạch phải bỏ tiền đóng thuế cho người họ Vương bỏ trốn. Mặc dầu nhà họ Tường đã đóng đủ thuế rồi, nhưng nhà chức trách cho biết cả làng phải chịu trách nhiệm về món tiền thuế thất thu của họ Vương. Mẹ của Tường đành phải lo tiền nộp thuế để Tường khỏi bị phạt tù. Nhưng Tường rất căm giận sự bất công phi lý của triều đình. Về sau

Tưởng gọi đó là động lực đầu tiên thúc đẩy Tưởng đi vào con đường cách mạng.

Sau khi học hết trường tiểu học Khê Khẩu, Tưởng được mẹ gửi đến học trường trung học Long Giang tại Phụng Hóa. Khi Tưởng được 14 tuổi thì gia đình bắt Tưởng về nhà lấy vợ. Người vợ đầu tiên của Tưởng là Mao Phúc Mai, người cùng làng và lớn hơn Tưởng 4 tuổi. Tuy nhiên cuộc hôn nhân này không giữ Tưởng ở lại quê nhà.

Tưởng không mấy quan tâm đến người vợ, và bằng lòng lấy vợ là để làm vừa lòng mẹ. Sau đó Tưởng trở lại trường học tại Phụng Hóa, trau dồi kiến thức để tìm cách tiến thân. Tưởng không có ý định ở lại Khê Khẩu suốt đời làm một thương gia bán muối.

Chính tại trường trung học Long Giang, Tưởng tìm đọc cuốn Binh Thư của Tôn Tử. Tôn Tử là một chiến lược gia danh tiếng sống thời Chiến Quốc. Đối với Tôn Tử, nghệ thuật cao nhất của chiến tranh là thắng được kẻ địch mà không cần phải giao chiến. Chiến tranh phải dựa trên mưu thuật. Xử dụng gián điệp là thượng sách. Xử dụng quân đội phải được coi như là biện pháp cuối cùng. Chiến tranh mà phải dùng đến quân đội để giao tranh là một sự phí phạm về kinh tế và nhân sự. Tuy nhiên Tôn Tử cũng cảnh cáo việc xử dụng gián điệp không phải là việc dễ dàng. Chỉ có những tướng tài, khôn ngoan, công bằng và nhân đạo mới dùng được gián điệp.

Tưởng rất say mê tư tưởng của Tôn Tử, và tư tưởng của Tôn Tử ảnh hưởng rất nhiều đến tương lai của Tưởng. Ngoài Tôn Tử, Tưởng còn tôn thờ danh tướng Nhạc Phi của nhà Tống, và Vương Dương Minh, một nho gia làm tới chức tể tướng đời nhà Minh. Sau này khi phải chạy ra Đài Loan, Tưởng đã đổi tên ngọn núi Thảo Sơn thành núi Dương Minh Sơn để tỏ lòng ngưỡng mộ Vương Dương Minh. Vị sư phụ của Tưởng cố gắng huấn luyện cho Tưởng tinh thần vị tha, tự kỷ và lúc nào cũng phải cố gắng về tinh thần. Từ trước, cuộc đời của Tưởng chỉ là một cố gắng để thoát ra khỏi cảnh nghèo và sự chế nhạo của người đời về cái đầu kỳ khôi của mình. Tại học viện này, Tưởng đặt cho mình một mục tiêu xa hơn nữa. Tưởng tập được một thói quen tốt, buổi sáng dậy thật sớm, đứng trước hàng hiên để trầm tư mặc tưởng mỗi sáng nửa giờ. Trong nửa giờ đó, Tưởng đứng thật nghiêm, thật thẳng, miệng mím chặt và khoanh hai tay trước ngực.

Nhờ đọc sách của Tôn Tử và Nhạc Phi, Tưởng nhất quyết trở thành một chiến sĩ, lập sự nghiệp trên lưng ngựa. Đến năm 1906, Tưởng ngưỡng mộ quân đội Nhật Bản đã chiến thắng hải quân Nga xô tại eo biển Đối Mã, nên bỏ sang Nhật để nghiên cứu học thuật quân sự

của Nhật. Tưởng viết thư xin mẹ tiền làm lộ phí cho cuộc xuất ngoại. Khi bà mẹ phản đối không chịu cho Tưởng xuất ngoại, Tưởng lập tức cắt cái mớ tóc đuôi sam trên đầu và gửi về cho mẹ. Cả làng bắt mắt hành động của Tưởng, nhưng bà mẹ đành phải bỏ hết tiền dành dụm được cho cậu quý tử ra đi. Hành động cắt tóc của Tưởng vừa bày tỏ lòng cương quyết ra đi tìm học, vừa bày tỏ sự chống đối nhà Mẫn Thanh, vì nhà Mẫn Thanh bắt buộc đàn ông Trung hoa phải để tóc, kết thành đuôi sam. Cái đuôi sam là dấu hiệu phục tùng nhà Mẫn Thanh.

Khi sang tới Nhật, Tưởng vỡ mộng vì lúc đó Nhật chỉ chấp nhận những sinh viên nào do triều đình nhà Mẫn Thanh gửi sang. Tưởng không có sự bảo trợ của triều đình, vừa không có tóc đuôi sam nên không được nhận vào học viện quân sự của Nhật. Tưởng ở lại Nhật thêm sáu tháng nữa, sống lẫn lộn với giới cách mạng chống nhà Mẫn Thanh, và rất ưa thích cuộc đời phóng túng, và bắt đầu tập tành làm chính trị. Lúc đó Đồng Minh Hội của Tôn Dật Tiên đã thành lập. Tôn Dật Tiên có một người phụ tá rất tài giỏi, và ăn nói rất lời cuốn quần chúng là Trần Kỳ Mỹ. Tưởng được Trần Kỳ Mỹ nhận làm đàn em. Trần Kỳ Mỹ đã từng hoạt động tại Thượng Hải với Bố già Hoàng Mập Rỗ. Chính Hoàng Mập Rỗ đã khuyên Trần Kỳ Mỹ sang Nhật để học hỏi thêm về quân sự. Tại Nhật, Trần Kỳ Mỹ được vào học tại Học viện Cảnh sát của Nhật.

Đến mùa đông 1906-1907, Tưởng trở về quê nhà để dự hôn lễ của người em gái. Trước khi Tưởng trở về, Trần Kỳ Mỹ đã lập kế hoạch để cho Tưởng được thi đậu vào trường quân sự Bảo Định tại Hồ Bắc. Năm 1907, Tưởng được nhận vào trường quân sự Bảo Định, và đến năm sau thì chính thức được gửi qua học các lớp quân sự cao cấp tại Nhật Bản. Tưởng đã vượt qua được mọi khó khăn để được thâm nhập vào trường quân sự danh tiếng Shimbu Gakko, và tốt nghiệp ba năm sau đó.

Trước khi Tưởng rời Khê Khẩu xuất dương sang Nhật thì người vợ quê mùa của Tưởng sinh được đứa con trai đầu tiên. Tưởng đặt tên con là Tưởng Kinh Quốc. Cuộc đời của người vợ đầu tiên của Tưởng thật là khổ nhục, phải sống với một người chồng khó tính khắt khe và một bà mẹ chồng rất lạnh lùng. Tưởng thường hay đánh đập vợ, vì thế người vợ hằng cầu mong Tưởng đi xa càng lâu càng tốt. Tưởng giao du thân mật với nhóm anh chị của Hoàng Mập Rỗ và Đỗ Đại Nhĩ, và bí mật gia nhập Lục Hội.

Năm 1910, sau khi tốt nghiệp trường quân sự Shimbu Gakko, Tưởng trở về Thượng Hải, và nhúng tay vào một vụ giết người đầu tiên. Hồ

sơ của Tưởng tại sở cảnh sát trong tô giới Anh gồm nhiều vụ ám sát giết người, những vụ cướp vũ trang và tống tiền, cũng như nhiều thứ tội ác khác nữa. Tưởng bị buộc tội trong tất cả mọi trường hợp, nhưng Tưởng không bao giờ bị bắt đem xử trước toà hoặc bị bắt giam. Mùa hè năm 1911, Tưởng tổ chức một cuộc ám sát nữa tại Thượng Hải, và sắp sửa trở lại Nhật để được xung vào Trung đoàn Pháo binh 19 thì cuộc nổi dậy Song Thập ngày 10 tháng 10 tại Vũ Hán thành công. Tưởng lập tức quay trở về Thượng Hải và được Trần Kỳ Mỹ giao cho chức vụ chỉ huy trưởng "Lữ đoàn 83", gồm một nhóm ba ngàn tay anh chị của Lục Hội do Hoàng Mặc Rỗ viện trợ cho phe cách mạng. Lúc đó Thượng Hải vẫn thuộc quyền cai trị của nhà Mãn Thanh, nhưng Trần Kỳ Mỹ nhất quyết dùng võ lực chiếm thành phố này.

Đầu tháng 11-1911, Trần Kỳ Mỹ dẫn lữ đoàn tấn công các vị trí của quân Mãn Thanh, và kiểm soát được thành phố. Trần Kỳ Mỹ trở thành vị thống đốc đầu tiên cai trị thành phố Thượng Hải được giải phòng. Trần Kỳ Mỹ cử Tưởng làm tham mưu trưởng cho quân cách mạng tại Thượng Hải. Ngay sau đó Trần Kỳ Mỹ phái Tưởng chỉ huy một nhóm 100 cảm tử quân tiến về Hàng Châu để giúp các nhà cách mạng địa phương giải phóng Hàng Châu, thủ phủ của tỉnh Chiết Giang. Tưởng hoàn thành nhiệm vụ, và trở thành một anh hùng cách mạng. Tưởng được bổ nhiệm làm chỉ huy trưởng Trung đoàn 5 tại Hàng Châu.

Lúc đó Trần Kỳ Mỹ gặp sự chống đối của một lãnh tụ cách mạng tại Thượng Hải là Đào Chính Cương. Họ Đào muốn loại Trần Kỳ Mỹ để nắm quyền chỉ huy quân sự tại Thượng Hải. Để trả ơn Trần Kỳ Mỹ, Tưởng từ Hàng Châu trở về Thượng Hải, đến thẳng bệnh viện nơi Đào Chính Cương đang chữa bệnh. Tưởng cãi nhau kịch liệt với Đào Chính Cương, và cuối cùng rút súng bắn chết họ Đào ngay trên giường bệnh. Khi giết Đào Chính Cương xong, Tưởng vội trốn sang Nhật để tránh bị bắt. Tưởng lẩn tránh tại Nhật cho mãi tới cuối năm 1912, và xuất bản một tập san quân sự. Tưởng say mê viết những bài tham luận về quân sự và chính trị trên tờ tập san này.

Đến mùa đông năm 1912, khi Tưởng trở lại Thượng Hải thì Tưởng lại quay về những thói quen xấu trước kia. Nhiều khi Tưởng bỏ nhiệm sở cả tháng trời để sống với những ca kỹ. Tưởng rất hợp tính với Đỗ Đại Nhĩ. Hai người đều lấy thanh lâu ca kỹ làm nguồn vui, và thích thú những hành động tội ác. Mỗi khi Bố già Đỗ Đại Nhĩ đến chơi một chốn yên hoa nào, thì một toán vệ sĩ tiền phương phải tới trước và lục soát từ nhà bếp tới các phòng ngủ xem có những nguy hiểm

nào không. Toán vệ sĩ tiền phương sau đó lập thành đội phòng vệ, tỏa ra bao vây nhà hàng để chờ Bồ già Đỗ Đại Nhĩ đến. Đỗ Đại Nhĩ bao giờ cũng dùng một xe hơi bốn cửa được bọc thép chống đạn. Trước và sau đều có xe chở đầy vệ sĩ đi theo hộ vệ. Đỗ Đại Nhĩ chỉ xuống xe bước vào nhà hàng khi có đông đủ vệ sĩ vây quanh. Rồi hai bên hai vệ sĩ, Đỗ Đại Nhĩ tiến vào nhà hàng, trong đó mỗi cánh cửa, mỗi góc phòng đều có một vệ sĩ của Đỗ Đại Nhĩ đứng canh gác. Khi Đỗ Đại Nhĩ ngồi vào bàn đầu thì một toán vệ sĩ bao vây bàn sau, và các bàn bên trái bên phải, súng lúc nào cũng sẵn sàng nhắm đạn khi cần.

Đây là thời cực thịnh của nghề mãi dâm tại Thượng Hải. Vào thời đó, cứ 12 căn nhà tại Thượng Hải thì có một nhà điểm. Riêng tại khu tô giới ngoại quốc có tới 668 nhà điểm. Cứ 130 người dân trong thành phố Thượng Hải thì có một người là gái điểm, trong số này thì một nửa là gái mãi dâm của Lục Hội. Riêng nhà Thanh Lâu, nơi Đỗ Đại Nhĩ và Tưởng thường hay lui tới giải trí, có tới 121 kỹ nữ. Sự kiểm soát ngành mãi dâm của Lục Hội thật là hoàn toàn chặt chẽ. Đây chính là nguồn lợi tức lớn của Lục Hội, ngoài nha phiến. Dù đẹp hay xấu, dù tài nghệ điêu luyện thập thành hay không thì tất cả những gái mãi dâm tại Thượng Hải đều bị bắt buộc phải tận lực dùng đủ mọi mánh khéo để mê hoặc, quyến rũ khách làng chơi, vì sự cạnh tranh nghề nghiệp tại đây thực là vô cùng gay go, khi mà số lượng gái điểm và nhà thanh lâu nhiều đến như thế.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 7

Bàn Chân Nhỏ Của Người Đàn Bà Trung Hoa

Gái điểm tại Thượng Hải phải là những người có bàn chân đã được bó nhỏ, và chỉ những gái điểm có bàn chân nhỏ mới có khách. Bàn chân nhỏ lý tưởng nhất phải dài dưới tám phân. Những bàn chân nhỏ này được coi là sự kích thích dục tình đặc biệt, và là trung tâm điểm của những cuộc vui suốt sáng, trện cười thâu đêm. Sự đam mê bàn chân nhỏ không phải chỉ có ở Trung hoa mà thôi. Chẳng hạn người đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ hoặc người đàn bà Mông Cổ tại Tây Bá Lợi Á có thể cởi trần để hở ngực đi ra đường vào những ngày nóng nực, không hề e lệ khi người lạ trông thấy vú của mình. Nhưng họ tuyệt đối giữ kín hai bàn chân, không cho ai được nhìn thấy bàn chân của

họ. Bàn chân của họ là một bộ phận thiêng liêng kín đáo riêng tư mà chỉ người chồng mới có điểm phúc được nhìn thấy, được cầm lấy mà mân mê ve vuốt. Nhưng ở Trung hoa thì lòng say mê bàn chân người đàn bà đã lên đến tuyệt đỉnh, và việc bó chân đã trở thành định chế xã hội. Một nhà học giả người Pháp đã nhận định về sự say mê đôi bàn chân nhỏ của người Trung hoa như sau:

"Tôi đã bị lôi cuốn đặc biệt bởi một số rất nhiều những bức họa những hình điêu khắc khắc đậm mà người Trung hoa rất ưa thích. Trong tất cả những tác phẩm khiêu dâm đó, cảnh tượng đáng chú ý nhất là hình ảnh một người nam sờ dẫn mê man mơn trớn bàn chân nhỏ của người nữ. Khi người đàn ông Trung hoa được mân mê bàn chân của người nữ, nhất là bàn chân đã được bó nhỏ lại, thì tác dụng cũng tương tự như một người đàn ông tây phương được sờ rầm bộ ngực căng tròn của một thiếu nữ. Tất cả những người Trung hoa mà tôi phỏng vấn đều trả lời trăm người như một: "Ồi bàn chân nhỏ! Các ông là người tây phương không thể nào hiểu được cái tuyệt diệu, cái ngọt ngào và kích động của những bàn chân nhỏ ấy đâu!" Sự cọ sát bộ phận sinh dục của người nam vào bàn chân nhỏ của người nữ gây cho người đàn ông Trung hoa một xúc cảm tình dục vô ngần. Một người đàn bà Trung hoa có kinh nghiệm về tình dục biết rằng cách làm cho người đàn ông mê sung sướng nhất là lấy hai bàn chân nhỏ cặp chặt lấy dương vật của người đàn ông. Nhiều người Trung hoa theo đạo công giáo đã hơn một lần xưng tội họ đã có những ý nghĩ tà dâm mỗi khi trông thấy bàn chân nhỏ của người đàn bà."

Tục lệ bó chân tại Trung hoa bắt đầu từ đời nhà Đường (618-908). Các vũ nữ trong cung cấm phải buộc chặt bàn chân để có thể nhảy những vũ điệu rất nhẹ nhàng, giống như một cành sen lả lơi trên mặt hồ, đặc biệt là vũ điệu nổi tiếng "Kim Liên Vũ Khúc". Cho đến đời nhà Tống (960-1279) thì tục lệ bó chân đàn bà đã lan từ cung điện tới dân gian. Không những chỉ có giới thượng lưu, mà nhiều gia đình nông dân cũng theo tục lệ này. Thực ra một người bị bó chân thì không thể nào nhảy những vũ điệu được, mà chỉ có thể đi rón rén mà thôi. Một mục đích nữa của tục lệ bó chân là người đàn ông muốn kìm hãm người đàn bà, bắt người đàn bà hoàn toàn lệ thuộc vào người đàn ông trong cuộc sống. Người đàn bà bị bó chân không thể chạy trốn khỏi những ông chồng vũ phu ưa đánh đập vợ. Những người Trung hoa theo đạo Khổng không bao dung đàn bà, không muốn đàn bà ngang hàng với mình. Trên mười thế kỷ, người đàn bà

Trung hoa đã phải chịu cực hình, từ một người bình thường trở thành một người tàn tật cho mục đích vị kỷ của người đàn ông. Việc bó chân thường bắt đầu khi đứa trẻ được 5 tuổi. Người mẹ dùng một mảnh khăn bằng vải dày, dài độ ba thước, và rộng độ năm phân, quấn chặt quanh những ngón chân, trừ ngón cái, rồi bẻ quặt những ngón chân đó xuống lòng bàn chân. Mỗi ngày mảnh khăn vải được thắt chặt thêm, cho đến khi nào bàn chân gập hẳn lại và chỉ còn một ngón cái vươn lên như một bông sen bị vặt hết cánh hoa, chỉ còn lại cái cuống. Thịt của những ngón chân nhỏ hư thối và rụng đi, và bàn chân hoàn toàn thay đổi hình thể, từ lành lặn trở thành tàn tật kỳ dị. Công việc bó chân phải mất hai năm mới hoàn tất. Những bàn chân nhỏ như thế thường dùng những giày bằng lụa và dầu không cho người khác được nhìn thấy. Chính vì thế mà một số thanh niên vô lại, khi không lấy được con gái nhà xứng đáng thì cố công ăn cắp những chiếc giày nhỏ bé của họ, rồi thủ dâm vào giày; sau đó đem trả lại để thỏa mãn sự ham muốn và lòng trả thù, làm nhục những cô gái này.

Khi bị bó chân, các cô gái Trung hoa lớn lên và phải đi những bước ngắn. Các bước đi như thế làm cho chân của người con gái không phát triển nhiều và trở nên dài và thẳng, trong khi đó hông và hạ bộ phát triển lớn hơn. Người Trung hoa tin rằng đàn bà hông lớn dễ sinh đẻ. Ngay một nhà trí thức danh tiếng Trung hoa là Cố Hồng Minh cũng đã viết: "Bàn chân người đàn bà càng nhỏ bao nhiêu thì các thớ thịt của âm đạo sẽ tuyệt diệu bấy nhiêu." Người đàn ông Trung hoa không quan tâm mấy đến ngực người đàn bà, mà chỉ ao ước ngắm nhìn và hôn liếm bàn chân đã biến thể. Một trong những màn hấp dẫn nhất trong các thanh lâu tại Thượng Hải là biểu diễn bàn chân nhỏ.

Thường các gái điếm tại Thượng Hải rất trẻ, chỉ vào khoảng từ 12 đến 14 tuổi. Phần lớn bị bắt cóc, hoặc do chính cha mẹ vì quá nghèo đói mà phải đem bán. Các cô gái bắt buộc phải hành nghề buôn hương bán phấn này thường mặc quần lụa rất rộng và một áo chèn cổ cao. Một trong những trò chơi thịnh hành nhất là trò chơi "Uống Rượu Trong Giày". Một cô gái điếm tháo đôi giày nhỏ tặng cho khách làng chơi. Chiếc giày sẽ được chuyển vòng quanh bàn tiệc để khách làng chơi mân mê sờ mó. Một ly rượu được đặt vào trong chiếc giày, và tất cả giày và rượu được đặt trong một chiếc tô lớn. Rồi cô gái điếm đi chân không, lăm chằm đi quanh bàn tiệc, tay cầm tô rượu đưa cách xa khách làng chơi một sải tay. Khách làng chơi lượm những hạt sen và liệng vào chiếc giày. Sau khi mỗi khách làng chơi

liêng năm lần như thế, thì cô gái điếm chủ chiếc giầy sẽ quyết định hình phạt: mỗi khách làng chơi phải uống từ một tới năm ly rượu, tùy theo số lần ném hạt vào chiếc giầy. Rượu được uống từ chiếc ly đặt bên trong chiếc giầy, để khách được dịp ngửi mùi hương hấp dẫn của bàn chân nhỏ đã được tắm nước hoa.

Bất cứ lúc nào trong cuộc mua vui, khách làng chơi cũng có thể dẫn một cô gái điếm lên phòng riêng. Thường người đàn ông bao giờ cũng dành rất nhiều thời giờ đầu tiên cho cái thú sờ mó, hôn hít và liếm bàn chân nhỏ của cô gái điếm. Đôi khi có người còn nhúng bàn chân nhỏ của các cô gái vào một tách trà trước khi uống. Một thú nữa là cắn hạt dưa kẹp giữa hai ngón chân cái của bàn chân nhỏ. Khi sự ham muốn lên đến mức cực điểm thì khách bắt đầu tiến tới thú "mây mưa", và kéo hai bàn chân cô gái gác lên vai, đưa cả ngón chân cái vào miệng và mút chùn chụt. Chính tại những thanh lâu hấp dẫn này, nhà cách mạng Tưởng Giới Thạch và Bố già Đỗ Đại Nhĩ đã sống một phần lớn cuộc đời của họ.

Tưởng Giới Thạch có lần đã viết cho một người bạn để bào chữa sự sa ngã của mình: "Mọi người bảo rằng tôi yếu đuối trước những ham muốn nhục dục, nhưng họ không biết được rằng thú thanh lâu là phương tiện cuối cùng, khi người ta ở trong tình trạng chán nản cực độ."

Tại một trong những thanh lâu nổi tiếng nhất của Thượng Hải, Tưởng say mê Diêu Di Thành, một ca kỹ rất đẹp, đến nỗi cuối cùng Tưởng lấy nàng làm vợ bé và đưa về sống với thân mẫu tại Khê Khẩu. Gia đình Tưởng lúc đó là một gia đình lớn và hạnh phúc, gồm có một bà mẹ độc tài, một người vợ cả đau khổ, một đứa con trai rất cứng đầu cứng cổ là Tưởng Kinh Quốc, và người hầu thiếp rất điệu nghệ trong việc chăn gối. Năm đó Tưởng mới có 25 tuổi.

Người hầu thiếp Diêu Di Thành tỏ ra rất chăm sóc con riêng của Tưởng. Nít lâu sau Tưởng đem về một đứa con trai nữa và gọi tên là Vĩ Quốc. Thoạt đầu Tưởng cho biết Vĩ Quốc là con một người bạn sinh tại Nhật Bản, nay người bạn không thể nuôi được nên đem gửi Tưởng. Về sau Tưởng lại nói Vĩ Quốc sinh tại Thượng Hải. Nhưng thực ra đó là đứa con riêng của Tưởng sinh tại Nhật bản trong thời gian Tưởng du học về quân sự. Tưởng và thân mẫu của Vĩ Quốc không kết hôn với nhau. Tuy vậy Diêu Di Thành rất yêu thương Vĩ Quốc, săn sóc đứa bé như là con riêng của mình, và ai cũng coi Tưởng Vĩ Quốc là con trai thứ hai của Tưởng.

Năm 1913, khi cuộc cách mạng thứ hai nhằm lật đổ Viên Thế Khải bắt đầu, Tưởng được lệnh xâm nhập vào quân đội của triều đình, xúi

giục các sĩ quan đồng khóa cũ đứng dậy chống lại tư lệnh của họ. Nhưng Tưởng hành động không được khôn khéo nên bị lộ, và xuýt bị bắt. Tưởng trốn về gặp Bồ già Đỗ Đại Nhĩ và được Bồ già cho mượn một số đàn em của Lục Hội để tấn công quân đội của Viên Thế Khải. Toán quân vô tổ chức của Tưởng bị thiệt hại nặng nề, và phải rút lui vào tô giới Anh. Tại đây nhóm tàn quân của Tưởng bị quân Anh tước khí giới, nhưng Tưởng may mắn không bị quân Anh bắt giữ. Mặc dù thất bại, Tưởng cũng tạo được một tiếng vang dẫn tới quyền bính sau này. Tưởng và Trần Kỳ Mỹ cùng với Hoàng Phục, tham mưu trưởng của Trần Kỳ Mỹ, cắt máu ăn thề kết nghĩa anh em, long trọng hứa sẽ chăm sóc con của nhau như ruột thịt của chính mình. Tưởng cũng liên kết chặt chẽ với những người trong nhóm anh chị của Đỗ Đại Nhĩ, đặc biệt là nhà tài phiệt quốc tế Curio Trương. Đến năm 1915, vì bị cảnh sát và các tay thích khách của Viên Thế Khải săn đuổi ráo riết nên Tưởng và Trần Kỳ Mỹ phải bỏ trốn sang Nhật Bản một lần nữa. Tuy nhiên hai người vẫn bí mật lên về Thượng Hải để tổ chức những cuộc nổi dậy, cướp phá và ám sát. Trần Kỳ Mỹ đã leo lên tới địa vị Chủ tịch Ủy ban Trung ương trong tổ chức Quốc dân đảng của Tôn Dật Tiên, và trở nên nhân vật số hai của phong trào cách mạng chống lại đế chế của Viên Thế Khải. Tất cả mọi âm mưu ám sát Trần Kỳ Mỹ của Viên Thế Khải đều thất bại, cho đến ngày 18-5-1916 thì các chuyên viên ám sát của Viên Thế Khải thành công lên được vào tư thất bí mật của Trần Kỳ Mỹ tại trụ sở cách mạng trong tô giới Pháp, và bắn chết Trần Kỳ Mỹ tại chỗ. Cái chết của Trần Kỳ Mỹ là một đòn cực mạnh đối với Tưởng Giới Thạch, vì Trần Kỳ Mỹ vốn là người đỡ đầu cần thiết cho Tưởng. Năm đó Tưởng mới có 30 tuổi và bỗng chốc mất đi người anh kết nghĩa, một người đồng chí thân cận nhất, và một nhà cách mạng kiểu mẫu cho Tưởng.

Trong bài diễn văn đọc trước linh cữu Trần Kỳ Mỹ, Tưởng đã kêu thống thiết: "Than ôi! Từ nay tôi biết tìm đâu được một người hiểu tôi và yêu thương tôi sâu xa như đại ca!" Và dường như ám chỉ những lời chỉ trích mình về những thói hư tật xấu hay nóng giận, rượu chè, và sa ngã chốn thanh lâu, Tưởng kể lể: "Tôi không bao giờ quan tâm đại ca có tin những lời bịa đặt người ta nói về tôi lúc đại ca còn sống hay không. Điều quan hệ nhất của tôi là bây giờ tôi có một lương tâm thanh thản khi đại ca đã chết." Sau đó Tưởng đem người cháu ruột của Trần Kỳ Mỹ là Trần Quả Phu làm người tâm phúc cho mình. Tưởng đã che chở cho hai anh em Trần Quả Phu và Trần Lập Phu trở thành những nhân vật quyền thế của mình. Hai anh em nhà họ

Trần cũng tạo được những sản nghiệp chính trị và tài chánh chỉ thua gia đình nhà họ Tống thôi. Cả hai người đều trung thành với Tưởng cho tới lúc chết. Điều làm Tưởng đau tiếc nhất là chỉ vài tuần lễ sau khi Trần Kỳ Mỹ bị người của Viên Thế Khải ám sát chết, thì chính Viên Thế Khải cũng chết vì quá uất ức khi tham vọng làm hoàng đế không thành tựu, và bị truất hết quyền lực chính trị. Sau cái chết của Trần Kỳ Mỹ, Quốc dân đảng điều chỉnh lại nhân sự, và Tưởng Giới Thạch nổi bật, trở thành nhân vật thứ nhì trong Quốc dân đảng, chỉ đứng sau Tôn Dật Tiên.

Kể từ ngày kết hôn với Tôn Dật Tiên, Khánh Linh bao giờ cũng xuất hiện trước công chúng cùng với Tôn Dật Tiên, và những người đi theo Tôn Dật Tiên cũng chấp nhận sự hiện diện của Khánh Linh. Tuy nhiên người Trung hoa chia làm hai phe trước cuộc hôn nhân của Tôn Dật Tiên và Khánh Linh. Những người thuộc lớp già coi cuộc hôn nhân là một điều ô nhục cho đại cuộc, trong khi giới trẻ thì hoàn toàn tán đồng cuộc hôn nhân. Tin tức về Khánh Linh lan tới tận Tứ Xuyên, và giới sinh viên tại đó nghe nói về một sinh viên xinh đẹp du học Hoa Kỳ, con nhà họ Tống, một gia đình bạn thân nhất của Tôn Dật Tiên. Họ hoan hô lãnh tụ của họ đã kết duyên với người nữ sinh viên họ Tống. Họ tin rằng Tống Khánh Linh sẽ giúp Tôn Dật Tiên rất nhiều trong những chương trình cải cách của ông. Hơn nữa sự coi thường những quan niệm cổ truyền của Tôn Dật Tiên rất phù hợp với tinh thần trẻ trung cởi mở của họ. Trong mấy năm đầu sau khi Viên Thế Khải chết rồi, trong khi Lê Nguyên Hồng trở thành tổng thống, và các tỉnh của Trung hoa nằm trong tay các sứ quân, thì Tôn Dật Tiên vẫn lặn lội, không hoàn thành được điều gì, và phải về sống tại Thượng Hải chờ thời cơ.

Vào mùa thu năm 1917, Tôn Dật Tiên và Khánh Linh quyết định cuộc cách mạng phải có một căn cứ mạnh tại miền nam. Quảng Đông lúc đó nằm trong tay sứ quân Trần Quýnh Minh, độc lập với Bắc Kinh và là bạn của Tôn Dật Tiên. Tôn Dật Tiên và Khánh Linh xuống Quảng Đông và thiết lập một chính phủ cách mạng tại đó. Trước kia chính Tôn Dật Tiên bổ nhiệm Trần Quýnh Minh làm tổng đốc Quảng Đông và gần đây Trần Quýnh Minh thành công đánh bại được sứ quân Quảng Tây, và chiếm được Quảng Tây. Tháng 11, Tôn Dật Tiên cử Tưởng Giới Thạch làm cố vấn quân sự. Nhiệm vụ thực sự của Tưởng là chỉ huy về an ninh và liên lạc cho Tôn Dật Tiên. Trong chức vụ này, Tưởng đi khắp nơi với những nhiệm vụ bí mật, và mặc thường phục.

Quân đội Quảng Đông do sứ quân Trần Quýnh Minh chỉ huy. Các sĩ

quan dưới quyền của Trần Quýnh Minh đều là người miền nam và nói tiếng Quảng Đông. Họ bất mãn trước những mệnh lệnh của Tưởng Giới Thạch, một người họ cho là kỳ khôi với cái đầu như hạt đậu phộng và chỉ nói được thổ âm Chiết Giang mà họ không thể hiểu được. Nhiệm vụ của Tưởng đối với quân đội Quảng Đông quả thực hết sức khó khăn. Chỉ có một khu vực gần thành phố Quảng Châu là phe Tôn Dật Tiên mới thực sự kiểm soát được. Hơn nữa Quảng Đông vẫn còn bị bao vây bởi những sứ quân còn trung thành với Bắc Kinh. Tôn Dật Tiên biết rằng cần phải củng cố được sức mạnh quân sự trước khi có thể làm được việc lớn. Tôn Dật Tiên mượn lính đánh thuê của các sứ quân khác, của các bang hội, của các đảng cướp và ngay cả binh sĩ của chính phủ. Những binh sĩ này chỉ trung thành với ai trả tiền cho họ. Tôn Dật Tiên cần phải có quân đội riêng, chứ không thể dựa vào những quân đội đánh thuê mãi được. Muốn có quân đội riêng thì cần phải có tiền nhiều để trả lương và tổ chức huấn luyện.

Vì quan tâm tới vấn đề tài chánh nên Tôn Dật Tiên giao phó công việc hàng ngày cho một số thuộc hạ. Thuộc hạ của Tôn Dật Tiên thì những người giỏi đã bị ám sát hết, chỉ còn lại rất những hạng bất tài mà cứ tưởng mình là thần thánh. Trong hoàn cảnh đó, Tôn Dật Tiên càng ngày càng phải nhờ cậy đến Tưởng Giới Thạch nhiều hơn, và thường mời Tưởng từ Thượng Hải xuống để giải quyết giúp ông nhiều vấn đề quan trọng. Tưởng không thích những công việc dọn dẹp lặt vặt này, nên mỗi lần chỉ ở lại Quảng Châu vài ngày rồi lại vội vàng trở về Thượng Hải. Tưởng rất thân thiện với nhà triệu phú Curio Trương và Đỗ Đại Nhĩ. Cả ba người tổ chức thị trường chứng khoán tại Thượng Hải, và tạo ra được rất nhiều tiền trợ giúp Tôn Dật Tiên. Những số tiền gửi tới Tôn Dật Tiên đều do Đỗ Đại Nhĩ và Curio Trương ký tên, nên từ đó vai trò của hai người này càng thêm uy thế trong Quốc dân đảng.

Năm 1921, Tưởng Giới Thạch bị tiếng sét ái tình đầu tiên khi gặp Trần Khiết Như, một người đàn bà vô cùng khéo léo, không bó chân và rất khôn ngoan bất thiệp. Tưởng ly dị người vợ cả, đuổi người ca kỹ Diêu Di Thành để kết hôn với Trần Khiết Như. Thực ra Trần Khiết Như trước kia thuộc quyền của Đỗ Đại Nhĩ. Tháng 11 năm 1921, hôn lễ của Tưởng và Trần Khiết Như được cử hành theo nghi lễ Phật giáo, và Trần cô nương trở thành đệ nhị phu nhân Tưởng Giới Thạch. Nhưng chỉ một ít lâu sau đó, trong một đêm dạ vũ do Tống Tử Văn tổ chức ăn mừng Giáng Sinh, Tưởng Giới Thạch gặp một thiếu nữ trẻ đẹp, trí thức, linh động và có nhiều liên hệ với các phe nhóm

chính trị và kinh tài quan trọng: người đó là Tống Mỹ Linh, em gái Tôn Dật Tiên phu nhân. Mỹ Linh cũng còn là em gái Ái Linh, người đang hợp tác kinh tài rất chặt chẽ với Đỗ Đại Nhĩ. Tưởng vô cùng hối tiếc đã kết hôn với Trần Khiết Như quá vội vàng, và tiếc không gặp Tống Mỹ Linh sớm hơn. Tuy nhiên, Tưởng không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để mất một người có thể đem về cho mình rất nhiều điều lợi, cả về chính trị và tài chánh như Tống Mỹ Linh. Tưởng lập tức đặt ra một kế hoạch lâu dài để chinh phục Tống Mỹ Linh.

Cuối tháng 12 năm đó, khi đi Quảng Đông theo lời mời của Tôn Dật Tiên, Tưởng không quên đưa vấn đề được giới thiệu với Tống Mỹ Linh ra nói với Tôn Dật Tiên. Tưởng cho biết đã ly dị vợ cả, và đuổi Diêu Di Thành rồi, nhưng Tưởng cố tình không cho Tôn Dật Tiên biết cuộc hôn nhân mới của mình với Trần Khiết Như. Tưởng kể cho Tôn Dật Tiên biết như thế để chứng tỏ mình đã quyết tâm chĩnh đốn lại đời sống, mở một trang đời mới, và dành hết tâm huyết cho công cuộc cách mạng, và sẵn sàng nhận lãnh những trách nhiệm lớn hơn. Cuối cùng Tưởng hỏi Tôn Dật Tiên, "Thưa sư phụ, bây giờ tôi không có vợ, sư phụ có nghĩ rằng Tống Mỹ Linh sẽ chấp nhận lời cầu hôn của tôi không?"

Tôn Dật Tiên suy nghĩ một lúc rồi thành thực trả lời Tưởng rằng ông không nghĩ Tống Mỹ Linh sẽ chấp nhận lời cầu hôn của Tưởng. Nhưng Tôn Dật Tiên hứa sẽ bàn lại với vợ. Khi Tôn Dật Tiên bàn với vợ về vấn đề Tưởng muốn cầu hôn với Tống Mỹ Linh thì bà Khánh Linh bưng bưng nổi giận. Bà rít lên thà bà thấy em gái bà chết đi còn hơn là lấy một người mà bà cho là vô tư cách đến như Tưởng Giới Thạch. Tuy nhiên một người như Tưởng Giới Thạch không dễ gì đầu hàng mọi khó khăn mà chưa phấn đấu, nhất là con mồi Tống Mỹ Linh hứa hẹn rất nhiều lợi lộc to lớn mà Tưởng đang thèm muốn.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 8

Sứ Quân Quảng Đông Phản Tôn Dật Tiên

Cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên là một chuỗi dài những thất bại. Nhiều lúc Tôn Dật Tiên tưởng đã đạt được thành quả thì lại phải bỏ chạy tháo thân. Sau nhiều cố gắng, Tôn Dật Tiên đã tạo được một căn cứ địa tại Quảng Đông làm địa bàn cho mộng thống nhất đất nước đang bị phân tán vào tay rất nhiều sứ quân. Mộng làm chủ

nước Trung hoa của Tôn Dật Tiên vào mùa xuân năm 1922 lại một lần nữa bị chính các sĩ quan của ông phá hoại, và công bố những bí mật tai hại của ông.

Tư dinh của Tôn Dật Tiên nằm trên một ngọn đồi, và được nối liền với phủ tổng thống bằng một cây cầu gỗ có mái che và tường gỗ hai bên. Trong thời kỳ loạn lạc đó, các sứ quân, các viên chức cao cấp của triều đình và các thương gia giàu có phải biến chỗ ở của mình thành những pháo đài kiên cố, để chống lại mọi mưu toan tấn công hoặc ám sát. Riêng tư dinh của Tôn Dật Tiên nằm trơ vơ trên một ngọn đồi và do đó việc phòng thủ rất là khó khăn. Kẻ thù có thể tấn công vào tư dinh từ bất cứ mặt nào, và lối thoát duy nhất là cây cầu gỗ thông qua dinh tổng thống.

Sứ quân Quảng Đông là Trần Quýnh Minh. Tổ tiên họ Trần vốn từ miền bắc lưu lạc đến lập nghiệp tại Quảng Đông từ nhiều thế kỷ trước. Họ là những người không theo tục lệ bó chân cho con gái, và thành công tổ chức những bang hội Triều Châu. Hồi còn trẻ, Trần Quýnh Minh đã đóng một vai trò quan trọng trong việc chiếm Quảng Đông và biến Quảng Đông thành một tỉnh độc lập với nhà Mãn Thanh năm 1911. Năm 1922, Trần Quýnh Minh mới có 40 tuổi, và được coi là một trong những sứ quân tiên bộ nhất của Trung hoa. Sau khi Viên Thế Khải chết, Tôn Dật Tiên cùng Trần Quýnh Minh thiết lập một nước cộng hòa tại Quảng Đông, đối lập với chính quyền tại Bắc Kinh, lúc đó do Lê Nguyên Hồng đứng đầu. Trần Quýnh Minh đưa ra những chương trình tiến bộ, như gửi sinh viên ra ngoại quốc du học, kể cả sinh viên cộng sản. Với những thành công đầu tiên, Trần Quýnh Minh hết sức quan tâm đến việc bảo vệ và phát triển nước cộng hòa Quảng Đông, và không thiết tha gì đến công việc giải phóng toàn thể Trung hoa khỏi tay các sứ quân khác. Chính Trần Quýnh Minh cũng chỉ ước mong trở thành một sứ quân.

Tôn Dật Tiên, trái lại, lúc nào cũng ôm giấc mộng lớn được dẫn quân đội Bắc phạt, để thống nhất Trung hoa và trở thành vị tổng thống đầu tiên của nước cộng hòa Trung hoa. Tôn Dật Tiên giao phó tất cả công việc chính phủ tại Quảng Đông cho thuộc hạ, và chỉ say mê với những giấc mơ huy hoàng trong trí tưởng tượng của ông. Tay chân của Tôn Dật Tiên phần lớn là những người thiếu khả năng, vì thế Quảng Đông trở nên rối loạn: thành phố Quảng Châu không có cảnh sát, ngoài đường đầy rẫy những toán lính vô kỷ luật và các tay anh chị. Trần Quýnh Minh chỉ mơ ước làm chủ một tỉnh là mãn nguyện rồi. Họ Trần nhận thấy rằng nước cộng hòa nhỏ bé của miền nam chưa được ổn định, và có thể bị các sứ quân khác xâm xé, nếu quân

đội Quảng Đông phải làm một cuộc viễn chinh Bắc phạt. Trần Quýnh Minh thiên về một thể chế liên bang, và các tỉnh được hưởng quyền rộng rãi hơn. Các sĩ quan của quân đội Quảng Đông hết sức ủng hộ Trần Quýnh Minh, vì họ là những người rất tham nhũng, sống bám vào các thương gia giàu có của Quảng Đông.

Tôn Dật Tiên nhiều lần yêu cầu Trần Quýnh Minh khởi quân Bắc phạt, nhưng họ Trần tìm cách tránh né, trì hoãn, không muốn rời xa căn cứ của mình. Cuối cùng hai người đi đến một quyết định: Tôn Dật Tiên sẽ chỉ huy quân đội Bắc phạt, còn Trần Quýnh Minh ở lại giữ Quảng Đông. Ngày 6-5-1922, Tôn Dật Tiên và Khánh Linh bắt đầu rời Quảng Châu, và tiến tới thị trấn Thảo Quận để nắm quyền chỉ huy toàn quân đánh thuê trong chiến dịch Bắc phạt. Tôn Dật Tiên có 500 vệ sĩ là quân nòng cốt của Quốc dân đảng. Sau khi Tôn Dật Tiên ra đi thì Trần Quýnh Minh trở thành chủ nhân ông toàn quyền của Quảng Đông, đúng như điều họ Trần hằng mong ước. Tổ chức Quốc dân đảng của Tôn Dật Tiên bị họ Trần loại ra khỏi chính quyền. Chính quyền tại Quảng Đông nay là của Trần Quýnh Minh. Họ Trần đã thành công làm một cuộc đảo chánh chớp nhoáng.

Tại Thượng Hải, Tưởng Giới Thạch nghe tin Trần Quýnh Minh trở mặt và làm đảo chánh tại Quảng Đông. Tưởng vội đánh điện yêu cầu Tôn Dật Tiên phải lo củng cố hậu phương trước khi tiến quân viễn chinh. Ngày 25-5, Tôn Dật Tiên vội dẫn Khánh Linh và 50 vệ sĩ quay trở về Quảng Châu. Từ tư dinh trên đồi, Tôn Dật Tiên trông thấy quân đội của Trần Quýnh Minh từ từ tiến tới, chiếm những vị trí bao vây quanh đồi, có vẻ muốn tấn công vào tư dinh của ông. Tôn Dật Tiên vội đánh điện cho Tưởng Giới Thạch, lúc đó đang ở Chiết Giang, và yêu cầu Tưởng phải tới cứu nguy ngay tức khắc.

Khoảng 2 giờ sáng ngày 16-6, Khánh Linh đang ngủ ngon thì bị Tôn Dật Tiên đánh thức dậy, và dặn Khánh Linh phải thay quần áo mau lẹ để chạy trốn, vì tình thế rất khẩn trương. Tôn Dật Tiên vừa nhận được một điện thoại cho biết quân của Trần Quýnh Minh đang sửa soạn tấn công vào dinh. Tôn Dật Tiên dự định cùng vợ trốn ra một pháo thuyền ngoài sông, và từ đó ông sẽ chỉ huy quân đội trung thành với ông chống lại cuộc phản loạn của Trần Quýnh Minh.

Khánh Linh nhận thấy mình có thể là gánh nặng cho chồng trong lúc khẩn cấp, nên khuyên Tôn Dật Tiên nên trốn đi trước một mình.

Khánh Linh lý luận rằng mang một người đàn bà đi theo cuộc hành quân là điều bất tiện, và bà ở lại cũng không có gì nguy hiểm. Tôn Dật Tiên vốn là người hay nghe lời vợ nên vội vàng đồng ý, và để lại tất cả vệ sĩ để bảo vệ cho vợ. Rồi ông hấp tấp ra đi với một người vệ

sĩ duy nhất.

Chừng nửa giờ sau khi Tôn Dật Tiên đã ra đi rồi thì súng bắt đầu nổ chung quanh tư dinh. Quân của Trần Quýnh Minh từ bốn phía xông vào tư dinh, và đồng loạt hô to khẩu hiệu: "Giết Tôn Dật Tiên! Giết Tôn Dật Tiên!" Toán vệ sĩ của Tôn Dật Tiên nằm im lặng chờ đợi, và đèn bên trong tư dinh tắt hết. Cho đến gần sáng thì quân của Trần Quýnh Minh bắt đầu dùng súng đại bác bắn vào tư dinh. Vệ sĩ của Tôn Dật Tiên chỉ có súng trường và một ít súng máy. Sự chênh lệch về sức mạnh của hai bên rất rõ ràng, và toán vệ sĩ trong tư dinh chắc chắn không thể cầm cự lâu dài được.

Thoạt tiên một trái đại bác bắn sập phòng tắm của Khánh Linh, và một phần ba số vệ sĩ bị loại ra khỏi vòng chiến. Tuy nhiên đám vệ sĩ còn lại vẫn kiên quyết chiến đấu tới cùng, vì họ là những phần tử trung kiên của Quốc dân đảng. Một vệ sĩ trèo lên lầu và bắn hạ được khá nhiều quân tấn công. Đến 8 giờ sáng thì binh sĩ bên trong tư dinh gần hết đạn, và phải bắn cầm chừng để tiết kiệm số đạn được ít ỏi còn lại. Viên đại úy chỉ huy toán vệ sĩ thấy tình thế mỗi lúc một tuyệt vọng hơn, nên khuyên Khánh Linh rời khỏi tư dinh ngay, và tất cả số vệ sĩ còn lại sẽ chặn hậu, bảo vệ đường thoát hiểm cho Khánh Linh. Khánh Linh cùng một đại tá cố vấn ngoại vụ của Tôn Dật Tiên và hai binh sĩ trốn khỏi tư dinh bằng cách bò trên cây cầu gỗ nối liền với dinh tổng thống. Quân phản loạn lập tức hướng hỏa lực vào cây cầu này. Hai lần đạn sượt qua màng tang Khánh Linh, nhưng toán người rút lui được các thành cầu bằng sắt cản đạn nên thoát chết nhiều lần. Nhưng khoảng giữa cầu có một đoạn đã bị đại bác bắn trúng và phá tung. Nhóm Khánh Linh bắt buộc phải chạy qua một khoảng trống không có song sắt che chở. Chính tại đây viên đại tá cố vấn ngoại vụ bị trúng đạn vào đùi và máu tuôn sôi xả. Hai tên lính phải dìu ông ta đi tiếp. Tất cả phải mất vài giờ mới vượt qua được cây cầu ngắn để lẩn vào vườn sau của dinh tổng thống.

Ngay khi họ vừa qua được cây cầu thì một trái đạn đại bác đánh gục hẳn cây cầu gỗ, và kể từ đó hỏa lực của loạn quân dồn hết vào tư dinh, phá sập tư dinh và tất cả vệ sĩ còn lại trong tư dinh đều tử trận. Sau đó quân phản loạn quay súng sang tấn công phủ tổng thống. Khánh Linh tìm cách băng bó cho viên đại tá. Viên đại tá vừa rên rỉ vừa trấn an Khánh Linh, "Thưa phu nhân, chiến thắng cuối cùng sẽ là của chúng ta!"

Từ sáng cho tới 4 giờ chiều, Khánh Linh nằm chết dí trong phủ tổng thống để nghe đạn bay tứ phía. Có khi Khánh Linh và vệ sĩ vừa đi qua thì cả trần nhà sụp xuống vì trúng đạn đại bác. Vào lúc 4 giờ

chiều thì viên tư lệnh quân phản loạn phái một sĩ quan tiến vào dinh để đề nghị điều kiện cho bên trong đầu hàng. Yêu sách đầu tiên của Khánh Linh là phe phản loạn phải bảo đảm sự an toàn cho Khánh Linh, nhưng yêu sách này bị phe phản loạn bác bỏ ngay. Sở dĩ quân phản loạn không thể bảo đảm an ninh cho Khánh Linh được là vì chính các sĩ quan cũng không chỉ huy được quân sĩ của mình. Họ là những binh sĩ vô kỷ luật. Cuộc thương thuyết bất thành, và đợt tấn công cuối cùng bắt đầu.

Cổng phủ tổng thống bị phá sập; từng toán quân phản loạn chĩa súng cầm lưỡi lê tiến vào ào ào như thác lũ. Khánh Linh tưởng giờ phút cuối cùng đã điểm, nhưng những toán lính phản loạn dường như không thèm để ý đến những người ở bên trong phủ. Cái mà chúng chú tâm nhất là tranh nhau vơ vét đồ đạc bên trong phủ, và nhét đầy những bao tải chúng mang theo. Lợi dụng tình trạng hỗn loạn giữa những loạn quân mải mê hôi đồ, Khánh Linh và hai người vệ sĩ lén trốn ra khỏi phủ tổng thống. Ngoài đường phố đông đầy lính phản loạn, xô nhau đi cướp đồ trong các bộ phủ quanh đó, và không một ai để ý đến Khánh Linh.

Nhóm Khánh Linh chạy thoát vào một đường hẻm, nhưng Khánh Linh kiệt sức, không đủ sức tiếp tục chạy nữa. Bà yêu cầu hai người vệ sĩ bỏ mặc bà ngồi lại một mình, và ra lệnh cho họ cứ tiếp tục chạy cho thoát, nhưng hai vệ sĩ xóc nách Khánh Linh, dìu bà đi qua những xác chết rải rác ngoài đường. Nhiều xác bị đâm thủng ngực hoặc cắt chân cắt tay. Nhóm Khánh Linh đứng độ từng toán chuyên đi hôi đồ, và Khánh Linh phải nằm thẳng cẳng xuống đường, giả vờ chết, nếu không sẽ bị quân vô lại cướp bóc, hoặc lợi dụng sờ mó hoặc hăm hiếp. Hai vệ sĩ khuyên Khánh Linh không nên nhìn những xác người chết, e rằng Khánh Linh sợ quá có thể ngất xỉu. Một nửa giờ sau nhóm Khánh Linh lần mò tới nhà của một nông dân. Người nông dân sợ hãi xua đuổi không dám chứa chấp Khánh Linh, sợ bị quân của sứ quân Trần Quýnh Minh trừng phạt, nhưng hai người vệ sĩ cứ dìu Khánh Linh vào trong nhà.

Khánh Linh mệt quá, nằm gục xuống thiếp đi, không còn biết gì nữa. Hai vệ sĩ dùng nước lạnh để cứu Khánh Linh hồi tỉnh. Một người bước ra ngoài để nghe ngóng tình hình. Chợt một tiếng súng chát chúa vang lên. Người vệ sĩ còn lại vội chạy ra đóng cửa lại, và quay vào báo cho Khánh Linh biết người vệ sĩ kia đã bị bắn chết ngay ngoài cửa rồi. Khánh Linh vội vã cải trang làm một người đàn bà nhà quê, bưng một rổ đựng một ít rau cải, tiếp tục chạy trốn cùng với người vệ sĩ bây giờ giả làm một người bán hàng rong. Hai người lần

mò tới nhà một người bạn của Khánh Linh. Căn nhà này đã bị loạn quân ruồng xét buổi sáng nên Khánh Linh có thể ở lại một đêm. Súng nổ liên hồi suốt đêm đó. Bỗng Khánh Linh nghe thấy tiếng súng phản công từ pháo thuyền ngoài sông, và bà thở phào nhẹ nhõm: thế là Tôn Dật Tiên đã được an toàn và bà cũng có hy vọng thoát hiểm. Sáng sớm hôm sau, Khánh Linh được một người bạn khác tìm cách sắp đặt một chiếc thuyền máy đưa bà ra pháo thuyền của Tôn Dật Tiên. Trên sông, Khánh Linh gặp rất nhiều thuyền bè của nhà giàu chở đầy con gái và hàng hóa đi tránh nạn. Cuối cùng đêm đó Khánh Linh ra được pháo thuyền với Tôn Dật Tiên. Sau cơn chạy giặc nguy hiểm vất vả, Khánh Linh bị xảy thai, và bà không bao giờ có thai nữa.

*

Về phần Tôn Dật Tiên, khi ông để vợ Ở lại và trốn khỏi tư dinh, ông đã phải liều lĩnh đi qua một toán quân phản loạn để ra bờ sông. Nhưng nhờ đêm tối nên quân phản loạn không nhận ra ông. Ông và người vệ sĩ tiến tới chỗ đậu bí mật của chiếc pháo thuyền. Từ lúc đó thì kể như Tôn Dật Tiên được an toàn. Ông đánh điện cầu cứu Tưởng Giới Thạch. Ngày 18-6, ông nóng nảy đánh thêm một điện văn thứ hai cho Tưởng, thúc giục Tưởng phải đến ngay vì tình thế rất khẩn trương.

Được điện văn thứ hai, Tưởng vội vàng từ Thượng Hải xuống giúp Tôn Dật Tiên với hy vọng chiếm lại được Quảng Châu khỏi tay Trần Quýnh Minh. Tưởng và Tôn Dật Tiên dùng chiếc pháo thuyền làm bản doanh chống lại quân phản loạn trong suốt 56 ngày. Trần Quýnh Minh hoảng sợ tái mặt khi nghe tin Tưởng Giới Thạch tới giúp Tôn Dật Tiên. Họ Trần biết Tưởng là một người quỷ quyệt, có thể làm bất cứ điều tàn ác nào. Khi nhận được điện văn đầu tiên của Tôn Dật Tiên, Tưởng hoàn toàn im lặng. Nhưng khi điện văn thứ hai của Tôn Dật Tiên tới nơi thì phe của Tưởng khuyên Tưởng phải lên đường ngay, vì thời gian đã chín mùi để Tưởng tạo được uy thế trong hàng ngũ cách mạng của Tôn Dật Tiên, vì đây là giờ phút nguy hiểm nhất của Tôn Dật Tiên, và cần sự trợ giúp của Tưởng nhất. Trong thời gian sống bên Tôn Dật Tiên dưới chiếc pháo thuyền, Tưởng tỏ ra rất cần mẫn, có khi cởi áo lau sàn tàu như một người lính thường. Điều này làm Tôn Dật Tiên rất cảm động, và quyết định giao phó cho Tưởng chức vụ quan trọng trong tổ chức cách mạng của ông. Vận may của Tôn Dật Tiên vẫn chưa đến. Một lần nữa nhà cách mạng này lại ghi thêm một thất bại chua chát. Sau 56 ngày trên pháo thuyền mà không loại trừ được quân đội phản loạn của Trần Quýnh

Minh, Tôn Dật Tiên trở nên mệt mỏi nên cùng vợ và Tường cải trang tìm đường trốn về Hương Cảng, rồi đi luôn Thượng Hải để chờ một cơ hội khác. Kể từ đó vai trò của Tường Giới Thạch nổi bật trong Quốc dân đảng. Phe cực hữu của Thượng Hải đã thành công xâm nhập vào tổ chức cách mạng của Tôn Dật Tiên.

Tại Quảng Đông, Trần Quýnh Minh đốt tư dinh của Tôn Dật Tiên thành bình địa. Họ Trần còn hỏa thiêu tất cả các tài liệu và các bản thảo của Tôn Dật Tiên bỏ lại, trừ một sổ tài liệu bí mật viết tay của Tôn Dật Tiên, liên quan tới việc bí mật bắt tay với cộng sản Nga sô. Tôn Dật Tiên đã từng nhấn nạy gõ cửa các quốc gia tây phương nhờ giúp đỡ cho công cuộc thống nhất và canh tân nước Trung hoa của ông, nhưng mọi cánh cửa đều đóng chặt, không đáp lại sự nài nỉ của ông. Cuối cùng Tôn Dật Tiên đành phải quay sang cầu cứu cộng sản Nga sô giúp đỡ.

Các tài liệu mật liên lạc với Nga sô bắt được trong tư dinh của ông được đăng tải trên tờ Hong Kong Telegraph, gây chấn động trên thế giới, đặc biệt là giới tài phiệt Trung hoa. Người ta chưa được biết nhiều về những người bên-sê-vích Nga sô, nhưng những điều ít ỏi người ta được biết về cộng sản Nga sô đều đáng kinh sợ. Tờ báo L'Avenir du Tonkin của người Pháp tại Hà nội ngày 24-7-1922 đã tóm lược các bằng chứng về sự móc nối giữa Tôn Dật Tiên và Nga sô như sau: "Chính phủ của Trần Quýnh Minh đã công bố những tài liệu vạch trần việc thiết lập một khối đồng minh Tàu-Nga-Đức do Tôn Dật Tiên soạn thảo, với sự hợp tác của M. von Hintze, đại sứ Đức tại Mạc tư khoa, và trước kia là đại sứ Đức tại Bắc Kinh." Việc công bố này có ảnh hưởng tai hại cho công cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên. Hậu quả đầu tiên là tổ chức bí mật của Tôn Dật Tiên tại San Francisco lập tức khai trừ Tôn Dật Tiên ra khỏi tổ chức, vì tội đã bí mật liên kết với cộng sản Nga sô. Tại Trung hoa nhiều người e dè không dám cộng tác với Tôn Dật Tiên như trước nữa.

Thực ra cộng sản Nga đã tìm đến Tôn Dật Tiên trước. Mặc dầu cuộc cách mạng mùa thu của cộng sản thành công tại Nga sô, nhưng người Bên-sê-vích không tạo được cuộc cách mạng trên toàn thế giới như họ mong muốn. Vì lý do này, các nhà lãnh đạo Nga sô cố gắng bày tỏ thiện cảm giúp đỡ các nước nhược tiểu trong nỗ lực tìm cơ hội tại hải ngoại. Nga sô đã kêu gọi người Trung hoa phải vùng dậy, lật đổ nền quân chủ và đòi lại các nhượng địa trước kia triều đình Mãn Thanh đã phải nhượng cho các quốc gia tây phương. Lời kêu gọi của Nga sô đã được giới trí thức Trung hoa rất dễ cảm kích, nhất là sau khi người Trung hoa thất vọng trước kết quả của hội nghị

Versailles. (Hội nghị này cho phép người Nhật được làm chủ các lãnh thổ Trung hoa trước kia do người Đức cai quản.) Nhiều cán bộ cao cấp của cộng đảng Nga được phái sang Bắc Kinh để kiểm điểm tình thế để xem Nga sẽ nên cầm đầu nhóm cách mạng nào của Trung hoa. Năm 1922, một phái bộ ngoại giao Nga do Adolf Joffe hướng dẫn sang Bắc Kinh để tìm sự giao hảo và hợp tác với chính quyền Bắc Kinh. Các sứ quân của Trung hoa lúc đó còn đang mãi lo tìm sự trợ giúp của Anh quốc nên bác bỏ mọi đề nghị của Joffe. Bị thất bại tại Bắc Kinh, Joffe tìm đường xuống Thượng Hải gặp Tôn Dật Tiên, và coi Tôn Dật Tiên như một con bài thay thế. Người cộng sản Nga không có ảo tưởng về Tôn Dật Tiên. Chính Lênin đã có lần mô tả Tôn Dật Tiên là một người ngây thơ, và những tư tưởng của Tôn Dật Tiên là không tưởng, thiếu thực tế. Tuy nhiên người Nga nhận thấy có thể lợi dụng được Tôn Dật Tiên và tổ chức Quốc dân đảng của ông. Nga sẽ tin tưởng có thể biến Tôn Dật Tiên thành một lãnh tụ chỉ đóng vai trò tượng trưng.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 9

Vai Trò Của Borodin Tại Trung Hoa

Sau khi bị sứ quân Quảng Đông lật đổ, Tôn Dật Tiên trở về Thượng Hải nằm liếm vết thương chờ thời. Đang cơn túng quẫn bị nhiều người xa lánh vì việc sứ quân Quảng Đông công bố tài liệu hợp tác với cộng sản Nga, và không biết xoay trở cách nào thì phái bộ Nga sẽ do Joffe cầm đầu tìm đến. Tôn Dật Tiên và phái bộ Nga sẽ thảo luận nhiều ngày liên tiếp, tìm phương thức hợp tác. Joffe cố thuyết phục Tôn Dật Tiên rằng Nga sẽ không có tham vọng đất đai tại Trung hoa. Joffe chứng minh một xã hội phong kiến như Trung hoa không thể là một vùng đất tốt cho chủ nghĩa cộng sản. Những điều Joffe nói có lẽ phản ảnh đúng ý kiến của Lênin và Trotsky đang cầm quyền lúc đó, chứ không phải chủ trương của Stalin sau này. Joffe nhấn mạnh trong công cuộc chống lại ngoại bang, Trung hoa có thể trông cậy vào sự giúp đỡ của Nga sẽ.

Tôn Dật Tiên cẩn thận yêu cầu Joffe viết giấy xác nhận những nguyên tắc mà chính quyền cộng sản Nga sẽ đã công bố khi mới thành lập chế độ cộng sản, như từ bỏ các nhượng địa Trung hoa, và xóa bỏ những hòa ước giữa Nga hoàng và triều đình Mãn Thanh.

Các điều này đã được công bố trong bản thông cáo chung bằng Anh ngữ khi "đồng chí" Joffe rời Thượng Hải đi Tokyo ngày 26-1-1923. Bản thông cáo không tiết lộ những hứa hẹn của Nga xô giúp đỡ Tôn Dật Tiên và Quốc dân đảng về tài chánh trong mưu đồ tranh quyền làm chủ Trung hoa. Về phần Tôn Dật Tiên, trước hết ông phải chứng tỏ khí thế của mình bằng cách kiểm soát được miền nam Trung hoa, và cũng để tỏ thiện chí, Tôn Dật Tiên phải cho đảng cộng sản gia nhập Quốc dân đảng.

Rồi vận may của Tôn Dật Tiên cũng trở lại. Tôn Dật Tiên tìm cách liên kết được với hai sứ quân Vân Nam và Quảng Tây vốn là kẻ thù của sứ quân Quảng Đông. Quân đội của hai sứ quân này cùng với số binh sĩ trung thành với Tôn Dật Tiên đủ mạnh để bao vây và áp lực sứ quân Quảng Đông. Trần Quýnh Minh cảm thấy ở thế yếu, nên quyết định rời bỏ chính trị, ôm tài sản trở về hưởng phú quý tại Hương Cảng. Tất cả xảy ra đúng hai ngày trước khi Joffe đến gặp Tôn Dật Tiên. Chiến thắng bất ngờ gia tăng uy tín của Tôn Dật Tiên rất nhiều. Bây giờ Tôn Dật Tiên đường hoàng trở về Quảng Đông với tư cách là Tổng Thống Đặc Biệt, và đó cũng là điều kiện đầu tiên để được viện trợ của Nga xô.

Lần này, Tôn Dật Tiên và Khánh Linh cẩn thận hơn, không dám ở trong dinh tổng thống cũ nữa. Tôn Dật Tiên cho sửa chữa lại một nhà máy trên một hòn đảo ngoài sông, và dùng nơi đó làm dinh tổng thống. Tại đây việc phòng thủ dễ dàng hơn, vì có sông bao quanh và toà nhà rất kiên cố có thể chống đỡ được những đợt pháo kích. Tôn Dật Tiên không tìm vệ sĩ là người Trung hoa. Ông mượn Morris Cohen, một cựu võ sĩ quyền Anh người Gia nã đại, làm vệ sĩ cho ông.

Cuộc thảo luận sơ khởi với Joffe đã mở đường cho một nhân vật Nga xô đặc biệt tới Trung hoa. Đó là Borodin, tên thật là Mikhail Markovich Grusenber. Borodin được Lenin phái tới Trung hoa làm cố vấn cho Tôn Dật Tiên với tư cách là đại diện tổ chức cộng sản thế giới tại Trung hoa. Borodin có quyền hạn rất lớn, nhưng nhiệm vụ thật vô cùng nặng nề khó khăn. Việc khó khăn nhất của Borodin là phải tổ chức lại Quốc dân đảng thành một đảng chính trị thống nhất có kỷ luật. Từ trước Quốc dân đảng là một tổ chức rất lỏng lẻo, ai cũng muốn làm lãnh tụ chứ không chịu thừa hành lệnh của người khác. Việc khó khăn thứ hai là tài trợ, huấn luyện và trang bị quân đội Quốc dân đảng thành một quân đội có thể đảm nhiệm được vai trò chiến đấu. Quân đội Quốc dân đảng lúc đó vô kỷ luật, thiếu khả năng, thiếu trang bị về vũ khí, nhưng lại rất thiện nghệ hồi đồ cướp

của, và rất khôn ngoan bỏ trốn khi gặp nguy hiểm. Borodin là một đảng viên cộng sản cao cấp có tài, đã từng hoạt động thành công trong những nhiệm vụ rất khó khăn tại nhiều quốc gia Mỹ châu và Âu châu. Borodin có lần suýt được bổ nhiệm làm đại sứ tại Anh quốc. Borodin rất thân cận Lenin, và được Lenin tin dùng trong những nhiệm vụ trọng yếu. Trước khi tới Trung hoa, Borodin hoạt động tại Tô Cách Lan, trợ giúp các thợ hầm mỏ của Anh đình công, và bị tù nửa năm tại khám đường Barlinnie. Khi mãn hạn tù Borodin bị trục xuất khỏi Anh quốc. Nhưng khi trở về đến Mạc tư khoa, Borodin được Lenin phái ngay sang Trung hoa đảm nhiệm trách vụ quan trọng, đặt nền móng để đưa Trung hoa vào quỹ đạo cộng sản. Khi tới Trung hoa, Borodin được Tôn Dật Tiên rất quý mến tin cậy. Ngày đầu tiên, Tôn Dật Tiên nắm tay Borodin, bắt ngồi xuống bên cạnh mình, và mỉm cười nhìn rất lâu vào mắt Borodin, như nhìn vị cứu tinh của mình. Borodin trông thấy ngay vị thế nguy hiểm của Tôn Dật Tiên và Quốc dân đảng. Thành phố Quảng Châu đầy binh lính của các sứ quân khác nhau. Các binh sĩ này hưởng lương của Quốc dân đảng, nhưng không thể tin cậy được. Tôn Dật Tiên chỉ có khoảng 200 tay súng trung thành làm vệ sĩ. Sứ quân Trần Quýnh Minh quay trở lại, tìm cách chiếm lại thành phố. Quân của Trần Quýnh Minh đóng ngay bên ngoài thành phố, lúc nào cũng sẵn sàng mở cuộc tấn công. Các lính đánh thuê của Tôn Dật Tiên thì chỉ mải du hí, không quan tâm đến sự phòng thủ thành phố. Borodin lập tức tuyển lựa được 450 tay súng trong đảng cộng sản để huấn luyện và thành lập đoàn quân xung kích đầu tiên. Năm tuần lễ sau khi tới Quảng Đông, ngày 15-11, Borodin đem toán quân này đến trình diện Tôn Dật Tiên thì thấy Tôn Dật Tiên đang chuẩn bị thu dọn hành lý để đào tẩu, vì Tôn Dật Tiên mới nghe tin Trần Quýnh Minh sắp sửa tấn công vào Quảng Châu. Tôn Dật Tiên không chịu bàn luận với Borodin về kế hoạch đương cự lại Trần Quýnh Minh, mà chỉ muốn bàn luận kế hoạch bỏ chạy của ông được bảo đảm an toàn. Borodin vô cùng thất vọng chán nản, và đành phải tự mình đứng ra bảo vệ Quảng Châu bằng nhóm xung kích ít ỏi mới được thành lập. Borodin dạy cho toán xung kích phương pháp đánh giết tàn bạo nhất, theo kiểu mẫu hung bạo của thời cách mạng Nga xô tại St. Petersburg, Nga xô. Lối tấn công hung bạo của Borodin khác hẳn lối đánh nhau thông thường của các sứ quân Trung hoa. Trong các cuộc đụng độ giữa những sứ quân cũng có những tổn thất lớn lao, nhưng phần lớn là do sự hỗn loạn và tàn sát dân lành vô tội. Trong một trận đánh, quân của các sứ quân Trung hoa vừa chiến đấu vừa

quan sát xem có thể vơ vét được của cải gì sau trận đánh. Các trận đánh chỉ có mục đích làm cho bên địch rút lui để mình tới vơ vét, chứ không cố tình tàn sát, và cũng không bao giờ có vấn đề liều chết cố thủ. Nếu chỉ bị núng thế thì họ lập tức rút lui ngay.

Chính vì tinh thần chiến đấu thiếu hăng say của binh lính các sứ quân như thế, nên khi Borodin tung ra cuộc tấn công tàn sát thì năm trăm tay súng của ông đã đánh bại hàng ngàn quân của sứ quân Trần Quýnh Minh. Từ đường phố, đến các nhà chứa và sông bạc, các tay súng của Borodin mặc sức bắn giết, không chậm trễ, không thương xót, phải bắn hạ tất cả, kể cả những kẻ đang chạy trốn. Sứ quân Trần Quýnh Minh vô cùng kinh hoàng trước sức tấn công vũ bão của bên địch, nên vội vàng bỏ chạy thực mạng, cùng với những quân lính chạy nhanh nhất của mình.

Nhờ Borodin, lần này Tôn Dật Tiên không phải đào tẩu nữa. Nhưng chính quyền Quảng Đông của Tôn Dật Tiên thì thực là hỗn độn, bất trị. Người tây phương xa lánh Tôn Dật Tiên vì thấy Tôn Dật Tiên tin dùng Borodin. Nhiều người khuyên Tôn Dật Tiên nên loại bỏ Borodin. Một người bạn Hoa Kỳ đến thăm Tôn Dật Tiên với mục đích trình bày sự nguy hiểm khi dùng Borodin. Người bạn này hỏi Tôn Dật Tiên: "Bác sĩ có biết tên thực của Borodin là gì không?"

Tôn Dật Tiên nháy mắt mỉm cười trả lời, "Có chứ. Tên thực của ông ta là Lafayette" (Lafayette là một người Pháp đã đến giúp người Mỹ chiến đấu chống người Anh để dành độc lập.) Câu trả lời này chứng tỏ Tôn Dật Tiên nhất quyết chọn con đường đi với Nga sô Thực ra đó cũng là con đường duy nhất ông chọn được. Các nước tây phương khác đều từ chối không trợ giúp ông.

Fanya, vợ của Borodin, và hai con trai cũng từ Nga sang sống tại Quảng Đông. Borodin còn có một thanh niên cộng sản Trung hoa rất thông minh khôn ngoan làm thư ký và đảm nhiệm công việc văn phòng. Người đó là Chu Ân Lai. Tôn Dật Tiên rất thán phục Borodin, nhất là sau lần thành công bảo vệ thành phố Quảng Châu. Borodin khuyên Tôn Dật Tiên phải nắm được một khu vực trung ương, như Hán Khẩu chẳng hạn, và một căn cứ tại Mông cổ có Nga sô đứng sau thì Tôn Dật Tiên mới có thể đương đầu được với các quốc gia tây phương thù nghịch. Trong những lần bàn luận với Tôn Dật Tiên, Borodin càng nhận thấy nhận xét của Lenin về Tôn Dật Tiên là đúng. Tôn Dật Tiên quả thực là một người ngây thơ, trong khi đó vẫn tưởng chỉ có mình mới là "anh hùng", còn mọi người khác chỉ là một đám đông tầm thường.

Tuy nhiên sự kiêu hãnh của Tôn Dật Tiên không phải là nguyên do

sự nhức đầu của Borodin. Chính Tưởng Giới Thạch mới là người gây khó khăn cho Borodin. Ngay từ năm 1920, Tưởng Giới Thạch đã tỏ ra chú ý đến Nga sô. Tưởng đã học tiếng Nga và đã viết thư cho Tôn Dật Tiên biết chính sách của Nga sô thật là đúng khi tập trung hết nỗ lực vào an ninh nội bộ trước khi giải quyết những sự chống đối từ bên ngoài. Điều Tưởng thán phục nhất ở người Nga là kỷ luật. Không có kỷ luật thì không thể nào đạt được kết quả. Tưởng đã có quá nhiều kinh nghiệm bản thân với các đồng chí và quân lính Trung hoa. Nhiều lần Tưởng đã phải từ chức vì các thuộc hạ không áp dụng kỷ luật để có thể thi hành mệnh lệnh một cách chính xác và thành công. Tưởng đã từ chối tham gia chính phủ Quảng Đông cho đến khi được bảo đảm có được sự tuân lệnh của thuộc cấp và quân lính dưới quyền.

Kỷ luật của Nga sô là trách nhiệm của tổ chức công an quốc gia, lúc đó được gọi là Cheka, đã xâm nhập cả vào quân đội, và làm câm họng mọi tiếng nói chống đối. Trong thời gian Cheka hoành hành nhất, các nhân viên Cheka đã bắn chết, đâm chết, dìm nước cho chết và đánh chết khoảng 500 ngàn người Nga. Hoạt động khủng bố của Cheka được các lãnh tụ cộng sản ca ngợi và bênh vực, vì Cheka phục vụ cho quyền lợi của chính họ. Lenin từng tuyên bố, "Việc khủng bố quảng đại quần chúng cần phải được khuyến khích."

Tưởng Giới Thạch cũng nghe biết về những sự tàn bạo của công an Nga, vì rất nhiều người Nga bỏ trốn sự khủng bố của cộng sản đã tới Thượng Hải, tìm một nơi trú ẩn an toàn. Năm 1923, Tôn Dật Tiên cử Tưởng sang Nga sô nghiên cứu. Tưởng tuyên bố sẽ ở Nga ít nhất từ 5 đến 10 năm. Nhưng Tưởng vỡ mộng ngay khi tới Nga sô. Những huy hoàng của giới vô sản không hề có như trong những tài liệu tuyên truyền của Nga sô. Tưởng chỉ thấy một sự sợ hãi cùng sự đói rách của giới vô sản, cộng với một đời sống vô cùng buồn tẻ. Nga sô không phải là nơi Tưởng có thể tìm thấy sự thoải mái, nhất là một người đã từng sống buông thả như Tưởng. Tưởng cũng nhận thấy người dân Mạc tư khoa vừa sợ vừa ghét người Á Đông.

Nhưng về phương diện chính trị thì cuộc viếng thăm Mạc tư khoa của Tưởng là một thắng lợi lớn cho Quốc dân đảng. Ngay khi tới Mạc tư khoa ngày 2-9-1923, Tưởng đọc diễn văn trước đại hội của tổ chức cộng sản quốc tế, bày tỏ niềm tin tưởng rằng cuộc cách mạng tại Trung hoa sẽ thành công trong hai hoặc ba năm. Khi nghe thấy các đảng viên cộng sản người Trung hoa chê bai Tôn Dật Tiên và Quốc dân đảng, Tưởng liền nhấn mạnh đại hội cộng đảng không hiểu phong trào cách mạng tại Trung hoa, và yêu cầu Nga sô cử

thêm nhiều quan sát viên sang Trung hoa để nghiên cứu tình hình tại chỗ.

Tưởng được đi thanh tra hồng quân Nga, viếng thăm các trường quân sự và các tổ chức đảng, thăm căn cứ hải quân Petrograd. Đúng ra Tưởng dùng rất nhiều thời giờ với các nhân viên mật vụ Cheka, và học hỏi phương thức của họ. Điều không may cho Tưởng là trong lúc ở Mạc tư khoa thì Lenin bắt đầu lâm trọng bệnh, hôn mê trước khi chết. Tưởng đàm đạo rất nhiều với Trotsky. Trotsky bảo đảm vai trò của Nga sẽ cung cấp tối đa tinh thần và viện trợ vật chất cho phong trào cách mạng tại Trung hoa, nhưng Nga sẽ không phái quân đội sang Trung hoa giúp Quốc dân đảng.

Chỉ ba tháng sau Tưởng đã muốn trở về Trung hoa. Trong một cuốn hồi ký viết sau này, Tưởng nhận xét: "Từ sự quan sát và các cuộc tiếp xúc của tôi, tôi nhận thấy những cuộc xung đột dữ dội nhất không những đang tiếp diễn tại nước Nga, mà còn cả giữa các đảng viên cộng sản với nhau." Trước khi ra đi, Tưởng hy vọng sẽ được chứng kiến một bộ mặt kỷ luật của Nga và một đảng cộng sản kiểm soát tuyệt đối được đảng và quốc gia Nga. Trái lại Tưởng chỉ chứng kiến những cuộc ám sát lẫn nhau, và sự yếu kém ngay trong đảng. Ngày 29-11, Tưởng bất thành linh chấm dứt cuộc viếng thăm và vội vàng hồi hương.

Khi trở về Trung hoa, Tưởng Giới Thạch khuyên Quốc dân đảng không nên tin người Nga. Tưởng thận trọng nhắc nhở các đồng chí trong Quốc dân đảng: "Trong cuộc trợ giúp Trung hoa, đảng cộng sản Nga chỉ có một mục đích biến đảng cộng sản Trung hoa thành một sức mạnh duy nhất. Nga sẽ muốn biến những đất đai tại Mãn châu, Mông cổ, Hồi giáo và Tây tạng trở thành lãnh thổ của Nga. Nga sẽ có những tham vọng lớn tại Trung hoa."

Tưởng biết rằng kinh nghiệm của ông về Nga sẽ đã giúp ông trở thành một nhân vật duy nhất trong Quốc dân đảng có thể đương đầu với vấn đề Nga. Nếu người Nga định thành lập một trường võ bị tại Quảng Châu để đào tạo một quân đội thực sự với trang bị của Nga, thì Tưởng phải là người kiểm soát trường võ bị đó, và từ đó Tưởng sẽ có thể nắm được quân đội tương lai. Nhờ kinh nghiệm Nga của Tưởng, không ai có thể tranh được chức chỉ huy trường trường võ bị Hoàng Phố với Tưởng.

Sau khi ở Nga về, Tưởng trở về quê nhà tại Khê Khẩu trong khi phe bảo thủ vận động ráo riết chức chỉ huy trường võ bị Hoàng Phố cho Tưởng. Đến ngày 26-12-1923, Tưởng nhận được điện văn hứa cho Tưởng được toàn quyền điều hành trường võ bị Hoàng Phố.

Điện văn còn nói tiếp: "Việc tổ chức trường võ bị không thể tiến hành được nếu không có Ngài." Ngày 30-12, Tôn Dật Tiên lại gửi cho Tưởng một điện văn thứ hai, yêu cầu Tưởng phải lập tức đến Quảng Châu ngay "để tường trình mọi vấn đề và soạn thảo kế hoạch hợp tác Nga-Hoa"

Mãi đến ngày 16-1-1924, Tưởng mới rời Khê Khẩu, đúng lúc cuộc đại hội của Quốc dân đảng đang diễn ra tại Quảng Châu. Tưởng muốn toàn thể đại hội Quốc dân đảng phải xác nhận việc bổ nhiệm Tưởng vào chức vụ điều khiển trường võ bị Hoàng Phố. Nhưng trong buổi đại hội này, một số đảng viên cộng sản gia nhập Quốc dân đảng đã chống lại chương trình và cách điều hành trường Hoàng Phố của Tưởng Giới Thạch. Khi Tưởng trình bày kế hoạch về trường Hoàng Phố thì các đảng viên cộng sản và các cố vấn Nga phản đối và tìm cách qua mặt Tưởng. Tưởng tức giận, đập bàn và bỏ về Khê Khẩu. Khi về đến Khê Khẩu, Tưởng viết cho Tôn Dật Tiên một lá thư dài. Tưởng nhận lỗi là đã quá "bướng bỉnh" tại buổi đại hội và "bồn chồn như một người ngồi trên manh chiếu đầy đinh nhọn", nhưng tất cả những cái đó chỉ là vấn đề tiểu tiết cá nhân. Điều chính làm Tưởng nổi giận là sự chia ra thành các phe nhóm chống đối nhau trong Quốc dân đảng, và những phe đó chính là cộng sản và Nga sô. Tưởng thú nhận đồng ý với những tư tưởng chính trị bảo thủ với các đồng chí khác trong Quốc dân đảng. Tưởng lý luận Quốc dân đảng có thể tiếp nhận những khuynh hướng mới, nhưng không nên từ bỏ hệ thống cổ truyền. Nhiều người Tôn Dật Tiên coi là có khả năng và trung thành, nhưng thực ra họ chỉ là những người thời cớ. Đúng ra Tôn Dật Tiên phải cần đến những người thực sự trung thành và tin cậy được, như chính Tưởng chẳng hạn. Tưởng lại nhắc nhở Tôn Dật Tiên rằng chỉ có mình Tưởng là người đã đứng cạnh Tôn Dật Tiên trong cuộc chiến đấu chống lại sứ quân Quảng Đông trước kia. Tưởng cho biết không thể nào điều khiển trường võ bị Hoàng Phố mà không được biết rõ những lý thuyết chính trị trong chương trình giảng dạy.

Tôn Dật Tiên cuối cùng đồng ý ủng hộ Tưởng Giới Thạch trong việc loại bỏ các chính ủy cộng sản tại trường Hoàng Phố. Ngày 3-5-1924, Tưởng Giới Thạch chính thức được bổ nhiệm chức chỉ huy trưởng trường Hoàng Phố, kiêm tham mưu trưởng quân đội Quốc dân đảng. Borodin mắc một lỗi lầm quan trọng khi nhượng bộ việc bổ nhiệm Tưởng Giới Thạch. Borodin không hiểu thái độ của người Trung hoa đối với ông thầy dạy mình. Người Trung hoa có ba mối ràng buộc chính yếu. Thứ nhất là tuyệt đối trung thành với gia đình. Thứ hai là

trung thành với các người không cùng một huyết mạch nhưng ràng buộc qua hôn nhân. Thứ ba là mối liên hệ giữa sự phụ và đệ tử. Các sứ quân Trung hoa đã tận dụng khai thác các mối ràng buộc trung thành truyền thống này. Tưởng cũng hiểu điều này hơn ai hết. Nếu Tưởng là người chỉ huy trưởng trường Hoàng Phố thì tất cả mọi khóa sinh đều là học trò của Tưởng, và Tưởng sẽ có được sự kính trọng và trung thành của các cấp chỉ huy quân sự sau này trong quân đội Trung hoa. Đó là một thành công quan trọng nhất của Tưởng. Borodin và Tôn Dật Tiên đồng ý rằng mục tiêu đầu tiên là thành lập một quân đội theo kiểu mẫu Nga xô, và sửa soạn một căn cứ để mở cuộc chinh phục các sứ quân miền bắc. Nga xô viện trợ ngân khoản và cố vấn. Năm 1924, ngân quỹ Quốc dân đảng thiếu hụt, và phải nhờ vào tiền của Hội Người Trung Hoa Hải Ngoại. Cuối tháng 2-1924, Tôn Dật Tiên nhận được một ngân khoản 64 ngàn đô la, có lẽ là tiền của Nga sộ Tưởng Giới Thạch hỏi lãnh tụ cộng sản Liêu Trọng Khải về nguồn gốc số tiền đó, thì được Liêu Trọng Khải trả lời, "Về tiền bạc để điều hành trường thì tôi không bao giờ hỏi xem tiền đó được tiêu dùng thế nào, thì ông cũng không nên hỏi tiền đó từ đâu tới. Tiền sẽ không bao giờ thiếu và ông cứ an tâm điều khiển trường." Về sau Mạc tư khoa công nhận chính Nga xô đài thọ cho trường Hoàng Phố, và chi phí lên tới 27 triệu đô la.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 10

Trường Võ Bị Hoàng Phố

Trường võ bị Hoàng Phố được đặt tại một hòn đảo trên dòng sông Châu Giang, cách Quảng Châu mười dặm. Trong thập niên 1870, một căn cứ quân sự và một trường huấn luyện hải quân của nhà Mãn Thanh được thiết lập tại đây. Bây giờ người ta chỉ cần đóng thêm những căn nhà gỗ cho các khóa sinh ở.

Thoạt đầu Quốc dân đảng chỉ quyết định tuyển mộ những khóa sinh thuộc tỉnh Quảng Đông, nhưng những người đi tuyển mộ khóa sinh đều bị các sứ quân đối lập bắt giam hoặc ám sát hết. Do đó nhà trường phải mở một cuộc thi tuyển lựa trên toàn quốc. Tôn Dật Tiên rất ngạc nhiên khi có ba ngàn ứng viên đủ điều kiện nộp đơn. Năm trăm trong số ba ngàn ứng viên được tuyển ngay cho khóa học đầu tiên. Các trường quân sự của Trung hoa vào thời kỳ ấy thường gặp

phải rất nhiều khóa sinh mù chữ, nhưng tại Hoàng Phố, hầu hết khóa sinh của lớp đầu tiên đều tốt nghiệp trung học và có trình độ văn hóa cao.

Điều Tôn Dật Tiên và Borodin không ngờ được là phần đông các khóa sinh đều là người của Lục Hội. Đám anh chị này thấy không thể bỏ lỡ cơ hội được huấn luyện tại trường Hoàng Phố, và sau này sẽ được nắm giữ những chức vụ quân sự quan trọng. Thực ra người đứng ra tuyển lựa khóa sinh là Trần Quả Phu, cháu của Trần Kỳ Mỹ. Trần Quả Phu vốn là một đảng viên quan trọng của Lục Hội từ lâu. Kể từ khi Trần Kỳ Mỹ bị ám sát chết, thì hai anh em Trần Quả Phu giữ chức vụ của Trần Kỳ Mỹ trong Lục Hội, và được Tưởng Giới Thạch đỡ đầu. Tổng cộng, Trần Quả Phu tuyển mộ được bảy ngàn khóa sinh từ mọi cấp bậc của Lục Hội. Họ là những người sẽ trở thành bộ tham mưu then chốt của Tưởng Giới Thạch. Vào lúc đó đảng cộng sản cũng không được tổ chức chặt chẽ và có ảnh hưởng tới thời cuộc bằng những đàn em của Tưởng Giới Thạch tại trường Hoàng Phố.

Khóa đầu tiên tại trường Hoàng Phố khai giảng ngày 5-5-1924. Tưởng Giới Thạch nắm quyền chỉ huy trường, và Liêu Trọng Khải, một người khuyh tả được giáo dục tại Hoa Kỳ, là đại diện của Quốc dân đảng tại trường Hoàng Phố. Dưới quyền của Tưởng và Liêu Trọng Khải có sáu phân khoa, gồm các phân khoa chính trị, huấn luyện, giảng huấn, điều hành, quân y và quân nhu. Các giảng viên được thu nạp từ các trường quân sự Nhật Bản, trường võ bị Bảo Định và Vân Nam. Dưới sự điều hành của Liêu Trọng Khải, trường Hoàng Phố đã có một chương trình huấn luyện chính trị khá đầy đủ, gồm có các khóa học về kinh tế, lý thuyết quân chủ, lịch sử Trung hoa, và lịch sử cách mạng của tây phương. Về mặt quân sự, Tưởng Giới Thạch nhấn mạnh đến kỷ luật và bốn đức tính quân sự, như can đảm, mạo hiểm, uy quyền và đạo đức. Tinh thần trách nhiệm tập thể được đề cao.

Trường Hoàng Phố đặt nặng việc huấn luyện về kỹ thuật với các huấn luyện viên Nga sộ. Lần đầu tiên một quân đội cơ khí tối tân được hình thành. Tại Trung hoa các sứ quân chỉ dùng vũ khí mới như súng và pháo binh với mục đích thay thế pháo. Các bức tường thành bao quanh các thị trấn Trung hoa thường làm bằng đất, nên chỉ cần một phát đại bác cũng đủ phá vỡ tường để xông vào chiếm thành. Theo truyền thống quân sự Trung hoa, thì các thứ đạn dược chỉ dùng để tạo ra sự nổ lớn nhằm áp đảo tinh thần đối phương để đòi một sự nhượng bộ chính trị. Nhưng chiến lược mới được giảng

dạy tại trường Hoàng Phố thay đổi tất cả. Borodin và Tưởng Giới Thạch không hài lòng với những kẻ địch hoảng sợ. Hai người muốn kẻ địch phải chết, và đây là công dụng đích thực của vũ khí tối tân. Sau hòa ước Versailles, các nước tây phương không được phép chở vũ khí cho Trung hoa, vì thế Nga sô là nước cung cấp vũ khí cho Trung hoa nhiều nhất. Riêng trong năm 1925, Nga sô chở tới Trung hoa một số lượng vũ khí trị giá gần ba triệu đồng tiền Nga, và còn rất nhiều nằm chờ sẵn sàng tại hải cảng Vladivostok. Trước kia Tôn Dật Tiên cần tiền để thành lập quân đội, nhưng bây giờ ông còn cần tiền nhiều hơn nữa để tài trợ các cuộc hành quân trong chiến dịch Bắc phạt để thống nhất Trung hoa. Tôn Dật Tiên nghe lời Khánh Linh, triệu em vợ là Tống Tử Văn từ Thượng Hải xuống, và giao cho Tống Tử Văn nhiệm vụ chỉnh đốn lại hệ thống kinh tài trong Quốc dân đảng.

Đây là một nhiệm vụ rất khó khăn cho Tống Tử Văn. Nền kinh tế của Trung hoa đang gặp khủng hoảng. Sau đệ nhất thế chiến, các nước tây phương quay trở lại khai thác Trung hoa như trước. Trong lúc đó nhiệm vụ chính của Tống Tử Văn là lo sao có đủ tiền cho các hoạt động hàng ngày của Quốc dân đảng. Sau đó Tống Tử Văn phải tổ chức lại nền kinh tế của Quảng Đông, và áp dụng được chế độ thuế khóa mới. Tống Tử Văn đã thành công hoàn thành được hai mục tiêu này.

Tống Tử Văn là một người lùn và mập, và có một khuôn mặt tròn. Ông tốt nghiệp về kinh tế tại đại học Harvard danh tiếng, và có nhiều bạn Mỹ. Tống Tử Văn đã đề nghị một loạt những biện pháp kinh tế khẩn cấp năm 1924, kể cả việc đánh thuế hầu hết mọi sản phẩm. Tháng 2 năm đó, họ Tống yêu cầu các thương gia "cho vay" mỗi người từ 5 đến 500 đô la. Sự thành công đáng kể nhất của Tống Tử Văn là thành lập được Ngân hàng Trung ương đầu tiên tại Quảng Đông, và chính họ Tống là giám đốc. Thực ra số tiền lớn để thành lập ngân hàng này là của Nga sô cho vay. Trước khi có chế độ thuế khóa của Tống Tử Văn, thì các sứ quân tha hồ đánh thuế và giữ lại một phần lớn trước khi gửi cho chính quyền trung ương. Hàng hóa bị đánh thuế mỗi lần qua cổng thành hoặc qua một cây cầu.

Vì thành quả này, Tống Tử Văn được thăng thưởng lên chức bộ trưởng tài chánh. Vì hiểu được sức mạnh của ngòi bút được hỗ trợ bằng súng đạn, Tống Tử Văn thành lập một quân đội và các quan tòa riêng để đi thu thuế. Trong thời gian hai năm Tống Tử Văn giữ chức bộ trưởng tài chánh, ngân quỹ của tỉnh Quảng Đông gia tăng gấp mười lần, từ 8 triệu năm 1924 lên đến 80 triệu năm 1926 mà

không phải tăng thuế.

Sự thành công của Tổng Tử Văn thật là lớn lao, nhưng cũng tạo ra một sự chống đối mới. Giới tư bản tại Quảng Đông vốn đã e dè trước sự liên hệ chặt chẽ với chế độ cộng sản Nga của Tôn Dật Tiên, nay họ coi Tổng Tử Văn chỉ là một người Bôn-sê-vích, một người thầu thuế cho Tôn Dật Tiên. Các thương gia tư bản Quảng Đông coi Tôn Dật Tiên cũng chỉ là một sứ quân, và một thứ sứ quân nguy hiểm đối với họ vì dính dấp với cộng sản. Các hội viên phòng Thương Mại Quảng Đông bắt đầu thảo luận việc thành lập một đạo quân riêng. Họ đã chán bị bắt nạt, và sẵn sàng đứng lên chống lại Tôn Dật Tiên. Phòng Thương Mại Quảng Đông được Anh quốc trợ giúp ngầm để thành lập một Lực lượng Tình nguyện của Thương gia. Người đứng đầu là thương gia Trần Liên Phổ, một tỷ phú có rất nhiều cơ sở thương mại và kỹ nghệ, như cơ xưởng dệt lụa, hai hãng bảo hiểm, mười ngân hàng và vô số những tiệm cầm đồ. Trần Liên Phổ có rất nhiều tài sản tại Trung hoa và hải ngoại, và cũng là một nhà mại bản mạnh nhất tại miền nam Trung hoa. Thoạt đầu Trần Liên Phổ yêu cầu các thương gia phải đóng tiền ủng hộ Lực lượng Tình nguyện, một lực lượng đông tới 50 ngàn binh sĩ. Lực lượng này cũng nhận được vũ khí và ngân quỹ hoạt động từ Anh quốc. Khi Tổng Tử Văn áp dụng chế độ thuế khóa mới thì Lực lượng Tình nguyện bắt đầu tồn trữ vũ khí đợi ngày khai chiến. Lực lượng đặt mua năm ngàn khẩu súng của Đức, nhưng khi số súng này chở tới Quảng Đông thì bị chính quyền Tôn Dật Tiên bắt được. Những súng bị tịch thu được chở tới giao cho trường võ bị Hoàng Phổ. Tưởng Giới Thạch ra lệnh cho các khóa sinh phải sẵn sàng tấn công Lực lượng Tình nguyện của Thương gia.

Ngay lập tức, lãnh sự Anh tại Quảng Châu hăm dọa Tôn Dật Tiên rằng hải quân Anh sẽ can thiệp nếu Quốc dân đảng tấn công Lực lượng Tình nguyện của Thương Gia. Tôn Dật Tiên nổi giận đánh điện phản kháng với chính phủ Anh, nhưng không được phúc đáp. Phòng Thương mại đòi Quốc dân đảng trả lại cho họ số vũ khí bị tịch thu, và phát động một cuộc chống đối việc tăng giá gạo. Borodin đề nghị Tôn Dật Tiên ra lệnh thiết quân luật, tịch thu mọi cửa tiệm đình công đóng cửa, và cấm di chuyển hàng hóa ra khỏi thành phố. Borodin cũng ra lệnh cho đảng cộng sản và công nhân cũng như nông dân đứng lên chống lại Lực lượng Tình nguyện của Thương Gia. Trong lúc số phận Quảng Châu đang lâm vào tình trạng nguy hiểm thì Tôn Dật Tiên thấy rằng không nên làm hại một đồng lớn thống nhất đất nước của ông chỉ vì một biến cố địa phương. Tôn Dật Tiên

liền phát động chiến dịch Bắc phạt. Borodin và Tưởng Giới Thạch vô cùng tức giận. Đúng lúc đó thì chiếc tàu Vorovsky của Nga sơ hở vũ khí từ Vladivostok tới nơi.

Khi nghe tin có vũ khí mới từ Nga sơ hở tới, Tôn Dật Tiên ra lệnh cho Borodin gửi ngay vũ khí đó ra mặt trận cho ông. Tưởng Giới Thạch rất quan tâm đến tình hình tại Quảng Châu, bèn khuyên Borodin không nên nghe lời Tôn Dật Tiên. Tôn Dật Tiên càng tức giận và đánh điện bắt Tưởng Giới Thạch phải ra mặt trận trình diện ông ngay. Tưởng từ chối không tuân lệnh Tôn Dật Tiên. Phòng Thương mại đề nghị trả 200 ngàn đô la cho số vũ khí của họ bị tịch thu. Tôn Dật Tiên thấy rằng có thể trả lại một phần vũ khí cho phòng Thương mại, vì đã có vũ khí mới của Nga sơ hở vừa chở tới. Ông ra lệnh phải trả cho phòng Thương mại một nửa số vũ khí bị tịch thu. Tưởng Giới Thạch đồng ý, nhưng chỉ trả lại súng thôi, và giữ lại tất cả đạn dược.

Ngày lễ Song Thập năm đó được tổ chức trọng thể bằng một cuộc diễn hành của các khóa sinh trường võ bị Hoàng Phố, trong đó có cả Lâm Bưu. Các khóa sinh được tăng cường bằng các quân đoàn sinh viên và quân đoàn công nhân của Quốc dân đảng. Dân chúng nghi ngờ không biết cuộc diễn hành này là một cuộc lễ kỷ niệm thực sự, hay là một sự cố tình gây hấn của Borodin và Tưởng Giới Thạch. Đoàn diễn hành tiến thẳng tới bến tàu, nơi phe Lực lượng Tình nguyện của Thương Gia đang chuyển vũ khí được trả lại xuống tàu. Hai bên đụng độ nhau, và bên Quốc dân đảng có một số người bị bắn hạ.

Tôn Dật Tiên vội trở về Quảng Châu thì thấy Borodin và Tưởng Giới Thạch đang sửa soạn cuộc tấn công vào Lực lượng Tình Nguyên của Thương Gia. Cuộc tấn công sẽ khởi sự vào nửa đêm, và lực lượng tấn công của Tưởng gồm có 800 khóa sinh trường Hoàng Phố, 220 khóa sinh của Hồ Nam Quân Học Viện, 500 khóa sinh của Vân Nam Quân Học Hiệu, vài ngàn cảnh sát, 250 binh sĩ, tất cả các cố vấn quân sự người Nga, và 320 công nhân tự vệ do Mao Trạch Đông huấn luyện. Tổng Tử Văn cẩn thận di chuyển tất cả tiền bạc của chính phủ lên chiếc tàu Vorovsky của Nga. Sau đó là lệnh di tản các nhân vật quan trọng như Tôn Dật Tiên, Tống Khánh Linh, Tổng Tử Văn, Borodin, và các cố vấn Nga sơ.

Đúng 10 giờ đêm, các khóa sinh Hoàng Phố của Tưởng mở cuộc tấn công khắp thành phố. Đây không phải là một cuộc phục kích thông thường. Nhiều khu vực của thành phố bị đốt cháy. Các cuộc chiến đấu ngoài đường phố thật là đẫm máu. Sự tàn phá tài sản và thiệt hại nhân mạng ghê gớm đến nỗi các thương gia Quảng Châu mất

tinh thần. Sau 20 giờ hỗn loạn, các thương gia đầu hàng. Những toán Lực lượng Tình nguyện sống sót đều bị khóa sinh Hoàng Phố trước khí giới. Ngày hôm đó được gọi là Ngày Thứ Tư Đẫm Máu. Đến chiều tối hôm đó, thành phố Quảng Châu chỉ còn là những đám lửa cháy chưa tắt. Các khu vực người ngoại quốc cũng bị đốt cháy và bị cướp bóc tài vật.

Đối với Tưởng Giới Thạch thì đây là một chiến thắng huy hoàng. Tưởng và phe nhóm tại Thượng Hải không thương tiếc gì sự hủy hoại của phe tư bản tại Quảng Châu. Đây chỉ là một màn chó cắn lẫn nhau, giữa những phe tư bản vốn thù nghịch nhau. Trận đánh này là dịp thực tập tốt đẹp nhất cho các khóa sinh của Tưởng Giới Thạch, và cũng dạy các thương gia Quảng Châu một bài học về chính trị của thế kỷ 20. Kể từ đó, quân đội Quốc dân đảng làm chủ Quảng Đông. Borodin bình tĩnh nhận xét tình hình. Quân đội mà Borodin thành lập và Tưởng Giới Thạch huấn luyện đã hành động thành công đúng theo nhật lệnh, mặc dù quân đội ấy phải đương đầu với một địch quân đông gấp mười lần. Các cố vấn quân sự Nga đã chứng tỏ tài năng của họ. Một điều may mắn là đúng lúc cần nhất thì có vũ khí của Nga sẵn chờ tới.

Sự bất tuân lệnh của Tưởng Giới Thạch làm Tôn Dật Tiên rất khó chịu, nhưng nay trước chiến thắng lớn lao này, Tôn Dật Tiên cũng phải cố nuốt đi sự chua chát. Để bày tỏ sự vui mừng của mình, Tôn Dật Tiên sai thiết lập một khai hoàn môn ngay trước con tàu Vorovsky của Nga Trong y phục toàn trắng, Tôn Dật Tiên và bộ tham mưu tiến lên tàu Vorovsky, ngỏ lời cảm ơn các cố vấn, thuyền trưởng và hải hành đoàn Nga sẵn.

Chiến thắng Quảng Châu là một thành công quân sự của Tưởng Giới Thạch và các khóa sinh Hoàng Phố, nhưng đối với Tôn Dật Tiên thì đó là một thất bại chính trị to lớn. Trước khi rời Quảng Châu đi chinh phạt miền bắc, Tôn Dật Tiên cho biết Quảng Châu là một vấn đề đã chết. Cả thành phố đã chống lại Quốc dân đảng. Nhưng Tưởng Giới Thạch và Borodin không nghe lời Tôn Dật Tiên cứ tiến hành việc trừng phạt Quảng Châu. Thành phố Quảng Châu không bao giờ tha thứ cho Quốc dân đảng. Tôn Dật Tiên nói với các lãnh tụ Quốc dân đảng rằng phá hủy một thành phố không có ích lợi gì cả; khi tất cả một thành phố đứng lên chống lại Quốc dân đảng thì đó là một thất bại của Quốc dân đảng. Bây giờ Tôn Dật Tiên cần một thành phố khác thay thế Quảng Châu làm thủ đô cho nước cộng hòa của ông.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 11

Tôn Dật Tiên Từ Trần Và Tường Giới Thạch Lên Ngồi

Ngày 15-5-1925 tờ New York Times loan báo cái chết của Tôn Dật Tiên. Trước khi chết, Tôn Dật Tiên tìm cách đi Bắc Kinh, hy vọng có thể tránh được biện pháp quân sự bằng cách liên hiệp với các tướng đang kiểm soát thủ đô miền bắc. Các sứ quân làm chủ miền bắc đã bị Phùng Ngọc Tường loại ra ngoài, và họ Phùng muốn nhường cho Tôn Dật Tiên chức tổng thống tại Bắc Kinh, thay vì chức Tổng thống Đặc Biệt tại Quảng Đông. Lời mời của Phùng Ngọc Tường đưa ra đúng lúc Tôn Dật Tiên đang muốn bỏ Quảng Châu và tìm một thủ đô khác.

Phùng Ngọc Tường vốn là một viên tướng theo đạo Thiên Chúa, và đã dùng vòi nước rửa tội tập thể cho binh sĩ dưới quyền. Phùng Ngọc Tường khoe khoang đã dạy dỗ quân sĩ biết phải là tội tở của dân chúng, và rất khe khắt với quân phong và quân kỷ. Năm 1924, họ Phùng chán ghét những âm mưu chống đối lẫn nhau của các sứ quân liên chiếm Bắc Kinh, và yêu cầu Nga sơ trợ giúp. Nga sơ đang giúp Tôn Dật Tiên và Quốc dân đảng trong mưu toan Bắc phạt, nhưng cũng ủng hộ họ Phùng, và đã phái cố vấn và gửi quân viện tới giúp họ Phùng.

Phùng Ngọc Tường biết rõ sức mạnh đang lên của Quốc dân đảng, và danh tiếng của Tôn Dật Tiên. Phùng cũng hiểu rằng bất cứ sự liên kết nào cũng có lợi. Đầu năm 1925, Phùng Ngọc Tường liên lạc với Borodin và đã đi tới các điều kiện hợp tác tốt đẹp. Bây giờ mọi sự đều tùy thuộc Tôn Dật Tiên. Nhưng đối với Tôn Dật Tiên thì thời giờ không còn nhiều nữa. Tôn Dật Tiên đã 58 tuổi, và có bệnh đau bao tử. Trước khi rời Quảng Châu, Tôn Dật Tiên đã cẩn thận sắp xếp lại các chức vụ trong Quốc dân đảng, và giao cho Hồ Hán Dân điều khiển tổng quát. Tôn Dật Tiên cùng Khánh Linh và Borodin lên đường đi Bắc Kinh. Trên đường đi, Tôn Dật Tiên ghé Thượng Hải và Nhật Bản trước. Tại Nhật Bản, Tôn Dật Tiên nhận được một sự đón tiếp rất lạnh nhạt, vì Nhật Bản khó chịu sự liên kết với Nga sơ của ông.

Ngày 4-12-1924, Tôn Dật Tiên trở về Trung hoa và tới hải cảng Thiên Tân, với hai bàn tay trắng và một trái tim đầy nhiệt tình. Trong một cuộc hội họp thảo luận với sứ quân Trương Tác Lâm của Mãn Châu,

Tôn Dật Tiên ngất xỉu vì đuối sức. Trong ba tuần lễ kế tiếp, Khánh Linh lúc nào cũng túc trực ngồi bên cạnh săn sóc Tôn Dật Tiên. Ngày 31-12, một chuyến xe lửa đặc biệt chở Tôn Dật Tiên về Bắc Kinh, tại đó một đám đông trên một trăm ngàn người đứng chào đón Tôn Dật Tiên tại ngay nhà ga, nhưng ông lúc đó mệt quá, không thể đứng lên chào mừng đám đông được. Ngày 26-1-1925, Tôn Dật Tiên được chở tới bệnh viện, và tại đây người ta khám phá ông bị ung thư gan, và đã đến giai đoạn không thể chữa được nữa.

Khi tin Tôn Dật Tiên bị bệnh sắp chết được tung ra thì tất cả những cộng sự thân tín đều tấp nập trở về, đứng bên giường bệnh của ông. Ba phụ tá quan trọng nhất của Tôn Dật Tiên gồm có nhà chính trị hữu khuynh Hồ Hán Dân, nhà chính trị tả khuynh Liêu Trọng Khải và cố vấn quân sự Tưởng Giới Thạch phải ở lại Quảng Châu, vì họ đang có nhiệm vụ giữ vững thủ đô miền nam. Trên giường chết, Tôn Dật Tiên thành lập Hội đồng Chính trị Trung ương thay mặt ông tại Bắc Kinh, và Uông Tinh Vệ được giao phó nhiệm vụ điều khiển Hội đồng này.

Khi nhà đại cách mạng nằm chờ chết thì hai vấn đề lớn được đặt ra: có nên tiếp tục sự liên kết với cộng sản không, và ai sẽ thay thế Tôn Dật Tiên lãnh đạo cuộc cách mạng. Một cuộc tranh quyền bắt đầu ngay từ đó, âm thầm nhưng quyết liệt và đẫm máu. Tại Nga sô, Lenin cũng vừa mới từ trần. Borodin đánh điện về xin chỉ thị khẩn cấp, nhưng không được trả lời, vì Stalin và Trotsky còn mải tranh dành quyền hành. Trong khi đó, quanh giường chết của Tôn Dật Tiên, người ta đang cố lợi dụng những giây phút cuối cùng của nhà cách mạng này. Borodin thì nói: "Trong giờ phút cuối cùng, Tôn Dật Tiên còn tỉnh táo và nói: "Ước gì Nga sô tiếp tục giúp đỡ Trung hoa"

Tưởng Giới Thạch ở xa Tôn Dật Tiên hàng ngàn dặm, cũng nói cho mọi người biết trong giờ phút lâm chung, Tôn Dật Tiên đã lấy hết hơi sức tàn ra để gọi ba chữ: "Tưởng Giới Thạch."

Trong lúc đó bên giường chết của Tôn Dật Tiên, Uông Tinh Vệ đọc chúc thư cuối cùng của ông. Tôn Dật Tiên nghe xong, đồng ý và run tay ký với sự giúp đỡ của Khánh Linh. Chúc thư này để lại cho Khánh Linh tất cả những sách vở, giấy tờ và vật dụng cá nhân của ông trong căn nhà đường Rue Molière tại Thượng Hải. Trong suốt cuộc đời cách mạng, Tôn Dật Tiên đã thu được hàng triệu đô la quyền góp được, nhưng khi chết ông chỉ để lại cho vợ một ít sách vở và đồ dùng cá nhân, chứ không có tiền bạc gì. Dưới đây là nguyên văn chúc thư của Tôn Dật Tiên ký ngày 11-3-1925:

"Trong 40 năm qua, tôi đã cống hiến đời tôi cho chính nghĩa Cách Mạng Quốc Gia, mà mục tiêu là nâng Trung Hoa lên địa vị độc lập và bình đẳng với các quốc gia khác. Kinh nghiệm 40 năm qua khiến tôi tin tưởng rằng, để đạt được mục tiêu này, chúng ta phải thức tỉnh quần chúng và liên kết với cuộc chiến đấu chung của các dân tộc khác trên thế giới đã đối xử bình đẳng với ta"

"Cuộc Cách Mạng vẫn chưa được hoàn thành. Xin các đồng chí hãy đi theo những văn liệu của tôi, như Kế Hoạch Tái Thiết Quốc Gia, Tam Dân Chủ Nghĩa và Tuyên Ngôn Của Quốc Hội Đầu Tiên, và phải tận tâm áp dụng những tài liệu này. Trên tất cả, lời tuyên bố triệu tập Quốc Dân Đại Hội Trung Hoa của chúng ta và việc bãi bỏ các hiệp ước bất bình đẳng phải được thực thi càng sớm càng tốt. Đây là huấn thị chân thành của tôi cho mọi người."

Bản chúc thư trên đây về sau được đọc trước mỗi buổi họp của Quốc dân đảng, và trở thành một bài "Phúc Âm" của phong trào tôn thờ Tôn Dật Tiên. Một lá thư từ già Nga sô viết bằng Anh ngữ được Tống Tử Văn đọc lên cho Tôn Dật Tiên nghe trước khi ông ký. Lá thư này được xuất hiện trên tờ báo Sự Thật của Nga sô.

Ngày 11-3-1925, Tôn Dật Tiên yêu cầu được chuyển sang nằm trên một chiếc ghế bô của binh sĩ. Đúng 9:30 sáng ngày 12-3-1925 Tôn Dật Tiên từ trần, hưởng thọ 59 tuổi. Trong hai tuần lễ, trên nửa triệu người đã đến nghiêng mình trước linh cữu của ông. Rồi quan tài của ông được đưa lên chùa Thanh Vân ở phía tây Bắc Kinh. Tôn Dật Tiên ước muốn được chôn cất tại một ngọn núi bên ngoài thành phố Nam Kinh, nơi có lăng tẩm của hoàng đế đầu tiên nhà Minh.

Cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên được coi là một cuộc cách mạng vĩ đại nhất Trung Hoa, kể từ sau cuộc cách mạng của Tần Thủy Hoàng. Tôn Dật Tiên chưa thực hiện được những điều ông ấp ủ, nhưng ông cũng đã đưa ra những tư tưởng mới, thay đổi hẳn chế độ chính trị và cải tạo xã hội Trung Hoa. Học thuyết của Tôn Dật Tiên thể hiện trong ba nguyên tắc: Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do và Dân sinh hạnh phúc. Người ta gọi học thuyết này là Tam Dân Chủ Nghĩa. Tôn Dật Tiên được toàn thể người Trung Hoa tôn kính như một bậc Quốc Phụ.

TƯỞNG GIỚI THẠCH, NHÀ Lãnh Đạo Mới

Trong Quốc dân đảng, những người hy vọng nhất để kế vị Tôn Dật Tiên gồm có Hồ Hán Dân, Uông Tinh Vệ và Liêu Trọng Khải. Trong ba người này thì Liêu Trọng Khải có uy thế nhất, vì Liêu Trọng Khải chủ trương thân Nga, được Borodin và phe cộng sản hết sức ủng hộ.

Chính Liêu Trọng Khải đã cố vấn cho Tôn Dật Tiên và khuyên Tôn Dật Tiên nên đi theo Nga sô Khi Tôn Dật Tiên chết thì Liêu Trọng Khải là tổng đốc Quảng Đông.

It ai nghĩ đến một ứng viên thứ tư: đó là Bồ già Đỗ Đại Nhĩ. Đỗ Đại Nhĩ cũng có ý nhòm ngó địa vị lãnh đạo Quốc dân đảng, nhưng hẳn cũng biết nhược điểm của hắn chỉ là một tên cướp và trùu buồn lậu, không đủ uy tín để lãnh đạo. Đỗ Đại Nhĩ đi đến một kết luận là phải đặt người của mình vào chức vụ lãnh đạo Quốc dân đảng. Người mà Đỗ Đại Nhĩ cần dùng chính là Tưởng Giới Thạch, một người vẫn chịu ơn Đỗ Đại Nhĩ.

Các công nhân tả phái tại Thượng Hải tổ chức những cuộc biểu tình liên miên, gây ảnh hưởng tai hại cho các tổ chức thợ thuyền Lục Hội của Đỗ Đại Nhĩ. Đỗ Đại Nhĩ thấy đến lúc cần phải ra tay, và phái Curio Trương xuống Quảng Đông trợ giúp Tưởng Giới Thạch đoạt quyền hành và loại phe tả ra khỏi Quốc dân đảng. Ngày 20-8-1925, Liêu Trọng Khải tới dự một phiên họp tại Quảng Châu. Khi Liêu Trọng Khải vừa bước xuống xe thì một toán năm người chĩa súng vào họ Liêu và bắn xối xả. Liêu Trọng Khải ngã gục xuống chết ngay trước trụ sở Quốc dân đảng.

Borodin và Tưởng Giới Thạch liền mở một cuộc điều tra về vụ ám sát Liêu Trọng Khải. Một người tình nghi được dẫn tới cho Tưởng. Trong lúc thẩm vấn, Tưởng nổi giận rút súng bắn chết người tình nghi đó tại chỗ. Cuộc điều tra hoàn toàn thất bại, không tìm ra tung tích thủ phạm. Nhưng phần đông đều cho rằng thủ phạm là đàn em của Đỗ Đại Nhĩ, vì cảnh sát nhận thấy vụ giết Liêu Trọng Khải rất giống với các vụ ám sát của Lục Hội.

Cái chết của Liêu Trọng Khải tạo ra một khoảng trống trong ban lãnh đạo Quốc dân đảng, và Curio Trương được bầu vào chức vụ Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc dân đảng ngày 19-5-1926. Tuy nhiên Curio Trương chỉ đóng vai trò mở đường cho Tưởng Giới Thạch. Chỉ vài tuần sau, ngày 7-7-1926, Curio Trương từ chức để Tưởng được bầu vào chức chủ tịch này, đúng như dự định của Bồ già Đỗ Đại Nhĩ. Con đường cho Tưởng Giới Thạch nắm quyền và trở thành một nhà độc tài của Trung Hoa đã rộng mở.

Phe Tưởng Giới Thạch chủ trương phải loại bỏ nhà chính trị trung lập Ưng Tinh Vệ và phe cộng sản. Tưởng quyết định đánh phe địch một đòn ác liệt bất ngờ. Một đêm tất cả các nhân viên chính trị và chính ủy tại trường võ bị Hoàng Phố bị bắt giữ. Các cấp chỉ huy cộng sản cũng bị bắt. Các tay anh chị tấn công đám nông dân có thiện cảm với cộng sản tại nhiều nơi. Đến sáng thì Tưởng Giới Thạch

hoàn toàn làm chủ Quảng Châu. Uông Tinh Vệ hoảng sợ, đến ra mắt và nộp cho Tưởng Giới Thạch tất cả ấn tín của văn phòng Quốc dân đảng, và sau đó xuống tàu thủy đi Âu châu "để chữa bệnh". Tưởng Giới Thạch ra lệnh tất cả các cố vấn Nga sơ phải rời khỏi Trung Hoa. Các lãnh tụ cộng sản vội bỏ trốn. Nhưng vài ngày sau, Tưởng Giới Thạch lên tiếng xin lỗi, và cho biết đã có sự hiểu lầm, đồng thời thả hết những người bị bắt giữ. Tưởng hứa sẽ trừng phạt các sĩ quan có trách nhiệm trong vụ bắt bớ này. Nhưng Tưởng Giới Thạch đã chính thức trở thành nhà lãnh đạo tối cao của Quốc dân đảng như Tôn Dật Tiên trước kia.

Các nhà lãnh đạo cộng sản tại Trung Hoa và Nga sơ đều không phản ứng kịp thời trước sự chiếm quyền của Tưởng Giới Thạch. Lúc đó tại Nga sơ, Stalin và Trotsky còn mãi găm gù giết nhau, và Borodin thì không có mặt tại Quảng Châu. Khi Borodin trở về, Tưởng đến tận nơi xin lỗi Borodin, và hứa sẽ loại bỏ những phần tử hữu khuynh trong Quốc dân đảng. Lần này Borodin bị Tưởng lừa thêm một lần nữa. Thực ra Tưởng đang cần loại trừ một số đảng viên không chịu khuất phục, không chịu nộp tiền bảo vệ cho Lục Hội.

Bây giờ Borodin phải tiếp tục hợp tác với Tưởng Giới Thạch. Tưởng yêu cầu Nga sơ phải ủng hộ chiến dịch Bắc phạt của Quốc dân đảng, nếu không liên minh Nga-Hoa sẽ chấm dứt, và người Nga phải rời khỏi Trung Hoa ngay tức khắc. Stalin ra lệnh cho Borodin phải chiều theo ý Tưởng Giới Thạch, và phải thay đổi bất cứ cố vấn Nga nào mà Tưởng không thích.

Khi địa vị có vẻ vững rồi, Tưởng liền sai Curio Trương thay mặt mình tới cầu hôn với bà Tống Khánh Linh, quả phụ của Tôn Dật Tiên. Khi Tôn Dật Tiên còn sống Tưởng lúc nào cũng coi ông như một bậc sư phụ, nhưng bây giờ Tưởng muốn kết hôn với bà vợ góa của Tôn Dật Tiên. Tưởng nhìn thấy ở Khánh Linh một cơ hội chính trị quan trọng, vì Khánh Linh được coi là biểu tượng cho công cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên. Nếu lấy được Khánh Linh thì Tưởng sẽ có cái uy tín của Tôn Dật Tiên, và được một khối đa số người Trung Hoa thần phục. Nhưng bà Tống Khánh Linh cự tuyệt lời cầu hôn của Tưởng. Bà vốn khinh bỉ Tưởng là một con người vô tư cách, và cho rằng việc cầu hôn này không phải là do tình yêu mà chỉ là tham vọng chính trị.

*

Tưởng Giới Thạch nối tiếp công cuộc Bắc phạt của Tôn Dật Tiên, và cuộc chinh phạt bắt đầu vào mùa hè 1926. Mục tiêu đầu tiên là lưu vực sông Dương Tử, 600 dặm về phía bắc. Đại quân Bắc phạt chia làm hai đường tiến quân. Một cánh quân do phe cộng sản chỉ huy

tiến về thành phố Vũ Hán. Một cánh do chính Tưởng chỉ huy và tiến về Nam Xương và Thượng Hải.

Phe cộng sản tận tình khai thác cuộc hành quân Bắc phạt. Tới đâu phe cộng cũng kêu gọi nông dân và công nhân đứng dậy chống lại các sứ quân. Cuộc tiến quân của phe cộng có sự trợ giúp của các sĩ quan Nga nên có kết quả rất tốt. Những hứa hẹn của cộng sản đã khiến nông dân hăng hái làm tai mắt từ hậu phương của các sứ quân. Các kỹ thuật phá hoại của các đảng viên cộng sản cũng gây nhiều khó khăn cho các sứ quân. Phe cộng sản còn âm mưu cướp công của Tưởng Giới Thạch bằng cách tổ chức những cuộc nổi dậy kiểu cộng sản của công nhân tại Thượng Hải.

Đối với Tưởng Giới Thạch thì kẻ thù bất cộng đới thiên là cộng sản. Tưởng biết phe cộng đang muốn nhuộm đỏ Thượng Hải, nên Tưởng hành quân một cách rất nhàn tản, không muốn tiến tới Thượng Hải ngay. Tưởng muốn dùng các tay anh chị trong Lục Hội làm thịt công nhân và phe cộng tại Thượng Hải trước. Tưởng muốn dưỡng quân nên tránh mọi giao chiến với các sứ quân, và hạn chế hoạt động của các cán bộ cộng sản được phái đi theo Tưởng. Tưởng còn cấm chỉ nông dân không được trả thù các sứ quân và giới phú hào. Các quan sát viên ngoại quốc lại khen ngợi Tưởng là một nhà quân sự có tinh thần trách nhiệm.

Đến tháng 10-1926 thì cánh quân do cộng sản chỉ huy đã chiếm được Vũ Hán, Hồ Nam và Hồ Bắc. Đến tháng 12 thì cánh quân này chiếm được Giang Tây và Phúc Kiến. Vũ Hán là một thành phố lớn và giàu thịnh, vì thế chính phủ Quốc dân đảng rời thủ đô từ Quảng Châu lên Vũ Hán, trong đó có Borodin, bà Tống Khánh Linh, và Tống Tử Văn. Các nhượng địa của Anh tại vùng tây bắc này cũng bị quân đội Bắc phạt phe cộng sản chiếm lại. Anh quốc liền phái một đạo quân viễn chinh hùng hậu sang Trung Hoa, với nhiệm vụ cố giữ nhượng địa quan trọng nhất của Anh là Thượng Hải.

Đạo quân Bắc phạt phía đông của Tưởng Giới Thạch tiến vào Nam Xương, một thành phố cổ kính, và nằm chờ tại đó. Trong khi đó tại Thượng Hải, các cán bộ cộng sản nhận được những mệnh lệnh mâu thuẫn của Stalin. Họ dự định làm một cuộc nổi dậy vào tháng 10, trước khi đại quân của Tưởng tới. Các Bố già Hoàng Mạt Rỗ và Đỗ Đại Nhĩ biết được kế hoạch nổi dậy của phe cộng sản nên cũng chuẩn bị đối phó, tấn công lại phe cộng sản. Tưởng phái một viên tướng của mình tới Thượng Hải, và cho phe công nhân biết Tưởng sẵn sàng ủng hộ và trợ giúp cuộc nổi dậy của công nhân bằng một "đơn vị đặc biệt" được huấn luyện tại trường Hoàng Phố. Đỗ Đại Nhĩ

thông báo cho viên sứ quân tại Thượng Hải biết các kế hoạch của phe cộng sản, và viên sứ quân này đã sẵn sàng chờ đợi. Khi cuộc nổi dậy của công nhân cộng sản khởi sự thì họ không thấy "đơn vị đặc biệt" mà Tưởng hứa sẽ trợ giúp họ. Các công nhân chỉ thấy hỏa lực rất mạnh của viên sứ quân đang chờ đợi sẵn. Phe công nhân và cộng sản bị thảm bại nặng nề; rất nhiều công nhân và cán bộ cộng sản bị giết trong cuộc nổi dậy này.

Phe cộng với phái Chu Ân Lai tới Thượng Hải để cứu nguy Chu Ân Lai chỉ huy và tổ chức lại các lực lượng xung kích cộng sản đã bị đánh bại và đang mất tinh thần. Chu Ân Lai là một người cộng sản thành thị, từng làm việc chặt chẽ với Borodin, và có một số kinh nghiệm công xã tại Ba Lệ Phe cộng sản không biết được rằng họ đang xông vào một cái bẫy do Tưởng và các tay anh chị Lục Hội đang giăng sẵn.

Sau cuộc tàn sát tháng 10, Thượng Hải vẫn còn trong tình trạng căng thẳng. Người ta lo sợ Thượng Hải sẽ bị cộng sản chiếm. Các thương gia đem gia đình trốn vào khu tô giới Pháp, có quân đội Pháp canh gác cẩn mật sau rào kẽm gai và các ụ đất. Quân Anh tăng cường đông nhất, cứ một người dân Anh sống tại Thượng Hải thì có hai quân sĩ tới bảo vệ. Phi cơ Anh bay tuần thám trên không phận, và dưới hải cảng có trên 30 chiến hạm của Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ý và Bồ Đào Nha Viện binh ngoại quốc vẫn tiếp tục tới.

Phe cộng sản và công nhân Thượng Hải hiểu nhầm ý của Tưởng Giới Thạch, và quyết định phát động cuộc nổi dậy ba ngày trước khi quân của Tưởng tới nơi. Ngày 19-2-1927, xe điện và tàu thuyền trên sông ngừng chạy, nhà bưu điện bị khóa lại, các xưởng máy im lặng, và các cửa tiệm trên đại lộ Nam Kinh cũng đóng cửa. Tất cả sinh hoạt của Thượng Hải ngừng lại theo lệnh của cộng sản trong một cuộc đình công lớn nhất.

Lúc đó đại quân của Tưởng Giới Thạch vẫn còn cách xa Thượng Hải. Nằm chờ sẵn cuộc đình công của cộng sản là các cảnh sát được vũ trang đầy đủ, và các lính đánh thuê của sứ quân địa phương. Tất cả lực lượng này được sự hỗ trợ của cảnh sát quốc tế. Công nhân đều vắng mặt nên mục tiêu lúc đầu chỉ là những sinh viên đi phát truyền đơn, và một số công nhân vác biểu ngữ đình công. Cảnh sát và quân lính xông ra, lôi các sinh viên và thợ thuyền ra giữa đường và chặt cổ họ. Bên trong các tô giới, cảnh sát quốc tế cũng bắt giữ những sinh viên phát truyền đơn và đẩy họ ra ngoài cho các lính đánh thuê chặt đầu. Riêng ngày 19-2 có tới hai trăm người bị chặt đầu. Đầu của họ được cắm vào những cây sào và vác đi rước

khắp thành phố để thị uy. Hàng ngàn người hoảng sợ bỏ trốn khỏi Thượng Hải.

Hai ngày sau, các cuộc hỗn chiến xảy ra ngoài đường phố. Lực lượng sứ quân địa phương xông ra, mặc sức chém giết những kẻ hôi đồ, công nhân và cán bộ cộng sản. Trong lúc phe cộng sản mong đợi quân của Tưởng Giới Thạch tới giúp thì Tưởng ra lệnh cho binh sĩ dừng lại, cách Thượng Hải 25 dặm. Những cái xác không đầu nằm rải rác khắp đường phố. Mấy tuần sau, viên tướng ra lệnh chặt đầu phe cộng sản được Tưởng thăng chức Tư lệnh Đệ Bát Quân Đoàn. Phe cộng sản tại Thượng Hải thấy không mong được Tưởng giúp, nên quyết định tự lực đứng lên đảo chánh cướp chánh quyền Thượng Hải vào đêm 22-3-1927. Chu Ân Lai không quên kinh nghiệm đau đớn của cuộc hỗn chiến ngoài đường phố hồi tháng 10 năm trước, nên đã tổ chức lại lực lượng năm ngàn cán bộ cộng sản thành từng tiểu tổ, mỗi tổ 30 người. Các tiểu tổ này được công nhân hỗ trợ. Lực lượng của Chu Ân Lai được vũ trang bằng gậy, búa hoặc dao. Tuy nhiên họ cũng có khoảng 150 khẩu súng Mauser và mỗi tiểu tổ được phát cho một khẩu Mauser. Về nhân sự thì phe cộng sản không gặp khó khăn. Vào đêm đảo chánh, cộng sản có 800 ngàn công nhân đi theo. Riêng Chu Ân Lai dẫn 300 người tấn công sở cảnh sát và chiếm được nhà máy điện, và trung tâm điện thoại điện tín. Đến trưa ngày hôm sau, toàn thể Thượng Hải rơi vào tay cộng sản. Những binh lính cuối cùng của sứ quân Thượng Hải đầu hàng tại ga xe lửa lúc 6 giờ chiều. Đúng lúc đó thì đại quân của Tưởng tới nơi.

Một cánh quân khác của Tưởng tiến chiếm được thành phố Nam Kinh. Một số nhà cửa của các nhà truyền giáo bị cướp bóc. Ba tên lính của Tưởng bắt được một phụ nữ Mỹ, lôi lên lầu và hiếp bà tạ Tin này được truyền tới Thượng Hải, và lan tràn khắp báo chí thế giới. Chính phủ Hoa Kỳ liền mở một cuộc điều tra Vì vụ này, Tưởng tiếp tục ở dưới tàu thủy của mình, không dám lên bờ, sợ bị dính líu vào vụ hãm hiếp tai tiếng. Trong khi đó Thượng Hải nằm hoàn toàn trong tay cộng sản, dưới quyền chỉ huy của Chu Ân Lai và một nhóm vài ngàn cán bộ. Nhưng tại Hàng Châu, các đàn em của Bồ già Đỗ Đại Nhĩ tấn công và triệt hạ các cơ sở của công nhân tả phái, và hạ sát bất cứ ai chống lại họ.

Khi tàu của Tưởng cập bến Thượng Hải, Tưởng lập tức đến một nơi họp bí mật với Bồ già Hoàng Mặt Rỗ. Ngày hôm sau Tưởng ra lệnh thiết quân luật tại Thượng Hải, nhưng chưa ra tay ngay. Một cuộc thương lượng ngầm đang diễn ra giữa giới tài phiệt Thượng Hải và

Lục Hội. Tưởng có thể tiêu diệt phe cộng sản và lấy lại được Thượng Hải cho các thương gia ngay, nhưng Tưởng muốn được trả công một cách xứng đáng. Văn hào Pháp André Malraux đã viết trong Sổ Phận Con Người như sau: "Không phải vì bạn trả tiền cho Tưởng mà ông ta sẽ diệt cộng sản, trái lại chính vì ông ta diệt cộng sản mà bạn phải trả tiền cho ông ta"

Các triệu phú Thượng Hải cuối cùng đã đồng ý cho Tưởng "vay" một số tiền ba triệu đô la để được bảo vệ chống lại cộng sản! Số tiền này được nộp ngày 4-4 như là một số tiền đặt cọc trước. Vài ngày sau các nhà triệu phú sẽ phải cho Tưởng "vay" thêm 7 triệu đô la nữa. Một nhóm thương gia khác phải bỏ ra 15 triệu đô la cho Tưởng xử dụng và vài ngày sau đó lại "cho vay" thêm 30 triệu nữa để Tưởng có thể thiết lập một chính phủ ôn hòa tại Nam Kinh. Như vậy tổng cộng Tưởng thu được 50 triệu đô la trong việc giải phóng Thượng Hải. Tuy nhiên đó chỉ là tiền nổi, còn tiền chìm bao nhiêu thì không ai biết được.

Ngày 1-4 tại Mạc tư khoa, Stalin tuyên bố: "Tôi đã được báo cáo Tưởng Giới Thạch sẽ chống lại cách mạng. Tôi biết hắn đang cướp tay trên của chúng ta, nhưng chính hắn sẽ bị đè bẹp. Chúng ta sẽ bóp nát hắn như bóp một trái chanh rồi liệng đi" Tuy vậy Stalin không cho phép cộng sản Trung hoa chống lại Tưởng, và tờ Sự Thật của Nga vẫn ca ngợi cuộc tiến quân của Tưởng vào Thượng Hải như là một bước tiến mới trong công cuộc cách mạng thế giới. Stalin ra lệnh cho cộng sản Trung hoa phải tập hợp công nhân lại, dấu vũ khí để dành khi cần dùng tới. Trong khi đó Tưởng tuyên bố quyết định chống lại phe cộng sản tại Vũ Hán, và các lãnh tụ, đảng viên cộng sản và sinh viên công nhân thân cộng đều bị truy lùng gắt gao.

Ngày 6-4 tại Bắc Kinh, 500 quân của sứ quân Mãn châu Trương Tác Lâm tấn công vào trụ sở của phái bộ ngoại giao Nga số Hai mươi đảng viên cộng sản Trung hoa bị bắt tại trụ sở này, trong đó có Lý Đại Chiêu và hai người con gái của ông ta Lý Đại Chiêu là người thủ thư tại thư viện Bắc Kinh trước kia đã từng giúp đỡ Mao Trạch Đông kiếm được việc làm tại thư viện trong lúc Mao Trạch Đông đang túng quẫn. Lý Đại Chiêu bị quân của Trương Tác Lâm tra khảo rất tàn độc, và cuối cùng ông ta bị đè xuống để bị thất cổ một cách thật từ từ để ông ta chịu một cái chết rất chậm. Người con gái 17 tuổi của Lý Đại Chiêu cũng bị tra khảo dã man, và cũng bị thất cổ chết như thân phụ. Tưởng Giới Thạch đánh điện xin lỗi Nga sô về vụ tấn công trụ sở ngoại giao của Nga sô tại Bắc Kinh. Tưởng đoán chắc là có sự hiểu lầm trong vụ này.

Tại Thượng Hải ngày 11-4, quân đội Anh và Nhật tấn công vào các nơi ẩn nấp của các cán bộ cộng sản. Những tù binh bắt được đều giao lại cho quân của Tưởng để hành quyết. Lúc 4 giờ sáng ngày 12-4, các tay anh chị của Lục Hội bắt đầu ra tay tấn công phe cộng sản tại khắp thành phố. Các cấp lãnh đạo của cộng sản tan tác. Phần lớn bị bắt và giết, trừ một số nhỏ, trong đó có Chu Ân Lai, trốn được về Hán Khẩu. Theo tác giả Edgar Snow thì các tay anh chị Lục Hội đã giết được từ năm ngàn tới mười ngàn người thuộc phe cộng sản trong suốt 9 giờ hoành hành.

Ngày 13-4, các nhà lãnh đạo cộng sản còn lại tổ chức một cuộc đình công mới. Gần một trăm ngàn công nhân xuống đường, tiến về bộ chỉ huy của Tưởng Giới Thạch. Nhưng họ bị quân sĩ hai bên đường bắn hạ hàng loạt. Những người bỏ chạy trốn cũng bị quân Quốc dân đảng lôi ra giữa đường và dùng lưới lê đâm chết. Nt nhất trên 300 người bị giết trong cuộc xuống đường.

Đến đây thì Thượng Hải hoàn toàn nằm trong tay của Tưởng Giới Thạch và Bồ già Đỗ Đại Nhĩ. Chính phủ tả phái tại Vũ Hán phản đối và ra lệnh cách chức và bắt giam Tưởng Giới Thạch, nhưng mệnh lệnh của Vũ Hán vô giá trị, vì Tưởng nắm tất cả sức mạnh quân sự lúc bấy giờ. Borodin tổ chức một chiến dịch tuyên truyền chống lại Tưởng, nhưng thất bại. Cuối cùng Borodin phải đốt hết hồ sơ, và sắp đặt cho các cố vấn Nga trở về nước.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 12

Ba Chị Em, Ba Tâm Hồn

Sau khi Thượng Hải được giải phóng khỏi tay cộng sản, giới tài phiệt lúc đầu coi Tưởng Giới Thạch là cứu tinh của họ. Nhưng chẳng bao lâu, họ kinh hoàng khám phá rằng Tưởng chính là nguồn thống khổ của họ. Nhà báo Solosky viết: "Tất cả mọi hình thức gây khốn đốn cho các thương gia giàu có đều được che dấu dưới chiêu bài tiêu diệt cộng sản. Đàn ông bị bắt cóc và cưỡng buộc phải cúng tiền cho ngân quỹ quân đội. Chưa bao giờ lịch sử Thượng Hải được chứng kiến những kinh hoàng như thế."

Tờ New York Times kể: "Tình cảnh của các thương gia Thượng Hải thật đáng thương. Dưới sự sinh sát của nhà độc tài Tưởng Giới Thạch, các thương gia không biết điều gì sẽ xảy ra ngày mai... Tịch

thu tài sản, cưỡng bách cho vay, trục xuất và có thể là hành quyết." Thương gia giàu có nhất Thượng Hải là người họ Phúc bị Tưởng hỏi vay 10 triệu đô la. Khi họ Phúc từ chối, Tưởng ra lệnh bắt giam họ Phúc và tịch thu tất cả tài sản. Cuối cùng họ Phúc phải cúng cho Tưởng một số tiền lớn hơn số tiền Tưởng hỏi "vay" lúc ban đầu. Tưởng đặt ra một loạt công khổ phiếu, và dùng quân đội và các tay anh chị ép buộc mọi nhà buôn lớn nhỏ phải mua. Một triệu phú từ chối không mua thì con trai ông ta bị bắt cóc. Một thiếu niên con trai một thương gia bị bắt vì tội phản cách mạng, nhưng khi nhà thương gia có con bị bắt, ủng hộ Tưởng hai trăm ngàn đô la thì đứa con được tha ngay. Một chủ hãng dệt phải chuộc đứa con trai bị bắt với số tiền bảy trăm ngàn. Một thương gia khác phải nộp nửa triệu khi đứa con trai ba tuổi tự nhiên mất tích. Nhưng sau khi người thương gia nộp tiền rồi thì đứa con ba tuổi lập tức xuất hiện ngay trước cửa nhà. Đây là đường lối tống tiền quen thuộc của Lục Hội. Nay Tưởng áp dụng triệt để như là quốc sách. Tuy vậy Tưởng vẫn chưa thỏa mãn.

Mỗi tháng Tưởng cần 20 triệu để trả lương cho quân đội. Tưởng cần phải đặt ra một hệ thống thuế khóa lâu dài. Điều Tưởng cần là phải có một nhà chuyên môn để thu thuế cho mình. Đúng lúc đó thì Tống Tử Văn từ Vũ Hán tới. Tống Tử Văn ngây thơ tin tưởng rằng Thượng Hải vẫn trực thuộc chính phủ Vũ Hán, và họ Tống đến Thượng Hải để tìm cách thu lợi tức cho chính phủ Vũ Hán.

Tống Tử Văn biết rằng những số tiền Tưởng "vay" được trở thành tài sản riêng của Tưởng. Còn công sở và quân đội thì phải tự lo liệu lấy, thường là bằng cách ăn hối lộ. Tất cả những tiền bạc này không bao giờ được gửi tới chính phủ Vũ Hán. Lúc đó các thương gia Thượng Hải chưa biết sự rạn nứt giữa chính phủ Vũ Hán và Tưởng. Điều họ biết rõ là họ không muốn tiếp tục "ủng hộ" tiền cho Tưởng như thế. Họ muốn nhận được những giấy tờ bảo đảm sau này chính phủ sẽ trả lại tiền cho họ. Họ cần có một người có uy tín như bộ trưởng tài chánh Tống Tử Văn đứng ra ngăn cản Tưởng. Tống Tử Văn đã cương quyết từ chối không ký chấp nhận những cuộc tống tiền công khai của Tưởng. Thực ra sự bướng bỉnh của Tống Tử Văn cũng vì tài sản nhà họ Tống tại Thượng Hải.

Điều này đã đẩy Tống Tử Văn và Tưởng trực tiếp đối đầu với nhau. Ngày 18-4 Tưởng tuyên bố thành lập chính phủ quốc gia tại Thượng Hải và Nam Kinh, tách hẳn chính phủ Vũ Hán, và yêu cầu Tống Tử Văn ở lại làm bộ trưởng tài chánh. Thoạt đầu Tống Tử Văn từ chối, nhưng hai ngày sau họ Tống chấp nhận với điều kiện không phê

chuẩn những cuộc tổng tiền của Tưởng. Tưởng lập tức đóng cửa văn phòng của Tống Tử Văn, và bổ nhiệm một người khác làm bộ trưởng tài chánh. Tưởng còn ra lệnh cho quân đội tại Quảng Đông giữ tất cả tài sản của Tống Tử Văn tại ngân hàng. Đến đây Tống Tử Văn phải cộng tác vô điều kiện với Tưởng.

Lúc đó Tưởng Giới Thạch đang ra công chinh phục Tống Mỹ Linh, sau khi bị Khánh Linh cự tuyệt lời cầu hôn. Tống Ái Linh và Đỗ Đại Nhĩ hết sức giúp cho Tưởng được toại nguyện. Thoạt đầu Mỹ Linh không ưa Tưởng. Trước mắt nàng, Tưởng chỉ là một tay võ biền thô tục, có nhiều liên hệ tai tiếng với giới anh chị và gái giang hồ tại Thượng Hải và Quảng Châu. Mỹ Linh chỉ chấp nhận cho Tưởng viết thư thăm hỏi, và mỗi khi hai người gặp nhau tại nhà Ái Linh đều có Ái Linh và Khổng Tường Hy chứng kiến.

Về phần Tống Tử Văn thì bị chính bà chị Ái Linh và anh rể chèn ép, vì họ không thích những tư tưởng tự do của Tống Tử Văn. Vợ chồng Ái Linh thúc đẩy Tưởng phải làm áp lực với Tống Tử Văn và sai người của Lục Hội theo dõi họ Tống. Tống Tử Văn cảm thấy hoang mang, và chỉ thích trở lại căn nhà của Khánh Linh trên đường Molière, để tránh những màn tẩy não của Ái Linh. Càng ngày Tống Tử Văn càng mất tự tin trước sức mạnh của Tưởng, một người dung túng cho quân đội Quốc dân đảng mổ bụng các thiếu nữ, và lấy ruột quần quanh cổ nạn nhân trong lúc nạn nhân đang hấp hối.

Sau khi trục xuất Tưởng Giới Thạch ra khỏi Quốc dân đảng, chính phủ Vũ Hán càng ngày càng suy yếu. Hải quân Anh và Mỹ tiến vào sông Dương Tử, lập hàng rào ngăn chặn việc chuyên chở lúa gạo, dầu và than đá, gây thêm khó khăn về kinh tế cho chính phủ Vũ Hán. Ngay tại tỉnh Hồ Nam, quê hương của Mao Trạch Đông, một viên tướng trung thành với Tưởng Giới Thạch đã chiếm được thủ phủ Trường Sa và đánh bại được quân đội nông dân của cộng sản. Ông Tinh Vệ cũng muốn bỏ Khánh Linh về đầu hàng Tưởng Giới Thạch. Khi Stalin đánh điện ra lệnh thành lập đạo quân công nông 50 ngàn người, thì các giới chức Quốc dân đảng tại Vũ Hán đều nghiêng về phía Tưởng Giới Thạch, trừ Tống Khánh Linh. Họ cho rằng Nga xô đã phản bội lời hứa trước kia với Tôn Dật Tiên.

Chính phủ Vũ Hán tìm cách liên minh với tướng Phùng Ngọc Tường, một viên tướng theo đạo Thiên Chúa, và đã được Stalin viện trợ nhiều vũ khí. Nhưng Phùng Ngọc Tường đang bí mật liên kết với Tưởng Giới Thạch. Tống Tử Văn trở về Vũ Hán mang theo thông điệp của Tưởng: Vũ Hán và Nam Kinh có thể liên kết với nhau, với điều kiện là phải loại cộng sản và Borodin ra khỏi Quốc dân đảng.

Đồng thời Tưởng treo giải thưởng cho ai giết được Borodin. Thực ra phe Quốc dân đảng tại Vũ Hán cũng đang muốn loại bỏ cộng sản, nhưng trở ngại duy nhất là sự chống đối quyết liệt của Tống Khánh Linh, không chịu liên kết với Tưởng Giới Thạch.

Trong suốt buổi đại hội đảng ngày 15-7, Khánh Linh đã phá mọi ý kiến liên kết với Nam Kinh. Đến tối bà mệt nhoài và giận dữ thì Tống Tử Văn đến năn nỉ thuyết phục. Tống Tử Văn cho Khánh Linh biết tất cả những hăm dọa phá hoại của Ái Linh nhắm vào Khánh Linh.

Khánh Linh vẫn cương quyết không chịu hợp tác với những người tại Thượng Hải. Bà cho biết nếu chính phủ Vũ Hán sụp đổ, bà sẽ trở về Thượng Hải và tiếp tục chống lại Tưởng Giới Thạch.

Tống Tử Văn rất hoảng sợ trước quyết tâm của Khánh Linh, và xin Khánh Linh đi dạo với mình ngoài bờ sông, để tránh sự dòm ngó của những người theo dõi. Khi chỉ còn hai chị em trên bờ sông, Tống Tử Văn cầm tay Khánh Linh và năn nỉ bà chị đừng bao giờ trở về Thượng Hải. Tống Tử Văn cẩn thận ghé sát vào tai Khánh Linh, thì thầm chính Ái Linh đã dự định ám sát Khánh Linh nếu Khánh Linh trở về Thượng Hải. Ái Linh đã từng ra lệnh ám sát một số người chống đối đi ngược quyền lợi của bà tạ Mặc dầu viễn ảnh có thể bị chính người chị ruột của mình ám sát, Khánh Linh vẫn cương quyết giữ vững lập trường.

Phe cộng sản tại Vũ Hán cũng cảm thấy tình thế đang xoay chiều bất lợi. Một số bắt đầu tìm cách lẩn tránh, và khuyên Borodin nên trở về Nga sộ Các nữ cán bộ trẻ tuổi trước kia cắt tóc ngắn để bày tỏ sự dấn thân của mình, nay để tóc dài trở lại. Khi các cán bộ cộng sản vắng bóng trên đường phố Vũ Hán thì những toán an ninh và anh chị từ Thượng Hải tới chiếm giữ những cơ sở của cộng sản, và bắn chết bất cứ ai bèn mảng tới những cơ sở này. Borodin nhận được bản tuyên cáo long trọng từ điện Cẩm Linh: "Vai trò cách mạng của chính phủ Vũ Hán đã chấm dứt và đã trở thành một lực lượng phản cách mạng." Ngày 14-7, Mao Trạch Đông và các lãnh tụ cộng sản khác lặng lẽ rời bỏ Vũ Hán.

Tống Tử Văn trở lại gặp Khánh Linh và mong bà thay đổi ý định.

Nhưng Khánh Linh đang viết một tuyên cáo lên án Tưởng Giới Thạch. Bên cạnh Khánh Linh lúc ấy chỉ còn tướng Đặng Diển Đạt, nguyên giám đốc chính trị tại trường võ bị Hoàng Phố. Họ Đặng rất được kính nể, và trung thành với đường lối cách mạng của Tôn Dật Tiên. Nếu không có sự can thiệp của Mạc tư khoa và nhóm anh chị Lục Hội vào chính trường Trung hoa thì Đặng Diển Đạt đã là người lãnh đạo Trung hoa, chứ không phải là Tưởng Giới Thạch. Đặng

Diễn Đạt lên án Tưởng là người thoán nghịch, và phản bội lý tưởng của Tôn Dật Tiên. Hoàn cảnh của chính phủ Vũ Hán thật là cheo leo. Một bên là Tưởng Giới Thạch và các tay anh chị Lục Hội, và một bên là Stalin và đảng cộng sản thế giới. Đi về phía nào cũng phản lại con đường Tôn Dật Tiên đã vạch ra.

Ngày 14-7, Khánh Linh công bố bản tuyên cáo cuối cùng của bà. Bà công khai lên án Tưởng Giới Thạch tiếm đoạt quyền lãnh đạo quốc gia và phản bội công cuộc cách mạng. "Tưởng Giới Thạch không phải là người của Tôn Dật Tiên, mà chỉ là một kẻ phiêu lưu quân sự, một kẻ đàn áp, một con kị sinh trùng hưởng thụ trong một hệ thống nô lệ." Ngày hôm sau, chính phủ Vũ Hán trục xuất mọi đảng viên cộng sản theo lệnh của Tưởng. Borodin biến mất. Khánh Linh và Đặng Diễn Đạt cũng bỏ trốn.

Khánh Linh cải trang và dùng thuyền đánh cá xuôi sông Dương Tử, trở về Thượng Hải để thu xếp công việc riêng một cách hấp tấp. Sợ bị chi ruột ám sát hoặc bị Tưởng giam lỏng tại nhà, và dùng danh hiệu bà cho những hành động có lợi cho Tưởng, Khánh Linh quyết định tiếp tục cuộc chống đối tại hải ngoại. Khánh Linh quyết định sang thăm Mạc tư khoa theo lời đề nghị của Borodin. Một đêm bà cải trang làm một người hành khất và trốn ra bờ sông. Một con thuyền nhỏ chờ sẵn và chở bà ra một chiếc tàu chở hàng của Nga Sánh hôm sau con tàu rời bến và trực chỉ hải cảng Vladivostok.

Borodin và bà vợ Fanya không được may mắn trên đường hồi hương. Fanya bị quân của sứ quân Mãn châu Trương Tác Lâm bắt được. Để tránh tai tiếng với ngoại giao đoàn, Trương Tác Lâm muốn biện minh việc hành quyết Fanya bằng một phiên tòa xử công khai. Borodin liền dùng 200 ngàn hối lộ cho viên thẩm phán. Sáng sớm ngày 12-7, vụ án Fanya được xử mau lẹ trong lúc Trương Tác Lâm còn đang ngủ. Fanya được tha bổng vì vô tội và lập tức được dấu kín. Viên thẩm phán cũng bỏ vợ con ở lại, trốn sang Nhật hưởng một cuộc đời về hưu thoải mái với số tiền hối lộ lớn. Trương Tác Lâm tức giận cực điểm, và sai quân lính lùng bắt cho được Fanya. Lúc đó Fanya trốn trong một đền thờ Khổng Tử tại Bắc Kinh. Đền thờ này đã được sửa chữa làm nơi trú ngụ cho người ngoại quốc. Khi cuộc lùng bắt của Trương Tác Lâm lắng dần thì Fanya cải trang làm một nữ tu và trốn về Tây Bá Lợi Á.

Trong khi đó, Borodin trốn trong căn nhà của Tống Tử Văn tại Hán Khẩu. Nhờ ngoại giao đoàn can thiệp, Tưởng Giới Thạch đồng ý cho Borodin được rời khỏi Trung hoa, nhưng không được đi qua lãnh thổ của Tưởng. Borodin và đoàn tùy tùng phải làm một cuộc hành trình

qua sa mạc Gobi Khi tới Trảng Châu, đoàn người của Borodin gặp Phùng Ngọc Tường. Họ Phùng đòi Borodin phải nạp tiền mồi lộ, phải trả tiền sửa chữa những con đường, những cây cầu và việc trồng cây cối dọc đường đi. Thực ra những con đường và cầu mà Phùng Ngọc Tường nói đến không hề có tại vùng sa mạc này, và cây cối thì đã trồng từ đời nhà Đường, nhà Tống. Phùng Ngọc Tường bảo đảm trên đường đi, đoàn người của Borodin sẽ không bị một sứ quân nào khác đòi tiền nữa. Sau khi nộp tiền mồi lộ, Borodin và đoàn tùy tùng được Phùng Ngọc Tường tiễn đưa trọng thể. Khi tới Đồng Quan, Borodin gặp lại tướng Đặng Diễm Đạt, và tất cả cùng vượt qua Mông Cổ để trở về Nga xô.

Khánh Linh cùng Engene Trần, một nhân viên cao cấp của Quốc dân đảng, tới Mạc tư khoa bằng xe lửa từ hải cảng Vladivostok. Tại các nhà ga chính, Khánh Linh được các chính quyền địa phương Nga lên tặng hoa. Khánh Linh tới Mạc tư khoa đúng lúc chính trường Nga xô đen tối nhất, vì cuộc tranh chấp giữa Stalin và Trotsky đến hồi gay gắt nhất. Ba tuần sau đó thì Trotsky chính thức bị loại khỏi các chức vụ quan trọng. Trotsky ủng hộ chính sách bành trướng cuộc cách mạng vô sản đến các quốc gia chậm tiến, đặc biệt là Trung hoa. Nhưng khi đảng cộng sản Trung hoa bị thất bại nhục nhã tại Vũ Hán thì số phận Trotsky cũng đổ theo. Trotsky trở thành vật tế thần cho chiến thắng của Stalin.

Từ khách sạn Metropole, Khánh Linh được đưa tới cung điện của Nga hoàng, trước kia vô cùng huy hoàng lộng lẫy nhưng nay chỉ là một cung điện tro bụi, vì đồ đạc đã bị cướp đi hết. Khánh Linh gặp lại Đặng Diễm Đạt, nhưng vẫn cảm thấy hết sức cô đơn và bất lợi. Cả ba người, Khánh Linh, Eugene Trần và Đặng Diễm Đạt, được Stalin mời tham dự cuộc đại hội đảng cộng sản. Đặng Diễm Đạt được mời lên phát biểu ý kiến, và họ Đặng đã không bỏ lỡ cơ hội trình bày quan điểm của mình. Đặng can đảm cho biết sự trợ giúp của Nga xô rất được người Trung hoa hoan nghênh lúc đầu, nhưng cuộc cách mạng của Trung hoa là một việc hoàn toàn thuộc người Trung hoa, và không thể tiến hành theo đường lối của đảng cộng sản thế giới, cũng như không thể phục vụ cho mục tiêu của cộng sản được. Đặng nhấn mạnh cuộc cách mạng cộng sản chỉ là một hiện tượng của Âu châu, và không thể đem áp dụng tại Á châu được, vì Á châu là một vùng phong kiến, bán thuộc địa trong đó các cải cách nông nghiệp là vấn đề quan trọng nhất, cần phải giải quyết. Sự kết hợp với phong trào cộng sản quốc tế chỉ đưa cuộc cách mạng Trung hoa đi đến chỗ sai lầm, và kéo dài nỗi thống khổ của người Trung hoa.

Stalin nổi giận trước bài diễn văn của Đặng Diễn Đạt, và lập tức sai mật vụ bắt giam Đặng Diễn Đạt. Nhưng Đặng Diễn Đạt đã biết trước sự nguy hiểm và ngay đêm đó trốn khỏi Mạc tư khoa, tiến về phía nam, vượt qua biên giới Thổ Nhĩ Kỳ. Tình thế tại Mạc tư khoa lúc đó bất lợi cho Khánh Linh. Borodin thì đang ở trong tình trạng bị thất sủng, và có thể bị trừng phạt vì thất bại tại Trung hoa. Borodin thường nhắc lại kinh nghiệm với Quốc dân đảng Trung hoa như là "một cái cầu tiêu, dù bạn giặt nước nhiều lần thế nào thì nó vẫn còn mùi hôi." Một người Nga nữa có thể giúp Khánh Linh được là Joffe thì đang bị bệnh lao phổi nặng. Joffe là người đã ký kết thỏa hiệp đầu tiên với Tôn Dật Tiên. Trotsky đề nghị đưa Joffe ra ngoại quốc để trị bệnh, nhưng Stalin từ chối. Một hôm Joffe viết một lá thư cho một người bạn, rồi dùng súng lục bắn vào đầu tự tử.

Khánh Linh mỗi lúc một chán nản tuyệt vọng hơn. Trong vòng hai năm trời, cuộc đời bà đã từ một vị đệ nhất phu nhân trở thành một goá phụ bị lưu đày. Nhưng bà vẫn là một "món hàng" vô cùng quan trọng mà bất cứ một lãnh tụ cách mạng Trung hoa nào cũng muốn có. Một hôm bà rất đổi kinh ngạc và uất giận khi thấy báo New York Times loan tin bà sắp sửa kết hôn với Eugene Trần, và điện Cẩm Linh đang tổ chức tuần trăng mật cho hai người. Bà biết được tin này là nhờ một người Anh đến chúc mừng bà về "cuộc hôn nhân sắp tới" của bà. Theo truyền thống Trung hoa, một goá phụ trẻ sẽ mất hết đức hạnh khi tái giá. Bà biết có người trong nhóm Tưởng Giới Thạch, có thể là chính bà chị Ái Linh của bà, có dã tâm phá hoại uy tín của bà.

Khánh Linh đau đớn đến ngất xỉu, và bị bệnh tới ba tuần lễ. Khi bà vừa khỏi bệnh thì bà lại bị giáng thêm một đòn chí tử nữa: Bà đau đớn được tin em gái bà là Tống Mỹ Linh sắp sửa kết hôn với Tưởng Giới Thạch. Bà cho cuộc hôn nhân giữa Mỹ Linh và Tưởng Giới Thạch là một sỉ nhục cho nhà họ Tống, và bà rất khinh bỉ Tưởng Giới Thạch. Bà xót xa hiểu rằng câu chuyện bịa đặt về vụ hôn nhân của bà với Eugene Trần chỉ là một âm mưu dọn đường cho hôn nhân của em gái bà với Tưởng Giới Thạch. Người ta muốn làm tăng ý nghĩa cuộc hôn nhân của Mỹ Linh và Tưởng bằng cách làm giảm giá trị của một cuộc hôn nhân khác trong gia đình nhà họ Tống, vì Eugene Trần là người Trung hoa từ Phi châu về, và được coi như lai da đen.

Trước kia người quyền thế nhất trong gia đình nhà họ Tống là Tống Khánh Linh, phu nhân của tổng thống Tôn Dật Tiên. Bây giờ danh dự đó là của Tống Mỹ Linh, phu nhân của Tưởng Tổng Tài.

Khánh Linh nhờ Eugene Trần đánh điện cho Mỹ Linh, khuyên em gái

không nên kết duyên với "con yêu râu xanh đỏ". Nhưng Mỹ Linh bỏ ngoài tai lời khuyên của bà chị. Khánh Linh không bao giờ tha thứ em gái đã cho Tường Giới Thạch mượn cái tên của nhà họ Tống. Đối với Khánh Linh, cuộc hôn nhân giữa Mỹ Linh với Tường là một điều chua chát cho bà, bởi vì nó chứng tỏ gia đình bà đã rõ ràng cắt đứt với bà, và khoác cho Tường Giới Thạch cái uy tín chính trị của Tôn Dật Tiên.

Rồi một tin vui cũng đến với Khánh Linh khi bà nhận được tin mật cho biết Đặng Diễm Đạt đã bình yên tới Thổ Nhĩ Kỳ, và hiện đang sống tại Bá Linh, thủ đô Đức quốc. Khánh Linh đã chán ngấy Mạc tư khoa, và tìm đường đi Bá Linh để gặp người đồng chí thân tín của bà.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 13

Đám Cưới Của Tống Mỹ Linh Và Tường Giới Thạch

Ba tuần lễ sau vụ tàn sát phe cộng tại Thượng Hải, Tường Giới Thạch ngỏ lời cầu hôn Mỹ Linh, và được Mỹ Linh chấp nhận. Cuộc hôn nhân lần thứ ba của Tường là một tính toán chính trị. Niềm mơ ước thiết tha nhất của Tường là được làm người thừa kế chính thống của Tôn Dật Tiên. Quần chúng Trung hoa kính ngưỡng Tôn Dật Tiên như thần thánh. Hình ảnh của ông hiện diện khắp nơi. Bất cứ một chính khách hoặc một tướng lãnh nào có được một sự liên hệ với Tôn Dật Tiên, dù rất xa xôi, lúc ông còn sống, cũng có thể tạo được một sự nghiệp chính trị quan trọng nhờ sự liên hệ ấy. Làm rể nhà họ Tống quả thực là một cơ hội vô cùng thiết yếu đối với Tường, để được công nhận nối tiếp công cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên. Tường vẫn mong có thể cầu hòa được với Khánh Linh và Tống Tử Văn bằng cách trở thành một người em rể của họ. Tuy thế không phải là Tường không say mê Mỹ Linh. Tường vẫn tự phụ là một tay anh hùng chọc trời khuấy nước một thời, và theo truyền thống Trung hoa thì cuộc đời của một người anh hùng phải có bóng dáng giai nhân thì mới thực toàn vẹn.

Lúc đó Tường đang cần sự ủng hộ của các nước tây phương. Tường không biết ngoại ngữ, trừ tiếng Nhật. Nếu có Mỹ Linh làm vợ, Tường sẽ có "tai và miệng" để đương đầu với người tây phương. Ngoài ra Tường rất phục khả năng chuyên môn về kinh tế tài chánh

của Tống Tử Văn. Viễn tượng tài chánh của Tường rất đen tối. Tài sản của các thương gia Thượng Hải chỉ có giới hạn. Tường không thể tiếp tục tổng tiền khai thác họ mãi. Quân đội của Tường mỗi ngày một bành trướng và do đó Tường cần tiền trả lương cho binh sĩ ngày một nhiều hơn. Tường thấy cần phải tìm nguồn tài trợ của ngoại quốc. Con đường duy nhất Tường có thể tìm được sự viện trợ và đầu tư của ngoại quốc là qua gia đình nhà họ Tống, đặc biệt là Tống Tử Văn, một người có uy tín với các ngân hàng, công ty và chính phủ ngoại quốc.

Tống Tử Văn không đồng ý cho em gái kết hôn với Tường Giới Thạch, vì Tống biết Tường dính dáng vào nhiều tội ác như cướp của, tổng tiền, giết người. Không những thế, Tường còn trải qua nhiều đời vợ. Nhưng điều Tống Tử Văn khó chịu nhất là Tường đã chiếm đoạt hết số bạc dự trữ tại Ngân hàng Trung ương, một công trình mà Tống Tử Văn đã đem hết tâm huyết ra thực hiện. Tuy vậy Tống Tử Văn cũng không chống lại được cuộc hôn nhân này, vì Tống luôn luôn bị bà chị cả Ái Linh tham tiền làm áp lực, tẩy não, bắt phải đi theo con đường của bà đã vạch ra. Hôn nhân của Tường và Mỹ Linh chính là công trình mà Ái Linh nhất quyết thực hiện cho bằng được cho mục tiêu làm giàu của mình.

Khánh Linh thì hoàn toàn chống đối cuộc hôn nhân, vì theo bà thì cả hai bên trong cuộc hôn nhân này đều là những người lợi dụng, chứ không hề có tình yêu đích thực. Tuy nhiên mười năm sau, Khánh Linh nhận xét, "Lúc đầu cuộc hôn nhân này không phải vì tình yêu, nhưng bây giờ thì đã có tình yêu giữa hai người. Mỹ Linh yêu Tường và Tường cũng yêu Mỹ Linh. Nếu không có Mỹ Linh thì cuộc đời của Tường sẽ khốn đốn hơn thế."

Nhiều người mới gặp Ái Linh đều tưởng bà là một người khả ái, có bản chất tốt như tên của bà. Nhưng thực ra, bà là người quyết định hầu hết mọi việc quan trọng trong gia đình nhà họ Tống và họ Khổng. Ái Linh và Khổng Tường Hy lấy nhau năm 1914 tại Nhật trong khi tỵ nạn tránh Viên Thế Khải. Khi trở lại Thượng Hải, Ái Linh sống trong căn nhà số 139 đường Seymour Road để chờ chồng chuẩn bị một chuyến về nhà chồng thật an toàn. Trên đường trở về quê chồng tại Sơn Tây, hai vợ chồng Ái Linh dùng xe lửa đến tận biên giới tỉnh Sơn Tây. Sau đó Ái Linh phải đi nốt cuộc hành trình một cách vất vả, phải ngồi cang hoặc ngồi kiệu và có chồng cưỡi ngựa đi bên cạnh.

Nhưng khi về đến nhà chồng, Ái Linh thấy nhẹ hẫng người khi trông thấy dinh cơ đồ sộ của nhà chồng. Đó là một lâu đài mệnh mông, nằm giữa những khu vườn trồng đầy kỳ hoa dị thảo, và có trên 500

gia nhân. Ái Linh sinh con gái đầu lòng là Khổng Lệnh Tuấn tại đây năm 1916, và ba đứa con sau sinh tại Thượng Hải. Con cái của Ái Linh được cưng chiều như những bông hoa lan cực quý. Khổng Lệnh Kiệt, người con trai thứ hai của Ái Linh, rất ngỗ nghịch. Cậu quý tử này học lái xe hơi năm mới có 15 tuổi. Một hôm Khổng Lệnh Kiệt đang lái xe tại đường phố đông đúc của Thượng Hải thì bị một cảnh sát Ấn Độ chặn xe lại. Khi người cảnh sát định cảnh cáo Khổng Lệnh Kiệt về tội lái xe ẩu, thì cậu quý tử này rút súng bắn đứt ngón tay cái của người cảnh sát.

Người con gái thứ ba thì kiêu căng phách lối. Thú tiêu khiển kỳ lạ của cô chiêu này là mặc quần áo đàn ông rồi đi dạo phố. Khổng Tường Hy cung phụng cho con cái một đời sống rất xa hoa trong một dinh thự nguy nga tại khu tô giới Pháp. Khổng Tường Hy là đại diện của hãng dầu Standard Oil tại Trung hoa. Ông cũng là trung gian giữa các sứ quân miền bắc. Trong cuộc xung đột giữa Tường và chính phủ Vũ Hán, chính Khổng Tường Hy đã dùng tiền mua chuộc Phùng Ngọc Tường đứng về phe Tường.

Sau khi về nhà chồng, Ái Linh nắm giữ tất cả tài sản nhà chồng, có từng đoàn thư ký và kế toán phụ tá. Bà đã dùng uy tín của chồng để thu thập được những tin tức tài chánh cần thiết để làm giàu thêm. Người ta tin rằng Ái Linh đã dùng tiền bạc để thuê người ám sát những nhà tài phiệt đối thủ, hoặc những người chống đối không chịu nhượng bộ hoặc cộng tác với bà. Ái Linh đã có liên hệ mật thiết với Bồ già Đỗ Đại Nhĩ và các tay anh chị của Lục Hội. Lúc đó tại Á Châu có một tổ chức của phụ nữ với mục đích ám sát hoặc trừng phạt đàn ông. Người ta tin rằng người đứng đầu tổ chức này là Ái Linh. Bà được coi là một người đàn bà độc ác, cương quyết, thông minh, quỵ quyết và nhiều tham vọng, kín đáo điều khiển tất cả mọi công việc làm ăn của dòng họ.

Tháng 4-1927, Ái Linh và Khổng Tường Hy hết sức giúp Tường vất tiền của các thương gia kinh hoàng tại Thượng Hải. Tường thường tới thăm vợ chồng Ái Linh. Đô đốc Bristol, tư lệnh hạm đội Mỹ tại Á Châu, một lần đến thăm gia đình Ái Linh, đã hết sức khâm phục cách tiếp đãi khách của những người trong nhà họ Tống. Tường Giới Thạch cũng từng chứng kiến gia đình nhà họ Tống chinh phục cảm tình của người tây phương một cách dễ dàng. Khi Tường ngỏ lời cầu hôn với Mỹ Linh vào tháng 5-1927 thì đó là giai đoạn chót của công cuộc sắp đặt theo đúng ý Ái Linh. Khi Tống Tử Văn phản đối cuộc hôn nhân thì bị bà chị cả cảnh cáo nếu không đồng ý thì Tống Tử Văn sẽ không thể hoạt động gì tại Thượng Hải. Cuối cùng Tống Tử

Văn nhượng bộ vào tháng 6 để được tái bổ nhiệm chức bộ trưởng tài chánh, và được tự do hoạt động trong lãnh vực kinh tế tài chánh. Tổng Tử Văn cũng hứa giúp Ái Linh và Khổng Tường Hy thuyết phục bà mẹ chấp nhận cuộc hôn nhân.

Thoạt đầu bà Tổng Giáo Nhân không chấp nhận hôn nhân của Mỹ Linh với Tường vì Tường không phải là người đạo Thiên Chúa, và vì những cuộc hôn nhân trước kia của Tường. Ái Linh liền khuyên mẹ đi nghỉ mát tại Nagasaki, Nhật Bản, và đến tắm tại các suối nổi tiếng trong vùng Kamakura. Gia đình sẽ đi theo bà sau. Mục đích của Ái Linh là tổng khứ bà mẹ bướng bỉnh này đi cho khuất mắt.

Đúng lúc đó Tường gặp khó khăn với các sứ quân miền bắc. Các sứ quân này kín đáo liên kết với Tường và Lục Hội, qua mặt các tướng lãnh cao cấp của Tường. Nhưng sau đó các sứ quân miền bắc ngầm báo cho các tướng của Tường biết Tường đã ngầm liên kết với kẻ địch sau lưng họ. Đây là một đòn ly gián có thể gây xáo trộn trong hàng ngũ Quốc dân đảng. Trong lúc Tường nổi giận, cực lực cải chánh sự đi đêm thâm lén của mình thì các sứ quân miền bắc bắt thần tấn công lực lượng Quốc dân đảng. Các tướng của Tường đang hoang mang, bị đánh bất ngờ, phải rút về sông Dương Tử. Trong một cơn phẫn nộ, ba tướng cao cấp nhất của Quốc dân đảng tuyên bố sẽ không nghe lệnh của Tường nữa. Sau khi thảo luận với Bồ già Đỗ Đại Nhĩ và Curio Trương, Tường ra thông cáo "để giữ vững sự đoàn kết của đảng", Tường từ chức tất cả mọi chức vụ trong Quốc dân đảng, và rút lui khỏi sân khấu chính trị.

Tường chơi một đòn chính trị cổ điển. Tường rời khỏi Thượng Hải, bề ngoài có vẻ từ bỏ mọi tham vọng, nhưng mục tiêu là để các tướng lãnh đối đầu quay lại cắn giết lẫn nhau. Tường đem theo hai trăm vệ sĩ đi vào một vùng hoang vu tại núi Vũ Lĩnh Sơn, một nơi nghỉ mát ưa thích nhất của các lãnh tụ Lục Hội, và nằm dưới sự kiểm soát của Bồ già Đỗ Đại Nhĩ.

*

Tổng Mỹ Linh đã tiết lộ cho bạn bè biết mình sẽ kết hôn với Tường Giới Thạch. Đến tháng 9 thì mọi người dân Thượng Hải đều nghe biết tin đó. Rồi ngày 16-9, Ái Linh mở một cuộc họp báo tại tư gia, xác nhận việc hôn nhân. Ái Linh giới thiệu Tường Giới Thạch và Tổng Mỹ Linh với các phóng viên và nhiếp ảnh viên báo chí, và tuyên bố, "Tường tướng quân sẽ kết hôn với em gái của tôi." Các ký giả tuôn ra vườn hoa chụp hình cặp trai tài gái sắc nhất Thượng Hải. Ngày hôm sau, hình ảnh Tường tươi cười đứng bên cạnh Mỹ Linh

xuất hiện trên báo chí khắp thế giới.

Không ai thắc mắc về số phận hai người vợ trước của Tưởng Giới Thạch. Một trong những người vợ cũ của Tưởng là Trần Khiết Như bị Tưởng đuổi sang Hoa Kỳ. Những tấm hình chụp năm 1925 cho thấy Trần Khiết Như là một người đàn bà dáng dấp cao, rất đẹp và đang mang thai. Để sửa soạn hôn lễ của Tưởng với Mỹ Linh được êm đẹp, Bố già Đỗ Đại Nhĩ sắp xếp cho Trần Khiết Như sang sống tại Hoa Kỳ. Tại đây Trần Khiết Như ghi danh học tại đại học Columbia, New York. Sau khi đậu văn bằng tiến sĩ, Trần Khiết Như rời về sống tại San Francisco.

Cuộc tình duyên với Mỹ Linh gỡ rối cho Tưởng được nhiều vấn đề khó khăn. Các tướng đang chống lại Tưởng thấy Tưởng được vào làm rể nhà họ Tống, và trở thành người thừa kế chính thống của Tôn Dật Tiên, nên tha thứ những lỗi lầm của Tưởng trong việc liên kết với các sứ quân miền bắc. Mọi người quan tâm đến hôn nhân của Tưởng nhiều hơn là các chuyện cũ. Ngày 28-9, Tưởng xuống tàu sang Nhật để chính thức xin bà Tống Giáo Nhân cho phép được kết hôn với Tống Mỹ Linh. Lúc còn ở Thượng Hải, bà Tống Giáo Nhân từ chối không chịu tiếp kiến Tưởng, nhưng khi Tưởng thân hành sang tận Kamakura thì bà chịu tiếp Tưởng.

Bà Tống Giáo Nhân không hài lòng. Hai người con gái lớn của bà đều làm hôn lễ tại Nhật bản, Bà vẫn ao ước hôn lễ của cô con gái út phải được cử hành tại nhà thờ Tống Charlie do gia đình bà giúp tiền xây cất. Nhưng giáo hội Methodist cấm các mục sư không được chủ hôn cho những người đã ly dị. Cuối cùng chỉ có một mục sư đồng ý đến nhà riêng của nhà họ Tống cầu nguyện với tân lang và tân giai nhân thôi. Hôn lễ cử hành ngày 1-12 tại tư gia nhà họ Tống, đường Seymour Road. Trong khi Khánh Linh đang run rẩy khổ sở tại Mạc tư khoa thì Mỹ Linh và Tưởng đứng bên nhau, bên cạnh bàn thờ Tôn Dật Tiên. Hai người cúi mình trước bàn thờ, rồi cúi chào nhau, và cúi chào các nhân chứng và quan khách. Ngay đêm đó Mỹ Linh và Tưởng lên xe lửa đặc biệt về ngọn núi Vũ Lĩnh Sơn để hưởng tuần trăng mật. Tại đây, Tưởng ra một thông cáo như sau: "Sau hôn lễ của chúng tôi, cuộc cách mạng chắc chắn sẽ tiến hành tốt đẹp, vì từ đây lòng tôi đã thanh thản, có thể gánh vác được những trách nhiệm lớn lao. Từ nay, hai chúng tôi quyết tâm dâng hiến hết đời mình cho cách mạng."

Khi Tưởng và vợ tới Vũ Lĩnh Sơn thì lập tức Tưởng phải tham dự một cuộc họp quan trọng của Quốc dân đảng, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Tình trạng Trung hoa trở nên tồi tệ mau lẹ sau vụ từ chức của

Tướng. Các cấp lãnh đạo Quốc dân đảng phải mời Tướng trở về đảm nhận chức vụ quốc trưởng. Ngày 10-12, Tướng được phục hồi chức vụ Tư lệnh Tối cao Quân đội, rồi được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương. Một lần nữa Tướng trở thành lãnh tụ số một của Trung hoa.

Sự trở lại chính quyền của Tướng kèm theo một sự biểu diễn sức mạnh của các tướng lĩnh. Các tướng Quốc dân đảng lại tin tưởng quyền lãnh đạo của Tướng và mở lại chiến dịch đánh bại các sứ quân miền bắc. Nhưng quân Nhật lúc đó không muốn các sứ quân miền bắc thua chạy ra ngoài Vạn Lý Trường Thành, tạo rối loạn cho Mãn châu đang nằm trong tay Nhật. Người Nhật lập tức đưa ra những cảnh cáo mạnh mẽ, bằng cách ám sát sứ quân Mãn châu Trương Tác Lâm trong lúc viên sứ quân này đang đi xe lửa. Sứ quân Thiểm Tây tràn vào chiếm Bắc kinh, và dâng cho Quốc dân đảng, và chính phủ của Tướng Giới Thạch trở thành chính phủ đại diện cho toàn thể Trung hoa.

*

Quyết định kết hôn với Tướng Giới Thạch biểu lộ ý chí sắt đá của Mỹ Linh. Năm 1927, Mỹ Linh tự nhận là 27 tuổi, nhưng thực ra lúc đó nàng đã 30 tuổi rồi. Mỹ Linh đã từng từ chối lời cầu hôn của khá nhiều người theo đuổi, kể cả những thương gia giàu có, và những thanh niên tài năng nhiều tham vọng, trong đó có cả thống chế Trương Học Lương của Mãn Châu. Mỹ Linh tuyên bố thà ở giá còn hơn làm vợ một trọc phú. Về chính trị thì Mỹ Linh thường chê bà chị Khánh Linh quá lãng mạn, và bênh vực hành động tàn sát của Tướng tại Thượng Hải năm 1927, vì cho rằng chỉ có phe cộng sản và giai cấp hạ lưu bị thiệt thòi.

Trước mắt Mỹ Linh, Tướng là một người có nhiều tiền không thua kém gì các tay đại triệu phú khác. Hơn nữa, Tướng lại có quyền hành. Thực ra Mỹ Linh không quan tâm lắm đến tiền bạc như bà chị Ái Linh. Ái Linh lớn lên trong lúc Tống Giáo Nhân đang ra công xây dựng sản nghiệp và chắt chiu tiền bạc. Ái Linh cũng mang hằn dấu vết ham tiền của ông bố. Vào thời Khánh Linh thì nhà họ Tống đã giàu sang lắm rồi, và tâm hồn Tống Giáo Nhân không còn bận tiện tham lam như thuở còn nghèo. Tâm tình này phản ánh ở lòng thương xót những kẻ bần cùng của Khánh Linh. Khi Mỹ Linh lớn lên thì tài sản nhà họ Tống đã bảo đảm lắm, và nàng coi tiền như một tiện nghi, chứ không phải là một mục tiêu đi tìm kiếm. Mỹ Linh là người hăng hái và có nhiều ý tưởng mới, nhưng phạm vi hoạt động của nàng rất giới hạn, không thể tự hoàn thành được những điều

ước muốn.

Tướng Giới Thạch có thể dâng hiến cho Mỹ Linh quyền hành mong muốn. Đối với Tướng, quyền hành có nghĩa là khả năng kiểm soát được hoàn cảnh và con người. Đối với Mỹ Linh thì quyền hành là sức mạnh. Tướng đã cống hiến Mỹ Linh cơ hội làm những thay đổi lịch sử, thay đổi đời sống của Trung hoa theo ý chí của nàng. Mỹ Linh rất thích người khác phải khâm phục và vâng lời mình. Người Trung hoa nhận xét về ba chị em nhà họ Tống như sau: "Một người yêu tiền bạc, một người yêu quyền hành và một người yêu nước Trung hoa"

Vì quá hăng say bày tỏ quyền hành mới có, Mỹ Linh đã đẩy Tướng vào thế khó xử với Lục Hội ngay sau tuần trăng mật. Lúc đó phần đông các nhân vật quan trọng tại Trung hoa, kể cả Tướng Giới Thạch, phải đóng tiền bảo vệ cho Lục Hội. Mỹ Linh coi việc nộp tiền cho Lục Hội như thế là một điều sỉ nhục, không còn uy quyền gì nữa. Mỹ Linh lý luận với Tướng rằng bây giờ Tướng là người mạnh nhất Trung hoa thì không cần phải đóng tiền bảo vệ nữa. Mỹ Linh rất hãnh diện về dòng họ Tống nhà mình, và không ngờ rằng chính Tống Tử Văn vẫn phải đóng tiền bảo vệ nàng cho Lục Hội.

Tướng nghe vợ nói cũng siêu lòng. Sau tuần trăng mật trở về Thượng Hải, một hôm Tướng phải đi họp và đến chiều tối mới về. Trong lúc Mỹ Linh ở nhà thì được một chiếc xe Rolls-Royce sang trọng có tài xế và một người đầy tớ gái đến đón Mỹ Linh về nhà thăm bà chị Ái Linh. Mỹ Linh bước lên xe đi, nhưng không bao giờ về tới nhà bà chị Ái Linh. Khi Tướng Giới Thạch trở về không thấy vợ đâu thì lo âu vô cùng. Tướng cầm điện thoại gọi cho Tống Tử Văn. Tống Tử Văn hiểu ngay sự việc gì đã xảy ra. Tống liền gọi một số điện thoại đặc biệt chỉ một số rất ít người biết, và được giọng nói của Bồ già Đỗ Đại Nhĩ trả lời. Đỗ Đại Nhĩ lạnh lùng nói:

"Bà Tướng vẫn bình yên và mạnh khỏe như thường. Người của Lục Hội gặp bà sáng nay đi lang thang tại những nơi nguy hiểm mà chỉ có một người đầy tớ gái theo hầu. Vì sự an toàn của bà Tướng, Lục Hội đã phải đưa bà về một biệt thự sang trọng và đối xử với bà vô cùng lễ độ vì địa vị tôn quý của bà là vợ của nhà lãnh đạo quốc gia. Tuy mọi người hết sức làm bà vui lòng, nhưng dường như bà rất bất bình và không chịu ăn uống gì cả. Chúng tôi rất tiếc rằng Tướng tướng quân quá bận rộn công việc quốc gia đại sự, không săn sóc bảo vệ cho chính mình và bà vợ được. Đó là một việc vô cùng bất cẩn trong một thành phố nguy hiểm như Thượng Hải. Bây giờ ông nên lại đây ngay, làm một vài thủ tục thông thường, nhưng cần thiết cho sự an

toàn của em gái ông."

Tổng Tử Văn toát mồ hôi trán, vội vàng chạy lại tư dinh của Bố già Đỗ Đại Nhĩ lúc nào cũng được canh gác vô cùng cẩn mật, để dẫn cô em gái đang được "săn sóc" tại đó và đưa về cho Tưởng Giới Thạch. Đó là một thông điệp rõ ràng: Đỗ Đại Nhĩ giật sợi giây xích trên cổ Tưởng để nhắc cho Tưởng biết bổn phận của Tưởng đối với Lục Hội.

Khi kết hôn với Tưởng Giới Thạch, Mỹ Linh không biết rằng mình sẽ phải làm dâu cho cả "gia đình" của Tưởng. Nhưng Ái Linh và Khổng Tường Hy biết. Khánh Linh và Tổng Tử Văn cũng biết. Mãi đến khi bị bắt cóc Mỹ Linh mới hiểu rằng từ nay Đỗ Đại Nhĩ là Bố già của mình.

Ba Chị Em Nhà Họ Tổng

Chương 14

Hai Chị Em, Hai Chiến Tuyến

Cuộc sống của Khánh Linh tại Mạc tư khoa ngày càng đen tối, ảm đạm, cô đơn giữa cảnh thiếu thốn và cái lạnh khủng khiếp. Đến tháng 12-1927, lấy lý do tham dự hội nghị của Mặt Trận Chống Đế quốc tại Brussels, thủ đô nước Bỉ, Khánh Linh trốn khỏi Nga sộ Tại Brussels tháng 12-1927, Khánh Linh được bầu làm Chủ Tịch Danh Dự của Mặt Trận. Trong số những người ngồi cùng bàn chủ tọa với Khánh Linh, người ta thấy có nhà bác học Albert Einstein, văn hào Maxim Gorky, chánh khách Nehru của Ấn Độ... Trong dịp này, nhà văn Romain Rolland viết về Khánh Linh như sau: "Bạn tưởng bà Tổng Khánh Linh xuất chúng của chúng ta chỉ là một bông hoa đẹp hương thơm tỏa khắp thế giới hay sao? Không, không! Bà chính là một con sư tử đang phá tung tất cả mọi màng lưới."

Sau hội nghị Brussels, bà tìm đường tới Bá Linh. Lúc đó Bá Linh là một thành phố của đảng điểm và tội lỗi. Người ta khiêu vũ khỏa thân, những buổi liên hoan dâm loạn, đàn ông mặc giả đàn bà và ngược lại đàn bà mặc giả đàn ông. Trật tự đảo lộn: những hành động trước kia được coi là riêng tư thì nay được làm trước công chúng, như là một triết lý nhân sinh mới.

Khánh Linh để hết tâm trí vào hoạt động phong trào chống phát-xít và chống đế quốc. Bà được bầu làm chủ tịch phong trào này hai lần. Bà gặp lại người đồng chí thân tín Đặng Diễn Đạt. Hai người nỗ lực thành lập Lực Lượng Thứ Ba để cho người Trung hoa một lựa chọn

mới, ngoài Quốc dân đảng và cộng sản.

Tại Nam Kinh, Quốc dân đảng đang tìm cách đánh lừa Khánh Linh trở về Trung hoa bằng cách tổ chức lễ chuyển hài cốt của Tôn Dật Tiên, từ Bắc Kinh về chôn tại ngọn Bích Sơn bên ngoài thành Nam Kinh, theo đúng ý nguyện của Tôn Dật Tiên lúc còn sống. Việc làm này vừa lôi kéo được Khánh Linh trở về, vừa có lợi chính trị cho Tưởng Giới Thạch. Tưởng đang ra công tu bổ cải tiến Nam Kinh, và đổi danh hiệu Bắc Kinh thành Bắc Bình. Nam Kinh trở thành thủ đô chính thức của Trung hoa dưới thời Quốc dân đảng.

Tưởng ra lệnh cho Tổng Tử Lương, người em trai trong gia đình nhà họ Tống sang Bá Linh tìm và khuyên bà chị Khánh Linh trở về Trung hoa. Khánh Linh biết rõ thâm ý của Tưởng Giới Thạch nên trước khi rời Bá Linh, bà ra một thông cáo khẳng định bà trở về Trung hoa là để tham dự lễ chuyển hài cốt của Tôn Dật Tiên, và bà rút ra khỏi mọi hoạt động chính trị của Quốc dân đảng. Bà cũng tố cáo Quốc dân đảng hiện nay đã đi ngược các nguyên tắc căn bản của Tôn Dật Tiên, chồng bà và cũng là người sáng lập ra Quốc dân đảng.

Khi Tổng Tử Lương hoảng sợ và phản đối bản thông cáo của bà chị thì Khánh Linh nghiêm khắc nói với em, "Nhà họ Tống phải phục vụ Trung hoa chứ Trung hoa không phải phục vụ gia đình nhà họ Tống." Bà dùng xe lửa đi ngang qua Nga sô để trở về quê hương. Tới địa điểm đầu tiên của Trung hoa, bà được rất đông dân chúng đến chào mừng. Tưởng Giới Thạch tổ chức lễ đón tiếp Khánh Linh rất trọng thể. Khánh Linh cho đó là mục đích tuyên truyền của Tưởng và tuyên bố với các ký giả:

"Đã có sự phản bội và xuyên tạc hoàn toàn phong trào quốc gia. Sự phản bội cách mạng này do những người đã có liên hệ tới phong trào quốc gia. Những người này đang cố gắng lôi kéo Trung hoa đi vào con đường nghèo khó quen thuộc để mưu đồ cho quyền lực cá nhân."

Khi tới Bắc Kinh, Khánh Linh lặng lẽ tránh mọi người trong gia đình nhà họ Tống. Khi tới ngọn núi Bích Sơn giữa khí hậu nóng nực ẩm thấp, bà phải trèo lên ngọn núi và chịu đựng những lễ nghi rất dài cho tới lúc nhìn thấy quan tài của chồng được yên nghỉ thì bà trốn về Thượng Hải. Trong hai tháng đầu, bà giữ im lặng. Đến đầu tháng 8, bà công bố một bản tuyên cáo chống lại Tưởng Giới Thạch, dưới hình thức một bức điện tín gửi sang Bá Linh.

"... Chính phủ phản động Nam Kinh đang kết hợp với lực lượng đế quốc trong những cuộc đàn áp dã man chống lại quần chúng Trung

hoa. Chưa bao giờ sự phản bội của các nhà lãnh đạo Quốc dân đảng phản động lại tỏ lộ một cách vô sỉ trước thế giới như hiện nay. Vì đã phản lại công cuộc cách mạng quốc gia, họ tất nhiên sẽ trở thành công cụ của đế quốc và tìm cách gây chiến với Nga sô. Nhưng quần chúng Trung hoa sẽ đứng về phía cách mạng. Sự khùng bố sẽ chỉ giúp động viên quần chúng và củng cố quyết tâm của chúng ta tới chiến thắng."

Tưởng và Bồ già Đỗ Đại Nhĩ rất cảm phần bản tuyên cáo của Khánh Linh. Người ta lo ngại rằng chưa bao giờ Khánh Linh gần cái chết như thế. Khi bản tuyên cáo được in ra và phát tại đường phố thì các người phân phát bị bắt ngay. Đã có những cuộc trả thù tại Nam Kinh. Khi một người bạn hỏi Khánh Linh cảm thấy thế nào về sự đàn áp bộc phát, bà để tay lên ngực và trả lời, "Tôi cảm thấy thoải mái trong lòng vì chính tôi đã gửi bản tuyên cáo này. Điều gì sẽ xảy ra cho cá nhân tôi vì việc làm này không quan trọng đối với tôi." Nhà của bà bị canh gác, và những người đến thăm bà đều bị theo dõi.

Ngay lúc đó một tờ truyền đơn sau đây xuất hiện:

BẢN THÔNG CÁO ĐẮM NƯỚC MẮT GỬI CHO 400 TRIỆU ĐỒNG BÀO

"Sau chiến dịch chinh phạt miền bắc của lực lượng cách mạng năm ngoái, Tưởng Giới Thạch, vốn là một tên tổng tiền, đã dùng danh nghĩa Quốc dân đảng và nhà lãnh tụ Tôn Dật Tiên để chiếm quyền hành."

"Tưởng Giới Thạch đã hành động như vua Kiệt vua Trụ là hai hôn quân giết cả những ai thì tham... Nhiều loại công khổ phiếu đã được dùng cho tài sản riêng của cá nhân Tưởng Giới Thạch. Tiền của hắn bỏ vào ngân hàng ngoại quốc lên tới 50 triệu đô la... Ngân khoản hàng năm để nhập cảng đồ dùng trong cầu tiêu của Tổng Mỹ Linh, người vợ bất hợp pháp của hắn, lên tới 4 triệu đô la. Mỗi tờ giấy đi cầu của mẹ ta được chế tạo có chất thuốc tốn kém tới 20 triệu đô la. Đôi giày của mẹ ta làm bằng kim cương tốn phí 800 ngàn đô la và một bộ áo裳 giá 500 ngàn. Chưa bao giờ có một sự xa phí đến như thế..."

Thực ra tờ truyền đơn này hơi phóng đại sự thực. Mỹ Linh có một chứng bệnh ngoài da. Da Mỹ Linh ửng đỏ từng chỗ mỗi khi bà hoảng hốt hoặc tức giận. Tính khí Mỹ Linh rất nhạy cảm nên thường hay thẳng thốt. Một buổi chiều, đây tớ phải thay áo lót cho cho Mỹ Linh ít là vài lần. Đây là cuộc chiến giữa hai chị em nhà họ Tống, nhưng phần yếu thế về phía Khánh Linh. Kẻ thù của Khánh Linh gồm có chính phủ Nam Kinh, Đỗ Đại Nhĩ, chị và các em của chính bà. Nhưng

bà biết rằng kẻ thù đáng sợ nhất của bà lại chính là những người họ Tống. Bà biết những người này chẳng từ một điều gì mà không làm. Khánh Linh sang Bá Linh một thời gian ngắn để bàn thảo cùng Đặng Diễn Đạt. Khánh Linh khuyên Đặng Diễn Đạt nên về hoạt động ngay tại Trung hoa, thành lập Lực Lượng Thứ Ba ngay tại Thượng Hải. Đặng lén trở về Thượng Hải và lôi cuốn được nhiều người tại khắp Trung hoa, những người không thích cộng sản và khinh bỉ Quốc dân đảng. Đôi khi Đặng xuất hiện trước đám đông, lên án chính phủ Nam Kinh đã phản lại quần chúng, và trở thành công cụ cho quân phiệt, địa chủ và tài phiệt.

Người Trung hoa tưởng đã có được một lựa chọn chính trị mới với Lực Lượng Thứ Ba của Đặng Diễn Đạt. Nhưng Tưởng và Bồ già Đổng Đại Nhĩ đã liên kết với lực lượng cảnh sát của Anh và Pháp trong khu tô giới, và tìm được chỗ trú ẩn của Đặng Diễn Đạt. Đặng bị bắt và giao cho mật vụ của Nam Kinh. Tưởng giam Đặng Diễn Đạt bên ngoài Nam Kinh và ra lệnh tra tấn ông ta trong nhiều tháng trời.

Khánh Linh cố gắng một cách tuyệt vọng để giải cứu Đặng Diễn Đạt. Bà thân hành tới Nam Kinh, xin gặp Tưởng và hạ mình năn nỉ Tưởng tha cho Đặng Diễn Đạt. Tưởng ngồi im lặng, không trả lời trong lúc Khánh Linh hết lời van xin. Cuối cùng Tưởng nói vắn tắt, "Tôi đã ra lệnh giết hắn rồi." Thực ra ngày 29-11-1931, Đặng Diễn Đạt bị lôi ra khỏi phòng giam, và bị thắt cổ bằng giây kẽm gai. Các tay đao phủ của Tưởng rất thiện nghệ thắt cổ nạn nhân rất từ từ, kéo dài cả giờ để nạn nhân nếm mùi đau khổ. Lúc Khánh Linh năn nỉ Tưởng thì Đặng Diễn Đạt đã chết từ nhiều ngày trước rồi. Khánh Linh rất đau lòng. Khi trở về Thượng Hải, bà tố cáo vụ ám sát chính trị này:

"Ngày nay không còn dấu diếm được sự kiện Quốc dân đảng đã mất tư thế là một tổ chức cách mạng. Quốc dân đảng đã bị hủy diệt, không phải do kẻ thù bên ngoài, mà là do chính các nhà lãnh đạo của đảng. Cách mạng bây giờ chỉ là tàn sát và khủng bố. Dưới chiêu bài chống cộng, Quốc dân đảng tiếp tục các hoạt động phản cách mạng. Những người trung thành với cách mạng thì bị tra tấn cho đến chết, như trường hợp của Đặng Diễn Đạt, một người cương quyết, nhẫn nại, trung thành và can đảm."

*

Trái với Khánh Linh, một người bị săn đuổi hăm dọa tứ phía, Mỹ Linh đã trở thành một sức mạnh trong hậu trường chính trị. Người của Tưởng Giới Thạch biết được tính tình hay thay đổi và kiêu hãnh của Mỹ Linh, thường lấy lòng Mỹ Linh bằng những nghi lễ rất long trọng. Ảnh hưởng của Mỹ Linh đối với Tưởng trong hai chục năm đầu lên

xuống tùy theo lòng trung thành của Tưởng, và sự thành công của bà tạo được sự ủng hộ của ngoại quốc cho chế độ của Tưởng. Mỹ Linh đã viết những bài báo dài đăng trên các tạp chí Mỹ có lợi cho Tưởng. Hai năm sau ngày cưới, Mỹ Linh nhắc lại lời hứa rửa tội theo đạo Thiên Chúa của Tưởng. Mỹ Linh không còn chờ lâu được nữa. Thân mẫu bà đã 61 tuổi rồi, và sức khỏe suy kém. Một điều nhiều người ngạc nhiên là bà Tống Giáo Nhân về sau lại đặc biệt quý chàng rể út họ Tưởng nhất. Bà nghĩ rằng thiên mệnh đã đặt vào gia đình nhà họ Tống, vì liên tiếp hai con gái bà, Khánh Linh và Mỹ Linh, đã đạt được địa vị mẫu nghi thiên hạ. Nhà họ Tống có hai người con rể nối tiếp nhau làm tổng thống nước Trung hoa. Bà cho đó là đặc ân của gia đình bà.

Ngày 23-10-1930, Tưởng rửa tội tại nhà thờ Tống Charlie Quần chúng Trung hoa vô cùng kinh ngạc trước tin này, nhưng người Mỹ thì rất hoan hỉ. Sau tám năm chống đạo Thiên Chúa một cách cực đoan tại Trung hoa, thì bây giờ với sự rửa tội của Tưởng, công việc của các nhà truyền giáo có vẻ thuận lợi rõ rệt. Mục tiêu rửa tội của Tưởng vẫn còn là một bí ẩn, nhưng bà Tống Giáo Nhân thì rất đổi hài lòng. Năm 1931, bà từ trần trong niềm mãn nguyện.

Những bài báo của Mỹ Linh về những vấn đề quốc sự Trung hoa, sự chiến đấu chống lại những sứ quân phong kiến và cộng sản của Quốc dân đảng, và về những viện mồ côi, đã gây được một ấn tượng tốt về Trung hoa tại ngoại quốc. Một chuyên viên Úc châu, W. H. Donald, được mời trở lại làm cố vấn cho Quốc dân đảng. Donald đã thành thực chỉ trích sự hiểu biết rất giới hạn của Tưởng và Mỹ Linh về Trung hoa. Theo Donald thì Tưởng biết rất ít về đất nước của mình, chưa đi hết các tỉnh. Tưởng có thể giỏi đối phó với các sứ quân và chỉ huy quân đội, nhưng Tưởng không biết dân chúng Trung hoa đang nghĩ gì và muốn gì. Tưởng hoàn toàn tùy thuộc vào những báo cáo của thuộc hạ, và chỉ ngồi trong văn phòng rồi ra mệnh lệnh. Trong khi đó thì tại biên giới hai tỉnh Giang Tây và Phúc Kiến, Mao Trạch Đông đang xây dựng một nước cộng hòa sơ viết với sự hậu thuẫn của nông dân. Mao thành công lôi cuốn được sự ủng hộ của nông dân, và như vậy Tưởng rất khó mở một cuộc chiến tranh thắng lợi chống lại cộng sản và thống nhất đất nước. Tưởng không có khả năng kêu gọi được sự hưởng ứng của quần chúng. Trái lại Tưởng còn có những hành động rất phản tuyên truyền. Một hôm Tưởng đến một làng hẻo lánh và trông thấy một người dùng lá quốc kỳ quần ngang lưng. Khi được hỏi tại sao xúc phạm đến quốc kỳ như thế, người đó tự nhận là một đồ tể chuyên nghề giết heo, và cho biết

quần quốc kỳ ngang lưng như vậy là vì quốc kỳ màu đỏ nên máu heo có dính vào cũng không làm hoen ố thêm. Tưởng giận sùi bọt mép, và đòi treo cổ bác đồ tể đó ngay.

Mỹ Linh không có ảnh hưởng gì đối với người Trung hoa. Bà chỉ được người ngoại quốc chú ý. Mỗi khi đi đâu, bà chỉ thường nói chuyện với các nhà truyền giáo, các hội quán phụ nữ. Cuối năm 1933, Mỹ Linh nhất định đòi ra mặt trận tại vùng Giang Tây. Lúc đó lực lượng cộng sản đang chịu những tổn thất to lớn sau những chiến dịch tiêu diệt của Tưởng. Nhưng quân của Tưởng không đủ sức đuổi cộng quân ra khỏi căn cứ địa an toàn của họ. Khi không có sự hiện diện của quan sát viên ngoại quốc, quân đội của Tưởng tàn phá làng mạc, đốt ruộng vườn và xử tử những nông dân nào không chịu bỏ làng ra đi. Khi Mỹ Linh đến thì bà được báo cáo rằng những sự tàn phá đó là do cộng sản gây ra. Mỹ Linh không tiến xa hơn nữa để biết rõ sự thực.

Các chiến dịch cuối cùng của Tưởng do tướng von Seeckt của Đức quốc xã chỉ huy tỏ ra thành công. Hitler rất thích chủ trương của Tưởng chỉ nhằm tiêu diệt cộng sản trong nước hơn là đương đầu với quân xâm lăng Nhật Bản. Tướng von Seeckt dùng một chiến thuật rất tốn kém khiến Tưởng càng ngày càng phải đòi thêm tiền từ bộ trưởng tài chánh Tống Tử Văn. Hans von Seeckt đã đòi Tưởng phải xây hàng trăm dặm đường xa lộ tiến vào an toàn khu của cộng sản tại Giang Tây, xây những pháo đài, rồi đưa xe tăng tấn công quân cộng sản cùng với sự yểm trợ của pháo binh và không quân. Chiến dịch của Hans von Seeckt gây nạn đói cho dân chúng trong vùng cộng sản. Tưởng tung vào trận đánh 700 ngàn quân để chống lại 150 ngàn quân cộng sản. Kết quả là 60 ngàn quân cộng sản bị tiêu diệt và trên một triệu dân chúng bị giết hoặc chết đói. Cuối cùng Mao Trạch Đông và hồng quân của khu sô viết Giang Tây phải bỏ căn cứ, làm một cuộc chạy trốn lên vùng núi non hoang giá của Thiểm Tây, lập căn cứ mới và chờ cơ hội phục thù. (Xin đọc cuốn Vạn Lý Trường Chinh, cũng của Nguyễn Vạn Lý.)

Phong Trào Đòi Sống Mới và Đạo Quân Áo Xanh

Trong một cuộc họp với các nhà truyền giáo, Mỹ Linh biết chính phủ Nam Kinh muốn có được sự ủng hộ tài chánh của tây phương thì Tưởng cần phải đưa ra những chương trình xã hội. Mỹ Linh lập tức nắm lấy cơ hội này và thành lập Phong Trào Đòi Sống Mới. Mỹ Linh bắt đầu bằng bốn đức tính của người Trung hoa: lịch sự - phụng sự - lương thiện - danh dự. Mỹ Linh thay đổi những đức tính này cho

giống với quan niệm của giới trung lưu tại Hoa kỳ. Phong Trào Đời Sống Mới của Mỹ Linh rất giống với nguyên tắc sống lịch sự của người Mỹ, và dùng những khẩu hiệu kêu gọi người Trung hoa theo một nếp sống mới. Những khẩu hiệu này gồm có: Đừng khạc nhổ, An toàn trước đã, Cúi chùng bước chân, Giữ tay mặt, Sắp hàng tại đây, Không khí mát và ánh nắng mặt trời, Đánh răng, Uống sinh tố, Yêu quý láng giềng, Tiết kiệm...

Nhiều người Trung hoa đã là nạn nhân của Phong Trào Đời Sống Mới. Từng nhóm hướng đạo sinh mang theo những thùng gỗ, đứng canh ngoài đường phố. Khi một người đi ngang qua mà đội nón bèo nhèo, miệng ngậm điếu thuốc lá thì lập tức một hướng đạo sinh chặn người đó lại, bước lên chiếc thùng gỗ, lột nón người đó ra, vuốt cái nón cho thẳng lại và giật điếu thuốc từ miệng nạn nhân và liệng xuống rãnh nước. Xong rồi, người hướng đạo sinh kính cẩn chào nạn nhân, và bước xuống khỏi cái thùng gỗ và chờ nạn nhân khác. Người Trung hoa rất khó chịu với cảnh như vậy, nhưng người ngoại quốc rất tán thưởng. Các viên chức chính phủ nhận biết chiến dịch này sẽ được lòng Tổng phu nhân nên đều tích cực tham gia. Các tiểu đội cảnh sát đánh đập bất cứ ai dám khạc nhổ nơi công cộng. Khạc nhổ là một thói quen của người Trung hoa, và luật lệ mới của Phong Trào Đời Sống Mới bắt được rất nhiều người vi phạm mỗi ngày. Ngay cả những người không đi ngay ngắn cũng bị chỉ trích. Những người đi ăn nhà hàng mà uống thêm rượu, hoặc gọi quá nhiều món ăn và cho bồi tiền tip là lập tức bị lính lôi ra đường đánh đập, vì không theo khẩu hiệu Tiết Kiệm của bà Tổng. Nhiều nhà hàng đã phải bán rượu bằng những bình trà để che mắt các hướng đạo sinh đứng canh chừng.

Những thiếu nữ dùng son môi, hoặc mang nón và áo đầm thì bị cảnh sát giữ lại, rồi đóng dấu "Ăn Mặc Kỳ Cục" bằng mực đỏ lên người. Các thợ hớt tóc, uốn tóc cho khách hàng, hoặc bán những bộ đồ tắm hở hang, đều bị sỉ nhục trước đám đông. Các khẩu hiệu của Phong Trào Đời Sống Mới được viết khắp nơi, tận hang cùng ngõ hẻm. Tuy nhiên Phong Trào Đời Sống Mới cũng thực hiện được nhiều việc ích lợi, như vệ sinh công cộng, xây cống và phát triển hệ thống nước máy. Các tục lệ cổ hủ như đốt pháo, đốt vàng mã cho người chết bị cấm chỉ. Mọi người được khuyên phải rửa tay, rửa mặt ba lần một ngày, phải tắm gội ít nhất mỗi tuần một lần, phải rửa và luộc rau trước khi ăn, và không nên hút thuốc lá.

Mỹ Linh cố gắng không hút thuốc lá trước công chúng, cho đúng với những khẩu hiệu của bà trong Phong Trào Đời Sống Mới do chính bà

phát động. Nhưng thực ra Mỹ Linh nghiện thuốc lá của Anh và hút liên miên tại nhà riêng, hoặc tại những nơi không ai trông thấy. Tưởng Giới Thạch cũng đứng sau hỗ trợ cho chiến dịch của vợ, kêu gọi nông dân không được khạc nhổ và bắt xe lửa phải chạy đúng giờ. Tưởng muốn quần chúng phải tuân theo kỷ luật, và không ngần ngại dùng hình phạt đánh đập tàn nhẫn những ai vi phạm lời kêu gọi của Phong Trào Đời Sống Mới. Phương châm của Tưởng có ba điều chính: Chủ nghĩa quốc gia, Tuyệt đối tin tưởng vào Lãnh Tụ Tối Cao, và Quân sự hóa quần chúng.

Tưởng rất khâm phục Hitler. Hitler tổ chức đạo quân Áo Nâu thì Tưởng cũng lập đạo quân Áo Xanh. Đạo quân Áo Xanh thoát thai từ tổ chức mật vụ của hai anh em Trần Quả Phu và an ninh quân đội của Thái Lý. Trần Quả Phu thành lập được một hệ thống tình báo bao gồm hầu hết mọi ngành trong chính phủ. Thái Lý được coi là người đáng sợ nhất Trung hoa trong suốt hai mươi năm. Thoạt đầu Thái Lý là một phụ tá của Bồ già Đỗ Đại Nhĩ. Sau đó Thái Lý vào học tại trường Hoàng Phố. Thái Lý được giao phó ngành phản gián chống lại Nhật Bản và cộng sản. Bên ngoài Thái Lý trông rất hiền lành, lúc nào cũng mỉm cười. Dưới quyền Thái Lý là một trăm ngàn nhân viên an ninh và hai trăm ngàn dân anh chị Lục Hội.

Hai tổ chức mật vụ của Trần Quả Phu và Thái Lý được đội quân Áo Xanh hỗ trợ. Đội quân Áo Xanh bắt chước đường lối đảng Hắc Long của Nhật. Nhiệm vụ của đội quân Áo Xanh là ám sát chính trị, thủ tiêu những "kẻ thù của quốc gia". Đội quân Áo Xanh chỉ có khoảng mười ngàn người và do các sĩ quan gốc Lục Hội chỉ huy. Tất cả đều tham gia nghi lễ trích máu ăn thề.

Phong Trào Đời Sống Mới mà Mỹ Linh rất hãnh diện chỉ là sự tiếp nối của đội quân Áo Xanh, với mục đích kỷ luật hóa Trung hoa cho tham vọng của Tưởng và phe nhóm. Khi mật vụ của Trần Quả Phu tra tấn và thắt cổ Đặng Diển Đạt thì không phải chỉ một mình Khánh Linh xúc động đau đớn. Nhiều nhà trí thức từng cộng tác với Tưởng, như viện trưởng đại học Bắc Kinh, tự nhận đã làm đường, đang phục vụ giúp đỡ một con quái vật. Họ liên kết với Khánh Linh, nhưng cuối cùng phần lớn đều bị ám sát hoặc bị ghép vào những tội mà họ không hề phạm, và bị kết án tử hình. Sáu nhà văn trẻ, trong đó có chồng của nhà văn nổi tiếng Đinh Linh, chống lại Tưởng bị đạo quân Áo Xanh bắt được. Sáu người bị bắt phải đào một cái hố rộng. Khi họ đào xong, họ bị những người Áo Xanh trói chân tay, liệng xuống hố và chôn sống.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 15

Cuộc Xung Đột Trung, Nhật Tại Thượng Hải

Trong thời gian giữ chức bộ trưởng tài chánh cho chính phủ Nam Kinh, Tống Tử Văn đã dốc lực giúp Tưởng Giới Thạch về tài chánh bằng cách phát hành các công khố phiếu để thu hút tiền bạc của giới thương gia. Họ Tống đã phá hủy sức mạnh của tư bản Trung hoa, biến họ thành nô lệ cho chế độ độc tài của Tưởng. Công khố phiếu thu hút hầu hết tiền bạc của giới tư bản, và do đó tiềm năng phát triển kỹ nghệ của Trung hoa bị ảnh hưởng tai hại. Khi Khổng Tường Hy lên giữ chức bộ trưởng tài chánh thay Tống Tử Văn thì tất cả công trình thuế khoá của Tống Tử Văn đều sụp đổ, và các tỉnh trở lại đường lối thu thuế cũ.

Lúc đó không còn những vụ tống tiền một cách lộ liễu như năm 1927 nữa, nhưng vẫn còn sự ép buộc giới thương gia phải cúng tiền cho Tưởng. Tuy vậy, lợi tức thu được vẫn không đủ cho Tưởng phát động những chiến dịch tiêu trừ cộng sản. Tống Tử Văn yêu cầu tiết giảm quân phí, và đòi thành lập Ủy ban Ngân sách với sự hậu thuẫn của các nhà tư bản Thượng Hải. Tưởng đành phải thiết lập Ủy ban này, nhưng với thành phần là các sứ quân, như Tưởng, Phùng Ngọc Tường, Diêm Tích Sơn và Lý Tông Nhân. Tống Tử Văn là người dân sự duy nhất trong ủy ban. Khi quân đoàn Bắc Phạt tiến tới Bắc Kinh thì các sứ quân say men chiến thắng càng mặc sức vơ vét tiền bạc. Tưởng bắt các ngân hàng cho vay ba triệu, và bắt Tống Tử Văn phải lên Bắc Kinh gây quỹ 50 triệu cho chính phủ bằng cách bán công khố phiếu. Trung hoa hoàn toàn nằm trong tay các sứ quân tham lam, luôn luôn đòi hỏi tiền cho những lính ma và các chiến dịch ma của họ.

Khi các nhà tư bản Thượng Hải tìm cách chống lại Tưởng thì lập tức một cuộc biểu tình tràn vào cơ sở của phòng Thương mại, cướp phá tài sản và cuối cùng phòng Thương mại được tái lập với người và đường lối của Bồ già Đỗ Đại Nhĩ.

Năm 1931 khi sứ quân Trương Tác Lâm của Mãn châu đi hàng hai, không chịu hợp tác hẳn với người Nhật thì xe lửa của họ Trương bị phe quá khích Nhật giật mìn nổ. Con trai là thống chế Trương Học Lương lên thay Người Nhật ám sát Trương Tác Lâm với hy vọng Trương Học Lương sẽ hợp tác với Nhật. Nhưng khi Trương Học

Lương quyết định liên kết với Nam Kinh thì Nhật chiếm những khu vực kỹ nghệ giàu tài nguyên của Mãn châu, và sát nhập vào Triều Tiên. Quần chúng Trung hoa vô cùng phẫn nộ thái độ thờ ơ của Tưởng Giới Thạch trước sự xâm lăng trắng trợn của Nhật Bản. Tưởng chỉ yêu cầu quần chúng phải "giữ một sự bình tĩnh xứng đáng."

Quần chúng nổi loạn, phá các cơ sở thương mại Nhật Bản tại Thượng Hải, và yêu cầu chính phủ phải tuyên chiến với Nhật. Tưởng vẫn hoàn toàn im lặng. Người ta cho rằng giữa Tưởng và Nhật đã có một thỏa hiệp mật. Ngoài ra Bồ già Đỗ Đại Nhĩ và gia đình Tống Mỹ Linh có liên hệ thương mại mật thiết với người Nhật. Trong những trường hợp khó khăn như vậy, Tưởng chỉ đề nghị áp dụng nguyên tắc của môn võ công Thái Cực, nghĩa là khi kẻ địch áp lực mạnh, ta chỉ nên đứng né sang một bên để kẻ địch mất đà và tự ngã.

Lần này dường như quần chúng không chấp nhận sách lược thụ động của Tưởng, vì chờ đợi mãi kẻ thù vẫn chưa tự ngã. Quần chúng tự động đứng lên tẩy chay hàng hóa Nhật. Giữa tháng 1 năm 1932, năm nhà sư Nhật bị dân chúng Trung hoa hành hung ngoài đường phố, một người bị tử thương sau đó. Một toán dân Nhật bạo động trả thù, kết quả là một cảnh sát Trung hoa và một người Nhật thiệt mạng. Ngày 18-1, năm người Nhật bị đón đánh bên ngoài một nhà máy dệt khăn. Hai hôm sau, năm mươi thanh niên Nhật vũ trang kiếm và gậy đi trả thù. Toán người Nhật nổi lửa đốt cháy một nhà máy dệt khăn, và hai người Trung hoa tử nạn.

Chính phủ Nhật chính thức đòi Trung hoa phải xin lỗi, trả phí tổn chữa trị cho nạn nhân Nhật, và giải tán các tổ chức bài Nhật. Tới ngày 24-1, chiến hạm Nhật tiến vào Thượng Hải. Hai ngày sau, trong lúc thị trưởng Thượng Hải chưa trả lời thì lãnh sự Nhật ra tối hậu thư, và thông báo cho các lực lượng ngoại quốc tại Thượng Hải biết quân Nhật sẽ tấn công thành phố ngày 28-1 nếu không được thị trưởng Thượng Hải trả lời thỏa đáng. Hội đồng thành phố Thượng Hải tuyên cáo tình trạng khẩn cấp. Trong hoàn cảnh đó, Tưởng Giới Thạch vẫn giữ im lặng, vẫn theo đuổi nguyên tắc của võ công Thái Cực, mặc dù quân đội của Tưởng đông hơn quân Nhật. Tưởng chỉ kêu gọi hội Quốc Liên can thiệp và đòi chính phủ Nam Kinh tới một địa điểm an toàn hơn.

Đô đốc Nhật Shiozawa tuyên bố, "Người Trung hoa chỉ biết kinh sợ sức mạnh thôi." Việc tấn công Thượng Hải có mục đích bắt người Trung hoa phải khiếp sợ và phục tùng Nhật Bản. Nhưng chính tại đây, người Nhật đã đụng phải sức kháng cự anh dũng của Lộ quân

19 dưới quyền chỉ huy của tướng Thái Đình Khải. Lộ quân 19 tự động chiến đấu bảo vệ Thượng Hải không do lệnh của Tưởng. Lộ quân 19 di chuyển từ Quảng Đông và được lệnh đóng tại Thượng Hải để phục vụ cho Bồ già Đỗ Đại Nhĩ. Nhưng khi quân Nhật tấn công Thượng Hải thì mọi người kinh ngạc trước sự chiến đấu dũng cảm của lộ quân này. Tướng Thái Đình Khải tuyên bố, "Quân Nhật có tất cả sức mạnh của chiến tranh hiện đại. Họ có chiến xa, pháo binh, phi cơ và một hạm đội mạnh nhất Á Châu, trong khi chúng tôi chỉ có súng trường và súng máy. Nhưng sự kháng chiến của chúng tôi được xây dựng trên nguyên tắc căn bản: quyền của bất cứ dân tộc nào tự bảo vệ chống lại ngoại xâm, đe dọa sự sống còn của quốc gia họ. Quân sĩ thuộc Lộ quân 19 biết rất rõ điều này, và họ chiến đấu với một tinh thần rất cao."

Lộ quân 19 có 45 ngàn binh sĩ tham dự cuộc cách mạng quốc gia năm 1926, và là lộ quân đầu tiên tại Trung hoa và gồm những quân nhân tình nguyện. Lộ quân 19 được coi là đạo quân thiện chiến nhất tại vùng hạ lưu sông Dương Tử. Khi Tưởng Giới Thạch lợi dụng thời cơ chiếm đoạt Thượng Hải thì lộ quân 19 bất mãn, nhưng vốn là những quân nhân có kỷ luật, họ tuân lệnh rút ra khỏi Thượng Hải. Khi quân Nhật tiến vào Thượng Hải thì họ quay trở lại trong quyết tâm bảo vệ Thượng Hải. Trong hai ngày đầu, toàn thể Trung hoa nức lòng ủng hộ họ, theo dõi sự chiến đấu dũng cảm của những đứa con yêu của tổ quốc. Hàng ngàn thanh niên tìm đến hỗ trợ cho Lộ quân 19.

Cuộc chiến diễn ra dữ dội tại từng đường phố. Quân Nhật phải mất 34 ngày hành quân, huy động cả hải quân, không quân và 65 ngàn lục quân mới đẩy lui được Lộ quân 19 ra khỏi Thượng Hải. Lộ quân 19 bị thiệt hại nặng, phân nửa lực lượng bị tiêu diệt và cần phải được tăng cường gấp rút. Trong lúc Lộ quân 19 chiến đấu chống lại một lực lượng địch quá chênh lệch về sức mạnh thì quân đội gồm hai triệu người của Tưởng án binh bất động, đứng nhìn Lộ quân 19 chiến đấu và sắp tan rã. Tưởng hứa tăng cường 100 ngàn quân cho Lộ quân 19, nhưng về sau chỉ phái hai sư đoàn 87 và 88, tổng cộng chỉ có 15 ngàn quân. Hai sư đoàn này mới thành lập chưa có kinh nghiệm tác chiến, và bị tiêu diệt hai phần ba lực lượng.

Tổng Tử Văn phải tung đạo quân thu thuế 30 ngàn người của mình vào chiến trường để trợ giúp Lộ quân 19. Tuy vậy phía Trung hoa không chống lại được sức mạnh của quân Nhật có vũ khí quá tối tân. Vào lúc ngưng bắn ngày 3-3-1932 thì 600 ngàn người Thượng Hải trở thành dân tỵ nạn, sự buôn bán ngưng trệ hẳn, lợi tức suy giảm 75

phần trăm, 900 cơ xưởng kỹ nghệ và thương mại bị phá hủy, một sự thiệt hại lên tới 170 triệu.

Đứng trước sự tàn phá khủng khiếp của trận chiến, Tổng Tử Văn phải tuyên bố, "Nếu Trung hoa phải lựa chọn giữa cộng sản và quân phiệt Nhật Bản thì Trung hoa phải đi theo cộng sản." Tổng Tử Văn rất căm phẫn và tủi nhục khi Trung hoa bị Nhật Bản xâm lăng, thoát đầu là Mãn châu, và bây giờ là Thượng Hải, trong lúc đó hội Quốc Liên không hề lên tiếng can thiệp. Lời tuyên bố nầy lửa của Tổng Tử Văn đã đưa ông vào vị trí chống đối lại Tưởng Giới Thạch.

Đối với Tưởng thì mối lo tâm phúc là cộng sản, và luôn luôn đòi tiền để chi dùng cho những chiến dịch tiêu trừ quân cộng sản. Tổng Tử Văn và giới tài phiệt Thượng Hải rất bất mãn, cho rằng Tưởng đã không nhìn thấy mối nguy thực sự là Nhật Bản. Giới tài phiệt đứng lên tổ chức Phong Trào Chống Nội Chiến, và chống lại việc dùng quân sự để giải quyết những vấn đề chính trị nội bộ. Tuy nhiên Phong trào này không đạt được kết quả mong muốn.

Lộ quân 19 được quần chúng kính phục như những vị anh hùng và Tưởng Giới Thạch rất khó chịu sự kiện này. Tưởng liền ra lệnh cho Lộ quân 19 tiến vào vùng Phúc Kiến để đương đầu với quân du kích cộng sản. Khi đẩy Lộ quân 19 anh hùng ra khỏi Thượng Hải, Tưởng muốn mượn du kích cộng sản tiêu diệt dần đơn vị được quần chúng ngưỡng mộ. Tổng Tử Văn bất mãn và từ chức. Nhưng Tưởng không thể để mất một cây tiền như Tổng Tử Văn, và đi đến một sự dung hoà là Tổng Tử Văn vẫn tiếp tục giữ bộ trưởng tài chánh, và được kiêm thêm chức phó thủ tướng, và được thực sự nắm quyền thủ tướng. Thủ tướng Ôn Tinh Vệ phải tuyên bố từ chức vì lý do sức khoẻ, cần phải đi điều trị tại ngoại quốc, và Tổng Tử Văn đảm nhiệm chức vụ quyền thủ tướng.

Trong khi đó quân Nhật tại Mãn châu đang cố gắng chiếm thêm những vùng đất của tỉnh Hồ Bắc, với danh nghĩa là dẹp quân cộng sản. Tổng Tử Văn cực lực chống lại sự xâm lăng của quân Nhật, và mở chiến dịch tẩy chay hàng hóa Nhật tại khắp lãnh thổ Trung hoa, và lên án hội Quốc Liên làm ngơ trước sự xâm lăng trắng trợn của Nhật. Khi quân Nhật tấn công Hồ Bắc thì chính Tổng Tử Văn đã đích thân lên Hồ Bắc để đối phó với tình thế cùng thống chế Trương Học Lương, trong lúc Tưởng Giới Thạch vẫn im lặng một cách khó hiểu. Tổng Tử Văn trở về Thượng Hải, mở một cuộc bán công phổ phiếu để tài trợ cuộc chiến đấu kháng Nhật. Nhưng Tưởng đã ra lệnh rút quân khỏi thủ phủ Hồ Bắc, bỏ mặc cho quân Nhật tiến chiếm. Đúng lúc đó, Ôn Tinh Vệ được thông báo đã khỏi bệnh, và trở về nắm lại

chức thủ tướng từ tay Tống Tử Văn, và ký một hiệp ước đình chiến với Đông Kinh. Hòa ước này thực ra chỉ là một sự đầu hàng và dâng tỉnh Hồ Bắc cho Nhật Bản.

Tống Tử Văn được một nhà xuất bản Mỹ mời qua Hoa Kỳ. Tại đây Tống đã thành công gây được sự tin tưởng và vay được một ngân khoản 50 triệu mỹ kim. Tống Tử Văn hy vọng phát triển kỹ nghệ Trung hoa. Nhưng khi trở về Trung hoa thì họ Tống bị người Nhật dùng áp lực đòi Tưởng loại Tống ra khỏi chính quyền. Điều tệ hại hơn nữa cho Tống Tử Văn là trong lúc vắng nhà, Tưởng đã xài thâm thủng một số nợ lớn nữa và bắt Tống Tử Văn phải tìm cách bù đắp. Ngày 25-10-1933, Tống Tử Văn và Tưởng Giới Thạch bàn cãi về các biện pháp tìm thêm ngân khoản khẩn cấp. Tưởng buộc tội Tống Tử Văn đã không kiếm đủ tài chánh khiến cho các chiến dịch tiêu diệt cộng sản bị thất bại. Khi Tống Tử Văn cãi lại thì Tưởng nổi nóng, vung tay tát vào mặt họ Tống. Tống Tử Văn đứng dậy bỏ ra về và nộp đơn từ chức bộ trưởng tài chánh và phó thủ tướng. Khi trả lời báo chí, Tống Tử Văn châm biếm rằng mình "mắc bệnh" nên phải từ chức, nhưng khi nói chuyện riêng, họ Tống thú nhận làm bộ trưởng tài chánh không khác gì làm một con chó cho Tưởng Giới Thạch. Dẫu sao người Nhật đã toại nguyện khi Tống Tử Văn không còn trong chính phủ nữa.

Khổng Tường Hy được chọn lên làm bộ trưởng tài chánh thay thế Tống Tử Văn. Trong suốt 11 năm sau đó, Khổng Tường Hy hoàn toàn làm theo lệnh của Tưởng, và hủy hoại tất cả công trình về tài chánh của Tống Tử Văn. Vào năm 1945, vật giá leo thang tới 2,500 phần trăm so với lúc Khổng Tường Hy mới đảm nhận chức bộ trưởng tài chánh. Người Trung hoa phải gánh tiền ra chợ để mua vài trái trứng. Đó là thành quả của bộ trưởng tài chánh Khổng Tường Hy. Những thất bại của Khổng Tường Hy khiến Tưởng Giới Thạch cảm thấy cần phải có một tài năng như Tống Tử Văn. Tưởng cho mời Tống Tử Văn trở lại làm bộ trưởng tài chánh, nhưng Tống Tử Văn từ chối.

Thực ra sau khi bị Tưởng làm nhục, Tống Tử Văn có thể bỏ đi Hương Cảng khuyến khích trương việc kinh doanh và làm một đại tài chủ thế giới, nhưng Tống Tử Văn vốn còn trẻ tuổi, còn nhiều năng lực, và nhất là còn tinh thần ái quốc, nên ông vẫn nán ở lại, mong làm một cái gì cho đất nước. Tưởng Giới Thạch có quyền, nhưng không biết cách tìm ra tiền. Tống Tử Văn biết cách làm đầy túi tiền, nhưng lại không ưa nổi Tưởng, vì thế Tống chỉ nhận làm cố vấn, và muốn Khổng Tường Hy tiếp tục chức bộ trưởng tài chánh làm trái độn giữa

Tường và họ Tống. Tống Tử Văn không muốn nhìn mặt Tường nữa. Sau đó là những đạo luật mới về ngân hàng, bắt các ngân hàng phải đóng một phần tư tài sản của họ vào công khố phiếu chính phủ. Một số ngân hàng lớn chống đối. Nhưng Tường, Khổng Tường Hy và Tống Tử Văn đã hoạch định kế sách quốc hữu hóa các ngân hàng lớn, và anh em nhà họ Tống như Tống Tử Văn, Tống Tử Lương, Tống Tử An và Bố già Đỗ Đại Nhĩ được bổ nhiệm vào các chức vụ điều khiển các ngân hàng mới được quốc hữu hóa. Các ngân hàng mới này được quyền phát hành giấy bạc.

Trong chức vụ mới, Tống Tử Văn có dịp thu đoạt được một tài sản vĩ đại. Người ta đồn Tống Tử Văn có rất nhiều cổ phần trong các công ty General Motors và Du Pont của Mỹ. Bố già Đỗ Đại Nhĩ cũng trở thành "một nhà từ thiện hay giúp đỡ kẻ nghèo" rất nổi tiếng. Số tiền giấy phát hành nhiều hơn số quý kim bảo đảm. Từ năm 1935 đến 1937, tiền giấy được gia tăng từ 453 lên 1477 triệu, mà chỉ một nửa được bảo đảm bằng quý kim như bạc. Còn lại trên 500 triệu chỉ là giấy lộn, không có giá trị gì, do chính phủ in ra để trả nợ. Sau năm 1937, người ta không biết số tiền giấy được in ra là bao nhiêu, vì đó là năm cuối cùng chính phủ Nam Kinh công bố về ngân sách và các sự chi tiêu. Và cũng từ đây nền tài chánh của Trung hoa đi vào một giai đoạn bi thảm nhất trong lịch sử tiền tệ thế giới. Đó cũng là công trình của Tường Giới Thạch và Khổng Tường Hy.

Bố Già Đỗ Đại Nhĩ

Dưới chính quyền Tường Giới Thạch, Bố già Đỗ Đại Nhĩ trở thành một nhân vật "khả kính" của Thượng Hải, điều khiển nhiều ngân hàng lớn, kể cả Trung Quốc Ngân Hàng. Tại bất cứ đâu, người ta cũng thấy ảnh hưởng của Đỗ Đại Nhĩ. Tuy vậy, bản chất của Đỗ Đại Nhĩ vẫn là một người thô bạo của thế giới anh chị. Khi hội đồng tiền tệ được thành lập, Khổng Tường Hy đề nghị Đỗ Đại Nhĩ làm hội viên của hội đồng đó thì viên cố vấn Leith-Ross người Anh phản đối vì tai tiếng của Đỗ Đại Nhĩ. Khổng Tường Hy nói thẳng rằng Đỗ Đại Nhĩ là người cầm đầu giới anh chị đồng hàng ngàn người sẵn sàng tuân lệnh, và có thể gây rắc rối bất cứ lúc nào.

Những cuộc bàn cãi bí mật về tài chánh diễn ra tại nhà Khổng Tường Hy, và thường có Ái Linh tham dự, vì bà là chủ nhân. Ái Linh nghe được tin tức gì thì lập tức báo cho Đỗ Đại Nhĩ. Một lần Ái Linh cho Đỗ Đại Nhĩ biết tin tức về sự thay đổi hối xuất ngoại tệ. Đỗ Đại Nhĩ hiểu làm nên đầu tư làm, và bị mất 50 ngàn bảng Anh, một số tiền

lớn vào thời đó. Đỗ Đại Nhĩ không chấp nhận sự thua thiệt này, và đòi Khổng Tường Hy lấy tiền của Ngân Hàng Trung Ương đền bù cho mình. Khi Khổng Tường Hy từ chối, thì ngay tối hôm đó một cỗ quan tài do sáu người phu nhà đòn khiêng đến đặt trước nhà họ Khổng, một cảnh cáo quyết liệt của Bố già. Lập tức sáng hôm sau, Khổng Tường Hy vội vã triệu tập một buổi họp tại Ngân Hàng Trung Ương, và ngân hàng đồng ý đền bồi cho một "công dân ái quốc" mới bị thua lỗ trên thị trường hối đoái.

Dịch vụ nha phiến của Bố già Đỗ Đại Nhĩ được Tưởng Giới Thạch sử dụng như là một quốc sách. Các sứ quân và chính phủ Nam Kinh tận dụng khai thác nha phiến làm nguồn lợi tức chính yếu. Khi tổ chức độc quyền nha phiến của Nam Kinh đụng độ với khu vực của Đỗ Đại Nhĩ tại Chiết Giang và Giang Tô thì lập tức chính phủ rút lui, không dám đụng chạm tới quyền lợi của Đỗ Đại Nhĩ. Lúc đó các nhà trí thức Trung hoa và tây phương cực lực phản đối việc sử dụng nha phiến quá nhiều tại Trung hoa. Đến năm 1928 thì nha phiến xâm nhập vào mọi tầng lớp người Trung hoa. Phòng thương mại Quý Châu còn dùng nha phiến làm đơn vị hối đoái chính thức. Tại Vân Nam, nơi trồng nhiều nha phiến, 90 phần trăm đàn ông nghiện nha phiến, và con nít sinh ra đã bắt đầu nghiện ngập, vì chúng là sự truyền giống của các bà mẹ nghiện ngập.

Vì sự tranh chấp khu vực buôn bán va chạm nhau nên Tưởng Giới Thạch tìm gặp Đỗ Đại Nhĩ để thương lượng, và hai người đi đến một giải pháp mới. Đỗ Đại Nhĩ được giao phó nhiệm vụ đặc trách tiêu trừ cộng sản, một chức vụ giúp Đỗ Đại Nhĩ tha hồ giết bất cứ ai không ưa, chỉ cần gán cho người đó là cộng sản. Lục Hội của Đỗ Đại Nhĩ được độc quyền bán nha phiến và được chính phủ bảo vệ, ngược lại Đỗ Đại Nhĩ phải đóng thuế trước cho chính phủ Nam Kinh 6 triệu. Sau khi Đỗ Đại Nhĩ trả 6 triệu cho Tống Tử Văn, thì hắn lại đổi ý và đòi lại số tiền đó. Tống Tử Văn liền trả cho Đỗ Đại Nhĩ cả 6 triệu, nhưng bằng công khố phiếu chứ không phải là tiền mặt. Đỗ Đại Nhĩ hiểu rằng công khố phiếu chỉ là giấy lộn. Lập tức một cuộc ám sát Tống Tử Văn xảy ra tại một ga xe lửa. Khi Tống Tử Văn vừa bước ra khỏi sân ga thì súng nổ loạn xạ liên hồi và thuốc súng bốc lên mù mịt. Tống Tử Văn nhào xuống nấp sau một cây cột. Khi tất cả im lặng, Tống Tử Văn trông thấy viên thư ký của mình bị trúng đạn khắp người, nằm chết gục giữa đồng máu, tập tài liệu trong tay viên thư ký cũng rơi tung tóe. Một điều lạ là Tống Tử Văn đứng ngay bên cạnh mà không trúng một viên đạn nào. Thực ra Đỗ Đại Nhĩ chỉ muốn cảnh cáo Tống Tử Văn không được lừa dối mình.

Một trong những vùng sản xuất thuốc phiện giàu nhất là miền bắc Trung hoa, và khi Nhật Bản chiếm vùng này trong những năm đầu của thập niên 1930 thì Tưởng mất hẳn nguồn tài chánh lớn lao ấy. Nhật Bản dùng thuốc phiện nguyên chất của miền bắc Trung hoa để chế tạo chất bạch phiến và có lợi hơn. Tưởng liền cấm người Trung hoa dùng bạch phiến. Và cuối cùng Tưởng kết thúc một hiệp thương với người Nhật Bản, và mua thuốc phiện của Nhật Bản sản xuất tại Trung hoa trong khu vực chiếm đóng của người Nhật.

Bạch phiến là một thứ thuốc vẫn được dùng để chữa trị cho những người muốn bỏ thuốc phiện. Năm 1931, hội Quốc Liên ấn định mức sản xuất bạch phiến, chỉ cho sản xuất dùng cho y học thôi. Cũng năm đó, Bồ già Đỗ Đại Nhĩ khánh thành một nhà tù đường rất lớn, mới xây cất cho dòng họ tại Cao Châu. Lễ khánh thành rất náo nhiệt và tốn kém, kéo dài tới ba ngày, và có hàng ngàn nhân vật quan trọng trong chính phủ tới dự. Tưởng Giới Thạch trao tặng Đỗ Đại Nhĩ một bức chương, ca ngợi sự đóng góp vĩ đại của Đỗ Đại Nhĩ cho nhân loại. Khi buổi lễ khánh thành chấm dứt thì nhà tù đường của Đỗ Đại Nhĩ trở thành một xưởng chế tạo bạch phiến lớn nhất Trung hoa. Xưởng chế tạo bạch phiến này dùng thuốc phiện mua lại của Nhật từ miền bắc Trung hoa. Nhờ công của Đỗ Đại Nhĩ, người Trung hoa được hưởng một nguồn cung cấp bạch phiến rất dồi dào. Người Trung hoa dùng bạch phiến để cai thuốc phiện, nhưng bỏ được thuốc phiện thì họ lại nghiện bạch phiến.

Đỗ Đại Nhĩ trở thành người có nhiều tước vị nhất Thượng Hải. Khi Tưởng Giới Thạch trở thành lãnh tụ Quốc dân đảng thì Đỗ Đại Nhĩ được phong chức đại tướng. Đỗ Đại Nhĩ đã hối lộ chia phần với tổng lãnh sự và cảnh sát trưởng tại tô giới Pháp để được tự do buôn bán bạch phiến. Lần đầu tiên việc này đến tai chính phủ Ba Lệ Lập tức một đô đốc được phái sang dọn dẹp tham nhũng. Đỗ Đại Nhĩ bị loại khỏi hội đồng thành phố. Viên tổng lãnh sự và cảnh sát trưởng chuẩn bị trở về Pháp, dưỡng già với tài sản khổng lồ do Đỗ Đại Nhĩ hối lộ. Đỗ Đại Nhĩ cho rằng đã bị viên tổng lãnh sự và cảnh sát trưởng phản bội. Đỗ Đại Nhĩ liền mời hai người này dự một bữa tiệc tiễn biệt. Đỗ Đại Nhĩ sai bỏ thuốc độc vào đồ ăn, và kết quả là viên tổng lãnh sự và vài người khác chết ngay tại chỗ. Viên cảnh sát trưởng tuy thoát chết, nhưng cũng bị bệnh trong nhiều tuần lễ.

Viên tổng lãnh sự mới tới thay thế hoảng sợ, vội cộng tác với Đỗ Đại Nhĩ, và sai cảnh sát hộ tống tất cả những chuyến giao hàng bạch phiến của Đỗ Đại Nhĩ. Việc làm ăn của Đỗ Đại Nhĩ lại phát đạt như cũ. Tuy nhiên bây giờ Đỗ Đại Nhĩ không thấy cần thiết khu vực

Thượng Hải nhỏ hẹp nữa, trong khi Tưởng cho phép Đỗ Đại Nhĩ được buôn bán tại khắp các khu vực do Quốc dân đảng kiểm soát. Thỉnh thoảng Đỗ Đại Nhĩ cũng nhắc cho chính quyền Nam Kinh biết sự nguy hiểm của mình. Với lợi tức vô cùng lớn lao thu được nhờ dịch vụ bạch phiến, Đỗ Đại Nhĩ bắt đầu khuynh loát chính phủ bằng tiền ấy. Đỗ Đại Nhĩ bỏ tiền mua máy bay của Mỹ và tặng cho chính phủ Nam Kinh từng phi đội. Ngày Tưởng ăn mừng sinh nhật ngũ tuần, Đỗ Đại Nhĩ tặng Tưởng một chiếc phi cơ mới mua, có sơn một hàng chữ "Diệt Trừ Thuốc Phiện Tại Thượng Hải."

Một ký giả Thụy Sĩ phỏng vấn Đỗ Đại Nhĩ và công nhận hẳn là một người quyền lực nhất Trung hoa, một người vừa là trùm du đảng vừa là nhà tài phiệt. Đỗ Đại Nhĩ nắm tất cả mọi dịch vụ về ma túy tại Trung hoa. Các hoạt động ma túy của Đỗ Đại Nhĩ vươn tới tận Bắc Mỹ và Nam Mỹ. Tất cả thư tín gửi qua bưu điện Thượng Hải đều được người của Đỗ Đại Nhĩ đọc và kiểm duyệt trước. Chiến dịch diệt trừ thuốc phiện của Tưởng Giới Thạch được coi như là một trò hề. Tất cả thuốc phiện mà chính phủ của Tưởng tịch thu được đều giao lại cho Ủy ban Diệt trừ Thuốc phiện do Đỗ Đại Nhĩ chỉ huy. Những thuốc phiện này đáng lẽ phải được tiêu hủy đi thì lại tái xuất hiện trên thị trường.

Năm 1936 Bố già Đỗ Đại Nhĩ xin được rửa tội theo đạo Thiên chúa. Mỹ Linh vô cùng xúc động, vì cho rằng Đỗ Đại Nhĩ trở lại đạo là nhờ những buổi đọc kinh và đọc Thánh Kinh theo giáo hội Methodist tại nhà Khổng Tường Hy và Ái Linh. Đỗ Đại Nhĩ chịu lễ rửa tội tại nhà thờ Tổng Charlie Tổng Mỹ Linh tuyên bố về Đỗ Đại Nhĩ vài tuần sau lễ rửa tội, "Ông Đỗ Nguyệt Thăng đang trở thành một tín đồ Thiên Chúa giáo đích thực, vì kể từ ngày ông được rửa tội đến nay, con số người bị bắt cóc tại Thượng Hải giảm xuống rõ rệt."

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 16

Vụ Bắt Cóc Tưởng Giới Thạch

Ngay cả những người Trung hoa thân Nhật cũng phải kinh hoàng trước sự bao vây của Nhật Bản. Khi họ áp lực đòi Tưởng Giới Thạch phải có thái độ rõ rệt với Nhật Bản thì họ chỉ muốn làm dịu bớt sự căng thẳng, chứ không muốn có một sự đụng độ vũ trang với Nhật Bản. Năm 1935 vì chưa sẵn sàng một cuộc chiến tranh toàn diện với

Nhật, Tưởng phải đề nghị ký một hiệp ước thân hữu với Nhật, nhượng lại tất cả quyền lợi thương mại và tô giới của các nước Âu Châu cho Nhật. Đây là một sự nhượng bộ lớn lao mà nhiều người Trung hoa yêu nước cực lực phản đối. Bộ ngoại giao Nhật Bản vội đồng ý chấp nhận ngay, nhưng lúc đó phe quân phiệt Nhật đang thắng thế và đang muốn chinh phục Trung hoa, nên bác bỏ đề nghị của Tưởng.

Đến đó thì Tưởng biết rằng Nhật Bản sắp sửa khai chiến. Ngay từ năm 1931, một cổ văn của Tưởng đã báo động rằng Nhật Bản sẽ chiếm Mãn châu nhiều tháng trước khi sự việc này thực sự xảy ra. Lần này, Tưởng cũng không ngạc nhiên trước thái độ hung hăng của phe quân phiệt Nhật. Tưởng không thiếu vũ khí. Khổng Tường Hy đã sang tận Đức mua về một số lượng vũ khí rất lớn của hãng Krupp. Trung hoa cũng là khách hàng mua vũ khí và phi cơ quan trọng nhất của Hoa Kỳ.

Đúng như người ta dự đoán trước, quân Nhật tấn công và chiếm Thái Nguyên và yêu cầu quân đội Quốc dân đảng rút lui khỏi tỉnh Hà Bắc. Khi quân Quốc dân đảng chịu rút lui thì Nhật Bản lập tức xấp nhập các tỉnh Hà Bắc, Sơn Đông, Sơn Tây, và Sáp Cáp Nhĩ thành một khu tự trị dưới sự kiểm soát của quân Nhật. Quân Nhật làm chủ tất cả vùng đông bắc Trung hoa cho tới tận bên ngoài thành phố Bắc Kinh.

Trong khi đó Mao Trạch Đông và hồng quân Trung hoa trốn khỏi căn cứ sở viết Giang Tây đã đến được Diên An sau cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Lực lượng cộng sản vô cùng suy yếu sau một cuộc đào tẩu gian nan kéo dài cả năm trời. Phe cộng sản lúc này rất cần thời gian để bồi dưỡng sức mạnh và phát triển. Mao rất sợ Tưởng Giới Thạch mở cuộc tấn công ngay, nên phải lôi phe quốc gia chống Nhật hợp tác, như một sự che chở trước sức mạnh của Tưởng. Người Trung hoa ái quốc đặt mục tiêu chống quân xâm lăng Nhật lên trên tất cả. Mao Trạch Đông lợi dụng được lợi điểm đó từ người quốc gia, và biến họ thành đồng minh nhất thời trong lúc lực lượng cộng sản còn quá yếu. Các sinh viên kính phục những người dám chống Nhật, và coi họ là anh hùng. Ngày 9-12-1935, hàng chục ngàn sinh viên tại Bắc Kinh biểu tình đả đảo Nhật Bản. Cuộc biểu tình được toàn quốc chú ý, và bà Khánh Linh cũng từ bỏ cuộc sống ẩn dật tại Thượng Hải, và dẫn thân chiến đấu, thành lập Phong Trào Liên Minh Cứu Quốc.

Mạc tư khoa cũng sợ Nhật Bản nên ra lệnh cho đảng cộng sản Trung hoa chấm dứt việc tuyên truyền chống Tưởng Giới Thạch, và phải

kết hợp với Quốc dân đảng thành một mặt trận thống nhất. Mao Trạch Đông phản đối lệnh của Nga xô, nhưng chưa đủ mạnh để cưỡng lệnh. Mao đành phải miễn cưỡng tìm cách liên lạc với Tưởng qua thống chế Trương Học Lương. Quân của Trương Học Lương đóng tại vùng biên giới tây bắc, bên cạnh căn cứ của cộng quân. Trương Học Lương là một sứ quân thông minh, khác hẳn các sứ quân khác là những kẻ vừa độc ác tham lam vừa thiển cận tự tôn. Sau một tuổi trẻ trác táng tại Mãn Châu và Âu Châu, Trương Học Lương nghiện thuốc phiện. Người ta thấy có dấu hiệu những thuốc phiện của Trương Học Lương dùng đã được bào chế để hủy hoại tinh thần viên sứ quân trẻ tuổi. Trùm mật vụ Thái Lý của Tưởng Giới Thạch rất thiện nghệ đầu độc đối thủ của Tưởng bằng thuốc phiện. Sau khi thân phụ là sứ quân Trương Tác Lâm bị quân Nhật ám sát năm 1928, Trương Học Lương đã liên kết với Tưởng Giới Thạch vì lòng ái quốc bùng bột, và cũng muốn trả thù nhà. Nhưng Tưởng Giới Thạch đã ngăn cản không cho Trương Học Lương bảo vệ Mãn châu chống lại quân Nhật, và sau đó Tưởng đổ lỗi cho Trương Học Lương làm mất Mãn Châu. Sau đó Tưởng dùng Trương Học Lương làm vật tế thần mỗi khi quân Nhật chiến thắng. Trương Học Lương đành phải từ bỏ mọi chức vụ và tìm lẩn quên trong khói thuốc phiện. Một cố vấn người Úc hết sức khuyên Trương Học Lương sang chữa trị bệnh nghiện thuốc phiện tại Âu Châu. Năm 1934, từ Âu Châu trở về, Trương Học Lương là một người hoàn toàn khác hẳn trước. Sự yếu đuối ủy mị với thuốc phiện nay được thay thế bằng một tinh thần quốc gia mãnh liệt. Trương Học Lương tin rằng phải cứu nước Trung hoa bằng cách khuyến dụ Tưởng Giới Thạch phải cứng rắn với Nhật Bản. Trương Học Lương đã bàn cãi vấn đề này với Tổng Tử Văn, và hai người thấy rằng chỉ có một cuộc đảo chánh mới thay đổi được tình thế.

Đầu năm 1936, Trương Học Lương âm thầm ra lệnh cho quân của mình tại biên giới không được tấn công quân cộng sản. Trương Học Lương tin rằng phần lớn những người đi theo cộng sản là vì Tưởng Giới Thạch và các thế lực ngoại bang đã đưa Trung hoa đến chỗ suy đồi. Trương Học Lương quyết định rằng người Trung hoa sẽ không bắn giết lẫn nhau trong khi quân ngoại xâm đang tàn phá đất nước. Thực ra bất cứ ở đâu, cộng sản Trung hoa cũng lợi dụng những tấm lòng ái quốc chân thành nhưng ngây thơ như Trương Học Lương để chiến thắng, và khi người quốc gia nhận chân được cộng sản thì thường quá trễ rồi.

Tháng 6 năm đó, Trương Học Lương bí mật gặp Chu Ân Lai, và bàn

thảo xem hai bên có thể quên được những mối bất đồng, để có thể phát triển được một chiến lược chung không. Lúc đó phe cộng sản còn quá yếu, và rất cần sự liên kết với các lực lượng quốc gia để sinh tồn, và chờ thời gian phục hồi được sức mạnh. Cả Chu Ân Lai và Trương Học Lương đều tin rằng giải pháp duy nhất là thành lập một mặt trận thống nhất. Trương Học Lương rất trọng lời hứa. Ngay lập tức Trương Học Lương ra lệnh mọi hành động quân sự chống lại cộng sản ngưng hẳn, và thiết lập một sự liên lạc giữa hai bộ tham mưu, và văn phòng của Phong Trào Liên Minh Cứu Quốc được tổ chức khắp miền tây bắc Trung hoa.

Phe Tưởng Giới Thạch phong thanh biết được sự khác lạ của vùng biên giới tây bắc, nhưng các điệp viên của Thái Lý không biết rõ sự hợp tác của Trương Học Lương và cộng sản như thế nào. Vào đúng lúc Tưởng định tung ra chiến dịch tiêu diệt cộng sản, thì các điệp viên chỉ báo cáo cho Tưởng biết các tư lệnh của vùng tây bắc không thể tin tưởng được nữa. Mối ưu tư tâm phúc của Tưởng là cộng sản, chứ không phải là quân xâm lăng Nhật Bản. Tưởng rất nhạy cảm trong công cuộc chống cộng, và cho rằng việc Nhật Bản chiếm một phần đất Trung hoa chỉ là một sự thua thiệt nhất thời. Tưởng tin rằng trước sau gì người Trung hoa cũng đánh đuổi được quân Nhật. Nhưng hiểm họa cộng sản mới thực là lâu dài và khó chữa. Chính vì thế, Tưởng quyết định bay lên Tây An với mục đích hăm dọa Trương Học Lương phải thi hành lệnh tấn công quân cộng sản.

Khi Tưởng Giới Thạch tới nơi, Trương Học Lương đề nghị nên bãi bỏ chiến dịch diệt cộng, và phải thành lập một mặt trận chung với phe cộng sản để chống kẻ thù chung là quân xâm lăng Nhật Bản. Trương Học Lương nhấn mạnh lúc đó là thời cơ của một cuộc chiến tranh cứu nước chứ không phải là lúc mở một cuộc nội chiến. Tưởng nổi cơn lôi đình và bỏ về tổng hành dinh Quốc dân đảng tại Lạc Dương, cách xa Tây An 300 cây số. Trương Học Lương đi theo để tranh luận thì Tưởng giận dữ mắng nhiếc Trương Học Lương là một người quá ngây thơ.

Ngày 4-12-1936, Tưởng quay trở lại Tây An, và thông báo sẽ tiến hành chiến dịch tiêu diệt cộng sản vào ngày 12-12. Tưởng sẽ bổ nhiệm một tướng tư lệnh mới tại vùng tây bắc, và chuyển Trương Học Lương về miền nam cùng với quân đội và thuộc hạ của Trương Học Lương. Trương Học Lương và Dương Hổ Thành cố gắng trình bày những lý lẽ xin Tưởng tái xét lại quyết định trên, nhưng Tưởng tức giận bước ra khỏi phòng, và cùng vệ sĩ lái xe tới vùng suối nước nóng tại đồi Ly Sơn, cách Tây An 12 dặm. Suối nước

nóng này nổi tiếng từ đời nhà Đường. Chính tại đây Đường Minh Hoàng thường đứng dưới hàng liễu rủ để ngắm Dương Quý Phi tắm. Cũng chính tại đây tướng An Lộc Sơn cũng thường tới tắm chung với Dương Quý Phi, và cũng vì thế An Lộc Sơn phản loạn nhà Đường để chiếm Dương Quý Phi, người được coi là đẹp nhất đời Đường, và là một trong Tứ Đại Mỹ Nhân của Trung hoa. Trương Học Lương và Dương Hổ Thành nhận thấy tình trạng nguy hiểm của họ. Nếu họ không làm gì cả thì sẽ mất địa vị hiện tại của họ và khi về miền nam, họ sẽ trở thành những người bất lực. Chính Dương Hổ Thành đã đi tới giải pháp bắt cóc Tướng Giới Thạch để bắt buộc phe Quốc dân đảng phải nhượng bộ, không tấn công phe cộng sản nữa, và tập trung tất cả sức mạnh chống lại ngoại xâm.

*

Tướng Giới Thạch có thói quen dậy sớm, và đứng khoanh tay trước cửa sổ mỗi buổi sáng. Sáng ngày 12-12 tại vùng nghỉ mát đồi Ly Sơn, Tướng cũng dậy sớm, tháo bộ răng giả đặt lên bàn ngủ cạnh giường và đứng trước cửa sổ một giờ. Nơi cư ngụ của Tướng được 50 vệ sĩ canh gác, do một sĩ quan nổi tiếng khát máu chỉ huy. Đúng 5:30 sáng, Tướng đang đứng im lặng, nhìn ra rặng núi xa, bên ngoài bức tường hoa của vườn sau, thì 4 xe vận tải lớn chở 120 binh sĩ đến trước cổng. Viên tiểu đoàn trưởng ra lệnh mở cổng. Khi người gác cổng từ chối không chịu mở cổng thì binh sĩ bên ngoài nổ súng. Tướng Giới Thạch giật mình khi nghe tiếng súng nổ. Tướng hoảng hốt tưởng là một cuộc phản loạn của binh sĩ cộng sản. Súng nổ mỗi lúc một rát hơn, rồi ba vệ sĩ thân tín chạy vào phòng yêu cầu Tướng phải trốn. Tướng vội vàng vùng chạy ra cửa sau, quên cả bộ răng giả trên bàn ngủ. Khi chạy tới cuối vườn, ba vệ sĩ khiêng Tướng lên và đẩy Tướng ra bên ngoài bức tường. Tướng té xuống đất, xương sống bị treo và một bên mắt cá chân bị súng tấy. Vùng đồi phía sau đầy sỏi và gai góc. Tướng hoảng sợ chạy ngược lên đỉnh đồi, chân đạp cả vào gai góc. Mắt cá chân và xương sống Tướng mỗi lúc một đau đớn hơn. Trong khi đó cuộc lục soát đi tìm kiếm Tướng vẫn tiếp tục. Tất cả 50 vệ sĩ của Tướng bị bắn chết từng người một, khi toán binh sĩ tiến vào lục soát các phòng. Khi biết chắc Tướng đã bỏ chạy rồi thì toán binh sĩ bắt viên chỉ huy vệ sĩ của Tướng về Tây An, và đóng đinh hắn lên cổng thành.

Toán quân phản loạn biết chắc Tướng phải chạy lên đồi, nên tiểu đoàn bao vây ngọn đồi, và dàn thành hàng ngang tiến lên lục soát. Sau hai lần lục soát, toán quân phản loạn vẫn không tìm thấy Tướng.

Họ trở lại căn nhà nghỉ mát của Tưởng và tìm thấy bộ răng giả của Tưởng, cùng với cuốn nhật ký và một số tài liệu. Phải mất bốn giờ nữa, vào khoảng 9 giờ sáng, một tiểu đội phản loạn tình cờ trông thấy Tưởng đang cố nằm nép sát vào một khe núi bên trong. Tưởng lạnh run, mệt mỏi và đau đớn vì những vết thương ở chân và xương sống. Một người lính nhảy xuống, vác Tưởng lên khỏi hang rồi cả bọn khiêng Tưởng xuống đồi. Tưởng được xe hơi chở về Tây An, và được một đội quân nhạc dàn chào. Trương Học Lương tiến ra và dẫn Tưởng vào một căn phòng ngủ, tại đó một bác sĩ đang chờ sẵn để săn sóc vết thương cho Tưởng. Cuộc phản loạn thành công hoàn toàn, và quân sĩ của tướng Dương Hổ Thành ăn mừng chiến thắng này bằng ba ngày cướp bóc dân chúng quanh vùng.

Trương Học Lương đánh điện ra lệnh cho một lữ đoàn của mình phải chiếm phi trường Lạc Dương, nằm cách Tây An 300 cây số. Trương Học Lương sợ rằng nếu không chiếm được Lạc Dương thì Quốc dân đảng sẽ sử dụng phi trường đó để oanh tạc Tây An. Viên lữ đoàn trưởng phản đối lệnh của Trương Học Lương, và đưa bức điện tín cho viên tư lệnh Quốc dân đảng. Phi trường Lạc Dương liền được canh phòng cẩn mật, và Nam Kinh được thông báo những gì đang xảy ra tại Tây An. Quân Quốc dân đảng lập tức chiếm giữ Đông Quận, kiểm soát đèo chiến lược nằm giữa Sơn Tây và Thiểm Tây. Nhưng quân phản loạn cũng chiếm được Lan Châu, thủ đô tỉnh Cam Túc, bảo vệ được hậu phương của phe phản loạn. Trương Học Lương công bố một điện tín có chữ ký của các lãnh tụ phản loạn, yêu cầu chính phủ Nam Kinh thì hành những yêu sách sau đây: chấm dứt nội chiến, phóng thích tù chính trị, cho phép tự do biểu tình ái quốc, cho phép các cuộc tụ họp chính trị, phải thi hành tức khắc chúc thư của Tôn Dật Tiên, và triệu tập Đại Hội Cứu Quốc ngay.

Từ lúc bị bắt, Tưởng Giới Thạch hoàn toàn khùng hoảng. Tưởng từ chối không chịu ăn, không chịu ra khỏi giường. Trương Học Lương đề nghị chuyển Tưởng tới một nơi cư ngụ sang trọng hơn, nhưng Tưởng im lặng không trả lời. Mãi tới ngày 14-12, một cố vấn người Úc đến Tây An để dàn xếp, Tưởng mới chịu chuyển sang một tư gia. Trong khi đó thì phe thân Nhật trong chính phủ Nam Kinh do bộ trưởng quốc phòng cầm đầu, phái quân đội chính phủ tiến tới bao vây Tây An, dự định dùng bộ binh, pháo binh và không quân tấn công Tây An, lách cớ để giải thoát Tưởng, nhưng thực ra là để diệt Tưởng để lên thay Tưởng.

Tại Thượng Hải, Tổng Mỹ Linh ngất xỉu khi nghe tin chồng bị bắt cóc. Khổng Tường Hy vội nắm chức quyền thủ tướng, nhưng người ta

không biết lập trường của ông ta ngã về phe nào. Phe anh chị của Bố già Đỗ Đại Nhĩ thì ủng hộ bộ trưởng quốc phòng Hà Ứng Khâm, đòi hỏi biểu dương lực lượng tiến về Tây An. Giới anh chị cũng muốn loại bỏ Tưởng để dễ kiểm soát quyền hành. Nhưng Tổng Mỹ Linh đã mau lẹ tới Nam Kinh để ngăn cản bộ trưởng quốc phòng mở cuộc tấn công vào Tây An. Mỹ Linh nói với bộ trưởng quốc phòng:

"Tôi kêu gọi các ông, không phải với tư cách một người đàn bà lo lắng cho sự an nguy của chồng, nhưng với tư cách một người công dân có một thái độ thực tế, để có được một giải pháp ít tổn kém nhất cho một vấn đề quốc gia trọng đại. Nhưng những gì quý vị đề nghị thi hành ngày hôm nay sẽ thực sự gây ra nguy hiểm cho Tưởng thống chế. Vì trong tâm hồn quần chúng cũng như trong tâm hồn tôi, sự an nguy của Tưởng thống chế không thể tách ra khỏi sự đoàn kết và sự tồn tại của quốc gia này vào giai đoạn trọng đại nhất của lịch sử, thì không nên bỏ lỡ bất cứ một cơ hội có thể tìm được sự giải cứu Tưởng thống chế bằng phương tiện hoà bình."

Trong khi đó, Khổng Tường Hy lên đài phát thanh tuyên bố, "Chúng ta rất quan tâm tìm cách cứu Tưởng thống chế. Tuy nhiên thái độ của chúng ta là không nên để sự an nguy của một cá nhân can dự vào quốc sách." Khổng Tường Hy có thể đứng hẳn vào phe Bố già Đỗ Đại Nhĩ, hay lời tuyên bố này nhằm mục đích không cho đối phương khai thác được sự bất cóc Tưởng. Nhưng dù lý do nào đúng thì Tưởng Giới Thạch cũng rất hoảng sợ. Tưởng sai một cộng sự viên thân tín nhất bay về Nam Kinh với mệnh lệnh cấm tấn công vào Tây An. Tuy nhiên mười một sư đoàn Quốc dân đảng đang bao vây Tây An, và tất cả phi cơ của Quốc dân đảng đều tập trung tại Lạc Dương, sẵn sàng đợi lệnh tấn công.

Tại Tây An, Tưởng bướng bỉnh bác bỏ tất cả 8 yêu sách của phe phản loạn. Dương Hổ Thành và các tướng phản loạn khác đòi bắn chết Tưởng Giới Thạch, nhưng Trương Học Lương cố gắng ngăn cản họ. Tại tổng hành dinh cộng sản, cách Tây An 300 cây số, Mao Trạch Đông rất hồ hởi nghe tin Tưởng bị bắt cóc. Mao tuyên bố trước các cán bộ, "Kể từ ngày 12-4-1927, Tưởng Giới Thạch nợ chúng ta một món nợ máu cao hơn núi. Đây chính là lúc phải thanh toán món nợ máu này. Phải đưa Tưởng Giới Thạch về Bảo An và giao cho tòa án nhân dân xét xử."

Chu Ân Lai thì chờ lệnh của Mạc tư khoa để về Tây An đại diện phe cộng sản. Mạc tư khoa ra lệnh cho cộng đảng Trung hoa phải hòa giải với phe Quốc dân đảng, và phải bảo vệ sinh mạng cho Tưởng Giới Thạch. Chu Ân Lai phải đạt được sự hòa giải với Quốc dân

đảng. Stalin nhấn mạnh phải thả Tưởng Giới Thạch thì mới mong thành lập được mặt trận thống nhất chống Nhật, vì mối lo hàng đầu của Nga sô là quân phiệt Nhật Bản sẽ tấn công Nga sô. Các phe phái tại Trung hoa phải đoàn kết với nhau và cầm chân quân phiệt Nhật tại Trung hoa. Nếu Trung hoa thất bại, không ngăn cản được quân Nhật tại Trung hoa thì quân Nhật sẽ tiến tới biên giới Nga sô. Mao Trạch Đông rất căm phẫn chịu thua lệnh của Stalin và mất cơ hội giết Tưởng Giới Thạch để trả thù. Về phía Nhật Bản thì rất bình tĩnh và thỏa mãn, vì cả thế giới được chứng kiến sự bất lực của người Trung hoa.

Việc bắt cóc Tưởng Giới Thạch có lẽ là âm mưu của Tống Tử Văn. Tống Tử Văn bất mãn thái độ quá mềm yếu của Tưởng đối với Nhật Bản, và cũng để trả thù cái bạt tai trước kia. Khi việc giải thoát cho Tưởng có vẻ bế tắc, thì Tống Tử Văn đứng ra giải quyết. Bộ trưởng quốc phòng Quốc dân đảng thông báo cho đại sứ Nhật biết chiến dịch trừng phạt Tây An sẽ tiến hành như đã định trước, và tức giận yêu cầu Tống Tử Văn không được xen vào công việc của chính phủ. Tống Tử Văn xác nhận có quyền can thiệp vào việc nước, và không cần phải tuân lệnh bộ trưởng quốc phòng, vì ông là một công dân chứ không phải là một người lính. Tống Mỹ Linh vội làm dịu bộ trưởng quốc phòng Hà Ứng Khâm bằng cách đồng ý không đi Tây An theo Tống Tử Văn.

Khi Tưởng Giới Thạch thấy Tống Tử Văn đưa cho một lá thư của Mỹ Linh, trong đó chỉ vắn tắt vài dòng chữ, "Nếu trong vòng ba ngày Tống Tử Văn không trở về Nam Kinh thì em sẽ tới Tây An để sống và chết cùng với mình", thì Tưởng thống chế nổi tiếng tàn ác của Quốc dân đảng xúc động quá đến nỗi òa lên khóc nức nở. Tống Tử Văn bảo Trương Học Lương đi ra ngoài để ông nói chuyện riêng với Tưởng.

Tưởng cho Tống Tử Văn biết quân phản loạn thay đổi thái độ với ông sau khi đọc hết cuốn nhật ký của ông. Trong nhật ký, Tưởng viết sẽ tận lực đánh đuổi quân ngoại xâm Nhật Bản, sau khi diệt xong cộng sản. Tưởng cho Tống Tử Văn biết mối nguy hiểm chính không phải là ở nhóm phản loạn, mà là phe thân Nhật trong chính phủ Nam Kinh, đang muốn tấn công tiêu diệt Tây An và giết cả Tưởng một thể. Đêm đó Tống Tử Văn và Trương Học Lương cùng đến bàn luận với Tưởng Giới Thạch. Tống Tử Văn cho biết phải giải quyết vấn đề gấp rút. Chính phủ Nam Kinh chỉ cho hưu chiến ba ngày. Sau đó cuộc tấn công dữ dội sẽ bắt đầu. Cuối cùng sau 24 giờ thảo luận, Tưởng đành nhượng bộ, chấp nhận toàn bộ 8 yêu sách của phe phản loạn. Tống

Tử Văn vội trở về Nam Kinh và đưa Mỹ Linh cùng với trùm mật vụ Thái Lý lên Tây An. Mỹ Linh đem theo cả người đầu bếp. Mỹ Linh có thói quen không bao giờ đi xa mà không mang theo đầu bếp, không phải vì bà kén ăn, mà vì sợ bị đầu độc. Chính trường Trung hoa vào những năm 1930 đầy rẫy những vụ đầu độc đối thủ chính trị.

Khi Mỹ Linh bước xuống phi cơ, Trương Học Lương trình trọng cúi gập người xuống chào Mỹ Linh. Trương kia Trương Học Lương cũng là một trong những người muốn lấy Mỹ Linh làm vợ. Bây giờ Trương Học Lương lại là người bắt cóc chồng Mỹ Linh. Họ Trương đưa Mỹ Linh tới gặp Tưởng ngay. Vật đầu tiên Mỹ Linh đưa cho Tưởng là một bộ răng giả. Ngày hôm sau, Tưởng ngồi tiếp các sứ quân đến chào. Người lo lắng nhất là Dương Hổ Thành và các tướng tư lệnh trong vùng, những người trực tiếp chỉ huy vụ bắt cóc. Chu Ân Lai khuyên Dương Hổ Thành nhận một món tiền thật lớn của Tống Tử Văn và đem gia đình trốn sang sống tại Âu Châu.

Chu Ân Lai tới và thương thảo với Tưởng Giới Thạch liên tiếp hai ngày. Chu Ân Lai vẫn gọi Tưởng là "Chỉ huy trưởng" như lúc còn làm việc dưới quyền Tưởng tại trường võ bị Hoàng Phố. Về sau Tưởng khen Chu Ân Lai là một người cộng sản biết điều nhất. Tống Mỹ Linh cũng rất phấn khởi khi nghe Chu Ân Lai nói, "Trong hiện tình của đất nước, không ai ngoài Tưởng thống chế có thể lãnh đạo quốc gia" Mỹ Linh cũng đề nghị với Chu Ân Lai, "Tất cả những vấn đề nội bộ của Trung hoa nên giải quyết bằng phương tiện chính trị chứ không nên dùng vũ lực. Chúng ta cùng là người Trung hoa cả mà."

Sau khi Tống Tử Văn trao tiền cho phe phản loạn thì Tưởng Giới Thạch được tự do tới phi trường Lạc Dương để trở về Nam Kinh. Tưởng đem theo cả thống chế Trương Học Lương về Nam Kinh để trị tội. Mấy tháng sau đó, phe Quốc dân đảng coi việc giải thoát được cho Tưởng là một chiến thắng lớn. Tuần báo Time của Mỹ bầu Tưởng và Mỹ Linh là cặp vợ chồng số một của năm 1938, và đăng hình hai người lên bìa báo.

Hành động theo Tưởng Giới Thạch trở về Nam Kinh của Trương Học Lương được nhiều người coi là thiếu suy nghĩ. Đáng lẽ Trương Học Lương phải ở lại vùng tây bắc, và phải tránh xa Tưởng. Tuy nhiên sau này Mao Trạch Đông cho biết đó là điều kiện của Tưởng khi chấp nhận 8 yêu sách của phe phản loạn. Tưởng cần phải bắt Trương Học Lương về Nam Kinh để rửa tiếng xấu bị bắt cóc. Chính Trương Học Lương vì lòng ái quốc và đại cuộc, đã lên tiếng nhiều lần trước quần chúng, chấp nhận mọi lỗi lầm trong vụ Tây An. Trương Học Lương thoát đầu tạm trú trong nhà Tống Tử Văn, và được nhiều

người cho là đã có công lớn đối với tổ quốc, vì chính Trương Học Lương đã tạo ra Mặt trận Thống nhất để chống lại Nhật Bản. Tuy nhiên Tưởng Giới Thạch không bao giờ tha thứ cho viên thống chế trẻ tuổi và ái quốc này vì tội đã làm nhục ông, và làm hỏng kế hoạch tiêu diệt cộng sản của ông. Việc bắt cóc tại Tây An đã ám ảnh tâm trí Tưởng Giới Thạch trong nhiều năm sau đó, và đó là khởi đầu cho chiến thắng của cộng sản. Điều đáng sợ cho Tưởng là Trương Học Lương được quần chúng kính nể và là người có nhiều đức tính để trở thành một nhà lãnh đạo tối cao, thay thế Tưởng, trong khi Tưởng là một người có quá nhiều vết nhơ trước mắt quần chúng. Vì thế Trương Học Lương không thể sống tự do được. Tưởng ra lệnh quân thúc Trương Học Lương tại gia và giao cho trùm mật vụ Thái Lý canh giữ.

Các cố gắng của bạn bè Trương Học Lương, trong đó có cả Tống Tử Văn, can thiệp xin Tưởng trả tự do cho Trương Học Lương đều thất bại. Trong lúc đó mật vụ canh giữ Trương Học Lương được lệnh bắt Trương Học Lương phải hút thuốc phiện. Trong suốt thời gian bị cầm tù, Trương Học Lương chăm chú nghiên cứu lịch sử của đời nhà Minh. Người đồng mưu với Trương Học Lương bắt cóc Tưởng Giới Thạch là tướng Dương Hổ Thành cũng bị Tưởng bắt được khi ông này ở Âu Châu lén trở về Trung Hoa thăm nhà. Dương Hổ Thành không được biệt đãi như Trương Học Lương, mà bị trùm mật vụ Thái Lý hành hạ suốt mười một năm trước khi bị giết chết. Vợ của Dương Hổ Thành tuyệt thực phản kháng đòi trả tự do cho chồng. Tưởng Giới Thạch để mặc cho vợ Dương Hổ Thành nhịn đói mà chết. Nhiều năm sau, bà Tống Khánh Linh nói về việc bắt cóc Tưởng Giới Thạch như sau, "Việc làm của Trương Học Lương rất đúng. Nếu tôi ở địa vị của Trương Học Lương, tôi cũng sẽ làm như vậy. Điều khác duy nhất là tôi sẽ không thả Tưởng Giới Thạch."

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 17 Vai Trò Của Tống Mỹ Linh

Trong biến cố Tây An, một số cộng sự thân tín của Tưởng Giới Thạch tại Nam Kinh chủ trương oanh tạc Tây An mà không đếm xỉa tới sự an nguy của Tưởng. Khi được trả tự do, Tưởng quyết định không giao phó lực lượng không quân cho những người cộng sự này

nữa. Tổng Mỹ Linh ngỏ ý thích điều khiển không lực Quốc dân đảng và được Tưởng đồng ý chấp thuận. Thế là cô con gái út của Tổng Giáo Nhân trở thành tư lệnh của một binh chủng mới, nhưng cực kỳ quan trọng trong chiến tranh hiện đại.

Việc đầu tiên mà bà tân tư lệnh không quân Tổng Mỹ Linh làm là thuê cựu phi công Mỹ Roy Holbrook làm cố vấn. Mỹ Linh hỏi ai có khả năng giúp không lực Quốc dân đảng thì Holbrook tiến cử Claire Lee Chennault, một người có một quá trình rất sóng gió. Chennault tới Trung hoa năm 1937, và phục vụ cho Mỹ Linh trong một thời gian thật lâu dài, và được gọi là Tướng Cọp Bay.

Lúc đó không lực Quốc dân đảng do các chuyên viên Ý huấn luyện, theo một hợp đồng với Khổng Tường Hy, và có một nhà máy Fiat hỗ trợ. Theo Holbrook thì người Ý đã thành công phá hoại không lực Trung hoa. Tại trường huấn luyện, bất cứ phi công Trung hoa nào làm cho phi cơ bay được là đủ điều kiện tốt nghiệp. Không lực có khoảng 500 phi cơ, nhưng chỉ chừng 100 phi cơ bay được. Quả thực các phi cơ Quốc dân đảng lúc đó nguy hiểm cho phi công hơn là cho quân địch.

Hai tháng sau khi Chennault tới thì quân Nhật mở cuộc tấn công Bắc Kinh. Nhật mở rộng chiến tranh tới tận Thiên Tân và Thượng Hải. Đây là cơ hội cho Chennault xử dụng không lực mới được tổ chức lại. Các phi công Trung hoa có tinh thần cao và nhiệt tình yêu nước nhưng thiếu kinh nghiệm, nhưng đã bay những phi vụ rất can đảm. Rất ít phi công trở về được căn cứ. Mỹ Linh thấy không thể tiếp tục như thế, vì sẽ phí phạm các thanh niên ưu tú Trung hoa một cách vô ích. Bà yêu cầu Chennault thuê nhiều phi công kinh nghiệm ngoại quốc cho đến khi phi công Trung hoa được huấn luyện thành thạo. Thoạt đầu một số phi công Nga sang giúp quân đội của Tưởng, vì Nga sợ rất sợ Nhật bản thành công tại Trung hoa. Nhưng về sau Nga sợ là trợ giúp Trung hoa vì phải bận tâm tới chiến tranh tại Âu Châu hơn, và chỉ có Hoa Kỳ mới có đủ phương tiện trợ giúp được cho Quốc dân đảng. Mỹ Linh viết nhiều bài báo kêu gọi độc giả Mỹ hậu thuẫn cho việc viện trợ cho quân đội Trung hoa. Mỹ Linh được tờ Time hỗ trợ trong việc vận động quần chúng Mỹ.

Khi Nhật Bản tấn công các tỉnh đông bắc Trung Hoa thì Tổng Tử Văn tiên đoán trong ba tháng Nhật Bản sẽ bị phá sản và có nội loạn. Nhưng ba tháng sau, Tổng Tử Văn phải yêu cầu hải quân Mỹ lên đưa ông ta ra khỏi Thượng Hải. Lúc đó Thượng Hải nằm trong tay quân Nhật. Trong lúc Hoa Thịnh Đốn đang nghiên cứu đề nghị dẫn Tổng Tử Văn trốn khỏi Thượng Hải thì họ Tổng nhờ nhóm anh chị

Lục Hội giúp ông thoát hiểm, và dĩ nhiên phải trả công cho Lục Hội rất hậu.

Trong năm 1938, quân Nhật đuổi Tưởng Giới Thạch và chính phủ Quốc dân đảng phải tháo chạy khỏi Nam Kinh, và tàn sát ba trăm ngàn dân chúng tại Nam Kinh. Tưởng và chính phủ Quốc dân đảng chạy tới Vũ Hán, rồi chạy một hơi thêm 500 dặm nữa, tới một nơi thật an toàn mà không một quân đội ngoại quốc nào có thể xâm nhập được. Đó là vùng núi non của Tứ Xuyên, và Tưởng thiết lập chính phủ tại Trùng Khánh, một thị trấn nhỏ bé nghèo nàn trên bờ sông Dương Tử. Trên đường chạy tới Trùng Khánh, chế độ Quốc dân đảng đã "giải phóng", "bảo hộ", và "tịch thu" rất nhiều tiền bạc của cải của mọi tổ chức tư nhân khác nhau và các nhà giàu. Nhưng đến mùa xuân năm 1940, Tưởng lại thiếu tiền, và Khổng Tường Hy lại phải in hàng trăm triệu tiền giấy tại Hương Cảng, và chở tới Trùng Khánh. Mọi người đều biết tiền giấy đó vô giá trị. Cuộc chinh phục của người Nhật đã tạm thời làm gián đoạn đường giấy bạc phiến, và cắt giảm nguồn lợi tức quan trọng nhất của Tưởng, trong lúc Tưởng rất cần tiền để mua khí giới ngoại quốc, và cũng để trả cho các sứ quân với mục đích mua chuộc và giữ lòng trung thành của họ.

Vì thế tháng 6-1940, Tống Tử Văn được cử sang Hoa kỳ để tìm cách vay tiền của người Mỹ. Nhưng Tống Tử Văn không ưa thích những điều Tưởng làm, vì thế Tống Tử Văn ở lại Hoa kỳ trên hai năm cùng với vợ con. Nhiệm vụ đầu tiên của Tống Tử Văn là lấy được số tiền ứng trước 50 triệu cho việc xuất cảng tung-ten của Trung hoa.

Nhưng lúc đó mối quan tâm của Hoa Kỳ là Âu Châu và Hitler. Tống Tử Văn trình bày cho người Mỹ biết công cuộc bảo vệ Trung hoa của Tưởng Giới Thạch là một cuộc chiến đấu can trường chống lại quân Nhật man rợ, do các tướng Quốc dân đảng có khả năng và nhiệt tâm thực hiện. Tháng 4-1938, Tướng Quốc dân đảng Lý Tông Nhân đã chứng tỏ quân đội Trung hoa có thể đánh bại được quân Nhật. Trong trận này quân Nhật bị thiệt hại nặng nề, nhưng Tưởng ra lệnh cho Lý Tông Nhân không được đuổi theo quân Nhật. Điều đáng buồn là quân đội Quốc dân đảng không có nhiều tướng tài như Lý Tông Nhân.

Tưởng Giới Thạch một lúc phải chống lại hai kẻ thù, và kẻ thù quan trọng nhất không phải là quân xâm lăng Nhật Bản, mà là quân cộng sản đang chiến đấu dưới chiêu bài ái quốc. Tưởng điều động trên một triệu quân án ngữ quân cộng sản tại vùng tây bắc. Những nạn nhân chính trong cuộc chiến tay ba này là dân chúng vô tội. Sử gia người Pháp Jean Chesneaux đã ghi lại thảm cảnh của người Trung

hoa trong cơn khói lửa như sau:

"Nổi thống khổ gây ra bởi sự tàn ác của quân Nhật, và các tai họa do sự bắt tài của Quốc dân đảng thực là kinh khủng. Một trong những cố gắng của Tưởng nhằm ngăn chặn bước tiến của quân Nhật là giật mìn phá đê sông Hoàng Hà. Vì không được báo trước nên ba tỉnh, 11 thành phố và bốn ngàn làng đã bị ngập lụt, hai triệu người mất nhà cửa và mùa màng bị phá hủy. Dầu vậy quân Nhật cũng chỉ bị chặn lại chừng ba tuần lễ thôi. Việc phá đê sông Hoàng Hà có nhiều ký giả ngoại quốc chứng kiến, nhưng chính phủ của Tưởng lên tiếng đổ lỗi cho quân Nhật."

Khi Tưởng bị bắt cóc và bắt buộc phải thành lập Mặt Trận Thống Nhất với quân cộng sản, thì quân cộng sản được tập hợp thành Bát lộ quân do Chu Đức chỉ huy. Nhưng Bát lộ quân cố tránh né không đụng trận với quân Nhật, để bảo toàn lực lượng. Quân cộng sản chỉ dùng chiến thuật du kích để tránh thiệt hại về quân số, trong khi đó ra sức tuyển mộ thêm quân cho Bát lộ quân. Tại nhiều nơi, quân cộng sản và quân Nhật đóng gần nhau, trông thấy nhau, nhưng hai bên đều không nổ súng. Phần lớn những cuộc giao tranh dữ dội chỉ xảy ra giữa quân Nhật và quân Quốc dân đảng. Phe cộng sản chỉ lo chuẩn bị cho cuộc chiến với Quốc dân đảng sau khi quân Nhật bại trận.

Nhiều tướng lĩnh của Quốc dân đảng tỏ ra bất tài, vì thế đến năm 1940-41, khu vực của cộng sản mở rộng rất nhiều trong khi khu vực của Quốc dân đảng càng ngày càng thu hẹp lại. Trong khi đó hoạt động tội ác của Lục Hội vẫn không suy giảm vì chiến tranh. Bồ già Đỗ Đại Nhĩ được phong chức tướng, và đã khôn ngoan di chuyển tới Trùng Khánh. Bản doanh của Lục Hội tại Thượng Hải được giao cho phụ tá của Đỗ Đại Nhĩ là Cố Tử Chuân. Tưởng giao tất cả trách nhiệm quân sự trong khu vực hạ lưu sông Dương Tử cho em của Cố Tử Chuân là tướng Cố Chúc Đồng.

Lúc đó Quốc dân đảng và cộng sản thành lập Mặt Trận Thống Nhất, và một số đơn vị cộng sản chiến đấu dưới quyền chỉ huy của quân đội Quốc dân đảng. Đệ tứ quân đoàn cộng sản mới được thành lập muốn điều tra khu vực của anh em nhà họ Cố, để có thể mở cuộc tấn công quân Nhật tại Nam Kinh và Hán Khẩu. Đây là một khu vực có sự cộng tác giữa Lục Hội và quân Nhật. Lục Hội được phép buôn lậu thuốc phiện và mặc sức hoạt động tội ác, trong khi Lục Hội phải bảo vệ an ninh cho các trại lính và các cơ sở thương mại của Nhật tại lưu vực sông Dương Tử.

Cố Chúc Đồng lập tức tham khảo với Tưởng Giới Thạch và nhận định rằng đệ tứ quân đoàn là một sự hăm dọa cho lãnh địa của họ Cố. Cố Chúc Đồng ra lệnh cho đệ tứ quân đoàn phải vượt qua sông Dương Tử tới một địa điểm về bắc ngạn con sông. Viên tư lệnh đệ tứ quân đoàn phản đối lệnh của Cố Chúc Đồng, vì nếu thi hành lệnh đó thì cả đệ tứ quân đoàn sẽ phải đi vào chỗ chết, vì bắc ngạn sông Dương Tử là nơi tập trung quân Nhật đông đảo nhất. Đệ tứ quân đoàn đề nghị rút lui theo một đường khác an toàn hơn. Khi phần lớn đệ tứ quân đoàn đã rút lui, chỉ để lại một lực lượng nhỏ chừng năm ngàn quân ở lại bảo vệ bộ tư lệnh, gồm có các cấp chỉ huy cao cấp và một số nữ cán bộ và y tá. Nhưng ngay đêm đó, Cố Chúc Đồng đem quân tới bao vây, và giết tất cả bộ tham mưu của đệ tứ quân đoàn cùng với năm ngàn quân bảo vệ. Các nữ cán bộ và y tá bị bắt hết, và bị quân lính của Cố Chúc Đồng hãm hiếp trong nhiều ngày. Họ bị giữ trong những ổ mả dâm trong hơn một năm, ngay tại nơi xảy ra cuộc tàn sát. Nhiều người bị mắc bệnh phong tình, và một số tự tử chết.

Cố Chúc Đồng sau được bổ nhiệm làm tổng tham mưu trưởng quân đội Quốc dân đảng. Khi Tưởng Giới Thạch được phỏng vấn về vụ tàn sát này, Tưởng tuyên bố thẳng thừng, "Quân Nhật là bệnh ngoài da, còn cộng sản là bệnh trong tâm can." Tưởng Giới Thạch nhìn xa, ngay từ đầu đã nhận thấy nguy cơ cộng sản. Tưởng là một người chống cộng quyết liệt nhất cho tới lúc chết. Quốc sách chống cộng của Tưởng đã bị nhiều tướng lãnh Quốc dân đảng bất tài, hoặc chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân nên đưa đến thất bại bằng những quyết định thiếu chính trị.

Thoạt đầu người Mỹ lạnh nhạt trước nhiệm vụ xin viện trợ của Tống Tử Văn, nhưng sau khi quân Nhật tấn công Trân Châu Cảng thì người Mỹ vồ lấy người Trung hoa như một đồng minh thiết yếu nhất. Ngoại trưởng Knox tuyên bố với Tống Tử Văn, "Chúng tôi sẽ giết hết những tên da vàng khốn nạn đó." Không đầy ba tuần sau, Tống Tử Văn được bổ nhiệm làm ngoại trưởng Trung hoa.

Tháng 1-1942, Tống Tử Văn gặp tổng trưởng tài chánh Morgenthau, trình bày yêu cầu của Tưởng xin vay 500 triệu mỹ kim. Morgenthau tò mò hỏi chương trình sử dụng 500 triệu mỹ kim cần phải vay, vì hiện Trung hoa đã có 650 triệu rồi. Tống Tử Văn kiên nhẫn giải thích rằng Tưởng thống chế cần một tỷ mỹ kim, gồm có 500 triệu của người Anh và 500 triệu của người Mỹ làm quỹ dự trữ để dùng khi nào cần. Mặc dầu có một vài sự phản đối, nhưng tổng thống Roosevelt yêu cầu Quốc hội Mỹ chấp thuận cho Trung hoa vay số

tiền đó. Tưởng Giới Thạch đánh điện cho Tống Tử Văn, nhấn mạnh số tiền vay đó không phải trả tiền lời, không đặt điều kiện trả, không bảo đảm và không điều kiện ràng buộc về cách sử dụng. Cuối cùng Tưởng Giới Thạch vay được tiền với điều kiện của Tưởng.

Tưởng Giới Thạch hết sức hài lòng, và đã có được một nguồn tài nguyên vô tận hỗ trợ phía sau, nhờ trận đánh Trân Châu Cảng. Tưởng có toàn quyền chi tiêu số tiền vay mà không cần phải trả lời Quốc hội Mỹ. Tướng Stilwell đã có nhận xét về thái độ của Tưởng Giới Thạch như sau, "Tôi không bao giờ nghe Tưởng nói một lời để diễn tả lòng biết ơn đối với tổng thống và quốc gia chúng ta về sự trợ giúp to lớn mà chúng ta đã cung cấp cho ông ta. Ông ta luôn luôn đòi hỏi nhiều hơn, và luôn luôn than phiền về những số vật liệu cung cấp cho ông ta là ít ỏi... Ông ta thường phàn nàn rằng người Trung hoa đã phải chiến đấu sáu, bảy năm mà chúng ta không cung cấp cho họ gì cả. Thực là thiếu ngoại giao nếu chúng ta đi sâu vào những nỗ lực quân sự mà Tưởng Giới Thạch đã đạt được từ năm 1938. Quả thực đó chỉ là một con số không."

Đúng ra mãi đến lúc quân Nhật tấn công Trân Châu Cảng thì người Mỹ mới thực sự viện trợ cho Tưởng một cách quảng đại, vì lúc đó Tưởng đang đánh kẻ thù của người Mỹ. Năm 1942, bà Tống Mỹ Linh sửa soạn sang Hoa Kỳ để vận động sự ủng hộ của người Mỹ. Tống Tử Văn kịch liệt phản đối việc cô em gái sang Mỹ, vì Tống Tử Văn cho rằng Hoa Kỳ là khu vực hoạt động của riêng ông. Nhưng lý do Mỹ Linh phải đi cầu viện cũng bắt nguồn từ những sự lục đục trong gia đình. Cuộc tình duyên giữa Mỹ Linh và Tưởng Giới Thạch đã có nhiều sóng gió. Tưởng thống chế đang tìm an ủi ở một người đàn bà khác. Mỹ Linh bây giờ gọi Tưởng là "ông ta" chứ không còn gọi là "Tưởng thống chế" hoặc "Tưởng tổng thống" nữa. Có lần bà nổi giận cho biết "Ông ta" chỉ gắn hàm răng giả vào mỗi khi đi thăm "mụ đàn bà đó". Một hôm Mỹ Linh bước vào phòng ngủ của Tưởng và trông thấy một đôi giày cao gót dưới gầm giường. Mỹ Linh liền cầm đôi giày quăng mạnh ra ngoài cửa sổ, và trúng đầu một tên lính gác đứng bên dưới. Có lần Tưởng không tiếp được khách tới bốn ngày vì mặt Tưởng bị bầm tím, sau khi trúng một bình hoa trong một cuộc đụng độ với Mỹ Linh.

Trong những năm 1940, Tưởng bắt đầu gặp gỡ nhiều người đàn bà khác. Năm 1942, Tưởng gặp lại vợ cũ là Trần Khiết Nhự. Tưởng kết hôn với Mỹ Linh vì nhu cầu chính trị, phải vào làm rể nhà họ Tống để thừa hưởng cái gia tài chính trị của Tôn Dật Tiên để lại. Mỹ Linh là một người rất kiêu hãnh và thanh tịnh về tình dục. Vì thế Tưởng vẫn

luyện tiếc người vợ rất điệu nghệ trong việc chần gối là Trần Khiết Như, xuất thân từ các chốn thanh lâu của Thượng Hải. Năm 1927 Tưởng bỏ Trần Khiết Như và bắt nàng phải sang Hoa Kỳ để Tưởng có thể kết hôn với Tống Mỹ Linh. Sau đó Trần Khiết Như bí mật trở về Trung hoa, rồi mang thai, và sinh con năm 1944.

Tưởng đã có tất cả và đạt tới tột đỉnh quyền lực. Bây giờ gia đình nhà họ Tống không còn là một cần thiết nữa. Tuy vậy Mỹ Linh đã trở nên một người đàn bà nổi tiếng khắp thế giới. Một yếu điểm của Mỹ Linh là không sinh con để nối dõi quyền lực của Tưởng. Hai con trai của Tưởng nay đã lớn rồi. Vĩ Quốc đã trở về sau thời gian huấn luyện quân sự tại Đức, và không hòa thuận với Mỹ Linh. Người con trai lớn là Tưởng Kinh Quốc từ Nga sô trở về năm 1937, đem theo một người vợ Nga sô Khi ra đón con tại phi trường, Tưởng Giới Thạch chỉ vào Mỹ Linh và nói với Tưởng Kinh Quốc, "Bây giờ con lại chào thân mẫu con đi"

Tưởng Kinh Quốc giận dữ trả lời, "Đó không phải là thân mẫu của con," rồi bỏ đi về Khê Khẩu, tại đó bà mẹ thực của Kinh Quốc đang chờ đợi. Tưởng Kinh Quốc rất chí hiếu với mẹ. Biến cố tại phi trường ngày hôm đó bắt đầu một cuộc tranh chấp quyền thừa kế địa vị lãnh đạo tối cao của Tưởng Giới Thạch giữa Mỹ Linh và Tưởng Kinh Quốc. Cuối cùng khi phải chạy ra Đài Loan, Tưởng Giới Thạch ngã hẫng về phía con trai, và Tưởng Kinh Quốc được lên kế vị tổng thống. Một lý do nữa khiến Mỹ Linh phải đi Hoa Kỳ là lý do sức khỏe. Sức khỏe của Mỹ Linh lúc đó bỗng nhiên suy đồi mau lẹ. Năm 1942, bà cảm thấy cần phải chữa trị nhiều chứng bệnh, như đau xương sườn, lưng bị treo, thần kinh kiệt quệ vì bị mất ngủ, bệnh đau mũi vì hút thuốc lá nhiều quá, các răng cấm bắt đầu hành, và bệnh nổi mề đay kinh niên. Ngoài ra còn các thương tích ở xương sườn và xương sống xảy ra trong lúc bà đi quan sát chiến trường chống quân Nhật năm 1937. Lần đó, trong lúc bà ngồi trong một chiếc xe bọc sắt, giữa lúc súng đạn hai bên bắn nhau rất dữ dội thì một bánh xe trúng đạn và nổ, khiến chiếc xe trượt và lộn đi. Mỹ Linh bị văng ra ngoài xe và xương sườn bị nứt và xương sống bị trật. Xương sống của bà vẫn gây khó chịu cho bà năm năm sau, mỗi khi có sự căng thẳng về tâm trí.

Trước viễn ảnh cần thiết phải nằm điều trị trong bệnh viện lâu dài, bà không đếm xỉa gì tới sự phản đối của Tống Tử Văn. Năm đó Mỹ Linh đã 45 tuổi và Tưởng Giới Thạch hồ nghi bà bị bệnh ung thư, nên chuyến công du Hoa Kỳ cũng là một cơ hội cho bà thử nghiệm luôn thể.

Một ngày tháng 11-1942, Mỹ Linh cùng cô cháu gái Khổng Lệnh Tuấn lên một chiếc phi cơ bốn máy do Shelton lái để đi Hoa Kỳ. Trong suốt cuộc hành trình, Mỹ Linh hoàn toàn im lặng, không trao đổi một lời với viên phi công Shelton. Về phần Shelton cũng được lệnh không được nói gì với Mỹ Linh. Có thể Mỹ Linh đang trải qua những khủng hoảng trầm trọng, và không muốn cho công chúng biết. Mỹ Linh thấy Shelton là một phi công giỏi, nên đòi hỏi Shelton là phi công riêng cho mình, mỗi khi đi ra ngoài Trung hoa. Nhưng khi Mỹ Linh biết Shelton có dự định mở một đường bay về Nam Mỹ thì bà cho Shelton vay 250 ngàn mỹ kim để thiết lập một công ty hàng không với cháu bà là Khổng Lệnh Kiệt. Người cháu kiểm soát về tài chánh và bà được chia lời 50%.

Tại Hoa Kỳ, Mỹ Linh cho biết mục đích chính của bà đến Hoa Kỳ là chữa bệnh và nghỉ ngơi. Mỹ Linh nằm bệnh viện 11 tuần lễ. Bà đã được nhổ răng cấm, bệnh sổ mũi bớt nhiều. Bà được nhập viện một cách bí mật bằng một tên giả. Trong lúc nằm bệnh viện, Mỹ Linh nghe tin thủ tướng Anh Churchill đến Hoa Thịnh Đốn thăm tổng thống Roosevelt. Mỹ Linh liền viết thư cho Churchill, yêu cầu ông ta vào gặp bà tại bệnh viện, nhưng khi Churchill đề nghị Mỹ Linh đến ăn trưa tại tòa Bạch Cung với ông và Roosevelt, thì Mỹ Linh từ chối. Trong thời gian Mỹ Linh điều trị tại Mỹ, bà được tổng thống phu nhân Roosevelt săn sóc như con gái. Sau khi bình phục, Mỹ Linh được mời vào tòa Bạch Cung. Mặc dầu đã đòi giường của mình phải trải bằng khăn phủ giường bằng lụa, Mỹ Linh cũng đã cẩn thận mang theo những khăn phủ giường đó từ Trung hoa. Khăn trải giường phải thay mỗi ngày ít nhất một lần, và phải thay mỗi khi Mỹ Linh ngồi xuống giường. Theo lời một người hầu tại tòa Bạch Cung thì mỗi ngày phải thay khăn trải giường cho Mỹ Linh từ bốn tới năm lần. Mỗi khi cần một người đầy tớ, Mỹ Linh không bấm chuông, trái lại bà chỉ vỗ tay theo kiểu Trung hoa. Mỹ Linh được coi là một người khách khó tính nhất của Bạch Cung.

Khi Mỹ Linh ăn tiệc tại tòa Bạch Cung, tổng thống Roosevelt hỏi Tư lệnh thống chế sẽ giải quyết thế nào với cuộc đình công của thợ mỏ trong thời chiến. Mọi người hoảng sợ khi Mỹ Linh đưa một móng tay sơn đỏ của bà vạch ngang cổ bà, có nghĩa là sẽ chém đầu những thợ mỏ đình công. Bà Roosevelt nhận xét Mỹ Linh có thể nói về dân chủ rất hấp dẫn, nhưng không biết sống một cách dân chủ. Tuy thế bài diễn văn của Mỹ Linh trước Quốc hội Mỹ là một thành công lớn. Sau đó Mỹ Linh đi khắp nước Mỹ, ra mắt quần chúng trong một chiến dịch chinh phục cảm tình của người dân Mỹ đối với công cuộc chiến

đầu của Trung hoa. Mỹ Linh ăn mặc rất xa hoa. Đôi giày của bà gắn những viên ngọc lấy ra từ vương miện Phượng Hoàng của Từ Hy Thái Hậu. Theo vua Phổ Nghi, ông vua cuối cùng của nhà Thanh, các tay đao tặc đã đào mả Từ Hy Thái Hậu, lôi xác bà lên, lột hết những nữ trang châu ngọc của bà, và một số ngọc được đem tặng cho Mỹ Linh. Mỹ Linh dùng một số viên ngọc gắn lên giày của bà. Khi chuyển xe lửa của Mỹ Linh tới một thành phố nhỏ tại tiểu bang Utah, dân chúng và ngay cả học sinh có mặt tại nhà ga ngay từ lúc sáng sớm để đón tiếp bà Tưởng Giới Thạch. Khi xe lửa tới nhà ga thì Mỹ Linh còn đang ngủ say. Người đầy tớ gái phải mặc giả quần áo của Mỹ Linh, và ra đứng trước sân ga cúi chào một đám đông đang hồi hộp chờ đợi.

Nơi vinh dự nhất cho Mỹ Linh là Los Angeles. Tại đây người ta thành lập Ủy ban Chào đón bà Tưởng, gồm có nhiều tài tử màn bạc thượng hạng, như Rita Hayworth, Ingrid Bergman, Marlen Dietrich và Shirley Temple. Bà được thống đốc tiểu bang đi bên cạnh và được các tài tử danh tiếng như Spencer Tracy và Henry Fonda giới thiệu. Một bản nhạc "Tưởng Giới Thạch Phu Nhân Hành Khúc" được cấp tốc soạn ra và được ban đại hòa tấu Los Angeles chơi để chào mừng cuộc viếng thăm của Mỹ Linh. Ở đâu Mỹ Linh cũng lên tiếng tố cáo sự tàn ác dã man của quân Nhật, và ý nghĩa quan trọng của công cuộc chống Nhật của người Trung hoa.

Chuyến viếng thăm tranh thủ nhân tâm người Mỹ của Mỹ Linh rất thành công, và có sự hỗ trợ tích cực của chính quyền Hoa Kỳ. Hình ảnh Mỹ Linh được báo Time đăng lên bìa, và người ta gọi bà là "Nàng công chúa Trung hoa". Chính bộ ngoại giao dùng mặt hiệu "Bạch Tuyết" để chỉ Mỹ Linh.

Ngày 4-7-1943, Mỹ Linh lên đường trở về Trùng Khánh.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 18

Sự Chia Rẽ Trong Nhà Họ Tống

Sự nghiệp chính trị của Tống Mỹ Linh lên đến tột đỉnh tại hội nghị thượng đỉnh Cairo, thủ đô Ai Cập năm 1943, cùng với thủ tướng Anh Churchill và tổng thống Mỹ Roosevelt. Và cũng từ hội nghị này, số phận của Tưởng Giới Thạch bắt đầu đi xuống. Churchill không bao giờ có thiện cảm và tin vào tài năng của Tưởng Giới Thạch, và không

bằng lòng hợp thượng đỉnh với Tưởng, nhưng vì tổng thống Mỹ Roosevelt nhấn mạnh phải có Tưởng nên Churchill phải nhượng bộ. Sau khi đổ quá nhiều tiền vào Trung hoa, Roosevelt muốn thế giới nhìn Tưởng Giới Thạch như là một chính khách lớn, lãnh đạo một trong tứ cường. Chính tại hội nghị Cairo, Roosevelt hứa sẽ mở rộng những mặt trận mới, tấn công quân Nhật tại Miến Điện và vịnh Bengal của Ấn độ, để giải tỏa áp lực của quân Nhật tại Trung hoa. Sau hội nghị Cairo, Roosevelt và Churchill họp với Stalin tại thủ đô Ba Tư. Tại đây Roosevelt được khuyến cáo bỏ những dự tính lớn tại Á Châu, để tập trung nỗ lực vào cuộc đổ bộ của đồng minh tại Âu Châu. Khi biết được sự thay đổi về quân sự này của Roosevelt, Tưởng rất giận dữ, ra lệnh cho đại sứ Trung hoa yêu cầu Mỹ phải cho vay một tỷ đô la để có thể tiếp tục công cuộc chống Nhật của Trung hoa. Lúc đó Tổng Tử Văn đã vừa vay được 500 triệu, và sẽ vay được của Anh 500 triệu nữa. Nhưng Tưởng muốn Mỹ phải gia tăng gấp đôi số tiền cho vay.

Lúc đó quân đội cộng sản chưa đủ sức đương đầu với quân Quốc dân đảng. Hơn triệu quân của Tưởng bao vây hồng quân tại miền nam, nhưng hồng quân đã tẩu thoát được lên miền bắc. Về sau mặt trận miền nam giữa quân Nhật và quân Quốc dân đảng yên tĩnh hơn. Tưởng cẩn thận lùi xa, tránh giao chiến với quân Nhật. Tưởng muốn bảo tồn sức mạnh cho mục tiêu quan trọng hơn sau này: tiêu diệt cộng sản sau khi quân Nhật đã bị đồng minh đánh bại. Chỉ có đạo quân Quốc dân đảng dưới quyền chỉ huy của tướng Stilwell tại Miến Điện là chiến đấu xuất sắc nhất.

Trong khu vực dưới quyền kiểm soát của Tưởng thì tình trạng tồi tệ rất mau lẹ. Tiền bạc mất giá. Hàng hóa đắt đỏ đến nỗi chỉ những viên chức và sĩ quan mới mua nổi. Tưởng ủng hộ chính sách định giá để tránh lạm phát, nhưng các thương gia và kỹ nghệ gia lập tức dấu hàng hóa để chờ lúc có giá mới bán. Từ đó nạn thiếu thực phẩm trở nên trầm trọng, và nạn đói gia tăng. Nhiều người trước kia nồng nhiệt ủng hộ Quốc dân đảng, bây giờ căm phẫn và chống lại sự bắt buộc của Quốc dân đảng. Nhiều người chống đối đã trở thành nạn nhân của mật vụ. Những kẻ dám công khai chỉ trích chính phủ thì thường bị bắt giữ, tra tấn, chặt đầu hoặc bị bỏ chết đói, hoặc trở thành người nghiện thuốc phiện trong các trại giam của Thái Lý.

Tưởng càng lúc càng thêm độc tài, và tước đoạt dần quyền hành của gia đình nhà họ Tống, và giao quyền hành của nhà họ Tống cho anh em Trần Quả Phụ. Mối liên hệ giữa Tưởng và nhóm anh chị Lục Hội cũng chặt chẽ hơn, so với gia đình nhà họ Tống. Tưởng cần phải

củng cố địa vị của mình. Tuy vậy ảnh hưởng của nhà họ Tống không suy yếu ngay. Họ vẫn giữ vững được địa vị và tài sản hiện đang có, tuy nhiên anh em nhà họ Trần đang vượt qua mặt nhà họ Tống về quyền lực và tiền bạc. Chủ trương tự do dân chủ của nhà họ Tống bây giờ bị bãi bỏ. Vì Tưởng dựa vào anh em nhà họ Trần và Thái Lý, nên Tưởng nghiêng về đường lối cai trị sắt máu. Tưởng rất được sự ủng hộ của Harry Hopkins, cố vấn chính trị của tổng thống Roosevelt. Nhưng Tưởng rất thù ghét tướng Stilwell, tư lệnh quân đồng minh tại Miến Điện, và đã tìm cách vận động tổng thống Roosevelt thay thế Stilwell.

Tháng 4-1945, mười lăm sư đoàn Nhật mở cuộc tấn công mới, và 300 ngàn quân Quốc dân đảng tan rã mau lẹ. Đôi khi chỉ cần 500 quân Nhật cũng đủ đuổi hàng ngàn quân Quốc dân đảng chạy bán sống bán chết. Các tướng tư lệnh Quốc dân đảng dùng xe vận tải chở gia đình và tài sản chạy sâu vào nội địa. Nhiều ông tướng Quốc dân đảng bán các đồ viện trợ của Mỹ cho quân Nhật, hoặc bán ra thị trường chợ đen. Chỉ tội nghiệp các binh sĩ cấp dưới phải chiến đấu rất thiếu phương tiện, và bị bắt buộc làm bia cho súng đạn của quân Nhật một cách đáng thương. Chính sách của Hoa Kỳ tại Trung hoa trong nhiều năm đã đặt căn bản trên những nhân vật của dòng họ Tưởng, họ Tống, họ Khổng và họ Trần, chứ không căn cứ vào hoàn cảnh thực sự của dân và nước Trung hoa.

Gia đình nhà họ Tống là những người rất ham mê tiền bạc, và có tài thu hút được tiền bạc vào tay họ. Khi Tống Tử Văn thăm viếng Hoa Kỳ, ông thành lập công ty Universal Trading Corporation do người Trung hoa điều khiển, và đã du di rất nhiều tiền viện trợ Mỹ vào các trương mục của công ty này. Các tổ chức kinh tài của nhà họ Tống được điều hành rất chặt chẽ và tàn ác. Nếu ai đi chệch đường lối thì hoặc sẽ được mua chuộc cho trở lại, hoặc bị thủ tiêu ngay. Bộ óc chính của nhà họ Tống là Tống Ái Linh, một người đàn bà rất thông minh nhưng tàn ác. Ái Linh ngồi phía sau điều khiển tất cả mọi dịch vụ của gia đình. Tống Tử Văn là người điều khiển mặt nổi.

Có lần một tàu hàng chở 60 chiến xa mới của Mỹ cho quân Quốc dân đảng, được báo cáo bị chìm. Nhưng thực ra thì chiếc tàu chở hàng này chưa bao giờ ra khơi, và 60 chiến xa cũng chưa bao giờ được chế tạo, nhưng số tiền trả cho 60 chiến xa ấy đã tìm đường chạy vào túi nhà họ Tống. Theo đại sứ Hồ Thích của Trung hoa tại Hoa Kỳ thì một vài tổ chức tư nhân của Mỹ mời bà Khánh Linh viếng thăm Hoa Kỳ, nhưng bà được nhà họ Tống nói thẳng cho biết bà sẽ không bao giờ được phép xuất ngoại. Chính những người nhà họ

Tổng đã tìm cách ngăn chặn, giữ bà Khánh Linh ở lại Trùng Khánh như một tù nhân. Chính bà Khánh Linh đã cho biết bà rất sợ "đám cướp nhà họ Tổng" sẽ giết bà, vì sợ bà phanh phui những thủ đoạn bòn rút tiền viện trợ của những người trong nhà họ Tổng.

Thoạt đầu chỉ có bà Khánh Linh đứng tách hẳn những người khác trong gia đình họ Tổng, vì bà không chịu nổi lòng ham tiền bạc và say mê quyền lực của họ. Nhưng về sau đã có sự bất hoà giữa Ái Linh, Mỹ Linh và Tổng Tử Văn, vì Tổng Tử Văn tỏ ra quá độc lập và thường lấy phần hơn về cho mình. Tổng Tử Văn đã làm Trưởng tức giận và vợ chồng Khổng Tường Hy phải cảnh giác đề phòng. Sự lục đục giữa những người trong nhà họ Tổng bắt đầu vào tháng 11-1943, và tất cả đề nghị một cuộc gặp gỡ hòa giải vào tháng 12. Nhưng trong lần hòa giải này, Trưởng đã nổi nóng và liệng một tách trà vào đầu Tổng Tử Văn, và cuộc hòa giải tan vỡ.

Không phải chỉ mình Ái Linh và Mỹ Linh nghĩ rằng không thể kiểm soát được Tổng Tử Văn, mà chính anh em Trần Quả Phu và Trưởng cũng cố gắng chuyển tiền viện trợ Mỹ từ tay Tổng Tử Văn vào sự kiểm soát của Khổng Tường Hy. Nhưng Tổng Tử Văn không dễ dàng gì đầu hàng. Tổng Tử Văn lập tức đặt các tổ chức kinh tài hải ngoại của mình ra ngoài tầm tay của Trưởng. Ngay sau màn bị ném tách trà vào đầu tại Trùng Khánh, Tổng Tử Văn phái em trai là Tổng Tử Lương sang Hoa Kỳ trông coi việc dùng tiền viện trợ để mua bán những thứ cần dùng gửi về Trung hoa. Trong thời kỳ này, nhiều kho hàng của Trung hoa tại Hoa Kỳ bị khai báo có hỏa hoạn hoặc bị phá hoại, và rất nhiều hàng hóa được khai là thất lạc, trong khi đó thì người lính tại Trung hoa phải chiến đấu thiếu thốn đủ mọi thứ. Các cuộc hỏa hoạn mà đã giúp nhà họ Tổng thu hút được cả tỷ đô la tiền viện trợ của Mỹ. Kỹ thuật ăn cắp này cũng thường xảy ra tại Trung hoa nữa. Một ông tướng điều khiển ngành chuyển vận có biệt tài làm cho hàng trăm xe vận tải chứa đầy hàng hóa biến mất.

Viên giám đốc hãng Chuyên Chở Tây Nam có 600 xe vận tải chở hàng cho quân đội cũng chính là Tổng Tử Lương. Chỉ sau khi tới Trung hoa chừng hai tiếng đồng hồ thì những hàng hóa viện trợ Mỹ xuất hiện ngay tại chợ trời. Tổng cộng khoảng 3.5 tỷ đô la viện trợ Mỹ đã đi qua bàn tay của anh em Tổng Tử Văn và Tổng Tử Lương. Rất ít hàng hóa viện trợ tới được nơi nhận. Một nhân viên ngoại giao Anh quốc nhận xét, "Anh em nhà họ Tổng đã bỏ túi hàng tỷ đô la viện trợ Mỹ, và phần lớn số tiền này không bao giờ đi ra ngoài Hoa Kỳ." Khi chuyển địa bàn hoạt động của Tổng Tử Lương từ Trung hoa sang Hoa Kỳ, Tổng Tử Văn đã đặt em mình ra ngoài phạm vi quyền

hạn của Tưởng Giới Thạch, anh em nhà họ Trần và trùm mật vụ Thái Lý, và cả bà chị Ái Linh nữa. Tổng Tử Văn thuyết phục anh em Trần Quả Phu rằng họ nên đề phòng vợ chồng Khổng Tường Hy, chứ không cần phải lo ngại mình. Thực ra anh em Trần Quả Phu vốn đã ghét và sợ Ái Linh từ lâu rồi. Ngay Khánh Linh cũng đã nói về bà chị của mình, "Nếu Ái Linh là đàn ông thì Tưởng Giới Thạch đã bị giết rồi, và chính Ái Linh đã cai trị Trung hoa từ 15 năm về trước."

Mỹ Linh không có khả năng như bà chị cả, và có vẻ thất bại trong cuộc tranh chấp quyền hành với con trai của chồng. Kể từ lúc Mỹ Linh ở Hoa Kỳ trở về Trùng Khánh, tình chồng vợ giữa Tưởng và Mỹ Linh cũng chẳng tốt đẹp hơn trước. Nhưng Mỹ Linh không dễ dàng đầu hàng hoàn cảnh. Mỹ Linh bây giờ tuy vẫn còn đẹp, nhưng bà có vẻ mệt mỏi và buồn bã. Tuy vậy lòng kiêu hãnh của bà khiến bà vẫn giữ được bề ngoài là một bậc nữ lưu quyền cao chức trọng. Bà cho rằng đời sống phải là giữ vững được lý tưởng và tinh thần hài hước để có thể đương đầu với hoàn cảnh. Trong lúc dự hội nghị Cairo, Mỹ Linh bị ngất xỉu. Có lẽ bà là một diễn viên cố gắng đóng trò tới tỗi đã khả năng của mình chẳng. Bác sĩ riêng của thủ tướng Churchill săn sóc cho Mỹ Linh, và ông ta có nhận xét, "Bà Tống Mỹ Linh không còn trẻ nữa, nhưng ở bà vẫn còn một vẻ xuất chúng, vẫn còn một sự duyên dáng của một xác chết."

Khi từ Cairo trở về Trùng Khánh, Mỹ Linh dời đến ở với Ái Linh, chứ không ở chung với Tưởng nữa, và cố tránh né những cuộc ra mắt trước công chúng. Thỉnh thoảng người ta mới thấy bà đứng bên cạnh chồng, nhưng hai người có vẻ lạnh lùng với nhau. Bà có bệnh về da nên cố tránh các nhiếp ảnh gia. Và kể từ đây quyền lực nhà họ Tống bắt đầu đi xuống. Vợ chồng Khổng Tường Hy và Mỹ Linh bị mọi phía công kích. Người ta cho rằng hôn nhân giữa Tưởng và Mỹ Linh là vì lý do chính trị, và Tưởng loại Mỹ Linh khi không còn cần đến bà nữa. Mỹ Linh sửa soạn cho một chuyến đi nghỉ hè lâu dài tại ngoại quốc.

Tháng 6-1944, Khổng Tường Hy bị cách chức bộ trưởng tài chánh, và Mỹ Linh rời Trung hoa sang Ba Tây, Nam Mỹ. Lần đầu tiên Ái Linh cùng xuất ngoại với em gái và các con. Người ta đồn đãi Ái Linh bị loại trong một cuộc tranh chấp quyền lực. Mỹ Linh tới Ba Tây để chữa bệnh, trong lúc Ái Linh thương thảo với các lãnh tụ Ba Tây để chuyển các trương mục và mua một số tài sản và doanh thương tại Sao Paulo, thủ đô Ba Tây. Gia đình nhà họ Tống trải tài sản khắp Nam Mỹ, đầu tư vào các kỹ nghệ dầu hỏa, khoáng sản và hàng hải, và thị trường chứng khoán. Đến tháng 9-1944, hai chị em Ái Linh và

Mỹ Linh bay về New York, và đến tháng 10 thì dọn vào ở dinh thự của họ Khổng tại Riverdale.

Tháng 11-1944, tờ Daily Mail tại Luân Đôn loan tin Mỹ Linh từ bỏ chồng và sống vĩnh viễn tại Hoa Kỳ. Tưởng và Mỹ Linh sẽ không ly dị nhau, sợ có hại cho tinh thần quân dân Trung hoa, nhưng Trần Khiết Như, người vợ cũ của Tưởng, cùng đưa con mới sinh đã dọn vào dinh tổng thống ở với Tưởng. Hai người con khác của Tưởng là Tưởng Kinh Quốc và Tưởng Vĩ Quốc đang hoạt động tích cực trong quân đội Quốc dân đảng. Mỹ Linh ở lại Hoa Kỳ cho tới tháng 7-1945 mới trở lại Trùng Khánh.

Khoảng cuối năm 1943, các tướng trẻ của Trung hoa, những người tiến lên nắm các chức tư lệnh bằng chiến công trong thời chiến, quyết định rằng nếu muốn cứu vãn Trung hoa thì cần phải loại bỏ Tưởng Giới Thạch và bè lũ tham nhũng của Tưởng ngay tức khắc. Các tướng này bày tỏ quan điểm với tướng Mỹ Timberman, người phụ trách huấn luyện cho quân đội Quốc dân đảng tại miền đông, và yêu cầu ông tìm sự hỗ trợ của người Mỹ trong việc loại bỏ Tưởng và phe nhóm của Tưởng. Người Mỹ chính thức từ chối, nhưng cơ quan OSS âm thầm trợ giúp các tướng trẻ, và sửa soạn một cuộc đảo chánh. Cuộc đảo chánh dự định vào dịp kỷ niệm ngày Tưởng bị bắt cóc tại Tây An, trong lúc Tưởng đi Cairo Ai Cập dự hội nghị thượng đỉnh với Roosevelt và Churchill. Tưởng sẽ phải chấp nhận một sự việc đã rồi.

Tuy nhiên Thái Lý biết được âm mưu đảo chánh Tưởng, và trưng bằng có chứng minh những người trong chính gia đình nhà họ Tống tổ chức và tham gia cuộc đảo chánh. Không biết điều Thái Lý nói có đúng sự thực hay không, nhưng đây là một cơ hội tốt cho Thái Lý và anh em Trần Quả Phụ ra tay triệt hạ gia đình họ Tống. Tuy nhiên Tống Tử Văn vẫn thoát hiểm, và vẫn giữ được quyền lực của mình. Với sự đồng ý của Tưởng, Thái Lý bắt giữ hơn 600 sĩ quan, và ngày Tưởng từ Cairo trở về thì 16 tướng trẻ và có khả năng nhất bị đem xử tử. Ngay sau đó Tưởng phục hồi chức vụ cho Tống Tử Văn, và ra lệnh cho Khổng Tường Hy phải đem vợ con ra khỏi Trung hoa. Vợ chồng Ái Linh thua cuộc trong khi Tống Tử Văn không hề hấn gì, có lẽ vì Tống Tử Văn đi theo Thái Lý và anh em Trần Quả Phụ. Cuối năm 1944, Tống Tử Văn lại nắm chức quyền thủ tướng, và vẫn kiêm nhiệm chức bộ trưởng ngoại giao. Sáu tháng sau, Tống Tử Văn được cử làm thủ tướng, kiêm nhiệm bộ trưởng ngoại giao, và còn được giao thêm chức bộ trưởng tài chánh của Khổng Tường Hy. Tống Tử Văn trở thành một người mạnh nhất Trung hoa, ít nhất là

trên giấy tờ.

Đây là giai đoạn đi xuống của gia đình nhà họ Tống, khi anh chị em chia rẽ nhau vì quyền lợi. Kể từ năm 1944, trừ Khánh Linh, mọi người trong nhà họ Tống nỗ lực xây dựng tài sản của họ tại Hoa Kỳ nhiều hơn là tại Trung hoa. Tài sản nhà họ Tống lên đến trên ba tỷ đô la Theo Bách Khoa Tự Điển của Anh Quốc thì Tống Tử Văn được coi là người giàu có nhất thế giới.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 19

Những Ngày Cuối Cùng Tại Trung Hoa

Người ta phải sống tại Trùng Khánh mới cảm thấy được ảnh hưởng lớn của những nhân vật cao cấp trong Quốc dân đảng. Chính phủ kiểm duyệt gắt gao mọi tin đồn xấu xa về các tệ đoan của chính quyền, trong khi tham nhũng thối nát thì đầy rẫy khắp nơi. Người ta không còn được công khai bàn thảo những vấn đề thời sự quan trọng hàng đầu của Trung hoa, như: nạn đói, lạm phát, mối liên hệ với ngoại quốc hoặc nhân cách của những viên chức cao cấp trong chính quyền.

Bầu không khí căng thẳng ngột ngạt của Trùng Khánh đã ảnh hưởng tới tâm thần của những người sinh sống tại đây. Tại Trung hoa có tới hai loại mật vụ. Một ngành phục vụ cho Hội đồng Quân sự Quốc gia, và một ngành trực thuộc Quốc dân đảng. Điệp viên và mật vụ của hai ngành này hiện diện khắp nơi. Người dân Trung hoa tại bất cứ đâu cũng có thể bị mật vụ bắt, ném vào trại giam hoặc trại tập trung vì bất cứ lý do gì, hoặc cũng chẳng cần lý do gì.

Quốc dân đảng đang bị chi phối bởi một nhóm người tham nhũng, dưới quyền kiểm soát của anh em Trần Quả Phụ Quốc dân đảng đã thực sự kiểm soát được tư tưởng của quốc gia bằng sự kết hợp của mật vụ, quyền lãnh đạo, gián điệp và quyền hành chánh. Trần Quả Phụ, người anh lớn, kiểm soát mọi sự gặp gỡ với Tưởng Giới Thạch. Mọi giấy tờ trước khi chuyển tới tay Tưởng đều được Trần Quả Phụ kiểm soát trước. Trần Quả Phụ chỉ muốn Tưởng được gặp, được đọc những gì có lợi cho anh em nhà họ Trần. Người em là Trần Lập Phu còn quan trọng hơn nữa. Trần Lập Phu là một người đẹp trai, làm việc không biết mệt. Người ta nói Trần Lập Phu cũng tạo được những thành tích văn chương rất đáng kể.

Tướng Giới Thạch hoàn toàn xa lìa thực tế. Một hôm Tướng rất đổi kinh ngạc khi nghe tin lính Quốc dân đảng chết đói ngoài đường phố Trùng Khánh. Tham những đã bóc lột cả phần ăn ít ỏi của người lính. Tướng phái người con cả là Tướng Kinh Quốc đi điều tra Khi Kinh Quốc xác nhận việc lính chết đói là có thực, Tướng đòi tự mình đi để trông thấy tận mắt. Kinh Quốc cho Tướng xem một trại tân tuyển có những người lính mới chết đói vì sự tham nhũng và tặc trách của cấp chỉ huy. Tướng nổi giận cầm can vục vào mặt viên sĩ quan chỉ huy, tổng viên sĩ quan ấy vào tù, và bổ nhiệm người khác thay thế. Tuy vậy lính Quốc dân đảng vẫn tiếp tục chết đói. Tháng 8-1944, người ta nhặt được 138 xác quân nhân chết đói ngoài đường phố Trùng Khánh. Con số thường dân chết đói thì rất nhiều, trong lúc các nhà quyền quý mở những bữa tiệc thật lớn, đến nỗi thực khách phải móc họng nôn đồ ăn trong bụng ra, để có thể tiếp tục ăn nữa.

Tướng Giới Thạch viết một cuốn sách, cuốn Định Mệnh Trung Hoa, cố tình bóp méo sự thực để minh chứng cho hành động của mình. Tướng đổ lỗi cho các thế lực ngoại quốc đã gây nên nỗi thống khổ của người Trung Hoa. Trong số những người trong gia đình nhà họ Tống thì chỉ còn một mình Tống Tử Văn còn hợp tác với Tướng. Tống Tử Văn đại diện cho Tướng gặp gỡ những người mà Tướng không ưa. Họ Tống đảm nhiệm chức vụ quyền thủ tướng, và kiêm chức bộ trưởng ngoại giao. Tống Tử Văn sống một cuộc đời cực kỳ xa hoa giữa một xã hội thượng lưu tham nhũng thối nát và hàng triệu người Trung Hoa chết đói. Cuộc đời của Tống Tử Văn cứ thế lên mãi cho đến khi xảy ra vụ "Quan tiền vàng".

Vì đồng tiền Trung Hoa bị lạm phát mất giá nên Tướng đưa ra một kế hoạch mới, đặt ra một đơn vị tiền tệ mới, có vàng bảo đảm, gọi là "quan tiền vàng". Tướng muốn quần chúng nộp vàng cho chính phủ và đổi lấy tiền giấy bảo đảm của Tướng. Tống Tử Văn tiết lộ tin này ra cho một số người thân tín biết, nên họ vội rút vàng trong ngân hàng ra, nếu không sẽ bị Tướng đổi vàng lấy tiền giấy. Hôm đó là ngày Thứ Sáu. Lệnh mới của Tướng sẽ áp dụng vào ngày Thứ Hai tuần lễ sau đó. Một số người biết tin lập tức rút vàng cất đi, và đổ xô mua thêm vàng nữa, vì tuần lễ sau đó vàng chắc chắn sẽ lên giá. Ngân hàng hôm đó phải mở cửa tới 9 giờ tối để thỏa mãn nhu cầu của người mua vàng. Cơn sốt vàng lan rộng ra nhiều thành phố khác. Tướng nổi giận Tống Tử Văn đã biến Tướng thành một trò hề trước quần chúng, nên yêu cầu Tống Tử Văn từ chức thủ tướng, và bổ nhiệm họ Tống vào chức tỉnh trưởng Quảng Đông. Chức vụ tỉnh trưởng Quảng Đông là một cơ hội may mắn cho Tống Tử Văn, đặt họ

Tổng một vị trí thuận tiện nhất để chuyển tài sản ra Hương Cảng. Tướng Giới Thạch cử người con trai Tướng Kinh Quốc vào nhiệm vụ thi hành luật lệ tiền tệ mới. Tướng Kinh Quốc được lệnh giải quyết vùng Thượng Hải trước. Kinh Quốc đã thi hành thật đúng lệnh của Tướng, tích cực chống lại tham nhũng, thị trường đen và áp dụng luật sắt máu mà Kinh Quốc học được từ Nga xô, như thiết lập tòa án ngoài đường phố và xử tử nạn nhân ngay tại chỗ. Biện pháp mạnh của Kinh Quốc cũng có hiệu quả một phần nào, nhưng Kinh Quốc đã phạm phải hai lỗi lầm lớn. Kinh Quốc đã bắt giam con trai của Bố già Đỗ Đại Nhĩ, vì con trai của Đỗ Đại Nhĩ đã bán hàng triệu cổ phần chứng khoán ra thị trường ngay trước khi luật lệ mới về tiền tệ có hiệu lực. Hiển nhiên Bố già Đỗ Đại Nhĩ đã ngầm báo cho con trai biết sự thay đổi của luật lệ.

Con trai của Bố già Đỗ Đại Nhĩ tốt nghiệp trường đại học MIT danh tiếng của Mỹ, và đã bị Kinh Quốc đem xử và kết án mau lẹ. Tuy nhiên con trai của Đỗ Đại Nhĩ chỉ bị phạt 8 tháng tù về tội bán các cổ phần chứng khoán trái luật, nhưng hẳn không phải ngồi tù ngày nào, nhờ sự can thiệp mạnh mẽ của Bố già Đỗ Đại Nhĩ. Sự bắt giữ và xử tội con trai Bố già Đỗ Đại Nhĩ là dấu hiệu của một sự thay đổi mới, và Thượng Hải bây giờ không còn là Thượng Hải trước kia nữa. Có lẽ một phần vì Đỗ Đại Nhĩ đã già yếu rồi, sau nhiều năm nghiện hút, không còn nắm vững được Lục Hội như trước. Cuối cùng bị áp lực từ bên trong Lục Hội, Đỗ Đại Nhĩ bắt đầu di chuyển tài sản sang Hương Cảng, và Đỗ Đại Nhĩ phải sống chuỗi ngày tàn tại Hương Cảng.

Lỗi lầm thứ hai của Kinh Quốc là bắt giam Khổng Lệnh Kiệt, con trai của Ái Linh và là cháu ruột của Mỹ Linh. Kinh Quốc khám phá được nhiều hàng hóa Mỹ và Âu Châu trong kho hàng của hãng Phát Triển Dương Tử Giang. Kinh Quốc ra lệnh bắt giữ tổng giám đốc là Khổng Lệnh Kiệt. Mỹ Linh đang ở Nam Kinh thì được tin không may đó. Bà tức giận và chất vấn chính Tướng Giới Thạch, nhưng Tướng từ chối không trả lời vì không biết gì về nội vụ. Mỹ Linh bay ngay đến Thượng Hải và yêu cầu giao lại Khổng Lệnh Kiệt cho bà. Sau đó Mỹ Linh gửi Khổng Lệnh Kiệt đi Hương Cảng và đi thẳng Florida, Mỹ quốc. Công ty của Khổng Lệnh Kiệt đóng cửa tại Thượng Hải ngay tức khắc.

Kinh Quốc bắt giữ Khổng Lệnh Kiệt và con trai Đỗ Đại Nhĩ có thể là do lòng nhiệt tâm muốn giữ cho luật lệ được thi hành đúng đắn, mà cũng có thể là thâm ý muốn triệt hạ uy tín địch thủ của mình là Tổng Mỹ Linh. Cả Mỹ Linh và Kinh Quốc đều muốn kế vị Tướng. Tuy nhiên

sau vụ này, Kinh Quốc bị Tưởng khiển trách. Bị mất mặt, Kinh Quốc từ chức, và thua bà kế mẫu hiệp định độ đầu tiên.

Tưởng Kinh Quốc có ba con trai là Tưởng Hiếu Văn, Tưởng Hiếu Vũ, Tưởng Hiếu Dũng, và một con gái là Tưởng Hiếu Chương. Đó là những đứa con chính thức với vợ cả người Nga Nhưng hồi năm 1938, khi được 30 tuổi, Tưởng Kinh Quốc được bổ nhiệm làm chuyên viên hành chánh khu Cán Nam. Tại đây Kinh Quốc ban hành lệnh cấm hút thuốc và cờ bạc, và mở lớp huấn luyện thanh niên cả nam và nữ để đào tạo những cán bộ có khả năng hoạt động cho các chương trình của nhà nước. Trong một lớp học, Kinh Quốc chú ý tới một thiếu nữ rất xinh đẹp, và người thiếu nữ này cũng thường nhìn Kinh Quốc một cách khâm phục triu mến.

Người thiếu nữ ấy là Chương Á Nhượng, một người thông minh, lịch thiệp và có một nhan sắc mê hồn. Lúc ấy Kinh Quốc để vợ và các con ở lại Phụng Hóa, và sống một mình tại Cán Nam. Dần dần Chương Á Nhượng và Kinh Quốc trở nên thân mật, và Á Nhượng giúp Kinh Quốc rất nhiều trong cả công việc hành chánh và đời sống riêng tư của Kinh Quốc. Rồi hai người yêu nhau say đắm, và Á Nhượng dọn về sống chung với Kinh Quốc. Người vợ cả của Kinh Quốc là người Nga, nên Kinh Quốc cảm thấy có sự khác biệt về văn hoá, nên khi gặp Á Nhượng, một thiếu nữ Trung Hoa dịu dàng khả ái, Kinh Quốc tìm thấy hạnh phúc mà từ trước Kinh Quốc chưa bao giờ được hưởng. Nhưng Kinh Quốc không dám công khai kết hôn với Á Nhượng, vì sợ tai tiếng có hại cho sự nghiệp chính trị, nhất là Kinh Quốc đang lép vế trước một Tổng Mỹ Linh đầy uy quyền. Kinh Quốc khuyên Á Nhượng tạm thời nhẫn nhục và tránh có thai.

Nhưng Á Nhượng vừa yêu vừa phục Kinh Quốc nên muốn có một đứa con để ràng buộc với Kinh Quốc, và tạo một địa vị trong gia đình họ Tưởng. Hai người sống chung một thời gian thì Á Nhượng hân hoan báo cho Kinh Quốc biết nàng đã có thai. Kinh Quốc lo lắng gửi Á Nhượng tới tạm trú tại trường lục quân Quế Lâm. Đến ngày lâm bồn, Á Nhượng rất sung sướng khi sinh đôi được hai đứa con trai. Nhưng Á Nhượng không sống được lâu để hưởng hạnh phúc chồng con. Chỉ vài ngày sau khi sinh con, Á Nhượng chết một cách bí mật, trước khi gặp lại người tình yêu dấu. Cái chết bí ẩn của Á Nhượng đã giúp Kinh Quốc vượt qua được một vụ tai tiếng chính trị, nhưng không phải là Kinh Quốc không đau lòng. Kinh Quốc đặt tên cho hai đứa con là Chương Hiếu Nghiêm và Chương Hiếu Từ. Kinh Quốc không dám cho hai con trai của Á Nhượng mang họ Tưởng, và gửi chúng về cho cho người em ruột của Á Nhượng là Chương Hạo Nhượng nuôi nấng.

Hiếu Nghiêm và Hiếu Từ về sau du học tại Hoa Kỳ, cùng đậu tiến sĩ và giữ những địa vị quan trọng tại Đài Loan. Tuy vậy Tưởng Kinh Quốc không dám công khai nhìn nhận hai đứa con trai ngoại hôn, vì quyền lợi chính trị. Có thể Kinh Quốc đã ngầm giúp đỡ Hiếu Nghiêm và Hiếu Từ. Mãi sau này khi Kinh Quốc chết, Tổng Mỹ Linh cho phép Hiếu Nghiêm và Hiếu Từ được chính thức về chịu tang thân phụ. Trong thời gian còn làm chúa tể Hoa Lục, Tưởng Giới Thạch nghiêng về Tổng Mỹ Linh trong cuộc tranh chấp quyền thừa kế chính trị giữa Tổng Mỹ Linh và Tưởng Kinh Quốc, vì lúc đó vai trò của Tổng Mỹ Linh có lợi cho Tưởng Giới Thạch hơn. Nhưng dần dần ảnh hưởng của Mỹ Linh với Tưởng Giới Thạch cũng suy giảm đi, khi mà Tưởng thấy không còn cần đến sự trợ giúp của nhà họ Tống nữa, đặc biệt là sau khi chạy ra hải đảo Đài Loan.

Sau một năm sống tại Hoa Kỳ, Mỹ Linh trở về Trung hoa khi đệ nhị thế chiến chấm dứt. Bề ngoài người ta tưởng cuộc tình duyên giữa Tưởng và Mỹ Linh vẫn tốt đẹp như trước. Khi Mỹ Linh trở về thì cũng là lúc Trần Khiết Như ra đi. Trần Khiết Như đã sinh được một con trai cho Tưởng Giới Thạch, nhưng hình như đứa bé chết yểu. Trần Khiết Như trở lại California, và cuối cùng quay về sống tại Hương Cảng cho tới lúc chết, đem theo nhiều bí ẩn về cuộc tình giữa nàng và Tưởng.

Tình hình quân sự và chính trị của Trung hoa mỗi lúc một thêm đen tối. Lực lượng cộng sản do Mao Trạch Đông lãnh đạo ngày một tiến thêm và mạnh thêm trong khi khu vực của Tưởng ngày một thu hẹp lại. Người Mỹ cũng có một cái nhìn khác về Trung hoa. Trong cuộc tranh cử tổng thống năm 1948, phe Tưởng liên kết với ứng cử viên cộng hòa Thomas Dewey chống lại tổng thống Truman. Nhưng cuối cùng Truman thắng cử. Truman từ chối viện trợ Ồ ạt cho Tưởng để đánh lại cộng sản. Mỹ Linh qua thủ đô Hoa kỳ yêu cầu một ngân khoản trợ cấp 3 tỷ đô la, trong lúc Quốc hội với đa số thuộc đảng Cộng Hòa chỉ chấp thuận cho Tưởng vay một tỷ đô la Người Mỹ cho rằng đã quá trễ để trợ giúp Tưởng.

Trong năm 1948, viễn tượng thất bại của Tưởng đã quá rõ ràng. Đúng ngày bầu cử tổng thống Mỹ năm 1948, cộng quân mở cuộc tấn công vào đạo quân Quốc dân đảng trấn giữ vùng đồng bằng Trung hoa tại Hoài Hải. Trận đánh kéo dài hai tháng và quân Quốc dân đảng thất trận. Trong số 550 ngàn quân Quốc dân đảng tại Hoài Hải thì 325 ngàn bị cộng quân bắt làm tù binh. Trong những giây phút cuối cùng của trận đánh, Tưởng ra lệnh oanh tạc chính quân Quốc

dân đảng để tránh đồ quân nhu rơi vào tay cộng sản. Chuyến đi cầu viện của Mỹ Linh hoàn toàn thất bại, và bà chán nản lui về sống ẩn dật trong khu dinh thự của nhà họ Khổng tại New York. Trong lúc đó tổng thống Truman nói về những con người lừa đảo trong chính phủ Trung Khánh, và cho rằng một tỷ đô la viện trợ của Mỹ hiện đang ở ngay Hoa Kỳ, trong những trương mục của các viên chức thoái nát Quốc dân đảng. Khi thế chiến thứ hai chấm dứt, chế độ Quốc dân đảng sụp đổ mau lẹ, như một cây cột đã bị thổi mục bên trong.

Cuộc điều tra của Hoa Kỳ cho thấy nhiều trương mục của Khổng Tường Hy và Tống Tử Văn đến từ các ngân hàng của chính hai người này tại Trung hoa. Nhiều người trong nhà họ Tống làm chủ nhiều bất động sản tại khắp nước Mỹ. Tống Tử Văn và Khổng Tường Hy làm chủ nhiều chứng khoán rất lớn. Nhiều nhân viên làm việc tại sứ quán Trung hoa cuối cùng trở thành tù nhân bên trong khu dinh thự của nhà họ Khổng. Những người này không được viết thư về quê nhà, không được ra khỏi khu vực, và không được trả lương. Một số bỏ trốn, nhưng bị bắt lại. Nhà họ Khổng dạy các người dám bỏ trốn này một bài học bằng cách treo họ lên trần nhà, và đánh đập tàn nhẫn.

Sau này trong một cuộc phỏng vấn, tổng thống Truman nhận xét về gia đình nhà họ Tống, "Tất cả họ là những tên ăn cắp, từng người một. Họ ăn cắp trên 750 triệu đô la trong số 3 tỷ 8 mà chúng ta gửi viện trợ cho Tưởng. Họ ăn cắp tiền đó và đầu tư về nhà đất tại Ba Tây và ngay tại New York."

Tại Trung hoa, Tưởng rất bận rộn sửa soạn cho cuộc đào tẩu ra Đài Loan. Một người dám ra lệnh ném bom vào ngay quân của mình để giữ một ít đồ quân nhu khỏi rơi vào tay cộng sản, thì sẽ không bao giờ để lại tài sản của mình mà không mang theo. Tưởng đặt những người trung thành nhất vào công việc vơ vét tiền bạc tại các ngân hàng, và đồ quý vật tại các bảo tàng viện. Từ nhiều năm trước, Tưởng theo lời một cố vấn, đã cất dấu kho tàng nghệ thuật từ thời vua Càn Long, ông vua thứ tư nhà Thanh. Triều đại Càn Long là một thời kỳ vàng son của văn học nghệ thuật Trung hoa, và vua Càn Long đã thu thập nhiều tác phẩm nghệ thuật thành một bảo tàng viện đầu tiên của Trung hoa. Bây giờ Tưởng coi kho tàng này là di sản thuộc về mình. Các nhân viên của Tưởng đóng những nghệ phẩm thành từng kiện hàng, rồi di chuyển từ Bắc Kinh xuống Nam Kinh, và các tỉnh hẻo lánh, để tránh bị Nhật Bản và cộng sản chiếm được. Trước khi trận đánh quyết định Hoài Hải kết thúc, trên hai trăm ngàn

họa phẩm, đồ sứ quý, ngọc thạch và tượng đồng được di chuyển qua Đài Bắc. Mười một ngày trước khi trận Hoài Hải chấm dứt, Tưởng từ chức tổng thống ngày 21-1-1949. Tưởng nhận thấy tình thế tuyệt vọng nên từ chức để tránh cái nhục bại trận. Nhưng tuy đã từ chức, Tưởng vẫn giữ quyền lực trong tay, vẫn có quân đội, công chức, vật liệu, phi cơ, tất cả vẫn chờ đợi lệnh Tưởng. Các tướng Quốc dân đảng vẫn mong đợi một cơ hội nắm quyền, và chức tổng thống rơi vào tay một địch thủ của Tưởng trong Quốc dân đảng là tướng Lý Tông Nhân. Việc làm đầu tiên của Lý Tông Nhân là tìm cách thương thuyết với Mao Trạch Đông. Điều kiện của Mao là phải nộp vợ chồng Tưởng Giới Thạch, Tống Tử Văn, và vợ chồng Khổng Tường Hy để xử tội. Tuy nhiên những người Mao Trạch Đông muốn bắt giữ thì đã cao chạy xa bay rồi.

Khổng Tường Hy từ giả chính trường. Khi chiến tranh chấm dứt, Khổng đã 65 tuổi. Hai vợ chồng Khổng Tường Hy và Tống Ái Linh đã thu thập được một tài sản trị giá một tỷ đô la và đã chuyển ra nước ngoài. Năm 1946, vợ chồng Khổng Tường Hy trở lại thăm Thượng Hải một lần cuối cùng để thanh toán tài sản, và chuyển tất cả những gì có thể chuyển được sang Hương Cảng và ngoại quốc. Năm 1947, vợ chồng Khổng Tường Hy trở về thăm quê nhà tại Sơn Tây một lần cuối cùng trước khi lâu đài nhà họ Khổng bị cộng quân chiếm. Vợ chồng Khổng Tường Hy trở lại sống tại New York kể từ đó.

Tống Tử Văn cũng vội vã ra đi, vì Tống biết mình bị coi là tội phạm chiến tranh hàng đầu, và có kẻ thù ở cả hai phía cộng sản và Quốc dân đảng. Phe Quốc dân đảng tố cáo Tống Tử Văn đã ăn cắp của công quỹ khá nhiều tiền, và yêu cầu Tống Tử Văn phải trả lại phân nửa tài sản cho quốc gia. Ngày 24-1-1949, Tống Tử Văn thấy thế nguy liền từ chức tỉnh trưởng Quảng Đông, và cùng vợ trốn sang Hương Cảng. Chưa bao giờ Tống Tử Văn trông chán nản như thế. Hai phe quốc gia và cộng sản đều muốn bắt Tống và Tống phải nhờ cảnh sát Anh bảo vệ tại Hương Cảng. Ngày 16-5, Tống Tử Văn sang Pháp "để chữa bệnh", và đến ngày 10-6 thì trở lại Hoa Kỳ.

Tháng hai năm 1949, mặc dầu không còn là tổng thống nữa, Tưởng thu xếp đưa tất cả số vàng dự trữ của quốc gia sang Đài Bắc. Như vậy chính phủ của Lý Tông Nhân không có tiền để trả lương cho quân đội còn đang cầm cự với cộng quân. Khi Lý Tông Nhân thấy công quỹ hết tiền, liền nhờ đại sứ Mỹ cầu cứu chính phủ Hoa Kỳ trợ giúp, để có đủ thời giờ thương thuyết với Mao Trạch Đông. Đại sứ Mỹ khuyên Lý Tông Nhân nên kêu gọi sự đóng góp ái quốc của các viên chức Quốc dân đảng đã ăn cắp hàng triệu đô la viện trợ Mỹ.

Tướng Giới Thạch xúi giục Tôn Khoa, con trai Tôn Dật Tiên, đứng ra lập một chính phủ độc lập tại Quảng Đông, và Tướng sẽ giúp Tôn Khoa mở một cuộc Bắc Phạt nữa. Thoạt đầu Tôn Khoa định nghe lời khuyên của Tướng, nhưng sau nhận ra tình thế tuyệt vọng của Quốc dân đảng, Tôn Khoa bỏ đi sang Pháp sống một cuộc đời lưu vong. Tướng liền chuyển số quân đội trung thành còn lại qua Đài Loan. Tướng hy vọng rằng với tài sản khổng lồ mang theo được và có đủ quân số, Tướng có thể giữ vững được Đài Loan mãi mãi, và nuôi hy vọng chiếm lại Hoa Lục.

Tướng ghé Thượng Hải một lần chót vào tháng 4 để gặp Bồ già Đỗ Đại Nhĩ lần cuối cùng. Lý do chính Tướng đến Thượng Hải là muốn nhờ Lục Hội và Đỗ Đại Nhĩ giúp Tướng cướp Ngân hàng Trung hoa. Tướng vẫn nhắm cái kho tàng gồm sáu triệu cân vàng của Ngân hàng Trung hoa từ lâu. Phần nửa số vàng này đã đi theo Khổng Tường Hy và Tống Tử Văn. Bây giờ Tướng muốn lấy nốt phần còn lại. Quân đội của Tướng bao vây cả khu vực ngân hàng, và hàng trăm đàn em của Đỗ Đại Nhĩ giả làm cu li lũ lượt khiêng vàng xuống tàu đậu ngay dưới bến, trước cửa Ngân hàng Trung hoa. Sau đó Bồ già Đỗ Đại Nhĩ trốn sang Hương Cảng vài ngày trước khi hồng quân tiến vào thành phố ngày 25-5. Tại Hương Cảng, Đỗ Đại Nhĩ sống thêm được hai năm nữa. Đỗ Đại Nhĩ bị tê liệt và chết ngày 16-8-1951. Tướng Giới Thạch gửi một điện tín phân ưu cái chết của Đỗ Đại Nhĩ, trong đó Tướng ca ngợi Đỗ Đại Nhĩ để lại cho hậu thế một tấm gương trung thành và ngay thẳng.

Đầu tháng 5-1949, Tướng bỏ chạy sang Đài Loan. Bộ trưởng quốc phòng Trần Thành đã sửa soạn Đài Loan từ tháng 10 năm trước. Nhiều nơi hẻo lánh tại Trung hoa vẫn còn nằm trong tay quân đội Quốc dân đảng. Tháng 8-1949, Tướng Giới Thạch và Tướng Kinh Quốc bay trở lại Trùng Khánh. Tại Trùng Khánh lúc đó vẫn còn một người tử tù của Tướng là sứ quân Dương Hổ Thành, người đã cùng Trương Học Lương bắt cóc Tướng tại Tây An. Dương Hổ Thành thoạt đầu bỏ trốn qua Pháp, nhưng ít lâu sau tìm cách trở lại Trung hoa, và bị mật vụ của Tướng bắt được. Trong suốt 11 năm, Dương Hổ Thành cùng với người con trai, con gái và vợ chồng người thư ký trung thành, sống rên siết trong trại tập trung của trùm mật vụ Thái Lý. Bây giờ trước khi vĩnh viễn rời bỏ lục địa, Tướng làm một chuyến đi đặc biệt để ra lệnh xử tử Dương Hổ Thành và gia đình. Toàn gia Dương Hổ Thành và vợ chồng người thư ký bị hành quyết ngay trước mắt Tướng.

Tháng 1-1950, bà Tống Mỹ Linh trở về Đài Loan từ New York. Dân

chúng trên đảo chống lại phe Quốc dân đảng, và chính phủ của Tưởng đã phải dùng biện pháp khủng bố đàn áp. Đây là một hòn đảo rất thơ mộng và giàu tài nguyên, đủ sức tự túc về kinh tế. Nhưng khi quân đội Quốc dân đảng chạy qua thì hòn đảo trở thành một nơi máu lửa. Đã có nhiều cuộc tàn sát dã man. Trên mười ngàn người gốc Đài Loan bị quân đội tàn sát trong một cuộc nổi loạn tại thủ đô Đài Bắc. Khoảng trên hai chục ngàn người khác cũng bị giết trước khi Tưởng thiết lập được một chính phủ ổn định tại Đài Loan. Các nhà lãnh đạo gốc Đài loan phải trốn tránh, một số trốn sang Nhật Bản. Tại hòn đảo nhỏ này, mật vụ của Tưởng tỏ ra rất hữu hiệu, và mật vụ đã đối xử với dân chúng gốc Đài Loan như họ đã từng đối xử với dân Thượng Hải hồi tháng 4-1927.

Dù những va chạm trước kia với chế độ của Tưởng Giới Thạch, bây giờ Khổng Tường Hy và Tống Tử Văn cũng vẫn là những cây cầu cần thiết nối liền mối quan tâm của Hoa Kỳ với Đài Loan. Các anh chị em nhà họ Tống vẫn họp bàn để tìm cách giúp đỡ chế độ Quốc dân đảng tại Đài Loan. Mỹ Linh trở về Đài Loan năm 1950 với mục đích tranh quyền kế vị Tưởng. Nhưng trong thời gian Mỹ Linh vắng mặt, Tưởng Kinh Quốc được giao phó trọng trách phụ tá cho Tưởng Giới Thạch, và được bổ nhiệm đứng đầu phòng chính trị của bộ quốc phòng. Trong hai mươi năm sau đó, mỗi khi Mỹ Linh quay lưng đi thăm viếng Hoa Kỳ thì ở nhà Kinh Quốc lại tiến lên một nấc thang quyền hành, càng ngày càng tới gần việc thay thế Mỹ Linh để trở thành người thừa kế của Tưởng Giới Thạch. Một lần Mỹ Linh viếng thăm Hoa Kỳ một thời gian dài, từ tháng 8-1952 cho đến tháng 3-1953. Khi trở về Đài Loan Mỹ Linh được tin Tưởng Kinh Quốc được mời viếng thăm bộ ngoại giao và quốc phòng Hoa Kỳ. Tưởng Kinh Quốc còn được mời thảo luận với tổng thống Mỹ Eisenhower, một vinh dự mà Mỹ Linh không có từ năm 1943.

Tuy vậy Mỹ Linh vẫn thân cận Tưởng Giới Thạch, và trong nhiều trường hợp, nói thay cho Tưởng Giới Thạch. Nhiều tướng lãnh và nhân vật cao cấp Quốc dân đảng cũng không dám làm mất lòng Mỹ Linh. Ngay Tưởng Kinh Quốc cũng phải e dè Mỹ Linh, vì Mỹ Linh rất dễ nổi giận, và thường là có sự trả đũa ngay khi bà nổi giận. Tháng 4-1954, Mỹ Linh thăm viếng Hoa Kỳ sáu tháng để tranh đấu chống lại việc nhận Trung Cộng vào Liên Hiệp Quốc. Khi bà trở về Đài Loan để dự lễ thọ 67 tuổi của Tưởng Giới Thạch thì thấy quyền hành đã tuột khỏi tay bà rồi. Năm 1958, Tưởng Kinh Quốc được thăng chức một lần nữa, và Mỹ Linh tức giận bỏ sang Hoa Kỳ 14 tháng. Lúc đó bà đã 61 tuổi. Sau khi Mỹ Linh đi Hoa Kỳ được hai tháng, Tưởng Kinh

Quốc được bổ nhiệm chức bộ trưởng không bộ. Mỹ Linh trở lại Đài Loan và sống tại đó luôn sáu năm nữa.

Năm 1965 Mỹ Linh thăm viếng Hoa Kỳ cùng với Tưởng Kinh Quốc, lúc đó là bộ trưởng quốc phòng. Người Mỹ muốn quân đội của Tưởng Giới Thạch tham chiến tại Việt Nam, trong lúc họ Tưởng chỉ muốn người Mỹ hỗ trợ một cuộc đổ bộ tấn công chiếm lại Trung hoa lục địa. Mỹ từ chối giúp Tưởng vì nghĩ rằng Tưởng không có hy vọng thắng Trung Cộng, và do đó Tưởng cũng không chịu đem quân sang tham chiến tại Việt Nam. Năm 1966 Mỹ Linh mua một căn nhà sang trọng tại khu Manhattan, New York. Sức khỏe của bà bây giờ rất suy kém, và những chuyến đi thăm Hoa Kỳ của bà chỉ là để dự tang lễ của thân nhân hoặc là để chữa bệnh.

Trong suốt hàng chục năm, Mỹ Linh vẫn được coi là một trong số mười người đàn bà nổi tiếng nhất thế giới. Nhưng vinh dự đó chấm dứt năm 1967, và những tin tức về bà chỉ xuất hiện trên các trang phụ của báo chí Mỹ.

Khổng Tường Hy vẫn tích cực hoạt động về tài chánh khi sang sống tại Hoa Kỳ. Mãi năm 1966 Khổng Tường Hy mới từ chức giám đốc Ngân hàng Trung hoa vì sức khỏe suy kém. Tháng 8-1967, Khổng Tường Hy được đưa vào bệnh viện New York và ngày 15-8 thì từ trần, hưởng thọ 87 tuổi. Sáu năm sau Ái Linh cũng từ trần theo chồng, hưởng thọ 85 tuổi. Đây là người đàn bà giàu nhất thế giới, và tài sản của bà do chính tay bà tạo dựng lên.

Cuộc đời lưu đầy của Tống Tử Văn lúc nào cũng đầy hoạt động, cả chính trị lẫn tài chánh. Tống Tử Văn có nhiều cơ sở thương mại tài chánh lớn, và lúc nào cũng hoạt động cho quyền lợi chính trị của chế độ Quốc dân đảng. Tuy vậy Tống Tử Văn không bao giờ dám trở về Đài Loan, mặc dầu nhiều lần được Tưởng mời. Những đảng viên Quốc dân đảng cao cấp căm thù Tống Tử Văn làm giàu phi pháp, nhưng cũng không có cách gì trả thù được, trái lại họ rồi cũng chết dần. Trùm mật vụ Thái Lý chết trong một tai nạn máy bay sau khi cuộc chiến Quốc Cộng chấm dứt, có lẽ phi cơ bị đặt bom. Kẻ thù thứ nhì của Tống Tử Văn là Trần Quả Phu thì chết tại Đài Bắc năm 1951, lúc được 60 tuổi. Khi người anh chết, Trần Lập Phu cũng từ bỏ việc điều khiển mật vụ, và về hưu tại Đài Loan.

Tháng 4-1971, lúc được 77 tuổi, Tống Tử Văn cùng vợ đi thăm San Francisco một lần nữa để thăm họ hàng và bạn bè. Vào tối ngày 24-4, các bạn bè cũ tại Ngân hàng Trung hoa mở đại tiệc khoản đãi Tống Tử Văn. Trong bữa dạ tiệc sang trọng có nhiều món ăn ấy, Tống Tử Văn có vẻ rất vui vẻ hưởng của ngon vật lạ. Bỗng Tống Tử

Văn đang ăn thì chợt ngừng lại, trông có vẻ ngờ ngác, đứng dậy ho khan rồi gục xuống. Một lát sau Tổng Tử Văn tắt thở. Cuộc giải phẫu tử thi cho biết một miếng đồ ăn mắc kẹt vào ống khí quản khiến Tổng Tử Văn bị chết nghẹn. Tay đại tham nhũng của Quốc dân đảng chết nghẹn vì ăn! Tổng thống Nixon và ngoại trưởng Kissinger vội đánh điện chia buồn, nhưng điện vẫn lại gửi cho Tưởng Giới Thạch và Mỹ Linh.

Trong thời gian này, giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng chưa có quan hệ ngoại giao chính thức, nhưng Hoa Kỳ đang bí mật thương thuyết với Trung Cộng trong mưu lược tách Trung Cộng ra khỏi Nga Sô. Tổng thống Nixon gửi điện văn sang Bắc Kinh, trình trọng mời bà Tổng Khánh Linh sang Hoa Kỳ tham dự tang lễ của Tổng Tử Văn. Trung Cộng trả lời bức điện văn của tổng thống Nixon như sau: "Về việc bà Tổng Khánh Linh sang Hoa Kỳ dự tang lễ Tổng Tử Văn: vì hai nước Hoa Kỳ và Trung Hoa chưa thiết lập quan hệ ngoại giao nên không có chuyến bay trực tiếp từ Trung Hoa sang Hoa Kỳ. Chúng tôi đã liên lạc với một công ty hàng không Anh quốc để bà Tổng Khánh Linh sang Luân Đôn trước, sau đó sẽ đi từ Luân Đôn sang Hoa Kỳ."

Đồng thời tổng thống Nixon cũng nhận được điện văn của bà Tổng Ái Linh cho biết sẽ đến dự tang lễ của em bà. Lúc đó Tổng Ái Linh đang sống tại Hoa Kỳ. Còn Tổng Mỹ Linh cũng cho biết sẽ dùng chuyến phi cơ bay thẳng từ Đài Loan sang Hoa kỳ để tham dự tang lễ của người anh ruột. Tổng thống Nixon tin tưởng cả ba chị em nhà họ Tống đang trên đường sang Hoa Kỳ, và ông dự định lợi dụng cơ hội ba chị em nhà họ Tống hội ngộ nhau để thúc đẩy công việc bang giao với Trung Cộng.

Nhưng khi Tổng Mỹ Linh dừng chặng đầu tiên tại phi trường Honolulu, thì bà nhận được một điện tín của Tưởng Giới Thạch như sau: "Bà đang rơi vào cái thòng lọng của Trung Cộng. Hãy dừng ngay việc sang Mỹ dự tang lễ Tổng Tử Văn." Ngày hôm sau gia đình Tổng Tử Văn nhận được điện thoại của Tổng Ái Linh cho biết Tổng Ái Linh quyết định không tham dự tang lễ của Tổng Tử Văn nữa.

Tổng thống Nixon liền đánh điện cho Tưởng Giới Thạch xác nhận việc tang lễ của Tổng Tử Văn là vấn đề riêng tư của gia đình nhà họ Tống, và không liên quan gì đến Trung Cộng.

Hai ngày nữa trôi qua, Tổng Mỹ Linh vẫn ở lại Honolulu, và không có ý định tiếp tục cuộc hành trình nữa. Khi chỉ còn một ngày trước lễ an táng của Tổng Tử Văn, chính phủ Hoa Kỳ nhận được điện văn của Trung Cộng cho biết không thuê được chuyến bay thẳng, nên bà Tổng Khánh Linh không sang Hoa Kỳ được. Nixon chỉ biết thở dài và

thông báo cho Tưởng Giới Thạch biết không có bà Tống Khánh Linh trong tang lễ, và đề nghị hai bà Tống Ái Linh và Tống Mỹ Linh hãy vì tình ruột thịt mà sớm đến dự tang lễ của người thân.

Mọi cố gắng của tổng thống Nixon đều thất bại. Tống Mỹ Linh sợ mắc bẫy vào ý đồ chính trị của Trung Cộng nên quay trở về Đài Loan. Tống Ái Linh cũng do dự không dám quyết định. Gia đình Tống Tử Văn vẫn mong đợi, cố kéo dài thêm nửa ngày nữa, hy vọng các chị em sẽ tới. Cuối cùng tang lễ của Tống Tử Văn phải cử hành mà không có sự tham dự của ba chị em nhà họ Tống. Tổng thống Nixon phải thốt lên: "Mối quan hệ của chị em nhà họ Tống tệ hại đến mức không sao hiểu nổi." Các báo chí New York loan tin Tống Tử Văn chết đi chỉ để lại gia tài một triệu đô la, chia cho vợ và các con. Bản tin này làm nhiều người tại các thủ đô tài chánh trên thế giới phải mỉm cười.

Ngày 5-4-1975, Tưởng Giới Thạch từ trần, hưởng thọ 87 tuổi. Ba tuần lễ sau, Tưởng Kinh Quốc lúc đó đã là thủ tướng, trở thành chủ tịch Quốc dân đảng và tổng thống Đài Loan. Mỹ Linh bị loại ra ngoài chính trường và bà trở lại cuộc sống lưu vong tại Hoa Kỳ. Mỹ Linh sống âm thầm tại khu dinh thự của Khổng Lệnh Kiệt, và chỉ có vệ sĩ mới vào được khu vực bà cư ngụ. Mỹ Linh sống một cuộc đời âm thầm lặng lẽ tại Hoa Kỳ cho tới năm 1986 thì trở về Đài Loan. Trong những năm cuối của tuổi già, Mỹ Linh khi thì sống tại Đài Loan, khi thì tại Hoa Kỳ. Hiển nhiên bà là người thọ nhất trong ba chị em nhà họ Tống.

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

Chương 20

Người Ở Lại Trung Hoa

Gia đình nhà họ Tống vẫn còn một người ở lại Trung Hoa. Đó là bà Tống Khánh Linh, góa phụ của Tôn Dật Tiên. Bà thù ghét phe Tưởng Giới Thạch đến nỗi không chịu theo gia đình ra ngoại quốc hoặc Đài Loan. Chị em bà hầu hết lánh nạn tại Hoa Kỳ; người con chồng của bà là Tôn Khoa thì sang Pháp. Tháng 5-1949, quân cộng sản tiến vào Thượng Hải thì bà quyết định ở lại. Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai gửi thư riêng cho bà, mời bà lên Bắc Kinh tham dự lễ tuyên cáo thành lập tân chế độ. Thoạt đầu bà Khánh Linh từ chối, lấy lý do Bắc Kinh là nơi gợi cho bà những kỷ niệm buồn vì chồng bà chết tại đó.

Cuối cùng chính quyền cộng sản phải cử bà Đặng Dĩnh Siêu, vợ của Chu Ân Lai, thân hành xuống tận Thượng Hải mời bà. Lúc đó bà mới nhận lời. Bà dùng xe lửa đi Bắc Kinh. Khi xe lửa của bà tới Bắc Kinh, bà được đông đủ lãnh tụ cộng sản cao cấp nhất ra tận sân ga đón chào, gồm có cả Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức và nhiều người khác.

Ngày 1-10-1949, Bà đứng cạnh Mao Trạch Đông tại khán đài trên Thiên An Môn để nghe Mao Trạch Đông tuyên cáo thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa, và chứng kiến hàng triệu người diễn hành. Lúc đó bà đã 57 tuổi.

Phe cộng sản phải trọng vọng biệt đãi bà Tống Khánh Linh, và mời bà lên khán đài Thiên An Môn mặc dù bà không phải là một đảng viên cộng sản, vì bà có một uy tín rất lớn trước quảng đại quần chúng Trung hoa. Người Trung hoa vẫn tôn kính chồng bà là Tôn Dật Tiên. Kể từ lúc Tôn Dật Tiên chết, bà được coi là biểu tượng cho lý tưởng cách mạng của chồng bà và của Trung hoa. Quần chúng càng ngưỡng mộ bà hơn khi bà tỏ ra thù ghét chế độ Quốc dân đảng thối nát do Tưởng Giới Thạch lãnh đạo. Bà không bao giờ hòa theo phe Tưởng để phe Tưởng có thể lạm dụng uy tín chính trị của bà. Không những thế, trong những năm cuối cùng của phe Tưởng tại Trùng Khánh, bà hầu như bị giam lỏng tại gia.

Khi cuộc nội chiến Quốc Cộng chấm dứt, Khánh Linh trở về sống tại căn nhà cũ tại Thượng Hải. Khi chính phủ Trung cộng thành lập, bà được mời làm phó chủ tịch chính phủ tại Bắc Kinh, một chức vụ tượng trưng, hữu danh vô thực, vì cộng sản đang cần đến uy tín của bà. Căn nhà bà từng sống chung với Tôn Dật Tiên trên đường Molière tại Thượng Hải được biến thành một thánh tích quốc gia. Bà dọn về căn nhà cũ của thân phụ. Trong chính quyền Trung cộng, bà chỉ quý mến thân thiện với Chu Ân Lai. Bà chỉ gặp Mao Trạch Đông một vài lần, nhưng thường cố ý tránh né. Năm 1960 bà bị bệnh ung thư bạch huyết và sống bệnh tật trong hai mươi năm cuối cuộc đời bà.

Năm 1950 cuộc chiến tại Triều Tiên bùng nổ. Trung Cộng cho rằng Mỹ muốn dùng Triều Tiên như một bàn đạp để xâm chiếm Trung hoa cho phe Tưởng Giới Thạch, nên tung mấy triệu chí nguyện quân sang chiến đấu giúp Bắc Triều Tiên. Bà Khánh Linh kịch liệt tố cáo Hoa Kỳ can thiệp vào cuộc chiến tại Triều Tiên, và bà nỗ lực tranh đấu cho hòa bình thế giới. Năm 1951 bà được trao tặng giải Hòa Bình Stalin. Tháng 12-1952, bà lãnh đạo một phái đoàn Trung cộng tham dự Hội Nghị Hòa Bình Các Dân Tộc tại thủ đô nước Áo, tại đó

bà ngồi ghế chủ tọa cùng với những nhân vật nổi tiếng thế giới. Bà tổ chức Hoa Kỳ dùng chiến tranh vi trùng tại Triều Tiên. Vào giữa tháng 1-1953, trên đường về nước, bà ghé qua Mạc tư khoa, và là người khách ngoại quốc cuối cùng gặp Stalin trước khi Stalin chết.

Kể từ năm 1950, bà Khánh Linh dần thân vào các hoạt động bảo vệ thiếu nhi. Bà bị xẩy thai đứa con duy nhất của bà năm 1922, bây giờ bà dành tất cả tình thương cho mọi trẻ con trong xã hội. Địa vị của Khánh Linh vượt quá cả cái giới hạn tượng trưng mà người cộng sản dành cho bà. Năm 1957, khi Mao Trạch Đông đi Mạc tư khoa tham dự Hội nghị Cộng đảng Quốc tế, Mao mời bà Khánh Linh làm một thành viên của phái đoàn Trung cộng. Mao Trạch Đông mời bà ngồi cạnh khi Mao ký bản tuyên ngôn vào lúc bế mạc hội nghị. Là một người vừa lời cuốn, khôn khéo và tận tình dâng hiến cho phúc lợi của quần chúng, bà Khánh Linh đã biểu tượng cho những hình ảnh đẹp nhất cho Trung hoa. Bà đã tham dự nhiều chuyến du hành thiện chí trên thế giới và đã tạo được những ấn tượng rất thuận lợi. Tại thủ đô Ấn Độ năm 1955, thủ tướng Nehru đã nói về Khánh Linh: "Trong những năm vừa qua, dù Trung Hoa trải qua bất cứ cơn bão tố nào, niềm tin của bà Tống Khánh Linh không bao giờ lung lay. Bao giờ bà cũng lên tiếng cho hòa bình."

Người cộng sản cũng biết ơn sự ủng hộ của bà Khánh Linh, và đã cung cấp cho bà một cuộc sống sang trọng. Nhà riêng của bà tại Bắc Kinh là một dinh thự bên trong Cẩm Thành, nơi trước kia vua Phổ Nghi của nhà Thanh chào đời. Bà cũng được cung cấp một số đồng dao gia nhân. Chính cái dinh thự sang trọng dành cho bà đã khiến bà bị chỉ trích đã sống một đời xa hoa trong khi quần chúng mỗi gia đình chỉ có một phòng ngủ. Thực ra bà không có một lượng tâm phạm tội. Nếu bà chọn lựa con đường vật chất tiền tài thì bà có thể sống sang trọng gấp trăm lần như thế, như các chị em của bà. Nhưng bà từ chối mọi của cải vật chất, và chỉ sống một cuộc đời thanh đạm. Bà coi của cải và sự hoang phí của quá khứ là kết quả của sự khai thác bóc lột. Chính vì thế bà thích sống trong căn nhà cũ của thân phụ tại Thượng Hải hơn là cái dinh thự nguy nga đồ sộ dành cho bà tại Bắc Kinh.

Có một người quyền lực tại Bắc Kinh thù ghét bà Khánh Linh. Đó là Giang Thanh, vợ cuối cùng của Mao Trạch Đông. Giang Thanh rất căm giận khi Khánh Linh được coi là người phụ nữ số một của Trung hoa. Giang Thanh nghĩ rằng địa vị ấy phải là của mình. Năm 1966, khi Giang Thanh phát động cuộc Cách mạng Văn hóa, thì một trong những nạn nhân đầu tiên của Giang Thanh là bà Khánh Linh. Năm

đó bà Khánh Linh đã 73 tuổi. Thoạt đầu một người vệ sĩ của bà chết một cách bí mật. Hồng vệ binh của Giang Thanh trưng biểu ngữ tố cáo Khánh Linh là tư sản phản động, vì bà rất yêu thích những nghệ phẩm đẹp, vẫn để tóc dài và không chịu gia nhập đảng cộng sản. Trước đó chính quyền cộng sản cho xây một ngôi đền thờ Tôn Dật Tiên tại nơi sinh quán của Tôn Dật Tiên. Bây giờ đền thờ này bị Hồng vệ binh đập phá san bằng. Hồng vệ binh tố cáo Tôn Dật Tiên làm một cuộc cách mạng tiểu tư sản. Cuối năm 1966, mộ của song thân bà bị khai quật lên, và Hồng vệ binh gán cho vợ chồng Tống Giáo Nhân là đầu sỏ của một gia đình độc ác, đã sinh sản ra những kẻ thù của nhân dân. Bà Khánh Linh rất đau lòng khi mộ của cha mẹ bị khai quật xúc phạm đến như thế.

Một ngày tháng 9-1966, Hồng vệ binh Thượng Hải tràn vào nhà bà Khánh Linh để đập phá đồ đạc và cướp đồ. Chúng định cắt mớ tóc dài của bà. May mắn lúc đó bà không có nhà, nhưng bà không khỏi kinh hoàng và cảm thấy có thể bị làn sóng đỏ tràn ngập. Chu Ân Lai được tin bà bị tấn công, vội vàng đứng ra can thiệp, cảnh cáo Hồng vệ binh không được đụng chạm tới bà. Chu Ân Lai ra nghiêm lệnh: "Tuyệt đối không được đụng chạm tới đồng chí Tống Khánh Linh." Ngôi mộ của song thân bà được trùng tu lại, và quân đội được phái tới canh gác tư thất của bà và ngôi mộ của song thân bà. Chu Ân Lai đã hết sức bảo vệ bà Khánh Linh. Trong buổi lễ kỷ niệm sinh nhật của Tôn Dật Tiên ngày 12-11-1966, Chu Ân Lai phải trích dẫn những bài diễn văn dài của Mao Trạch Đông ca ngợi Tôn Dật Tiên năm 1956, khi Mao xác nhận vai trò lịch sử quan trọng của Tôn Dật Tiên. Nhờ thế Giang Thanh mới chịu bỏ qua và để bà Khánh Linh được yên thân.

Tuy bà Khánh Linh không còn bị xúc phạm trực tiếp nữa, nhưng bà vẫn sống trong sự bất ổn và lo sợ. Bà sống trong một tình trạng căng thẳng, không dám đi ra khỏi nhà và cũng không dám tiếp khách. Mọi hoạt động của bà ngừng hẳn. Nhiều người bà con bên ngoại của bà bị Hồng vệ binh tấn công vì tội có thân nhân ở ngoại quốc. Bà Khánh Linh bất lực không thể cứu giúp gia đình họ hàng được. Nhưng bà cương quyết bênh vực lý tưởng cách mạng của Tôn Dật Tiên. Bà cũng vẫn tìm cách bênh vực giúp đỡ những đảng viên cộng sản bị Giang Thanh hành hạ. Khi bà Vương Quang Mỹ, vợ của Lưu Thiếu Kỳ, bị tổng giam vào ngục tối, chính bà Khánh Linh đã tìm cách giúp các con của Vương Quang Mỹ được vào thăm mẹ. Nhưng cũng phải sáu năm sau, mãi đến năm 1972, các con của Vương Quang Mỹ mới được gặp lại mẹ. Vương Quang Mỹ là một tuyệt thế giai nhân, thế

mà chỉ mấy năm nằm trong tù của Giang Thanh, Vương Quang Mỹ đã trở thành một người khác hẳn, yếu đến nỗi không thể đứng dậy được, tóc rụng gần hết và ho khạc ra máu.

Năm 1966, khi địa vị của Mao Trạch Đông được đưa lên ngang hàng với thần thánh, và tiền nhân bị chê bai, thì bà đọc một bài diễn văn rất dài trong buổi lễ kỷ niệm Tôn Dật Tiên. Bà trình bày rất chi tiết mọi hoạt động cách mạng của Tôn Dật Tiên. Bài diễn văn của bà năm đó không có những khẩu hiệu cuối diễn văn: "Vạn tuế đại lãnh tụ Mao chủ tịch!" như thường lệ. Cuộc đời bà sống với cộng sản thực ra cũng chỉ là một thứ đi đầy trong sự hào nhoáng bề ngoài. Bà không khỏi đau lòng khi thấy tên em gái là Tống Mỹ Linh bị coi là tội phạm chiến tranh số một tại Trung Cộng, và gia đình nhà họ Tống bị coi là một trong bốn gia đình tội ác nhất Trung hoa.

Khánh Linh đã có một đời góa phụ dài nhất, suốt 56 năm kể từ năm 1925 khi Tôn Dật Tiên từ trần và bà còn rất trẻ, mới chỉ có 32 tuổi, cái tuổi đẹp nhất của một người đàn bà. Bà có rất nhiều người ái mộ, cả người Trung hoa và người ngoại quốc. Thủ tướng Nehru của Ấn Độ gặp bà năm 1927 tại Mạc tư khoa đã vô cùng say mê bà. Về sau này trong phòng làm việc của Nehru lúc nào cũng có treo hai tấm hình đàn bà, một tấm là hình của người vợ đã chết và một tấm là hình của Khánh Linh.

Ngoài Nehru ra còn nhiều ký giả ngoại quốc cũng say mê bà sau khi gặp bà. Sau này người ta đồn rằng bà có một mối tình khác đối với người thư ký riêng của bà, nhưng chuyện đó có thể là sản phẩm tưởng tượng của Giang Thanh nhằm hạ uy tín của bà. Người Trung hoa thương xót bà phải sống cảnh góa bụa khi còn rất trẻ, nhưng họ cũng không muốn bà kết hôn một lần nữa. Họ muốn bà là một hình ảnh đẹp vĩnh hằng. Thực ra Khánh Linh lúc nào cũng thận trọng giữ gìn tiếng thơm của bà. Bà không phải chỉ là một góa phụ thủ tiết thờ chồng đã chết, và cũng không phải chỉ là một góa phụ đạo đức bảo vệ danh tiếng trong sạch của mình. Đúng ra bà đã kết hôn với lý tưởng của bà, và không muốn làm nguy hại đến những lý tưởng đó để kẻ thù có thể làm ô nhục bà.

Khánh Linh không có con. Bà bị xảy thai một lần trong lúc phải chạy trốn khi dinh tổng thống tại Quảng Châu bị quân phản loạn của Trần Quýnh Minh tấn công. Trong những năm cuối cùng của bà, Khánh Linh để hết tâm trí chăm sóc hai người con gái nuôi. Khi phong trào Hồng vệ binh tan rã, và Giang Thanh bị bắt, cuộc đời bà lại trở lại bình lặng. Lần xuất hiện cuối cùng của bà trước công chúng là ngày 8-5-1981, khi bà nhận bằng tiến sĩ luật khoa danh dự tại đại học

Victoria, Gia Nã Đại.

Khánh Linh ủng hộ đường lối kinh tế thực nghiệm của Đặng Tiểu Bình. Khi nhóm Giang Thanh bị bắt, và Đặng Tiểu Bình trở lại chính quyền, bà đã hết sức vui mừng và viết trong bài "Ý Chí Nhân Dân Nhất Định Thắng": "Hôm nay tôi đã ngoài 80 tuổi. Nhưng khi tôi được chứng kiến con tàu của nước Tân Trung Hoa đi đúng đường sau khi suýt bị lật chìm, và bây giờ đang thẳng tiến một cách huy hoàng, vượt qua được mọi sóng gió, thì không lời nào diễn tả hết được niềm vui và hạnh phúc của tôi. Bây giờ chúng ta lại có hy vọng cho Trung Hoa"

Ngày 16-5-1981, bà Khánh Linh được Trung Cộng phong chức Tổng thống Danh dự của Trung cộng. Và tuần lễ sau đó bà bị bắt buộc gia nhập đảng cộng sản Trung hoa. Nhưng thực ra lúc ấy Khánh Linh không biết gì về việc được bầu làm tổng thống và việc gia nhập đảng cộng sản, vì bà đã hôn mê vì bệnh ung thư rồi. Ngày 19-5-1981, bà từ trần tại Bắc Kinh, hưởng thọ 88 tuổi. Các lãnh tụ lớn của Trung cộng như Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, Đặng Dĩnh Siêu... đã tới nghiêng mình trước giường chết của bà.

Bà Khánh Linh để lại chúc thư xin được chôn cất tại Thượng Hải, bên cạnh mộ phần của song thân, mặc dù khi còn sống, thân phụ bà là Tổng Giáo Nhân đã từ bà khi bà nhất quyết kết hôn với Tôn Dật Tiên. Bà không muốn được chôn bên cạnh mộ chồng. Bà muốn chứng tỏ rằng bà cũng là một chiến sĩ độc lập tranh đấu cho đất nước Trung hoa, chứ không phải chỉ là một cái bóng mờ bên cạnh Tôn Dật Tiên.

Bà Khánh Linh tận tụy suốt cuộc đời cho lý tưởng yêu mến nước Trung hoa của bà. Bà đã đạt được mục đích ấy khi cả nước Trung hoa kính trọng biết ơn bà, và bà là người đã làm rạng danh nhà họ Tống. Bà Tống Khánh Linh quả thực là một người phụ nữ vĩ đại nhất của Trung hoa trong thế kỷ 20. Hai người chị và em của bà là Ái Linh và Mỹ Linh cũng thỏa mãn được chí nguyện của họ. Ái Linh đã thành công về tiền bạc và là người giàu nhất nước Trung hoa. Mỹ Linh cũng đã trở thành người đàn bà uy quyền nhất Trung hoa trong địa vị một tổng thống phu nhân, vợ của nhà độc tài quân phiệt Tưởng Giới Thạch. Người Trung hoa đã nhận xét rất đúng về ba chị em nhà họ Tống, khi họ nói: "Trong ba chị em nhà họ Tống thì một người yêu tiền, một người yêu quyền và một người yêu nước Trung Hoa"

Hết

Nguồn: mây 4 phương

Người đăng: MS

Thời gian: 14/01/2004 7:46:53 SA